

SAN FRANCISCO PUBLIC LIBRARY



3 1223 00083 1281

ĐONG

# LUẬN ĐỀ VỀ NAM CAO

DÙNG TRONG NHÀ TRƯỜNG  
CÁC KỲ THI TÚ TÀI, CAO ĐẲNG VÀ ĐẠI HỌC

NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH



INTERNATIONAL CENTER

VOLUME NO.

NO. VOLUME

Mã số :  $\frac{8(V)2}{VN - 2000}$  28/796 - 2000

# TRẦN NGỌC HƯƠNG

## Lời nói đầu

Nhàm giúp các bạn học sinh và những người yêu thích  
văn chương hiểu rõ  
tác giả tiêu biểu &

### Luận đề về

# NAM CAO

Phần I: Các luận đề thường gặp trong nhà trường và các  
kỳ thi: Tú tài, Cao đẳng và Đại học.

Phần II: Các bài để thường gặp trong nhà trường và các  
kỳ thi: Tú tài, Cao đẳng và Đại học.

Phần III: Các nhà văn, nhà nghiên cứu văn học viết về  
Nam Cao: Trích tuyển các bài nghiên cứu để sđc viết về tác giả  
này nhằm giúp người đọc tham khảo thêm. Hy vọng là quyển  
sách sẽ giúp các bạn thêm, thấu hiểu và thêm yêu mến những  
câu bút tiêu biểu, đặc sắc của văn học nước nhà.

NGƯỜI BIÊN SOẠN

NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ TP.HỒ CHÍ MINH

TRẦN NGỌC HƯƠNG

VIETNAMES 895.9223 N1505t  
Trần, Ngọc Hướng.  
Luận đê về Nam Cao  
Tp. Hồ Chí Minh : NXB Văn  
nghệ, [2000]

# Lời nói đầu

NAM CAO  
(1915 - 1955)

Nhằm giúp các bạn học sinh và những người yêu thích văn chương hiểu sâu, hiểu kỹ hơn về Nam Cao, một trong chín tác giả tiêu biểu được dạy và học trong chương trình Văn học Việt Nam của toàn cấp phổ thông trung học hiện hành: Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Khuyến, Nguyễn Ái Quốc Hồ Chí Minh, Xuân Diệu, Tố Hữu, Nam Cao và Nguyễn Tuân, chúng tôi biên soạn sách này. Sách gồm ba phần:

**Phần I:** Giới thiệu sơ nét cuộc đời và sự nghiệp văn chương.

**Phần II:** Các luận đề thường gặp trong nhà trường và các kỳ thi Tú tài, Cao đẳng và Đại học...

**Phần III:** Các nhà văn, nhà nghiên cứu văn học viết về Nam Cao: Trích tuyển các bài nghiên cứu đặc sắc viết về tác giả này nhằm giúp người đọc tham khảo thêm. Hy vọng là quyển sách sẽ giúp các bạn thêm thấu hiểu và thêm yêu mến những cây bút tiêu biểu, đặc sắc của văn học nước nhà.

NGƯỜI BIÊN SOAN

Đỗ Công Khanh, tên khai sinh là Đỗ Văn Huy, sinh năm 1940, quê quán Nghi Lộc, Nghệ An. Ông là một nhà văn, nhà báo, nhà giáo, nhà thơ, nhà dịch giả, nhà dịch thuật. Ông từng công tác tại Ban Văn nghệ trung ương, Ban Văn nghệ Tỉnh Thái Bình và có lúc phải về quê nhà sống với vợ. Năm 1968, Nam Cao tham gia nhóm Văn bút của quân u hồn Núi do Đặng Công



# **PHẦN I**

## **NAM CAO**

### **CUỘC ĐỜI VÀ SỰ NGHIỆP VĂN CHƯƠNG**

#### **NAM CAO**

**(1915 - 1951)**

Nam Cao là bút danh của Trần Hữu Trí, ghép hai chữ đầu của hai địa danh ở quê ông: huyện Nam Sang và huyện Cao Đà. Ông sinh năm 1915(có tài liệu ghi sinh năm 1917 là dựa vào lý lịch hội viên Hội nhà văn Việt Nam của ông) trong một gia đình trung nông đông con, trước khá giả, sau bị sa sút tại làng Đại Hoàng, tổng Cao Đà, huyện Nam Sang, phủ Lý Nhân, tỉnh Hà Nam. Nay thuộc xã Hòa Hậu, huyện Lý Nhân, tỉnh Nam Hà nằm trong vùng đồng chiêm trũng, nông dân quanh năm đói nghèo lai còn bị bọn cường hào ức hiếp đục khoét tàn tệ. Nam Cao học hết bậc thành chung (cấp II, cấp phổ thông cơ sở hiện nay) ở Nam Định rồi vào Sài Gòn sống khoảng ba năm, trông coi hiệu may cho một người cậu. Lúc này ông có ý định xuất dương du học. Cũng lúc này, Nam Cao bắt đầu sáng tác, có ý thức trau dồi tài năng nghề nghiệp với chí hướng xây dựng cho mình một sự nghiệp văn chương hữu ích. Nhưng do ốm đau, sức khỏe sa sút, Nam Cao phải trở về quê (1938) và không tìm được việc gì làm ổn định. Có một thời gian ông nhận một chân dạy học ở trường tư thục Công Khanh, thuộc Thụy Khê, gần Bưởi, ngoại ô Hà Nội. Nhưng sau đó, cuộc đời “giáo khổ trường tư” của ông cũng không được yên ổn. Năm 1940 quân Nhật kéo sang chiếm đóng, trường tư thục Công Khanh bị đóng cửa để làm chuồng ngựa cho quân Nhật. Ông sống chật vật bằng nghề viết văn, làm gia sư ở Tân Thái Bình và có lúc phải về quê nhà sống nhờ vợ. Năm 1943, Nam Cao tham gia nhóm Văn hóa cứu quốc ở Hà Nội do Đảng Cộng

sản tổ chức và lãnh đạo. Tiếp đó, bị khủng bố ông phải tránh về quê và tham gia Tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945 cướp chính quyền ở phủ Lý Nhân, được bầu làm Chủ tịch xã. Năm 1946, Nam Cao có mặt trong đoàn quân Nam tiến vào đến Nam Trung Bộ, kháng chiến toàn quốc bùng nổ (12-1946) về công tác tuyên truyền ở tỉnh Hà Nam. Sau đó, từ năm 1947, Nam Cao lên chiến khu Việt Bắc làm công tác văn nghệ ở trung ương. Năm 1950, ông đã tham gia chiến dịch biên giới. Tháng 11-1951 trên đường vào công tác vùng địch hậu liên khu III, Nam Cao bị giặc Pháp bắt và bắn chết ở bốt Hoàng Đan thuộc tỉnh Ninh Bình khi đó. Trong bản giải trình gửi cho Ban tổ chức Hội Văn nghệ Việt Nam ngày 10-4-1950 Nam Cao tự tóm tắt cuộc đời cầm bút của mình như sau: "Bắt đầu viết văn từ năm 1940. Ngoài những truyện ngắn đăng trên tờ Tiểu thuyết thứ bảy và một số sách nhi đồng (Truyền bá, Hoa mai) không xuất bản được tác phẩm nào đáng kể. Tuy nhiên trong thời kỳ ấy đã viết một số tiểu thuyết dài nhưng vì bị kiểm duyệt bỏ hay vì dài quá không in được: Ngày lụt, Cái mấu, Chuyện người hàng xóm, Sóng mòn...v.v (trừ bản thảo Sóng mòn vẫn còn giữ được, còn lại đều mất hết vì đã bán cho các nhà xuất bản cả rồi)..."

Đúng ra Nam Cao đã viết văn từ năm 1936. Lúc đầu, ông không chỉ viết truyện mà còn làm thơ và soạn kịch. Nhưng phải đến năm 1941, với truyện ngắn Chí Phèo, nhà văn mới thực sự chứng tỏ tài năng bản lĩnh phong cách sáng tạo độc đáo và xác định được chắc chắn con đường nghệ thuật của mình. Tính từ lúc này đến lúc hy sinh là mười năm sáng tác, Nam Cao đã trải qua hai thời kỳ trước và sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, ở thời kỳ nào cũng đều có những cống hiến xuất sắc cho nền văn học dân tộc.

- Trước Cách mạng tháng Tám 1945, Nam Cao là một trong những cây bút tiêu biểu nhất của dòng văn học hiện thực phê phán. Những sáng tác của ông ra đời trong khoảng thời gian này

gồm gần 60 truyện ngắn, một truyện vừa (*Truyện người hàng xóm*), một tiểu thuyết (*Chết mòn sau đổi lại là Sống mòn*), vài vở kịch ngắn và dăm bài thơ. Kịch và thơ của ông bình thường nhưng truyện thì thật đặc sắc đúng là tác phẩm của một nhà văn có tầm cỡ lớn. *Truyện Nam Cao* tập trung vào hai đề tài lớn: người nông dân nghèo và người trí thức nghèo trong xã hội thực dân phong kiến đương thời. Dù viết về đề tài nào, truyện Nam Cao cũng thể hiện một tấm lòng đôn hậu, chan chứa yêu thương của một cây bút đã từng gắn bó máu thịt đối với những người cùng khổ lam lũ của làng quê và những người trí thức sống mòn là đồng nghiệp quanh ông. Truyện của ông thể hiện nỗi băn khoăn đau xót trước tình trạng con người bị hủy hoại về nhân phẩm do cuộc sống đói nghèo, áo cơm ghi sát đất đầy tối.

\* *Truyện về đề tài người trí thức nghèo:*

Ở đề tài này, nổi bật lên là các truyện *Những truyện không muốn viết*, *Trăng sáng*, *Mua nhà*, *Truyện tình*, *Quên điêu độ*, *Cười*, *Nước mắt*, *Đời thừa...* và tiểu thuyết *Sống mòn*. Nhân vật chính của các sáng tác về đề tài này đều là những nhà văn nghèo, những giáo khổ trường tú, những học sinh thất nghiệp...đờ sống đói chết vì cảnh nghèo khổ đói thiểu. Ngòi bút chân thực và sinh động của Nam Cao đặc biệt đã phát hiện miêu tả đi sâu vào tần bi kịch tâm hồn của họ. Tần bi kịch đó chính là sự mâu thuẫn giữa ý thức sâu sắc về giá trị của sự sống và nhân phẩm, những khát vọng về một sự nghiệp tinh thần với gánh nặng áo cơm những lo toan tẹp nhẹp đời thường và xã hội đầy đầy bất công vô lý để rồi cuối cùng họ trở thành những đời thừa những kiếp sống mòn về mặt tâm hồn, nhân phẩm vì thế bị sa sút. Chính do cuộc sống nghèo khổ áo cơm ghi sát đất đã làm cho tâm hồn họ không sao cất cánh bay bổng nổi. Từ đó, ông lên án cái xã hội ngột ngạt b López nghẹt cả quyền sống và hủy hoại cả tâm hồn con người thời đó.

\* Truyện về đề tài người nông dân nghèo:

Ở đề tài này, bên cạnh một số truyện: *Trẻ con không được ăn thịt chó*, *Mua danh*, *Tư cách mồ*, *Điếc văn*, *Một đám cưới*, *Đì Hảo*, *Lang Rận*, *Nửa đêm...* là hai kiệt tác bất hủ: *Chí Phèo* và *Lão Hạc*. Có thể nói trong văn học đương thời, cùng với Ngô Tất Tố, Nam Cao xứng đáng được xem là *Nhà văn của nông dân*. Ông đã tò ra thấu hiểu sâu sắc số phận cực khổ của người nông dân nghèo. Trước đó, Ngô Tất Tố trong *Tắt đèn*, Nguyễn Công Hoan trong *Bước đường* cùng hay trước nữa, Hồ Biểu Chánh trong *Con nhà nghèo*, Phạm Duy Tốn trong *Sóng chết mặc bay*, Vũ Trọng Phụng trong *Vỡ đê...* cũng đều đã phản ánh tình cảnh cực khổ của người nông dân dưới ách thực dân phong kiến. Với các tác phẩm đặc sắc ấy người đọc tưởng chừng không còn gì để nói nữa về nỗi khổ của người nông dân và tội ác to lớn của bọn quan lại địa chủ cường hào thời đó. Thế mà khi *Chí Phèo* ngắt ngưỡng bước ra từ những trang sách của Nam Cao thì người ta liền nhận ra rằng đây mới là hiện thân đầy đủ những gì gọi là khốn khổ, tủi nhục nhất của người dân cày ở một nước thuộc địa, bị cào xé, bị hủy hoại từ nhân tính đến nhân hình. *Chị Dậu bán con, bán chó, bán sữa nhưng chị vẫn còn được là con người. Chí Phèo phải bán cả diện mạo và linh hồn của mình để trở thành con quỷ dữ*" (Giáo sư Nguyễn Đăng Mạnh - Nhà văn tư tưởng và phong cách). Nam Cao chẳng chút ngần ngại vẽ phác lại hình dạng xấu xí, thô kệch, tính cách u mê, hung bạo và hành động lùn manh đầy tội lỗi của họ. Tuy vậy, đúng như *Từ điển văn học* (tập I Nhà xuất bản Văn hóa Hà Nội 1983) nhận định: "Nam Cao không hề bôi nhọ người nông dân, mà trái lại đã đi sâu vào nội tâm nhân vật để phát hiện và khẳng định nhân phẩm của họ". Qua những trang viết ấy, người đọc ghi nhận tấm lòng của Nam Cao đối với những người nông dân nghèo khổ, bởi vì, qua đó, nhà văn chủ yếu nhằm tố cáo cái xã hội chà đạp phẩm giá của con người và vẩn trân trọng ghi

nhận ý thức thức tỉnh của họ, những người dân cày ở một nước thuộc địa bị cào xé bị hủy hoại từ nhân tính đến nhân hình.

### Quan điểm nghệ thuật của Nam Cao:

Trong cuộc đời cầm bút của mình, Nam Cao thường trăn trở suy nghĩ về “sống và viết”. Trong truyện ngắn “*Trăng sáng*” (1943) một tuyên ngôn nghệ thuật mạnh mẽ và đầy xúc động, ông viết: “Chao ôi! Nghệ thuật không cần phải là ánh trăng lừa dối, không nên là ánh trăng lừa dối, nghệ thuật có thể là tiếng đau khổ kia, thoát ra từ những kiếp lầm than...” Nhà văn đã phê phán thứ nghệ sĩ thoát ly, phi hiện thực chạy theo cái đẹp bề ngoài, thi vị hóa cái khổ, quay lưng lại đời sống của các xu hướng văn học lâng mạn tiêu cực đang thịnh hành lúc bấy giờ. Nam Cao đòi hỏi nghệ thuật chân chính phải trở về với đời sống hiện thực, trở về với tình trạng khốn khổ của hàng triệu nhân dân lao động lầm than khi ấy, vì họ mà nói lên tiếng nói. Theo ông, người cầm bút không thể trốn tránh sự thực ấy, hãy “cứ đứng trong lao khổ, mở hồn ra đón lấy tất cả những vang động của đời...” (*Trăng sáng*). Phê phán thứ nghệ thuật thoát ly, Nam Cao lại càng không thể chấp nhận được loại sáng tác tả chân nồng cạn hời hợt chỉ *tả được cái bề ngoài của xã hội*. Nhà văn cho rằng, một tác phẩm nghệ thuật chân chính phải có nội dung nhân đạo sâu sắc. *Nó phải chứa đựng một cái gì lớn lao, mạnh mẽ, vừa đau đớn vừa phản khởi. Nó ca tụng lòng thương, tình bác ái, sự công bình...Nó làm cho người gần người hơn* (*Đời thừa*).

Một mặt khác, tác giả *Đời thừa* lại yêu cầu cao sự tìm tòi, khám phá và sáng tạo trong nghệ thuật văn chương. Nhà văn viết: “*Văn chương không cần đến những người thợ khéo tay, làm theo một vài kiểu mẫu đưa cho. Văn chương chỉ dung nạp những người biết đào sâu, biết tìm tòi, khơi những nguồn chưa ai khai và sáng tạo những cái gì chưa có*” (*Đời thừa*). Nói như thế, nghĩa là theo ông, văn chương không chấp nhận sự bắt chước rập khuôn một cách máy móc theo người khác, văn chương đòi hỏi phải có

sự cách tân, sáng tạo. Là một nhà văn đầy tâm huyết và trách nhiệm với từng trang viết của mình, Nam Cao cũng nhấn mạnh đến lương tâm của người cầm bút. Ông lên án sự cẩu thả trong nghề văn: "*Sự cẩu thả trong văn chương thì thật là đê tiện*" (*Đời thưa*).

Đặc biệt là sau Cách mạng, Nam Cao đã lăn xả dấn thân trong mọi công tác, phục vụ hết mình cho Cách mạng và kháng chiến không nề hà lớn nhỏ. Khi thực dân Pháp quay trở lại xâm lược Nam Bộ, ông cảm thấy mình bút rút không yên "*muốn vứt cả bút đi để cầm láy súng*" (*Đường vô Nam*). Nhà văn đã tự nhủ "*sống đã rồi hãy viết*" và chân thành nghĩ rằng: "*góp sức vào công việc không nghệ thuật lúc này chính là để sửa soạn cho tôi một nghệ thuật cao hơn*"

#### \* Tác phẩm:

- *Chí Phèo* (tên cũ là *Đôi lứa xứng đôi, Cái lò gạch cũ*), Nhà xuất bản Đời mới, 1941.
  - *Nửa đêm* (tập truyện), Nhà xuất bản Cộng lực, 1943.
  - *Truyện người hàng xóm* (truyện dài) in trên *Trung Bắc chủ nhật* từ tháng 4 đến tháng 9 năm 1941.
  - *Cười* (tập truyện), Nhà xuất bản Minh Đức, 1946.
  - *Đôi mắt đăng báo* năm 1948; in tập cùng một số truyện ký khác viết trong khoảng 1947-1948, Nhà xuất bản Văn nghệ, 1954.
  - *Chuyện biên giới* (tập ký), Nhà xuất bản Văn nghệ, 1951.
  - *Đóng góp* (kịch), Nhà xuất bản Văn nghệ, 1951.
  - *Sóng mòn* (tiểu thuyết) viết 1944; nhà xuất bản Văn nghệ, 1956.
- \* *Truyện viết cho thiếu nhi (trước Cách mạng)*
- *Nụ cười*, Hoa mai số 20.
  - *Người thợ rèn*, Hoa mai số 20.

- *Con mèo mắt ngọc*, Hoa mai Tết 1942.
- *Ba người bạn*, Hoa mai số 28 - 1942.
- *Những kẻ khốn nạn*, Hoa mai số 17-18 - 1942.
- *Đầu đường xó chợ*, Hoa mai, 1948.
- *Phiêu lưu*, Hoa mai, 1943.
- *Bảy bông lúa lép*, Hoa mai, 1944.

### **Các tác phẩm của Nam Cao được học trong nhà trường phổ thông chương trình hiện hành**

- Lão Hạc, *Lớp 8*
- Đời thừa, *lớp 11, lớp 12*
- Chí Phèo, *lớp 10, lớp 12*
- Đôi mắt, *lớp 12*
- Một bữa no, *lớp 12*
- Một đám cưới, *lớp 11*

## PHẦN II

### CÁC LUẬN ĐỀ VỀ NAM CAO

*Đề 1:*

Nói về tính độc đáo của phong cách trong sáng tác văn học, có ý kiến cho rằng:

*Nghệ thuật là lĩnh vực của cái độc đáo, vì vậy nó đòi hỏi người sáng tác phải có phong cách nổi bật, tức là có nét gì rất riêng, mới lạ, thể hiện trong các tác phẩm của mình.*

Em hãy chọn hai trong bốn phong cách của các tác giả sau đây: Chế Lan Viên, Tố Hữu, Nam Cao, Nguyễn Tuân phân tích làm sáng rõ ý kiến trên.

*(Đề thi học sinh giỏi Văn lớp 12 TP. Hồ Chí Minh (vòng 2) năm học 1992-1993)*

### BÀI THAM KHẢO

Trong cuộc sống của chúng ta có biết bao điều rất khó định nghĩa hoặc khó định nghĩa một cách chính xác và đầy đủ. Chẳng hạn, bạn sẽ trả lời như thế nào nếu có câu hỏi: Nghệ thuật là gì? Nghệ thuật là cái đẹp - câu trả lời đúng nhưng không đủ. Nghệ thuật có khi là những đường nét man dại thô sơ trên những dụng cụ thời cổ đại, có khi là cách tạo ra một nhân vật làm cho mọi người đều khiếp sợ... Vậy có nên chăng khi chúng ta chấp nhận quan điểm "Nghệ thuật là tôi, khoa học là chúng ta". Và cái tôi của nghệ thuật đó biểu hiện như thế nào? Có thể đó là cái tôi duy cảm, cũng có thể là cái tôi mang tính công dân, nhưng trước hết đó phải là cái tôi đầy cá tính và mang sắc thái riêng. Trong văn học cũng thế, nói về tính độc đáo trong phong cách sáng tác, có ý kiến cho rằng: "Nghệ thuật là lĩnh vực của cái độc

đáo, vì vậy nó đòi hỏi người sáng tác phải có phong cách nổi bật, tức là có nét gì đó rất riêng, mới lạ, thể hiện trong các tác phẩm của mình". Ý kiến trên rất bao quát nhưng cũng đưa ra một khía cạnh mà nghệ thuật đòi hỏi: phong cách. Trong văn đàn Việt Nam, nói về phong cách có lẽ không ai có thể qua được Nam Cao và Nguyễn Tuân - hai tác giả truyện ngắn đặc sắc.

Nhà vật lý học nổi tiếng thế giới Einstein từng nói "Trước hết là các nghệ sĩ lớn, sau đó mới đến các nhà khoa học, họ xứng đáng được hưởng hơn ai hết sự kính trọng của con người". Nhà nghệ sĩ đó chính là người sáng tạo "cái đẹp để cứu vớt nhân loại". Nghệ thuật là một khái niệm rất trừu tượng, nhưng nhiệm vụ mà nghệ thuật phải hoàn thành thực to lớn. Bởi thế người ta đưa ra một ý kiến thật đúng "Nghệ thuật là lĩnh vực của cái độc đáo". Thật vậy, tác động vào tâm hồn con người không phải là chuyên dẽ, để đột phá vào thế giới bé nhỏ rất riêng tư, nhà văn cần dùng một phương tiện cũng phải rất riêng đó là phong cách. Họa sĩ Ruskin đã nói rằng "Nghệ thuật - đó là sự mô phỏng tự nhiên". Tuy quan điểm đó không hoàn toàn đúng, nhưng theo ý trên ta thấy được cùng là sự mô phỏng, để tránh nhảm chán, người nghệ sĩ phải thêm vào tác phẩm sáng tạo để lại dấu ấn của riêng mình trên từng trang viết. Đây chính là phong cách, đặc điểm quan trọng nhất để nhận ra nhà văn qua tác phẩm của họ.

Truyện ngắn cũng là một lĩnh vực rộng lớn của văn học. Truyền ngắn Việt Nam bắt đầu khởi sắc từ những tác phẩm Tự lực văn đoàn...nhưng đến thời điểm của Nam Cao thì loại hình văn học này mới đạt được đỉnh cao của nó. Trước Cách mạng tháng Tám 1945, văn đàn Việt Nam không thiếu những tác giả tài hoa như Thạch Lam, Nguyễn Công Hoan...Nhưng hai phong cách nổi bật nhất, theo tôi có lẽ là Nam Cao và Nguyễn Tuân. Không có một người nào đã từng theo dõi văn học nước nhà mà không biết đến dáng đi ngắt ngưỡng trong cơn say và gương mặt lẩn ngang lẩn

dọc của Chí Phèo trong truyện ngắn cùng tên được Nam Cao viết năm 1941. Phải nói rằng đây là một truyện ngắn thật xuất sắc mà trong đó Nam Cao đã bộc lộ phong cách của mình rất rõ rệt. Tác phẩm *Chí Phèo* ra đời muộn màng, khi *Tắt đèn* của Ngô Tất Tố và *Bước đường cùng* của Nguyễn Công Hoan đã đứng sừng sững trên văn đàn Việt Nam. Vậy mà *Chí Phèo* không những không bị chìm đi mà còn tỏa sáng lấn át hai tác phẩm sớm ra đời. Tại sao vậy? Nguyên nhân chủ yếu là vì tác phẩm có nội dung tuy không mới nhưng lại rất lạ và rất riêng. Ông Nguyễn Đăng Mạnh đã nhận xét rằng: “*Khi Chí Phèo ngát ngưỡng bước ra từ tác phẩm của Nam Cao, người ta nhận thấy rằng đây là hình ảnh thê thảm nhất của người nông dân trong xã hội*”. Không biết Nam Cao đã mất bao nhiêu thời gian để quan sát, tìm hiểu và tạo nên tiếng chửi của Chí Phèo. Tiếng chửi của anh ta khó chịu lắm, nó thông thóc dập vào tai người đọc, nó như thách thức cả cuộc đời... Chí Phèo chửi mọi người mà như không chửi ai, không còn biết là tại sao mình chửi. Chưa xót hơn anh ta lại chửi cả “đứa chết mẹ nào” đã sinh ra anh ta. Tiếng chửi của Chí Phèo là một sự phủ nhận mạnh mẽ: phủ nhận xã hội, phủ nhận tình cảm thiêng liêng của gia đình mà anh ta không có được, rồi tiến tới phủ nhận cả bản thân mình... Ngòi bút của Nam Cao mang tính khai quật hóa rất cao, qua tiếng chửi của Chí Phèo ta như thấy thấp thoáng dáng dấp của Bình Chức, Năm Thọ, những con người chịu một số phận tương tự như Chí Phèo: bị bần cùng hóa rồi lưu manh hóa.

Chí Phèo là một nhân vật phải nói là rất lạ so với những nhân vật của các tác giả khác. Cùng ở điểm xuất phát là người nông dân chất phác hiền lành như chị Dậu, anh Pha, nhưng nếu hai người này vẫn giữ được phẩm chất con người thì Chí Phèo lại đánh mất cả nhân hình lẫn nhân tính. Lối kể chuyện hấp dẫn cũng là một nét độc đáo trong phong cách của Nam Cao.

Kết cấu của truyện Chí Phèo là một chuỗi mắc xích của những mây liên tiếp, chồng lên nhau. “*Bữa đầu về làng đã thấy hồn*

*ngồi ở quán rượu*...và cứ thế câu chuyện diễn tiến trong cơn say triền miên của Chí Phèo. Trong không khí sặc sụa mùi rượu đó, anh ta trở thành tên côn đồ tay sai cho Bá Kiến, rồi gặp Thị Nở, lúc này cơn say rượu lảng xuống nhường chỗ cho cơn say tình yêu. Thế rồi khi bị Thị Nở khước từ tình yêu, Chí Phèo lại say và anh đã bùng tỉnh trong ý thức để đi đến hành động giết Bá Kiến. Nhưng thật ra hình như đến phút cuối đời, Chí Phèo vẫn đắm chìm trong cơn say.

Truyện ngắn *Chí Phèo* chứng tỏ bút lực cũng như phong cách của Nam Cao khá hoàn toàn. Có lẽ không ai ngoài Nam Cao có thể tạo cho Chí Phèo một dáng đi ngất ngưởng, tiếng chửi chói tai mọi người và đôi mắt ngầu đỏ trừng trừng nhìn vào hiện thực để rồi chết ngopal trong hiện thực. Nam Cao đã thể hiện qua tác phẩm của mình cái tôi duy cảm, sự việc xảy ra trong tác phẩm đi theo màu sắc tư tưởng của ông: xã hội đen tối không còn lối thoát, cái lò gạch bỏ không là điểm bắt đầu cuộc đời Chí Phèo rồi cũng sẽ là tương lai của đứa con anh. Rồi chuyện gì sẽ xảy ra? Quá khứ lặp lại một lần nữa ư? Đó chính là chỗ bế tắc của văn học hiện thực phê phán. Nhưng dù sao ta không thể phủ nhận giá trị của truyện *Chí Phèo* vì qua đó phong cách của Nam Cao đã tỏa sáng, thể hiện được cái tôi duy cảm đầy tình thương với cuộc đời.

Cùng trong thời kỳ của Nam Cao nhưng Nguyễn Tuân là một nhà văn lăng man. Tập truyện *Vang bóng một thời* đã đưa tên tuổi ông vào vị trí rất cao trong văn đàn Việt Nam. Nguyễn Tuân là người năng lòng hoài cổ, ông yêu mến và mong vớt vát được những nét đẹp xưa để ấp ú tam hồn trong xã hội hiện thời. Cũng thật kỳ lạ vì Nguyễn Tuân hoàn thành tập truyện mang tính cổ xưa ấy khi ông chưa đầy ba mươi tuổi. Thế mà *Vang bóng một thời* có giọng văn của một cụ già ngồi ôn lại những năm tháng tươi đẹp đã qua trong cuộc đời mình. *Chữ người tử tù* là một truyện ngắn khá tiêu biểu trong chuỗi những hoài niệm đẹp

xưa. Hắn là ta không bao giờ quên được cái ngông ngao của Huân Cao, một người tù trước gông cùm và quan lại. Đó là nét đẹp tóa sáng nhất mang đậm tính cách của nhà chí sĩ và trong đó cũng mang dấu ấn của phong cách Nguyễn Tuân. Thủ hỏi có ai nén được sự xúc động khi tìm lại được một mái đầu ngông ngao, kiên cường của một nhà thơ - hình ảnh trong quá khứ vừa mới đi qua thôi mà đã tưởng như xa lăm. Thạch Lam đã từng nhận xét: "Viết về đề tài xưa là một việc làm tổn nhiều công sức nhưng mà dễ. Phải thực sự yêu mến và muốn giữ lại những vẻ đẹp đã qua thì mới đủ sức làm sống lại cả một thời xưa cũ". Đúng thế, chuyện xảy ra rồi, nay nhà văn chỉ ghi lại. Thế nhưng, không thương tiếc, không muốn sống lại với ngày xưa thì không thể tìm thấy nét đẹp cổ kính phảng phất trên cặp mày, vẻ quắc thước toát ra từ đôi mắt sâu thẳm thẳm.

Huân Cao là người viết chữ đẹp có tiếng, nhưng đích thực là một nhà nghệ sĩ, ông coi thường việc đó: "Tính ông vốn khoảnh, trừ chỗ bạn bè thân thiết ông chẳng bao giờ cho chữ ai cả". Huân Cao biết rõ rằng chữ nghĩa là của thánh hiền, ông coi thường những kẽ khoa tay múa bút. Chính đức tính này của ông làm cho viên quan ngục ngần ngại mãi, có người tù trong tay nhưng không biết phải làm cách nào để xin được vài con chữ tài hoa. Người ta thường nói văn tức là người, do vậy qua hình ảnh của Huân Cao ta thấy thoáng hiện một Nguyễn Tuân với vầng trán cao rộng, với đôi mắt tinh anh, cùng ngẩng cao đầu trong thử thách, cùng khoảnh tính chẳng đem văn của mình ra làm món quà mua bán... Người tù của Nguyễn Tuân hiện lên trong tác phẩm giống như một anh hùng thời cổ, ông đi trong buổi chiều vắng vắng tiếng trống thu không, tiếng loa xa xa như vong về từ quá khứ, không gian tịch mịch và cổ kính. Người tù ấy là một nhà nho hào hoa, vậy mà lòng bất khuất chẳng kém một nghĩa quân trong trận chiến. Lời nói khẳng khái của ông đáp lại những biệt dãi của viên quan ngục nghe như đây thách thức: "Điều duy nhất ta muốn là người đừng bao giờ bước chân vào đây!". Đọc đến câu nói

của Huân Cao ta nghe như trong mạch máu sôi lên tinh thần của ông cha ngày trước: bát khuất, kiên gan. Chính điều này đã tạo cho *Vang bóng một thời* một giọng văn khác lạ. Nguyễn Tuân là một nhà văn thuộc trường phái lãng mạn nhưng tác phẩm của ông khác so với truyện ngắn Thach Lam.

Huân Cao có tính ngông thât nhưng phải vì vậy mà ông không thấy được tấm lòng chân thành của viên quản ngục. Thứ hồi làm sao người như Huân Cao có thể làm ngơ trước một mong ước rất thanh cao của viên quản ngục: những dòng chữ vuông vắn đầy cá tính của một người tù có nhân cách vượt trội hơn nhiều so với những kẻ xú ái. Khung cảnh ngoạn mục và cảm động nhất truyện xay ra trong nhà ngục ẩm ướt, một người tù gò viết trên mảnh lụa bạch, người thơ lại là viên quản ngục lặng yên, thành kính; ngôn ngữ bừng bừng mù mịt khói chứng kiến cảnh ba mái dầu chum vào nhau. Thực sự Nguyễn Tuân đã tạo nên những hình ảnh mức lòng người đọc, gian phòng giam mù mịt khói ấy đang tỏa ra ánh sáng nhân cách con người. Người tử tù quên rằng sáng mai mình sẽ bị hành hình, viên quản ngục quên rằng đây là một tu nhân, họ gặp nhau trong tâm hồn thanh cao. Viên quản ngục hướng lên cái đẹp với một tâm lòng trong sáng, người tù cúi xuống nâng tâm hồn ông ta lên bằng khí phách bản thân mình. Trong *Chữ người tử tù* nói riêng và *Vang bóng một thời* nói chung, Nguyễn Tuân đã thể hiện cái tôi yêu mến và thương tiếc cái đẹp. Nguyễn Tuân là cầu nối giữa vẻ đẹp xưa với ngày nay.

Trong cùng một thời kỳ văn học nhưng Nam Cao và Nguyễn Tuan là hai phong cách rất khác biệt. Điểm giống nhau của họ là cung nhìn thấy và bát mản trước hiện thực xã hội, nhưng cách phản ánh vào tác phẩm lại hoàn toàn khác nhau. Nam Cao đem vào tác phẩm một hiện thực làm mọi người giật mình, có thể có kha năng con người sẽ bị lưu man hóa và trở nên thê thảm như Chí Phèo. Tác phẩm của Nam Cao như hồi chuông báo động mọi người xem xét lại xã hội cũ, đó là hồi chuông nặng lòng nhân

đạo: nó hướng về con người, hướng về sự cứu vớt con người. Tác phẩm của Nam Cao có thể được đánh giá bằng câu nói của chính ông: “Nghệ thuật không phải là ánh trăng lừa dối”. Đúng vậy, quan điểm nghệ thuật trong sáng tác của Nam Cao là nghệ thuật vị nhân sinh. Xưa nay người ta vẫn thường chỉ trích quan điểm nghệ thuật vị nghệ thuật, nhưng có lẽ rằng quan điểm đó rất đúng xét trên phương diện tích cực của nó. Người ta nói rằng cái đẹp sẽ cứu vớt nhân loại, vậy thì nghệ thuật hướng con người tới cái đẹp, cái chân thiện mỹ của cuộc sống. Đó chẳng phải là phục vụ con người sao? Truyện ngắn của Nguyễn Tuân về những ngày xưa cũ đem đến cho ta cái đẹp kiêu hãnh của cha ông, với cái tôi duy mỹ của mình ông đã tạo nên một thế giới có màu sắc khác lạ, vừa như quen thuộc vừa như xa vời. Nói cách khác, sáng tác của Nguyễn Tuân có vẻ “lánh đục về trong” đi tìm cái đẹp quá khứ để khuây khỏa nỗi buồn hiện tại. Dù sao đi nữa, Nam Cao và Nguyễn Tuân vẫn là những phong cách tỏa sáng trên văn đàn Việt Nam trước năm 1945.

Một câu hỏi đặt ra là phong cách của một người có thể bị thay đổi không và thay đổi như thế nào? Theo tôi sự thay đổi là một quy luật của cuộc sống, không có vật gì luôn tồn tại như lúc ban đầu. Cuộc Cách mạng 1945 thành công, xã hội đổi khác. Cái không khí xã hội tạo nên nỗi bức xúc cho sáng tác của nhà văn không còn nữa. Phản ánh luận cho rằng những gì thuộc về tâm tư tình cảm của con người đều có thể gọi là hiện thực. Đứng trước sự biến chuyển lớn lao như thế các nhà văn lại bắt đầu hòa nhập vào lối sống mới. Nam Cao viết truyện ngắn *Đôi mắt* luận giải cho hiện thực trong tâm hồn những người nghệ sĩ đang “nhận đường” để phù hợp với thời đại mới. Còn Nguyễn Tuân thì lại tìm thấy niềm vui trong sự xây dựng tập tùy bút *Sóng Đà* như tiếng lòng ông hô hởi hòa vào nhịp máy reo vang trên mọi miền đất nước. Thế nhưng cho dù có thay đổi, điểm cốt lõi nhất của phong cách họ vẫn còn đó. Cách nhìn và lối sống có thể biến

chuyển nhưng phong cách nghệ thuật cũng như cá tính con người vẫn luôn tồn tại.

Trong truyện ngắn *Đôi mắt* ta bắt gặp một Nam Cao đang cố gắng hòa mình vào nhịp sống mới, trong số đó không tránh khỏi những suy tư, băn khoăn với chính mình. Ông đã tạo nên nhân vật nhà văn Hoàng đầy cá tính. Nhưng khốn nỗi anh ta vẫn giữ quan điểm cũ về con người và cuộc sống, vì thế anh ta trở nên lạc lõng trong xã hội mới. Văn giọng văn ấy, vẫn lối kể chuyện đầy lối cuốn ngày xưa, nhưng tư tưởng của Nam Cao đã thay đổi rất nhiều. Khi xưa ông đã từng phản ánh một xã hội như guồng máy vô tri không ngừng tạo ra những con người biến dạng, thì ngày nay Nam Cao lại là người phủ nhận đôi mắt nhìn dời một cách đầy khinh thị và mai mỉa của Hoàng. Chính tác giả đã nhận xét rằng: Cứ giữ đôi mắt ấy để nhìn cuộc đời thì càng đi nhiều, càng quan sát lầm chỉ thấy thêm chán nản. Thật vậy, trong thời buổi kháng chiến mà anh Hoàng còn cần một cái bàn viết cho ra hồn mới ngồi vào đây sáng tác thì thật là lạ. Con người dù sao đi nữa cũng phải hòa nhập vào xã hội, cùng sống cùng sinh hoạt như mọi người quanh mình chứ. Nam Cao là nhà văn hay phát biểu quan điểm của mình trong tác phẩm. *Đôi mắt* có thể coi là tuyên ngôn nghệ thuật của ông. Trong giai đoạn văn nghệ sĩ phái “nhận đường” để lao vào những trận chiến mới, Nam Cao ý thức rất rõ nhiệm vụ của mình. Điều đó cho thấy ngòi bút của Nam Cao rất tích cực. Tuy sáng tác theo một hướng mới nhưng Nam Cao không hề để mất đi phong cách của mình, ta vẫn gặp ở đây giọng văn gợi tả tỉ mỉ của Nam Cao như muôn vè rõ từng nét, từng nét dáng vẻ của Hoàng trước mắt độc giả: “hai cánh tay như bơi trong không khí, khói thịt ở hai nách kềnh ra, những ngón tay mũm mĩm”. Độc giả yêu thích Nam Cao có lẽ thở phào nhẹ nhõm vì nhà văn quen thuộc của mình vẫn còn đó, vẫn là Nam Cao - truyện *Đôi mắt* vẫn lối cuốn không kém tác phẩm nào.

Nguyễn Tuân cũng thế. Tuy cái giọng văn u hoài của *Vang bóng một thời* không còn nữa nhưng đặc điểm nổi bật nhất của Nguyễn Tuân là chất ngông thì lại không thay đổi. Trong *Người lái đò sông Đà*, ta gặp một cụ già cõng tráng. Ông lái đò rất ngang tàng, coi thường ghênh thác. Cái thú sông nước của ông là làm sao đưa thuyền qua khói những đoạn sông lấm ghềnh thác thì mới cảm thấy “khoái chí”. Đó chính là chất ngông trong văn Nguyễn Tuân, từ cái ngông của người hay chữ như Huấn Cao chuyển sang cái ngông của người coi sông nước sông Đà như ao nhà mình. Đó đây trong tùy bút *Sông Đà* ta bắt gặp những mảng thiên nhiên trong sáng: một cánh rừng phủ màu xanh xuân mới, đàn nai nhẹ nhàng uốn sắc mây êm trôi trên sông Đà... Cái u uẩn ngày xưa không còn nữa, nhưng nhà văn Nguyễn Tuân vẫn đứng đó vầng trán cao, mái tóc bạc phơ bay ngược chiều gió.

“Nghệ thuật là tôi, khoa học là chúng ta” - câu nói ấy thật đúng cho nghệ thuật - lĩnh vực của cái độc đáo. Thời gian trôi qua, xã hội thay đổi nhưng phong cách của con người vẫn giữ được bản ngã. Người sáng tác tác phẩm văn học là người đem đèn cho con người cái đẹp và sự thanh cao; xin được gọi họ là những người tạo ra nghệ thuật. Hai nhà văn Nam Cao và Nguyễn Tuân đã làm nên nét đẹp trong văn học nước ta bằng những phong cách của riêng mình. Trong tác phẩm của họ, ta như lần đầu tiên bắt gặp một thoáng những ý nghĩ thoạt đèn rồi chợt ẩn, chợt hiện, lạ lẫm với những gì ta đã biết. Cho dù thời đại của họ đã đi qua nhưng phong cách ấy mãi là những vàng sáng đẹp tạo nên nghệ thuật.

Truyện ngắn là một lĩnh vực thú vị của văn học. Nó ghi lại sự việc xảy ra trong thời gian và không gian xác định nhưng không vì vậy mà giá trị của nó bị thu hẹp. Những nhân vật Chí Phèo, Huấn Cao, Hoàng, Ông lái đò... là những hình tượng nghệ thuật đặc sắc tạo bởi năng lực sáng tạo của nhà văn. P. Povlenko nói rằng: “Tôi thu thập hình tượng cùng như con ong hút mật

vậy. Một con ong phải bay qua một đoạn đường bằng sáu lần xích  
đạo trong một năm ba tháng và đậu lên bảy triệu bông hoa để  
làm nên năm trăm gam mật". Khó khăn biết bao khi người ta  
muốn vươn đến nghệ thuật thật sự. Thế nhưng con người vẫn  
không ngừng di tìm cái đẹp, phong cách nghệ thuật độc đáo cho  
riêng mình. Phải chăng quá trình ấy cũng đầy gian nan không  
kém gì lao động của các nhà khoa học. Nhà văn Nga Macxim  
Gorki nói rằng "Văn học là nhân học", vậy thì vượt gian lao để  
tìm đến sự hoàn thiện con người, đến nhân học, chính là sứ mang  
cao quý của những người cầm bút.

Bài làm của em LÝ XUÂN QUYÊN,  
học sinh lớp 12 chuyên Văn, trường PTTH Lê Hồng Phong  
TP. Hồ Chí Minh. Bài đoạt giải nhì trong kỳ thi học sinh  
giỏi Văn lớp 12 của TP. Hồ Chí Minh năm học 1992-1993

**Đề 2:**

Trong truyện ngắn *Trăng sáng* Nam Cao viết:

*"Chao ôi, nghệ thuật không cần phải là ánh trăng lừa dối, không nên là ánh trăng lừa dối; nghệ thuật chỉ có thể là tiếng đau khổ kia, thoát ra từ những kiếp lầm than...",* và ở truyện ngắn *Đời thừa*, ông cho rằng, một tác phẩm có giá trị "*phải chứa đựng một cái gì lớn lao, mạnh mẽ, vừa đau đớn, lại vừa phẫn khởi.* Nó ca tụng lòng thương tình bác ái, sự công bình... Nó làm cho người gần người hơn".

Còn Vũ Trọng Phụng, khi "Đáp lời báo Ngày nay" của Tự lực văn đoàn, đã nói "*Các ông muốn tiểu thuyết cứ là tiểu thuyết. Tôi và các nhà văn cùng chí hướng như tôi, muốn tiểu thuyết là sự thực ở đời*".

Anh(chị) hãy bình luận những ý kiến nêu trên.

(*Đề thi chọn học sinh giỏi toàn quốc năm học 1987-1988*)

## TÌM HIỂU ĐỀ

1- *Thể loại:* Bình luận văn học.

2- *Nội dung:* Nhận định và đánh giá:

- *Ý kiến của Nam Cao:* Nghệ thuật phải chân thực, phải thấm nhuần tinh thần nhân đạo, nhà văn phải phản ánh cho lý tưởng nhân đạo.

- *Ý kiến của Vũ Trọng Phụng:* Văn học phải phản ánh chân thật cuộc sống. Tô hồng, thi vị hóa xã hội thực dân phong kiến là tự huyền hoặc mình và lừa dối độc giả.

3- *Tư liệu:* Một số tác phẩm hiện thực và lãng mạn tiêu biểu của giai đoạn 1930-1945.

## BÀI THAM KHẢO

Gần đây, trong khí thế đổi mới chung đang nổi lên trong toàn xã hội, dư luận và báo chí của ta đã có những biểu hiện nhằm khôi phục lại vị trí của Vũ Trọng Phụng, một cây bút hiện thực phê phán xuất sắc giai đoạn 1930 - 1945. Một trong những việc làm có ý nghĩa nhất là *Tuyển tập Vũ Trọng Phụng* đã ra đời, đáp ứng nhu cầu của bạn đọc với những tác phẩm mang tính hiện thực cao.

Mang quan điểm của chủ nghĩa hiện thực phê phán, Vũ Trọng Phụng đã có lần nói trong “Đáp lời báo Ngày nay” của Tự lực văn đoàn: “Các ông muốn tiểu thuyết cứ là tiểu thuyết. Tôi và các nhà văn cùng chí hướng như tôi, muốn tiểu thuyết là sự thực ở đời”. Và nhìn chung những người bạn của Vũ Trọng Phụng cũng thường sáng tác dưới ánh sáng của quan niệm đó. Là một người “cùng chí hướng” như Vũ Trọng Phụng; chính Nam Cao cũng đã nói lên suy nghĩ của mình khi nói về yêu cầu của một tác phẩm nghệ thuật có giá trị: “Phải chứa đựng một cái gì lớn lao, mạnh mẽ, vừa đau đớn... lại vừa phấn khởi. Nó ca tung lòng thương, tình bác ái, sự công bình... Nó làm cho người gần người hơn” (Đời thừa). Trong thời điểm này, chúng ta càng cần phải bàn cho thấu đáo về những điều mà Vũ Trọng Phụng và Nam Cao đã đưa ra. Việc làm đó sẽ mang lại nhiều bổ ích.

Trở lại với Vũ Trọng Phụng, với quan điểm sáng tác của ông, ý kiến của Vũ Trọng Phụng nêu trong báo Ngày nay của Tự lực văn đoàn là một ý kiến thể hiện tập trung nhất quan điểm của phái hiện thực phê phán. Để nêu lên quan điểm của mình, Vũ Trọng Phụng đưa ra hai câu mang tính chất của hai vế so sánh. So sánh giữa quan điểm của mình và quan điểm sáng tác của dòng văn học lãng mạn mà báo Ngày nay là một trong những cơ quan ngôn luận của nó. Chính nhà văn đã nói “Tôi và các nhà văn cùng chí hướng như tôi, muốn tiểu thuyết là sự thực ở đời”.

Vũ Trọng Phụng “muốn tiểu thuyết là sự thực ở đời” tức là muốn nhấn mạnh sự tôn trọng hiện thực của mình. “Sự thực ở đời” mà Vũ Trọng Phụng muốn nói chính là những gì đang xảy ra trong cuộc sống, những gì đậm vào giác quan của nhà văn và có khi vui dập chính cuộc đời của họ. Có lẽ ý kiến của Nam Cao trong truyện ngắn *Đời thừa* như là sự cụ thể hóa “sự thực ở đời”. Những “sự thực ở đời” là cuộc sống bần hàn, khổn khổ của nông dân, của công nhân; sự nghèo hèn, yếm thế của giai cấp tiểu tư sản lớp dưới, những công chức nghèo, thầy giáo, nhà văn..., sự xa hoa phè phỡn, dã man, độc ác, thâm hiểm... của tất cả các tầng lớp thông trị áp bức, bóc lột nhân dân ta, mà Vũ Trọng Phụng và Nam Cao là một trong những thành viên của cuộc đời đó, cũng đã lặn ngụp trong bầu không khí đó. Ý muốn của Nam Cao là mong rằng “sự thực ở đời” phải chứa đựng một cái gì lớn lao, mạnh mẽ vừa đau đớn lại vừa phấn khởi. Nó ca tụng lòng thương, tình bác ái, sự công bình... Nó làm cho người gần người hơn. Phải chăng Nam Cao muốn nói tới yêu cầu phản ánh cái đẹp của văn học. Cái đẹp là cái lớn lao, mạnh mẽ, lòng thương, tình bác ái, sự công bình... Văn học mà ca tụng những điều đó chính là ca ngợi cái đẹp của đời, cái đẹp trong cuộc sống. Bắt nguồn từ cuộc sống, những gì phản ánh trong tác phẩm văn học phải là “sự thực ở đời” đó là điều không thể thiếu. Nếu những gì không chân thật thì sẽ không có tính thuyết phục cao. Secnusepxki đã nói “cái đẹp là cuộc sống”, có lẽ quan niệm của những nhà văn hiện thực phê phán cũng gần nghĩa với câu nói đó chăng? Nam Cao còn nói tới sự “đau đớn”, “phấn khởi” được biểu hiện trong tác phẩm văn học có giá trị. Ông muốn cái yếu tố lạc quan phải được đặt trong cả những hoàn cảnh “đau đớn”. Nam Cao và bạn bè cùng chí hướng của ông có làm được điều đó không? Quan điểm, suy nghĩ, đó là một hình thái ý thức không mấy khi tách rời với việc làm, hành động. Nhưng không bao giờ nó có thể thực hiện được trọn vẹn. Vũ Trọng Phụng, Nam Cao... mong muốn, nhưng khi đưa những mong muốn

đó vào tác phẩm văn học của mình lại vấp phải những vướng mắc mà chính họ không thể gỡ ra được.

Câu nói của nhân vật Điền trong truyện ngắn *Trăng sáng* là một biểu hiện hai mặt mà ta vừa nói ở trên: “Chao ôi, nghệ thuật không cần phải là ánh trăng lừa dối, không nên là ánh trăng lừa dối; nghệ thuật chỉ có thể là những tiếng đau khổ kia, thoát ra từ những kiếp lầm than...”. Suy nghĩ này lại một lần nữa khẳng định quan điểm sáng tác của Nam Cao và những gì chất chứa trong ông. Là một hình thái ý thức xã hội, nghệ thuật nói chung và văn học nói riêng được sáng tác do cái nhìn của người nghệ sĩ, nó được biểu hiện lên nhờ đặc trưng hình tượng nhằm phản ánh cuộc sống mới với bao nhiêu biến động của nó. Câu nói trong *Trăng sáng* sao mà đau xót thế, đau xót đến ứa nước mắt: “Chao ôi, nghệ thuật không cần phải là ánh trăng lừa dối, không nên là ánh trăng lừa dối”. Phải chăng vào cái đêm trăng sáng ấy, Điền cũng như Nam Cao đã nhận ra những cái phũ phàng của cuộc đời hiện tại, thấy rõ những gì mình đã trải qua và đang chịu đựng. Cuộc đời đen tối trong *Trăng sáng* dường như đã được hé mở ra trong giây lát vì nhận ra rằng “nghệ thuật không cần, không nên là ánh trăng lừa dối”. Cái đau xót nhất là Điền đã nhận ra cái giả dối của cuộc đời, nhưng cũng là niềm vui khi hiểu ra rằng chính mình sẽ hứng chịu những gì va đập của cuộc đời. Không chấp nhận sự lừa dối của nghệ thuật với một thái độ không mạnh mẽ, ngược lại, trong lời phản bác ấy lại mang một vẻ của một niềm đau khổ, lo sợ, một cái gì rất khó nói trong lòng một con người. Hai chữ “không cần” và “không nên” được đưa ra chứ không phải là “không” và “không được”. Cái vẻ thứ hai trong câu nói phần nào nói lên cái mặt thứ hai đã nêu ở trên: “nghệ thuật chỉ có thể là những tiếng đau khổ kia thoát ra từ những kiếp lầm than”. Công nhận chức năng biểu hiện của nghệ thuật nhưng sao Nam Cao chỉ thấy nghệ thuật trong tiếng đau khổ của những kiếp lầm than? Chưa đủ để nói rằng nghệ thuật là như thế. Hay nói khác đi nghệ thuật là như thế nhưng không chỉ là như thế.

Nghệ thuật hiện ra theo quan điểm, quan niệm của các nhà văn hiện thực phê phán nhìn chung là thống nhất. Nhưng có điều nó bị làm thay đổi đi khi các nhà văn theo kinh nghiệm và tiếp xúc với chính con đẻ của mình: những tác phẩm văn học mà họ tâm đắc.

Quan điểm mà Vũ Trọng Phụng, Nam Cao đưa ra làm cho ta thấy một điều: tất cả các nhà văn sáng tác theo chủ nghĩa hiện thực phê phán đều đề cao hiện thực, đòi hỏi tính chân thật của tác phẩm văn học phải đưa lên hàng đầu. Suy nghĩ của Nam Cao trong *Đời thừa* đi từ ba chức năng cơ bản của văn học. Một tác phẩm cần phải có những điều kiện đó mới có giá trị, có nghĩa là nó phải có được ba chức năng nhận thức, giáo dục và thẩm mỹ. Với chức năng của mình, văn học giúp cho con người nhận thức được về cuộc sống xã hội về con người xã hội. Bất chấp cả hạn chế về không gian và thời gian, văn học làm cho con người được mở rộng tầm nhìn trong mọi lĩnh vực cuộc sống. Bản chất của cuộc sống được đưa ra trong hệ thống hình tượng và lời lẽ triết lý của nhà văn. Tuy nhiên, văn học chỉ giáo dục con người thông qua hình tượng, chứ không phụ thuộc vào lời lẽ suông của nhà văn. Qua đó, con người nhận thức cuộc sống và thấy được những "cái gì lớn lao, mạnh mẽ, vừa đau đớn lại vừa phấn khởi ở ngoài đời". Văn học mang đến cho người đọc về "lòng thương, tình bác ái, sự công bình...", những cái đẹp ở đời. Đặc biệt là qua văn học, con người có thể tự nhận thức được bản thân mình. Con người có thể nhìn thấy những gì tốt, xấu trong cá nhân để mà sửa chữa, hoàn thiện mình dần dần mà nhiều khi chính mình cũng không ý thức nổi.

Nam Cao đã cho rằng những biểu hiện trong một tác phẩm văn học có giá trị phải "làm cho con người gần người hơn". Tại sao vậy? Như đã nói, văn học cần phải mang cái đẹp đến với đời, tức là với người đọc. Với những thuộc tính cơ bản là cái thật, cái thiện, cái cao cả, cái đẹp giúp con người nhìn nhận cuộc sống với

những mặt cẩn bản của nó. Cái đẹp giúp người ta “thanh lọc” bản thân mình (Arixítôt). Biết hướng mình tới những gì là thực, là thiện, là cao cả, con người sẽ cảm thù những ai phá hoại, chà đạp lên cái đẹp mà mình vốn tôn trọng. Con người phân biệt được tốt, xấu, thiện, ác; anh hùng, dê hèn...biết sáng suốt trong cách nhìn đời, nhìn người. Họ có thể nhìn thấy những tấm lòng đồng điệu với mình. Con người trở nên là người hơn. Qua những biểu hiện đó, con người gần nhau hơn. Con người chỉ gần nhau trong khi họ không có sự bất đồng về quan điểm, không có sự phân biệt về quyền lợi. *Tất đèn đã miêu tả rất đúng tình cảm của bà lão hàng xóm trước tình cảnh nhà chị Dậu với bao biến cố, đau thương, đói khổ.* Chỉ có những tấm lòng như vậy mới đến với con người hoạn nạn một cách thực sự, giúp đỡ bằng những gì mình có trong cái cảnh “trời đất tối tăm”.

Văn học không thể tách rời cuộc sống. Một nhà văn đã nói: “không yêu cầu văn học phải sao chép y nguyên cuộc sống như “người thư ký trung thành của thời đại” (Banzac), nhưng nhà văn phải luôn miêu tả cuộc sống với những bản chất cẩn bản của nó. Không bao giờ văn học được quyền xa rời những cái thật của đời.

Vũ Trọng Phụng đã nói với những người thuộc dòng văn học lãng mạn: “Các ông muốn tiểu thuyết cứ là tiểu thuyết”. Văn học lãng mạn chủ trương thoát ra khỏi hiện tại, chỉ sống với cái tôi để làm “buồn, sầu, điên loạn”. Những văn thơ những cây bút lãng mạn tràn một nỗi buồn cô đơn, chán nản, bơ vơ:

*Hãy cho tôi một tình cảm giá lạnh*

*Một vì sao tra trọi cuối trời xa.*

Trong khi họ muốn, “chấn nẻo xuân sang” bằng hoa tàn, cỏ úa để sống một mình với cái “tôi” thì nhà văn hiện thực phê phán lại bước vào đời để sống hòa với những tâm hồn đau khổ, khốn cùng. So với văn học lãng mạn, văn học hiện thực phê phán có nhiều tiến bộ vượt xa. Vũ Trọng Phụng và Nam Cao là những

người đại diện tiêu biểu và xứng đáng. Nhưng nếu họ thực hiện được đầy đủ những yêu cầu như Nam Cao trong *Đời thừa* thì có lẽ văn học hiện thực phê phán đã có được những kết quả toàn diện. Thường thì trong các tác phẩm văn học, do các nhà văn hiện thực phê phán sáng tác, ta thấy cái yếu tố “vừa đau đớn lại vừa phấn khởi” không được thống nhất. Chỉ thấy trong tiểu thuyết những mảng đời đen tối, đau xót, những con người bị tha hóa, việc làm và suy nghĩ không phải là một. Những con đường không có lối ra được giăng dây trong các tác phẩm: *Trăng sáng* của Nam Cao, *Tắt đèn* của Ngô Tất Tố, *Bước đường cùng* của Nguyễn Công Hoan... Cuộc đời của những Điền, chị Dậu, anh Pha... chưa được giải quyết thấu đáo, cẩn kẽ. Chẳng lẽ cuộc đời con người lại bị gắn vào bánh xe định mệnh luân hồi của đời khắc nghiệt như Chí Phèo trong tác phẩm cùng tên của Nam Cao? Và trong *Sống mòn*, người ta vẫn cứ xa nhau, vì miếng cơm manh áo, vẫn sống như những con vật biết suy nghĩ để mà tự giày vò, dằn vặt bản thân mình? Sự tôn trọng sự thật là một điều căn bản nhưng cần phải “miêu tả chân thực hiện thực trong quá trình phát triển cách mạng của nó” thì văn học hiện thực phê phán chưa làm được. Đứng ở vị trí giai cấp tiểu tư sản lớp dưới, nhà văn hiện thực phê phán chưa nhìn thấy được sứ mạng của người cầm bút trong cái thời mà thực dân Pháp còn đang gilamp; đạp, áp bức nhân dân. Chỉ viết với cái nhiệt tình phê phán, nhiệt tình phủ định mà nhà văn chưa thấy việc phải gợi lên một niềm tin trong con người ở những thất bại, mất mát tạm thời mà con người có thể lấy lại được.

Hạn chế ấy của những nhà văn hiện thực phê phán đã được văn học cách mạng thời kỳ 1930-1945 và sau này là văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa khắc phục và hoàn thiện.

Có lẽ ta cần phải hiểu rõ về văn học hiện thực phê phán thời kỳ 1930-1945 để làm sáng tỏ việc thắc mắc về đường lối, quan điểm sáng tác của văn học ngày nay. Theo tôi nghĩ với một số ý kiến cho rằng văn học ngày nay đang có đà sáng tác theo phương

pháp hiện thực phê phán là đúng. Việc tìm ra những cái chưa hoàn thiện trong xã hội ngày nay là một yêu cầu hết sức cần thiết. Đã qua đi rồi cái thời nhà văn sáng tác theo cảm hứng chung chung theo những yêu cầu của tình hình chính trị - thời sự. Thời đại của những thập kỷ này, khi cái thiện không phải lúc nào cũng thắng cái ác thì việc chỉ ra những điều đó là cần thiết lắm chứ. Sự xuất hiện của các cường hào mới trong xã hội, núp dưới danh nghĩa tập thể mà tham ô, ăn bám... có khác gì những Nghị Quế, Nghị Hách của thời xưa. Về hình thức biểu hiện thì hoàn toàn đúng nhưng có điều những con người gọi là "cường hào mới" chỉ là rơi rớt lại từ thời cũ cái tư tưởng quen áp bức, bóc lột người. Ở bọn họ, cái xấu không phải là bản chất. Cho nên việc đưa ra những cái xấu xa, vạch trần những hiện tượng trái luân thường đạo lý là cần thiết, để xây dựng lại tinh thần con người trong mỗi con người. Sự xuất hiện của những việc làm trái với cái đẹp đã gây biết bao sự lo lắng, hoang mang trong quần chúng. Cần phải thấy được những điều đó chỉ là nhất thời, có thể giải quyết được. Và văn học thời đại ngày nay sẽ là người giữ trách nhiệm vinh quang nhưng hết sức khó khăn ấy.

Đừng nên cho rằng xu hướng sáng tác mới này là tách rời với chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa vì nó đều muốn đem lại một mục đích cuối cùng là nhằm cải tạo và hoàn thiện cuộc sống. Việc xem xét những suy nghĩ và quan điểm của Vũ Trọng Phụng, của Nam Cao mang lại cho ta cái nhìn đúng đắn khi đánh giá các tác phẩm văn học, kể cả ngày nay. Đồng thời thấy được sứ mạng quan trọng của nhà văn trong thời đại hiện nay.

Nam Cao có cái hơn Vũ Trọng Phụng là được sống sang cả thời kì sau Cách mạng, ông đã phần nào sửa nốt những thiếu sót của mình trong *Đôi mắt*... và nhiều truyện ngắn khác nữa. Khép lại một thời kỳ văn học, người ta hay nhớ tới những cây bút chính và quan điểm sáng tác của họ. Khép lại thời kỳ của văn học hiện thực phê phán 1930-1945, ta không thể quên Nam Cao, Ngô Tất

Tố, Vũ Trọng Phụng...và suy nghĩ: “muốn tiểu thuyết là sự thực ở đời”. Bi theo quan điểm ấy, văn học ngày nay tiếp tục sáng tác nhưng nâng cao lên bằng sự lý giải, so sánh, đánh giá...Và cẩn bản nhất là văn học ngày nay mở ra một con đường mới, sáng sủa hơn trước, khác xa với con đường của những năm 1930-1945 trong văn học hiện thực phê phán Việt Nam. Trong suy nghĩ sâu xa của bản thân, xuất phát từ sự chiêm nghiệm thực tế P.M Đô xtôiepxki văn hào Nga đã nói: “Cái đẹp sẽ cứu vãn thế giới”. Phải chăng cái đẹp đã và đang đưa con người vươn tới phía trước mà điều đó thì thể hiện rất rõ trong các tác phẩm văn học kể từ sau Cách mạng tháng Tám đến nay.

(Bài của Nguyễn Thị Quỳnh Văn, học sinh  
trường PTTH Hà Nội - Amsterdam, giải ba)

### Dề 3:

Phân tích truyện ngắn *Lão Hạc* để làm nổi bật cách nhìn  
người nông dân của Nam Cao

## TÌM HIỂU ĐỀ

1- *Thể loại*: Phân tích tác phẩm, phân tích một truyện ngắn.

2- *Nội dung*: Giá trị hiện thực của truyện *Lão Hạc*. Đây là một bức tranh thu nhỏ của đời sống nông dân thời thực dân phong kiến trước Cách mạng, miêu tả quá trình bần cùng hóa đến chô phá sản và lưu vong của tầng lớp này tiêu biểu là Lão Hạc, một lão nông trong tột cùng đen tối khổ đau vẫn sáng ngời tấm lòng lương thiện nhân từ và vị tha của mình.

3- *Tư liệu*: Truyện “*Lão Hạc*”.

## DÀN BÀI

### 1- Mở bài

Giới thiệu thời điểm và hoàn cảnh ra đời của truyện ngắn *Lão Hạc* của nhà văn Nam Cao.

- Năm 1943, ông "giáo khổ trường tu" Nam Cao cùng chung số phận với mọi tầng lớp nhân dân sống dở chết dở trong xã hội thực dân nửa phong kiến.

### 2- Thân bài

*Phân tích giá trị hiện thực của truyện Lão Hạc:*

- Là bức tranh thu nhỏ của đời sống nông dân. Truyện miêu tả quá trình người nông dân bị bần cùng hóa đến chô phá sản và lưu vong. Lão Hạc không có việc làm. Thằng con trai lão không có tiền cưới vợ phải bỏ làng vào Nam làm phu đồn điền cao su. Bình Tư và những anh táo tợn thì làm nghề ăn trộm.

- Phân tích ông giáo *người nhiều chữ nghĩa, nhiều lý luận, người ta kiêng nể* cũng phải thất nghiệp bán dần sách quý để nuôi miệng. Đây là một bổ sung cho bức tranh bên trên.

- Phân tích Lão Hạc và số phận người nông dân lúc bấy giờ: là người lương thiện sống bằng nghề làm thuê dành dụm mua được một khoảnh vườn nhỏ nhưng rồi vợ chết, con bỏ đi, dành sống cô độc với con chó Vàng. Cuối cùng, lão phải bán con Vàng và ăn thuốc bả chó tìm đến cái chết chỉ vì thương con muốn dành dụm khoảnh vườn và hoa lợi cho con.

- Nghệ thuật thể hiện với ngòi bút vừa hiện thực vừa trữ tình. Cách kể linh hoạt, hấp dẫn.

### 3- Kết bài

- Đối chiếu với thực tế các truyện khác cùng một đề tài của tác giả để khẳng định giá trị của tác phẩm trên. Đối chiếu với

hoạt động cách mạng của Nam Cao và tác phẩm *Sóng mòn* để thấy ra nét ấm đạm thiêng tích cực của truyện ngắn *Lão Hạc*.

## BÀI LÀM

Nam Cao viết truyện ngắn *Lão Hạc* năm 1943. Bấy giờ, tác giả cũng đã nếm trải cảnh tủi nhục của một “ông giáo khổ trường tu”, một nhà văn nghèo “bán sách nuôi miệng”, cùng chung số phận với các tầng lớp nhân dân sống dở chết dở trong xã hội thực dân nửa phong kiến đương thời.

Truyện *Lão Hạc* là một bức tranh thu nhỏ đời sống người nông dân, thời gian từ sau cuộc Đại chiến thế giới lần thứ hai đến trước Cách mạng tháng Tám. Tác giả không trực diện phản ánh các cách bóc lột, đàn áp của bọn thực dân phong kiến, bọn hương lý kỳ hào, mà chỉ miêu tả quá trình người nông dân bị bần cùng hóa đến chỗ phá sản và lưu vong. Trong truyện, trừ cái chết bi thảm của lão Hạc ở đoạn cuối, còn thì mọi cái diễn ra âm thầm trong bầu không khí “yên lặng” sau lũy tre. Và một ngày kia “làng mất ve sợi, nghè vải dành phải bỏ. Đàn bà rỗi rãi nhiều. Còn tí việc nhẹ nào, họ tranh nhau làm mất cả. Lão Hạc không có việc. Lão già rồi, việc nặng không làm được nữa. Thằng con trai lão không có tiền cưới vợ bỏ làng vào Nam làm phu đồn điền cao su. Những anh táo tợn như Bình Tư thì làm nghề ăn trộm. Cái kiếp của người dân lương thiện ở nông thôn không hơn gì kiếp con chó. Lão Hạc từng nói một cách chua chát: “Kiếp con chó là kiếp khổ thì ta hóa kiếp cho nó để nó làm kiếp người, may ra có sướng hơn một chút...kiếp người như kiếp tôi chẳng hạn...”

Trong xã hội Việt Nam ngày ấy nào có phải chỉ tầng lớp bần cố nông như lão Hạc mới khổ đâu? “Ông giáo” là “người nhiều chữ nghĩa, nhiều lý luận, người ta kiêng nể” cũng phải bỏ trường tư ở tỉnh về sống ở làng, thất nghiệp, sách quý phải bán dần.

Lão Hạc đó mà nhà “ông giáo” cũng có sung sướng gì hơn... Chính con ông cũng đói. “Ông giáo” không phải nhân vật trung tâm, sự hiện diện của ông làm cho “bức tranh quê” càng thêm đầy đủ.

Chú ý Lão Hạc không phải như Chí Phèo, hung hăn, phá phách “khát khao được sống lương thiện”. Hắn say tràn từ cơn này sang cơn khác, rạch mặt ăn vạ, còn Lão Hạc là người lương thiện thật, sống bằng hai bàn tay, vợ chồng làm thuê làm mướn, dành dụm được tiền mua được một khoảnh vườn nhỏ làm nơi ăn chốn ở. Lão không phải là cùng đinh. Nhưng rồi cũng chẳng khác gì cùng đinh. Vợ chết, con trai bỏ làng đi, lão sống cô độc với con chó Vàng, cuối cùng lão cũng phải bán con chó mà lão xem như người thân, để chịu “ăn đói”. Rồi lão đói thật sự. Hết ăn củ chuối, ăn sung luộc, ăn rau má, ăn củ ráy và... ăn thuốc bả chó cho chết quách đi. Không thể nói như vợ “ông giáo”: “Ai bảo lão có tiền mà chịu khổ. Lão làm lão khổ chứ ai làm lão khổ!”. Lão không bán khoảnh vườn, không đụng đến hoa lợi khoảnh vườn mà lão cuốc xới, không phải vì lão hà tiện mà vì lão thương con, muốn dành cho con. Số phận người nông dân Việt Nam ở thời đại cũ là như vậy.

Trong truyện *Lão Hạc*, Nam Cao xây dựng những nhân vật bình thường, trình bày những cảnh tượng tủi cực trong cuộc sống của nông dân, và có những trang viết cực kỳ đau xót. Ngòi bút nhà văn vừa hiện thực vừa trữ tình. Những đoạn miêu tả thì tỉ mỉ và chọn lọc, những đoạn trữ tình thì suy nghĩ sâu sắc khiến người đọc phải xót xa với nỗi đau của nhân vật. “Ông giáo” có dáng dấp bẩn thỉu tác giả, là một nhân vật thường gặp trong nhiều truyện của Nam Cao. Chính sự đồng cảm của “ông giáo”, mà cũng là tác giả, đối với những người nghèo như Lão Hạc, làm cho tác phẩm càng có chiều sâu và thêm phần giá trị. Cách kể ngắn gọn, có lúc dềnh dàng, có lúc đột ngột, không đoán trước được. Truyện càng trở nên hấp dẫn, bắt buộc phải đọc đi đọc lại nhiều lần!

*Lão Hạc* là một trong những truyện ngắn thành công viết về người nông dân Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám. Cùng với các truyện ngắn khác về đề tài này (như *Chí Phèo*, *Một đám cưới*, *Một bữa no*, *Lang Rận*, *Điếc văn*, *Mua danh...*), Nam Cao đã dựng nên bức tranh chân thực về nông thôn Việt Nam bẩn cùng trước Cách mạng. Chỉ có điều, truyện của ông thường buồn. Năm 1943, ông đã ở trong nhóm *Văn hóa cứu quốc bí mật* ở Hà Nội, nghĩa là ông đã có ánh sáng cách mạng dẫn đường. Giá như ông nâng những trang viết của ông từ mức hiên thực phê phán lên chỗ có những suy nghĩ tích cực hơn, như trong *Sóng mòn*, thì truyện *Lão Hạc* không đến nỗi phải để lại một ấn tượng tuyệt vọng như thế!

Theo Trương Chính

#### Đề 4:

Trong truyện ngắn *Lão Hạc* của Nam Cao có đoạn:

...Hôm sau lão Hạc sang nhà tôi. Vừa thấy tôi lão bảo ngay:

- Cậu Vàng đi đời rồi, ông giáo ạ.
- Cụ bán rồi?
- Bán rồi. Họ vừa bắt xong.

*Lão* cố làm ra vui vẻ. Nhưng trong *lão* cười như mếu và đôi mắt ầng ặng nước. Tôi muốn ôm choàng lấy *lão* mà òa lên khóc...

Tại sao việc bán con Vàng lại dồn vặt *lão* Hạc đến như vậy? Bởi lẽ gì mà *lão* phải bán con Vàng đi? Qua những chi tiết đó, anh chị suy nghĩ như thế nào về *lão* Hạc?

### TÌM HIỂU ĐỀ

1- *Thể loại*: Phân tích nhân vật.

2- *Nội dung*: Là một con người nghèo khổ nhưng *lão* Hạc rất ngay thật và giàu tình cảm, giàu lòng tự trọng dù trong hoàn

cảnh hết sức túng quẫn vẫn giữ được nhân cách trong sáng và cao đẹp.

3- *Tư liệu:* Truyện ngắn *Lão Hạc* và một số tác phẩm khác của Nam Cao.

## DÀN BÀI

### 1- Mở bài

Gấp những trang văn của Nam Cao lại, chúng ta dường như vẫn còn cảm thấy ngọt ngào và ám ảnh khôn nguôi với số phận của những con người khốn khổ, trong số đó có những người nông dân nghèo.

Với tấm lòng nhân đạo và sự hiểu biết sâu sắc, nhà văn đã xây dựng thành công những hình tượng nhân vật sinh động. Điểm đáng quý ở Nam Cao là cái nhìn nhân hậu đầy cảm thông đối với người nông dân nghèo. Các nhân vật này trong tác phẩm của ông dù bị chà đạp, bị dày đọa, bị đẩy vào chỗ bế tắc không còn đường sống vẫn giữ được nhân cách và phẩm hạnh đáng quý trọng của mình. Lão Hạc, nhân vật chính của một truyện ngắn có cùng tên chính là một con người như vừa nói.

### 2- Thân bài

#### a- Vì sao việc bán con Vàng lại dẫn vặt lão Hạc:

Đối với lão Hạc, con Vàng vừa là một con vật thân tình vừa là một con vật gợi nhớ về đứa con trai của lão:

- Tuổi già cô độc, lão xem con Vàng như là một người bạn sớm khuya của lão. Lão chăm sóc nó như chăm một đứa trẻ nhỏ. Lão nựng nịu mắng yêu nó như nựng một đứa cháu nhỏ. Lão gọi nó là cậu Vàng.

- Ngoài ra con Vàng lại là con chó "của cháu nó...Nó mua về nuôi định để đến lúc cưới vợ thì giết thịt". Con Vàng gợi lão nhớ

đến đứa con tha hương của mình và đặc biệt là nỗi giày vò về trách nhiệm làm cha chưa trọn vẹn của lão.

Là người rất đôn hậu, giàu tình cảm nên lão Hạc không nỡ bán con Vàng. Vì vậy mà việc bán con Vàng dồn vặt lão, làm lão đau khổ.

b- *Vì lẽ gì lão phải bán con Vàng?*

- Vì cảnh nhà túng quẫn lại thêm khẩu phần ăn của con Vàng còn tốt hơn của lão: mỗi ngày cả người và chó tốn đến ba hào mà vẫn "đói deo đói đất". Bởi vậy lão tính nếu bán con Vàng đi thì đỡ được khẩu phần ăn trong nhà mà con chó cũng chấm dứt được kiếp sống lay lắt của nó.

- Lão sợ cứ để ăn ít, con Vàng sẽ gầy đi, bán hut tiền.

- Lão đang cần có tiền để nhờ người làm đám ma khi chết đỡ phiền hà hàng xóm.

- Lão sợ nuôi nó thì sẽ tiêu lạm vào tiền của thằng con.

Vì vậy lão Hạc đã quyết định phải bán con Vàng.

c- *Những suy nghĩ về lão Hạc:*

Với những chi tiết đã nêu trên đủ để ta kết luận lão Hạc là một con người có nhiều phẩm chất đáng quý trọng như:

- *Giàu tình cảm, giàu lòng cảm thương:* Bán con Vàng xong, lão đã vật ra khóc thương nó, tự thấy mình tệ bạc với nó, nỡ đánh lửa một con chó" rồi lão cười như mếu và đôi mắt ặng nước (...) Cái đầu lão ngoeo về một bên và cái miệng móm mém của lão mếu như con nít. Lão hu hu khóc. Lão Hạc rất thương con, đứa con tha hương của mình. Lão luôn nghĩ đến con hết sức hết lòng lo vun vén, sẵn sàng nhận lấy cái chết cho con mình đỡ khổ cực.

- *Giàu lòng tự trọng:* Tuy nghèo khó nhưng biết trọng danh dự, lão Hạc không muốn làm khổ con, làm phiền ông giáo. Biết ông giáo cũng nghèo khổ như mình, lão từ khước mọi sự đỡ đần

của ông. Không muốn cái chết của mình làm phiền lụy hàng xóm, lão đã gửi tiền cho ông giáo nhờ bà con làm tang hộ.

- Dù trong hoàn cảnh hết sức cùng quẫn, lão Hạc vẫn giữ được nhân cách trong sáng và cao đẹp. Điều này một số nhân vật nghèo khổ khác cũng của Nam Cao đã không làm được như: Chí Phèo, Bình Chức, Năm Thọ...Những kẻ cố cùng này không giữ được minh nên tha hóa để mất nhân cách: ăn trộm, ăn cướp, bê tha rượu chè...Ngay cả bà cái Tý trong truyện "*Một bữa no*" cũng vì cái đói mà chịu nhục, trước sự hất hủi của mụ phó Thủ, bà này đã ăn nhanh ăn vội...cố đuổi ra, mắt trợn lên như con gà cố nuốt một con nhái...Sau đó lại còn cao nỗi sồn sot...

Lão Hạc đúng là một hình tượng nhân vật sáng đẹp, một tâm hồn cao cả, một nhân cách trong sáng ẩn chứa trong một con người bình thường. Hình tượng đó không những khiến người đọc phải xót xa thương cảm mà còn phải suy nghĩ về cách sống của mình. Dù trong bất kỳ hoàn cảnh khó khăn nào ta cũng phải biết giữ gìn nhân cách. Đây là một mẫu nhân vật ít thấy trong dòng văn học hiện thực phê phán ở nước ta.

### 3. Kết bài

*Lão Hạc* là một truyện ngắn xuất sắc của Nam Cao nói riêng và nền văn học Việt Nam trước Cách mạng nói chung. Đọc tác phẩm này chúng ta chứng kiến một bức tranh sinh động về đời sống nông thôn Việt Nam thời đó để thêm cảm thông sâu sắc nỗi khổ cực bế tắc của người nông dân nghèo đói lúc bấy giờ, tiêu biểu là lão Hạc, một kẻ già cả cô đơn, ốm đau không nơi nương tựa đã phải tìm đến cái chết dữ dội thảm khốc. Lão Hạc đã phải ăn bả chó để tự kết thúc đời mình nhằm giữ lấy nhân phẩm và giữ lại mảnh vườn cho đứa con trai tha hương. Thật là một cái chết đầy ám ảnh. Một khía cạnh truyện lão Hạc cũng nói lên một cách đầy xúc động về tình cha con.

Tâm lòng người cha đối với con của lão Hạc ở đây cao đẹp biết bao.

### Đề 5:

Lão Hạc (trong truyện ngắn cùng tên) là một lão nông dân Việt Nam đáng kính bởi phẩm hạnh một con người dôn hậu, giàu lòng tự trọng và rất mực thương yêu con. Hãy phân tích.

## TÌM HIỂU ĐỀ

- 1- *Thể loại:* Phân tích nhân vật.
- 2- *Nội dung:* Làm rõ các đặc điểm của nhân vật lão Hạc:
  - Là một người rất dôn hậu.
  - Giàu lòng tự trọng.
  - Rất mực thương yêu con.
- 3- *Tư liệu:* Truyện ngắn *Lão Hạc* của Nam Cao.

## DÀN BÀI

### 1- Mở bài

*Lão Hạc*, một truyện ngắn đặc sắc của Nam Cao, đã dựng lên một bức tranh chân thực về nông thôn Việt Nam bần cùng, xác và thê thảm của những năm 1940-1945. Nổi bật lên trong tác phẩm này là lão Hạc - nhân vật chính - một con người thuỷ mộng thân một bóng đói nghèo, bẽ tắc đến độ phái tự kết liễu đời mình.

Tuy nhiên ở lão Hạc vẫn lấp lánh một vẻ đẹp của tâm hồn. Đó là nét đẹp trong sáng rất đáng quý ở một con người rất dôn hậu, giàu lòng tự trọng và đặc biệt là rất mực thương yêu con.

### 2- Thân bài

- a- *Lão Hạc là một người rất dôn hậu:*
  - Lão sống rất hiền lành, thực thà. Qua hai cuộc trò chuyện của lão với ông giáo: lần đầu than vãn về gia cảnh, nỗi nhớ

thương con và nỗi băn khoăn khi toan tính phải bán con chó; lần sau, ngay ngày hôm sau khi bán con chó, lão sang nhờ ông giáo giữ hộ mảnh vườn cho con và gửi số tiền ba mươi đồng để nếu lão có mệnh hệ nào thì nhờ người làm ma, đã bộc lộ điều đó.

- Đặc biệt là qua thái độ của lão đối với con Vàng: Đây là con chó của cháu nó...Nó mua về nuôi định đến lúc cưới vợ thì giết thịt.. Đối với lão, con chó là vật thân tình chõ bầu bạn tinh thần của tuổi già cô quạnh và cũng là vật gợi nhớ về đứa con tha hương và chút ray rứt về trách nhiệm làm cha chưa trọn của lão. Bởi vậy, lão chăm sóc con chó như một đứa bé: cho nó ăn cơm bằng bát, lão ăn gì cũng cho nó ăn. Lão cứ nhấm vài miếng là lại gấp cho nó một miếng như người ta gấp thức ăn cho con trẻ.. Lão già sờm khuya lủi thủi đã bắt rận, rồi tắm cho con chó nụng nịu mắng yêu nó, xem nó như một đứa cháu nhỏ:

Ôm đầu nó, đập nhẹ nhẹ vào lưng nó và dẫu dí: “À không! À không!...Cậu Vàng của ông ngoan lắm...”

- Tới khi tính toán không còn phương cách chi khác lão dự định phải bán nó đi mà cứ phân vân do đắn mãi.

- Ban con chó rồi, lão Hạc xúc động khóc vì thương nó *Lão cưới như mếu và đôi mắt ướt áng ặng nước*. Hơn thế nữa, lão đau xót vì tự nhận thấy mình “già bằng này tuổi đầu rồi còn đánh lừa một con chó”. Cái đầu lão ngoeo về một bên và cái miệng móm mém của lão mếu như con nít. *Lão hu hu khóc*.

- Tư trách mình tệ bạc với con vật nuôi, càng thương nó bao nhiêu lão càng ân hận bấy nhiêu:

*Khốn nạn...ông giáo ơi! Nó có biết gì đâu!..Nó cứ làm im như nó trách tôi: “A! Lão già tệ lắm! Tôi ăn ỉ với lão như thế mà lão đối xử với tôi như thế này à?”*

b- *Lão Hạc là một người giàu lòng tự trọng:*

- Là một con người đầy lòng kiêu hãnh, tuy nghèo nhưng rất trọng danh dự, không vì miếng ăn mà quỳ lụy kêu xin ai. Lão

Hạc không để cho bất cứ kẻ nào có quyền coi thường mình. Mới chỉ đoán vợ ông giáo hỏi có ý phàn nàn về sự đõ đần của ông giáo đối với mình là lão đã lảng tránh ông giáo ngay.

- Lão giàu lòng tự trọng đến độ không muốn sau khi mình qua đời còn bị người khác khinh rẻ. Không có gạo cơm, lão “chế biến” các thứ rau quả rễ cây, gốc chuối làm thức ăn. Đến lúc không còn gì nữa để ăn lão sẵn sàng chịu chết. Lão tự tử bằng bả chó. Đặc biệt là cho đến phút cùng quẫn đó lão Hạc vẫn không hề dụng đến số tiền dành dụm và đã đem gửi ông giáo để nếu mình chết ông lo tang ma cho mình:

*“Con không có ở nhà, lỡ chết không biết ai đứng ra lo cho được; để phiền cho hàng xóm thì chết không nhắm được mắt...”*

Đúng là lão Hạc xem trọng danh dự hơn miếng ăn miếng uống, thậm chí coi danh dự cao hơn cả tính mạng của mình. Bởi vậy khi đời lão đã bị đẩy đến chỗ bế tắc, túng quẫn cùng đường lão đã sẵn sàng chọn lấy cái chết để bảo toàn danh dự của mình

c- *Lão Hạc là một người cha rất mực thương yêu con:*

- Thương con nên chỉ có một ước mong duy nhất là đứa con trai độc nhất của mình được sống hạnh phúc. Vì nghèo khổ lão dành bất lực không thể nào lo đủ tiền cho con cưới vợ nhưng lão cũng không nhất trí cho con đem bán sào vườn duy nhất đi mà cưới vợ. Bởi vì bán vườn đi rồi thì còn biết lấy gì mà sống. Bi người tình phụ bạc, con trai lão phản chí bán mình đi đồn điền cao su nơi nổi tiếng: *“Cao su đi dễ khó về. Khi đi trai tráng, khi về bủng beo”* (Ca dao).

Sự việc này khiến lão càng thêm đau xót. Thương con mà lão phải dành bút ruột lia con lại không còn chút hi vọng nào vào ngày đoàn tụ. Hãy nghe lời lão nói với ông giáo: *Tôi chỉ còn biết khóc chứ làm sao được nữa? Thủ của nó, người ta giữ. Hình của nó người ta chụp rồi... Nó là người của người ta rồi, chứ đâu còn là con của tôi...”*

- Ở lại nhà một thân một mình giữa một làng quê thường xuyên thiếu đói, thế mà lão Hạc vẫn dành dụm tiền cho con, không dám ăn một xu vào số tiền huê lợi có được từ mảnh vườn. Rồi sau một trận đau thập tử nhất sinh, lão dành tiêu hết số tiền chắt chiu dành dụm bấy lâu. Lão Hạc day dứt như thấy mình có tội với con trai. Cho đến trước khi chết Lão vẫn băn khoăn và tìm cách để gửi gắm mảnh vườn cho ông giáo người đáng tin cậy nhờ ông gìn giữ để sau này trao lại cho đứa con trai yêu quý của mình.

### 3. Kết bài

- Dưới ngòi bút của Nam Cao, hình ảnh và tính cách của lão Hạc hiện lên thật sinh động và rõ nét. Đây là nhân vật chính của tác phẩm, một con người cô đơn, đói khổ và cuối cùng không còn con đường sống phải tự kết thúc đời mình. Tuy vậy trước sau tâm hồn con người đáng quý trọng này vẫn hoàn toàn trong sạch. Lão Hạc đúng là nhân cách cao thượng sạch thơm là hình ảnh con cò trong câu ca dao nổi tiếng: "Có xáo thì xáo nước trong, đừng xáo nước đục đau lòng cò con".

- Đọc truyện *Lão Hạc*, càng thương xót thân phận người nông nông này bao nhiêu chúng ta càng khâm phục và quý trọng tấm lòng của ông bấy nhiêu.

## BÀI THAM KHẢO

Ai đã đọc qua "*Lão Hạc*", một truyện ngắn xuất sắc viết về người nông dân trước Cách mạng tháng Tám của nhà văn Nam Cao, hẳn là không thể nào quên được hình ảnh một lão nông già gầy guộc, râu tóc bờ phờ, cặp mắt nhìn xuống đầy u uẩn và khuôn mặt hằn sâu bao nhiêu là nếp nhăn của suy tính, muộn phiền về nhiều nỗi cơ cực ở đời.

Đây là một lão nông như bao người chân lấm tay bùn không tuổi không tên khác trong các làng quê hẻo lánh tiêu điều thời ấy, lão Hạc nghèo khổ bất hạnh nhưng lại là một con người rất mực lương thiện có tấm lòng yêu thương sâu sắc, tự trọng, đặc biệt là có nhân cách cao thượng hơn người.

Trang sách tuy đã khép lại nhưng hình ảnh và tính cách của lão vẫn cứ lồ lộ hiện ra thật tội nghiệp.

Đó là một nông dân nghèo khổ cùng quẫn. Vợ mất sớm, lão sống một thân một mình trong những tháng ngày xế bóng cô đơn và vất vả. Dứa con trai duy nhất của lão chỉ vì quá nghèo mà cô gái anh yêu thương trở thành vợ người khác. Người ấy hơn anh chỉ vì có nhiều tiền. Quá phản chí, anh ra đi nuôi mộng: “Cố chí làm ăn bao giờ có bạc trăm mới về”. “Không có tiền sống khổ, sống sở ở cái làng này nhục lắm”. Nhưng nơi anh đến lại là đồn điền cao su tận Nam kỳ, một địa ngục trần gian: “Cao su đi dễ khó về”. Lão Hạc chỉ còn một cách thui thủi với “Cậu Vàng” làm bạn cho khuây nỗi mỏi mòn nhớ mong con. Ngày lại ngày lão lo làm thuê kiếm sống. Nhưng rồi bị một trận ốm nặng phải tiêu sạch cả khoản tiền dành dụm từ hoa lợi mảnh vườn mà lão có ý định để riêng cho con trai khi nó trở về. Sau trận ốm, sức khỏe lão sút hẳn đi, không làm thuê nổi nữa thì lại gặp bão, hoa màu bị phá sạch, giá gạo lại lên cao nghe chừng còn đói dai dẳng...vì thế lão làm một việc trái lòng là phải bán “Cậu Vàng”. người bạn thân thiết trong ngày tàn bóng xế cô đơn của lão. Hơn thế nữa, đó còn là con vật gợi nhớ về đứa con trai đi xa...Thế mà lão phải đứt ruột bán “Cậu Vàng” đi chỉ vì không thể nào có được mỗi ngày ba hạt gạo cho cả lão và con chó. Lúc này, lão không còn có thể làm ra tiền nên tiêu một xu cũng là tiêu vào tiền của cháu. Tình cảnh của lão thật khốn quẫn.

Sau khi bán chó, lão chỉ ăn khoai, củ chuối, sung luộc, rau má, cu ráy, con trai, con ốc và cuối cùng lão tự tử bằng bã chó.

Thật ít ai gặp nhiều nỗi khổ tâm và bất hạnh vì nghèo đói như lão.

Nhưng cao đẹp thay con người bất hạnh một cách bi thảm ấy lại có một nhân cách vô cùng cao quý bề ngoài không dễ thấy. Thật vậy, lão Hạc là con người nhân hậu rất mực. Tình cảm đối với "Cậu Vàng" của lão làm ta thực sự xúc động. Lão gọi nó là Cậu Vàng lão âu yếm nó, chuyện trò với nó, nương yêu nó, bảo vệ nó. Đến lúc phải tính việc bán nó thì trong lão diễn ra một sự dằn vặt đau khổ. Lão đã kể lại cho ông giáo nghe với tâm trạng vô cùng đau đớn: *Lão cười như mếu và đôi mắt ặng ặng nước*. Khi nhắc đến việc "Cậu Vàng" bị lừa rồi bị bắt: *Mặt lão đột nhiên co dùm lại. Những vết nhăn xô lại với nhau, ép cho nước mắt chảy ra. Cái đầu lão ngoẹo về một bên và cái miệng móm mém của lão mếu như con nit. Lão hu hu khóc*". Ông lão quá lương thiện và nhân hậu rất mực ấy cảm thấy lương tâm mình đau nhói khi thấy trong đôi mắt con chó bất ngờ bị trói có cái nhìn trách móc. Lão bị giày vò lương tâm đau đớn chỉ vì thế.

Con người nhân hậu ấy lại có tấm lòng người cha thật là sâu sắc. Lão Hạc thương con mình nhưng vì nghèo quá không lo được tiền cưới vợ cho con. Cũng vì tương lai của con, lão không thể để con bán vườn để cưới vợ. *"Thấy con có vẻ buồn"…lão thương con lắm, nhưng biết làm sao được!*". Lúc kể lại với ông giáo việc đứa con trai mình phẫn chí ra đi, lão rân rấn nước mắt... *Tôi chỉ còn biết khóc chứ làm sao được nữa? Thế của nó, người ta giữ. Hình của nó người ta đã chụp rồi…Nó là người của người ta rồi, chứ đau còn là con của tôi*".

Ở lại nhà một mình, lão lùi thủi kiếm sống không một phút nào ngoại ngoại được hình bóng đứa con đang vật lộn với số phận ở chốn xa xôi. Lương tâm của một người cha nhân hậu khiến lão cảm thấy mình có trách nhiệm với việc bỏ xứ của con. Thế nên, lão quyết giữ mảnh vườn cho con bằng mọi giá. Lão cũng quyết không dung chạm đến tiền bòn nhật được từ mảnh vườn đó. Tất

cả dành dụm lại cho con khi nó về. Còn lão thì lặn lội làm thuê làm mướn kiếm ăn. Đến khi thấy không còn làm thuê làm mướn gì được nữa, mà còn sống thì còn phải ăn, lão phải suy tính. Sự suy tính ấy lặng thầm mà dữ dội: Lão sẽ tự tìm đến cõi chết để dành nguyên vẹn cho con. Lão suy tính kỹ lưỡng đến mức chỉ tự tử sau khi đã nhờ cây ông giáo đứng tên trong nom mảnh vườn đó để sau này ông trao lại cho anh con trai của lão. Thế là vì lòng thương con vô bờ bến, lão Hạc đã quyết chết để bảo vệ mảnh vườn cho con trai mình.

Con người nhân hậu giàu tình thương yêu ấy còn có lòng tự trọng cao độ và một nhân cách cao thượng đặc biệt. Thật vậy, lão Hạc đã tự tử trong khi trong tay còn mấy chục bạc và cả mảnh vườn. Khi chết không muốn hàng xóm phải phiền lụy, lão gửi ông giáo toàn bộ số tiền nhịn ăn của mình nhờ hàng xóm lo giúp cho lão. Lão kiên quyết từ chối cả mọi sự giúp đỡ của người khác kể cả sự giúp đỡ chân tình của ông giáo. Con người hết sức tự trọng ấy cương quyết không nhận của bố thí, chỉ biết sống nhờ sức cần lao của mình mà thôi.

Như thế, đúng như lời nhà văn Kim Lân nhận định: “*Lão Hạc không chỉ là một người nghèo, đó còn là một con người có nhân cách, tự trọng và bất khuất*”. Hình ảnh của lão không khỏi làm ta nhớ hình ảnh con cò trong ca dao:

“Có xáo thì xáo nước trong  
Đừng xáo nước đục đau lòng cò con”.

Từ khi truyện ngắn *Lão Hạc* của nhà văn Nam Cao xuất hiện trong văn học Việt Nam đến nay đã hơn nửa thế kỷ qua rồi. Ngày nay, xã hội Việt Nam đã đổi khác. Tuy vậy, hình ảnh của lão nông già guộc, râu tóc bơ phờ, khuôn mặt hằn sâu bao nhiêu là nét ưu sầu ấy nhắc nhở ta nghĩ đến những người nông dân thời xưa với một tình cảm trân trọng và yêu quý...

## BÀI ĐỌC THÊM

### GỬI LÃO HẠC

*Hiu hắt ao đầm  
Con cò nhô  
Trọn đời riêng  
Bì bõm  
Đậu cành mềm  
Rơi thõm  
Đau đau chỉ mỗi một điều:  
“Có xáo thì xáo nước trong”*

\*

*Lão đó  
Có phải không?  
Lão Hạc  
Ngoi chưa khói  
Vòng đói nghèo  
Khúc hát  
Lại nổi chìm  
Tủi cực  
Giữa trang văn  
Văn là vầng sáng lương tâm  
Giấu giữa thân xác tàn khô  
Trái tim tươi đỏ  
Chẳng thể sống dối lừa  
(Cho dẫu là với chó)*

*Lời vinh danh con người  
Lão Hạc ơi!  
Phải chi tôi được là “ông giáo”.  
Được trao lại tận tay đứa con trai của lão  
Đâu chỉ mảnh vân tự miếng vườn  
Mà luôn cả trái tim nồng kí thác lại của người cha  
Trái tim  
Qua bao trận đói mềm  
Qua bao cơn bệnh dữ  
Chẳng chút phôi pha  
Trái tim  
Đánh thức trong ta  
Từng mảnh lòng thơm sạch...*

\*

*Chúc lão ngủ được yên  
Trong lòng trang sách  
Sau khi trao nguồn máu ấy cho đời...*

**Trần Ngọc Hường**  
*(Bè lá che hương)*

## **ĐỌC THÊM**

### **Phân tích vẻ đẹp con người trong “Lão Hạc” của NAM CAO**

Tôi đọc lại truyện ngắn Nam Cao trong một trưa vắng người. Nỗi buồn cắn xé từng trang. Những khuôn mặt dị dạng, méo mó “trồi lên dưới lớp bụi lầm than” hụp lặn trong dòng sông sôi sục khổ đau, chới với, những cánh tay kêu cứu. Khi tiếng khóc, cười

ồn ào và những gương mặt ấy bị làn sóng bẩn nǎng dìm xuống  
tôi mới thấy Lão Hạc. Trông lão cô đơn trên dòng - sông - của  
- mình, khuất sau cái bóng dênh dàng, ngất ngưởng của Chí Phèo  
có một không hai!

Khó thấy lão Hạc trong những đứa con nổi tiếng của Nam Cao. Lão hiền quá, thánh quá, thành không “độc”! Thế mà tôi e lão được bố đẻ thương nhất. Không thương sao trong cơn lũ nghiệt ngã của dòng đời ngày ấy. Nam Cao đã “bế” lão lên để lão không bị dìm xuống, cuốn trôi như những đứa khác. Cho đến chết, lão không hề hoen ố, vẫn đẹp như ngọc. Qua lão NGƯỜI đã thắng CON, bất chấp nghịch cảnh.

Tôi bỗng nhận ra... “Lão Hạc” thật quý!

Lặng lẽ, không dữ dội, lão trụ vững được nhờ tâm hồn nặng gấp trăm lần thể xác còm cõi của lão. Lão là hình ảnh ông bố Nam Cao, người trong đời thường “tiết độ, giữ gìn, ăn không no, nói không lớn” ... còn tinh anh, tinh huyết trút cả trên trang viết, để cho đời một thứ văn chương đầy ma lực cuốn hút bởi sự chân thật, sinh động, đầy chất người và tình người.

Những gì Nam Cao muốn nói trong 10 năm cầm bút ngắn ngủi đã gần đủ trong “Lão Hạc” - sống mòn, chết tham, chết thể xác, chết tinh thần, cái đói, miếng ăn, nước mắt. Không những thế, “Lão Hạc” còn cái vượt trội. Con người ở đó tuy KHỎE mà rất ĐEP. Có thể nói “Chí Phèo” và “lão Hạc” đều là đỉnh của ngọn - núi - Nam Cao. Chí Phèo, kẻ - lưu - manh - độc - đáo thì lão Hạc cũng là người - lương - thiện - độc - đáo! Đọc “Lão Hạc”, tôi bàng hoàng trước BI KỊCH NHÂN CÁCH! Muốn giữ nó, con người phải hi sinh, đánh đổi. Tố cáo, phê phán guồng máy xã hội sẵn sàng nghiền nát con người (thực dân, phong kiến, hủ tục) chỉ là áo ngoài của “lão Hạc”. Cứu lấy con người, bảo vệ nhân phẩm trong cơn lũ sẵn sàng cuốn phăng tất cả mới là “gan ruột” của truyện ngắn duy nhất không nằm dưới bóng “Chí Phèo”.

3 hay 4...nhân vật! Đó là tài Nam Cao xoay quanh một câu chuyện kể. Kể và ngẫm. Kể và chuyển hóa từ mình qua nhân vật, kể có mặt đến người khuất mặt, bên ngoài đến bên trong...Nhân vật nhòe lẩn vào nhau: người cha lão nông dân, ông giáo nghèo - tác giả. Cậu Vàng - kỷ niệm. Có khi không hình dáng cụ thể; bóng đưa con trâu nặng trong từng hơi thở lão Hạc. "Người ta" mơ hồ, 200 bạc vô tri mà thủ phạm. Mảnh vườn cắn mà tựa đất thiêng...

Cũng như những bần cố nông khác, lão không có ruộng cày. Còn sức, đổi lấy bát cơm. Kiệt sức, đói! Điều đó đáng lẽ chưa xảy ra cho lão, người có trong tay mảnh vườn 3 sào, con chó béo và 25 đồng bạc vào lúc cùng kiệt. Thế mà lão ăn tựa kẻ không có các bạc: củ chuối, sung, rau má, ốc trai...Dưới mắt thiên hạ, lão còn dấy nhưng trong mắt lão, lão đã trắng tay! Mảnh vườn ư? Để cho con. "Tiêu một xu cũng là tiêu vào tiền của cháu". 30 đồng bạc (cả tiền bán chó) là tiền ma chay cho mình, khỏi phiền hàng xóm. Chỉ còn lão, sở hữu duy nhất của lão. Lão bắt lão ăn món ăn "tự chế". Khi món ăn "tự chế" cạn, thân xác già nua vô dụng vẫn đòi hỏi sự tồn tại, lão tự kết thúc. Tình thần lão mới kiên định làm sao! Như thành trì kiên cố xây bằng LÒNG TỰ TRONG và TÌNH THƯƠNG. Đói khổ, đói đau không khuất phục nổi. Nhà văn Kim Lân tăng lão từ "bắt khuất". Bắt khuất trước kẻ thù đã khó nhưng trước mình mới thật khó hơn. Cuộc chiến thầm lặng ấy cũng đòi hỏi hi sinh nhưng có chết chỉ được mỉa: "Cho lão chết! Ai báo lão có tiền mà chịu khổ...!"

Không phải ngẫu nhiên mà Nam Cao viết "Lão Hạc" sau "Chí Phèo". "Trẻ con không được ăn thịt chó". "Tư cách mõ". "Một bữa no". Nhân vật trong truyện đó từng ngã quy trước bản năng, miếng ăn, cái đói. Đói khiếp thật! Miếng ăn quý thật nhưng vì nó mà đánh đổi tất cả thì quả đáng buồn. Suốt cuộc đời ngắn ngủi của Nam Cao (1917-1951), đói luôn ám ảnh. Ông từng chua chát: "Tron đời tôi, tôi chỉ lo chết đói. Như thế bảo còn nghĩ đến cái to tát

sao được". Thế mà ông nghĩ đấy, nghĩ đến nhân cách và tinh thần trước đói khổ. Miếng ăn thành thử thách. Nam Cao đã trộn lẫn hai cuộc đời thực từ làng Đại Hoàng quê ông<sup>(1)</sup> để sáng tạo lão Hạc, trao cho lão vũ khí tinh thần và không muốn lão thua cuộc. Lão đã "lớn" từ trang sách, trở thành biểu tượng của nhân cách.

Chưa bao giờ chất giọng Nam Cao nghiêm nghị và trân trọng thế! Xót mà không đau, buồn mà vẫn tin ở con người. Hạt giống lương thiện quắn quại mãi ở "Chí Phèo" này đã thành cây cao ngẩng đầu trong "Lão Hạc".

Nam Cao, "nhà văn không biết khóc"<sup>(2)</sup> cho khốn khổ đời mình lại rất dễ khóc cho đời người. Khó biết nhân vật hay tác giả khóc, bởi mỗi chữ ứa lệ khi lão Hạc khóc. Khi "rân rấn" khi "âng ặng nước", khi khóc thầm, khi òa vỡ. Nước mắt ẩn cả trong nụ cười: "cười đưa đà", "cười nhạt", "cười và ho sòng sọc", "cười như mếu". Thật xúc động đọc đoạn lão khóc con đi phu: "tôi chỉ còn biết khóc, chứ còn biết làm sao được nữa? Thủ của nó, người ta giữ. Hình của nó, người ta chụp rồi. Nó lại đã lấy tiền của người ta. Nó là người của người ta rồi, chứ đâu còn là con tôi?..."

Đoạn văn như bị xé tung mảnh về ngữ điệu hay tung mảnh tim tươi tả của lão biến thành văn? Đứt nối, nghẹn ngào, tức cười. TÔI - NÓ - NGƯỜI TA, ranh giới ngã nghiêng! "Nó" cứ vuột khỏi "tôi" về phía "người ta" để trên trang giấy nỗi đau bất lực xé ruột.

Con lão ra đi để một kỷ niệm buồn - con chó "mua về nuôi định lúc cưới vợ thì giết thịt". Lão gọi là Cậu Vàng, bắt rận, tắm, cho ăn trong bát, chửi yêu, nói chuyện. Cậu thế chỗ đứa con, cùng

(1) Trần Đức San bán con chó yêu quý + Trần Quý Đào ăn bả chó chết (theo Thang Ngọc Pho và Trần Quang Vinh trong "Làng Đại Hoàng và sáng tác của Nam Cao").

(2) Vũ Bằng

lão chia sẻ niềm đau và hiu quạnh. Thế mà cuối cùng lão phải bán vì không có gạo nuôi cậu. Bán cậu, lão ta nghĩ đến cái chết. Lão chết thì cậu tiêu đời. Để cậu đi trước còn được việc. Bán xong, lão cố làm ra vui vẻ nhưng trong lão cười như mếu và đôi mắt ặng ặng nước... *Mặt lão đột nhiên co dùm lại, những vết nhăn xô lại với nhau, ép cho nước mắt chảy ra. Cái đầu lão ngoeo về một bên và cái miệng móm mềm của lão mếu như con nít. Lão hu hu khóc...*" Tôi cũng khóc bởi chất người bộc lộ cao độ trong tiếng khóc ấy. Lão khóc vì trót lừa một con chó. Còn tôi khóc vì những giọt nước mắt chân thật, tinh khiết như rỉ ra từ đá của một con người! Phải là người "biết khóc" mới tả được đoạn ấy. Ít chữ mà chan nỗi đau cùng cái đẹp, thẩm thía "tuổi già hụt hụt như sương", òa vỡ nhiều nỗi niềm. Cậu Vàng chết cũng đỡ tủi. Tư dung tôi nhớ mẫu tin trên báo. Một ông cán bộ giàu rất cưng con chó của mình. Khi sống mua 15 con berger cho nó bầu bạn. Khi chết trên 10 mâm cỗ, 3 xe ô tô và ban bè đưa đi. Con chó ấy và Cậu Vàng, con nào tốt phúc hơn?

Con đi phu, lão chết già nửa. Bán Cậu Vàng, lão chết hẳn. Lão chết từ đó, chẳng đợi khi tự tử bằng bả chó. Tôi tự hỏi sao lão không chọn cái chết đỡ đớn đau hơn? Thì ra lão quá nhạy cảm! Cái gì do lão, lão không quên. Lão không quên mình là người cha không tròn trách nhiệm nên chết để giữ vươn cho con. Lão không quên lão đã đưa Cậu Vàng vào chỗ chết nên chọn cái chết bằng bả chó. Khó quên câu nói của lão; "Kiếp con chó là kiếp khổ thì ta hóa kiếp cho nó để nó làm kiếp người...kiếp người như kiếp tôi chẳng hạn!". Kiếp chó - kiếp người, ý thức áy thật sâu cay! Tâm hồn lão cũng vậy, bản chất thiên lương tư sáng trong đói nghèo, ngu dốt. Không thể phân biệt đó là vẻ đẹp người mẹ, người cha, nông dân vô học hay kẻ có học. Đó là vẻ đẹp CON NGƯỜI, sâu sắc, thắm thầm!

Cái chết dữ dội như con chó dại ấy lại là cái chết của một con người nặng yêu thương, trọng nghĩa tình. Nó khép lại thiên

truyện nhưng không đè nặng tim tôi như cái chết Chí Phèo, bâ cụ trong *Một bữa no*, *Lang Rận*... Họ đã trở thành những bóng ma thơ thần trong các ngõ trăng lênh láng đói nghèo của làng Vũ - Đại - ngày - ấy,toi tả, nhau nát khổ đau nhưng vẫn cháy bỗng khát vọng được sống - như - một - con - người! Sống trong văn Nam Cao cực nhục đẩy nhưng vẫn có gì chân thực, cao quý. Miếng ăn, cái đói, nước mắt đều tự vượt mình để người đọc suy nghĩ. Trang viết Nam Cao không chỉ dừng lại ở tiếng kêu cứu đói, cứu khổ mà còn cứu lấy nhân cách, nhân phẩm bị chà đạp bởi đói khổ. Có thứ văn chương không viết cho một thời. Văn Nam Cao nằm trong trường hợp ấy. Soi vào bức tranh đời hối hổi niềm đau, tạp lẩn xấu - đẹp vẫn thấy mình, thấy người trong đó. Lê sống cũng từ những cái không nguyên vẹn, tròn trịa, yên lành ấy ra đi. Đối với hiện thực, Nam Cao không nặng về phê phán, tố cáo mà khơi gợi, ngẫm nghĩ. Bi kịch đời thường trở thành bi kịch vĩnh cửu bởi những điều vật vãnh nhất cũng tự nói lên ý nghĩa về cuộc sống và con người. Người ta gọi ông là nhà văn hiện thực phê phán. Còn tôi muốn gọi ông là nhà văn *hiện thực - nhân bản*. Ông để lại những câu chuyện “không có hậu” mà “hậu” trong lòng thì dần vặt những nhân vật bất hủ nhào nặn bởi chất liệu cuộc đời và tấm lòng nhà văn có tài. Họ mãi cùng ông sống trên trang viết Nam Cao.

Gấp sách, thầm thía lời ông: “Chao ôi! Đối với những người ở quanh ta, nếu ta không cố tìm hiểu họ, thì ta chỉ thấy họ gàn dở, ngu ngốc, bần tiện, xấu xa, bỉ ổi...toàn những cớ để cho ta tàn nhẫn”.

Giá mà học được chữ “cố” của Nam Cao, tôi tin sẽ gặp những anh Chí, Lão Hạc...bằng xương bằng thịt ở bất cứ mọi thời. Liệu lúc ấy tâm đồi có xúc động như khi gặp trên trang sách?

Hoàng Thị Thương (Quế Hương)

Tiếng nói tri âm, NXB Trẻ  
và báo Kiến thức ngày nay, 1996)

## NGHỆ THUẬT VĂN XUÔI CỦA TRUYỆN NGẮN “LÃO HẠC”

CHU VĂN SƠN

Phải đến khi truyện *Lão Hạc* khép lại, ta mới thấy ớn lạnh: thì ra toàn bộ câu chuyện là một cuộc chuẩn bị để chết một con người! Lão Hạc cứ âm thầm làm nốt những phần việc cuối cùng của một kiếp người để rồi tự sát! Vậy mà cả ông giáo và người đọc đều không hề hay biết. Cái chết của lão là một cú giáng vào thói hổ đồ, hờ hững, cố chấp vẫn cầm tù chúng ta. Khi ta sáng mắt lên, hiểu ra tất cả những tính toán lo liệu gàn dở lẩn thẩn của lão Hạc, thực chất lại chứa đựng một phẩm chất người nguyên sơ, thuần khiết, cao quý vô ngăn, thì đã muộn, đã quá muộn rồi! Bản linh lớn của văn Nam Cao có lẽ ở đấy. Cứ viết về những cuộc đời nhỏ mọn tầm thường, cứ viết những chuyện vặt vãnh, tảo mòn không đâu của cái đời thường té nhạt, ngán ngẩm này thôi, thế mà nó có thể *dẫn vặt cuộc đời*, có thể làm đau tất cả chúng ta. Bởi dưới ngòi bút của Nam Cao cái nhỏ nhặt không đâu vụt trổ nên thăm thẳm, cái hàng ngày dễ quên lại chứa đựng cái muôn đời, phát hiện càng sâu sắc bao nhiêu lại càng truyền cảm bấy nhiêu. Viết về *cái tầm thường* mà làm sống dậy những ý nghĩa *Không thể xem thường*, ấy là giải pháp nghệ thuật độc đáo của Nam Cao vậy.

Tôi không nghĩ rằng tạo nên thành công nghệ thuật của truyện ngắn *Lão Hạc* là chỉ nhờ vào bàn tay của cấu trúc, dù rằng ở đây nó cũng là một đặc sắc. Trước hết, mạch truyện của *Lão Hạc* được Nam Cao tổ chức theo cái lôgic quanh co quen thuộc và tự nhiên trong nhận thức của nhân vật ông giáo. Cứ “ngộ nhận” rồi “vỡ lẽ”, rồi lại “ngộ nhận” để rồi cuối cùng kết thúc bằng một “vỡ lẽ” muộn màng, hụt hắng. Ông lại phối dựng được một cấu trúc cảm hứng - ý tưởng đa tầng để mạch truyện tải

được trộn vẹn đến ba cảm hứng lớn; nó khiến cho câu chuyện đơn sơ mà có sức chứa, sức nén không ngờ. Vừa triết luận về vấn đề nhìn đời bằng đôi mắt của tình thương<sup>(1)</sup>, vừa triết lý về kiếp sống cực nhọc của con người trên mặt đất này<sup>(2)</sup>. Nếu hai cảm hứng ấy có cơ ép mạch truyện theo hướng luận đề khô cứng, thì một cảm hứng lớn hơn, từng ám ảnh cả đời văn Nam Cao, được chọn làm dòng chủ lưu, đã khiến cho tính luận đề mờ hẳn: Ấy là cảm hứng khám phá những bí mật của người nông dân Việt Nam<sup>(3)</sup>. Mà ở chỗ này, nhân tố quyết định sự sống còn của một chính thể tác phẩm, là chiều sâu và sức sống của hình tượng nhân vật chứ không phải sự lôi cuốn của mạch truyện hay cấu trúc ý tưởng và cảm hứng. Vậy là cái thần, cái hồn của truyện là nằm nơi lão Hạc, và bút lực Nam Cao cũng hội tụ ở nhân vật này thôi!.

\* \* \*

Lão hiện ra tự nhiên quá đỗi, cứ như thấy thế nào tả thế ấy, chẳng gia công sắp đặt, bài binh bố trán gì. Mà chấp nối từ toàn những chuyện không đâu vào đâu: nào đắn đo về bán hay không bán con chó Vàng và mảnh vườn, chuyện ốm đau tiêu lạm vào số tiền góp nhặt, chắt bóp, dành dụm được, nào chuyện thằng con đi xa có đến hàng năm chẳng giấy má gì...được kể nhân lúc hút

(1) "Chào ôi! Đối với những người quanh ta, nếu ta không cố mà tìm hiểu họ, thì ta chỉ thấy họ giàn dở, ngu ngốc, bẩn tiện, xấu xa, bỉ ổi...tuy nhiên những cố để cho ta tàn nhẫn, không bao giờ ta thấy họ là những người đáng thương, không bao giờ ta thương..."

(2) "Kiếp con chó là kiếp khổ thì ta hóa kiếp cho nó để nó làm kiếp người, may ra có sung sướng hơn một chút (...) nếu kiếp người cũng khổ nốt thì ta nên làm kiếp gì cho thật sướng? (...) chẳng kiếp gì sung sướng thật, (...)".

(3) Trong Đôi mắt, Nam Cao gọi là "Người nhà quê" (Người nhà quê dấu sao thì cũng còn là một cái bí mật đối với chúng ta)

thuốc lão vật của hai ông hàng xóm, thế thôi. Ấy thế nhưng, lão hiện lên là nhờ một chùm tương quan được giấu kín trong cái mạch dây vẫn vơ, tùy tiện ấy, tựa như một “hệ vi mạch” bí mật và hoàn hảo. Mỗi tương quan là một luồng sáng, chúng hội tụ về từ khắp phía giúp nhà văn làm rạng người lên chân dung lão Hạc. Lão được miêu tả song song với ông giáo để đối sánh, làm bật nổi lên tâm lý nông dân bên cạnh tâm lý trí thức. Tương quan với Bình Tư để tạo ra một sự đối chọi gay gắt: một người lương thiện đến mức thánh thiện, một kẻ bất lương đã đến thành lưu manh; người này muốn trọn đạo làm người thì phải chết, kẻ kia cố bám lấy cái sống thì phải thủ tiêu phẩm chất con người. Còn tương quan với nhân vật vợ ông giáo là để lão Hạc hiện rõ lên trong một phân lập khác: một người dù có khổ đến thế nào cũng không tiêu diệt được lòng nhân hậu, vị tha; kẻ kia vì quá khổ đã sinh ra vĩ kỷ. Nhưng dầu sao, những luồng sáng kia sẽ trở nên mờ nhạt không đáng kể, nếu như không có hai tương quan cuối cùng đem lại cho nhân vật cả đường nét, vóc dáng và linh hồn: lão với đứa con trai và với con chó Vàng.

Với đứa con trai duy nhất, Nam Cao nhìn ra ở người cha xác xơ, cõi cõi này một tình phụ tử nguyên sơ và vĩnh cửu. Không phải lão không biết quý sinh mệnh của mình. Tuy nhiên, có một thứ lão còn quý hơn: ấy là đạo làm người, làm cha! Đối với lão, sống dường như chỉ có một nghĩa: *sống cho con!* Hoàn cảnh cùng cực đẩy lão đến trước một lựa chọn nghiệt ngã: Muốn sống thì phải lối đạo làm cha (phải xâm phạm vào mảnh vườn - tài sản duy nhất đáng giá mà lão đâm ngày gìn giữ để bù trì tạo lập cho giọt máu duy nhất mình để lại cho vợ trên cõi đời này), còn muốn trọn đạo làm cha thì phải chết. Và lão đã quyên sinh. Cái chết của lão khiến ta đau đớn nhận ra tình phụ tử mộc mạc ấy mới thắm thầm và mới thiêng liêng làm sao! Nó xui ta nhớ đến cha con Chủ Cù Văn và Chủ Đồng Tử. Người cha hấp hối cứ một mực dành cho con cái khố độc nhất, còn mình chết có vui không

trong đất lạnh cũng xong! Thì ra cái dòng máu ấy vẫn chảy âm thầm và bền bỉ trong trái tim mỗi người cha Việt Nam suốt mấy nghìn năm nay, nó sẽ là vẻ đẹp bất diệt của dân tộc này!

Nhưng không có con chó Vàng có lẽ truyện *Lão Hạc* không thể nào sâu lắng và cảm động đến thế. Dùng con vật như một đối sánh để khắc họa chân dung con người không còn là một thủ pháp nghệ thuật xa lạ nữa. Trở đi trở lại trong nhiều tác phẩm Nam Cao, con chó đã thực sự là một tình tiết nghệ thuật đắt giá. Vậy mà ám ảnh hơn cả vẫn là cậu Vàng của ông lão này thôi. Ở đây, con chó nào cũng chỉ sắm một vai truyện, cậu Vàng còn như một phần của lão Hạc. Liệu có thể hình dung đầy đủ về lão Hạc không, nếu thiếu đi con chó ấy? Rõ ràng, Nam Cao có dụng ý đối chiếu ý thức sở hữu của anh trí thức và người nông dân. Ông giáo vô cùng quý những cuốn sách của mình. Nhưng với ông giáo, sách chỉ là một kỷ vật về một thời đầy mơ ước, và cũng chỉ thế thôi! Con chó Vàng với lão Hạc thì biết bao ý nghĩa. Nó là một *tài sản* (lão lẩm bẩm quy ra tiền), một *vật nuôi* (định bụng lúc cưới thằng con sẽ thịt), nó còn là kỷ vật của đứa con trai, một mối dây liên lạc lạ lùng giữa lão với đứa con vắng mặt. Song, phát hiện sâu sắc đến kỳ lạ của ngòi bút Nam Cao ở đây, vẫn là tư cách thứ tư của nó: một *thành viên* trong gia đình lão Hạc. Có một đứa con độc nhất thì đã bỏ lão mà đi. Sống cô quạnh trong một tuổi già trống trơ, lạnh lẽo, lão có một nhu cầu rất tự nhiên: được làm cha, làm ông nội. Có bao nhiêu tình cảm chất chứa trong lòng, lão dồn hết vào con chó. Lão coi nó như một đứa con, rồi chăm chút cưu mang như một đứa cháu nội bé bỏng, côi cút: lão bắt rận, lão tắm, lão trò chuyện âu yếm, lão gọi là “cậu Vàng như bà hiếm hoi gọi đứa con cầu tư”, lão mắng yêu, lão cưng nựng, dấu dí. Cứ thế, ranh giới giữa sự phân đẳng *người - vật* (chủ sở hữu và vật bị chiếm hữu) đã bị xóa nhòa tự bao giờ. Đường như vật nuôi đã được *người hóa*. Ý thức chiếm hữu thông thường đã chuyển hóa, kết tinh thành một tình cảm thiết

thân, máu thịt. Có phải đây là bản tính tự nhiên xa xưa và bất diệt của con người? Bản tính ấy được và chỉ được bảo tồn nguyên vẹn trong những con người như lão Hạc? Và xem ra, chỉ khi nào con người tìm đến với những vật nuôi như câu Vàng kia để thấy sự chia sẻ và nương tựa như là một đồng loại, khi ấy nó mới trở về với bản tính cội nguồn, về với cách sống thực sự nhân văn. Lão Hạc đã đến với con chó Vàng như thế! Cũng vì thế mà khi cuộc sống tàn ác buộc lão phải chà đạp, phải thủ tiêu quan hệ tình cảm này, lão đã rơi vào bi kịch. Lúc cùng đường, buộc phải trả con chó về địa vị thông thường của một *vật nuôi*, một tài sản, nghĩa là xóa bỏ tư cách một *kỷ vật*, một *thành viên*, một *người bạn tận tụy trung thành*, đối với lão là một tội hình không thể tha thứ. Lão coi đó là một sự lừa gạt, phản phúc! Lão đã đau đớn, đã khóc như một đứa trẻ con, đã xưng tội trước ông giáo, những mong làm dịu bớt nỗi căm xé tâm can. Những giọt nước mắt của lão là những giọt nhân tính thanh khiết nhất mà cuộc vật lộn sinh tồn cứ lầm le cướp nốt của mỗi chúng ta! Rồi thì lão cũng đi. Nhưng có lẽ không vì những lời an ủi của ông giáo. Nó tạm yên, chủ yếu vì lão cũng đang đi đến cái chết như cách lão giải thoát cho cậu Vàng thôi. Và thật kinh khủng, trên đời này có biết bao cách chết, vậy mà lão như muốn trừng phạt mình trước con chó Vàng yêu dấu: lão tự đánh bả chính mình! - tự chọn cho mình cái chết thê thảm của một con chó! Y như một sự thuộc tội, thanh minh với cậu Vàng của lão. Chao ôi! Có ngẫu nhiên không, khi Nam Cao viết cái kết cục đến với cậu Vàng là thằng Mục và thằng Xiên đè lên nó, kết cục với lão Hạc cũng là hai kẻ lực lưỡng đè trên lưng, còn lão thì rũ rượi, vật vã, sùi bọt? Một tương quan thật tàn nhẫn, thật cay đắng! Con chó không chỉ làm hiện lên nguyên vẹn tính người tự nhiên sâu thẳm trong lão Hạc. Đằng sau đó, Nam Cao còn kín đáo kí thác một triết lý đau buồn về thân phận trơ trọi của con người trên mặt đất này.

\*  
\* \*

Khá nhiều truyện ngắn thành công lại đã vay mượn “tố chất” của các thể loại khác: chất trữ tình của thơ, xung đột gay gắt của kịch, kích cỡ đường nét tung hoành tráng của sử thi, chất tự do phóng túng của tùy bút, rồi thì chất sử ký, chất cổ tích v.v... Thật là muôn hình vạn trạng! Còn *Lão Hạc* thì cảm động ngay trong tính văn xuôi của nó. Nghệ thuật của lời văn Nam Cao lại chính ở chỗ nó đã tước đi mọi trang sức. Riêng ngôn ngữ nhân vật lão Hạc thôi đã đủ thấy vẻ đẹp của lối văn ấy. Lời lão là sự lên tiếng của tính cách, của giọng điệu, của cả tâm lý nồng dân của lão vốn nặng những lo toan, tính đếm, kể lể, cà kê...nhiều câu rất bâng quơ, lạc điệu so với mạch đối thoại, khiến nó có cái vẻ lẩn thẩn, lầm cảm rất riêng. Nhưng thực ra nó che giấu một mạch ngầm. Nó có vẻ gần giống với cái văn được gọi là “tảng băng trôi” ở Hemingway, thành thử lời gàn gèn, lẩn thẩn lại là những trao gửi, ủy thác khôn ngoan nhất của một người sắp đi vào cái chết. Ấy là những lời mà độ dư vang của nó không cảm nhận được tức thời. Nó vang lên ở không gian khác. Chỉ khi truyện kết thúc, ta mới thấy tiếng vọng chợt nhói lên của nó. Ví như “được q, tôi đã lo liệu đâu vào đây...thế nào rồi cũng xong”. Lúc nào nói, ta chỉ cảm được cái bè nổi là an ủi cho ông giáo yên lòng để việc mình nhờ trôi đi trót lọt. Khi chuyện khép lại, thì hóa ra “Được q...thế nào rồi cũng xong” chính là muôn ám chỉ cái chết mà lão đang ngấm ngầm định liệu cho mình. Những lời ấy chợt mở ra cái thế giới cao đẹp đầy dữ dội và hết sức cô đơn của lão Hạc. Nó chưa từng được cảm thông! Đến khi cảm thông được thì đã muôn mất rồi! Nó chỉ còn day dứt và dần vặt ta, không buông tha cho lòng ta. Khả năng truyền cảm kỳ lạ của văn xuôi Nam Cao là thế! Nó không còn là văn nữa! Nó là Đời!

(Rút trong tập *Tiếng nói tri âm*, t.2  
NXB Trẻ, TP HCM, 1996)

**Đề 6:**

Trong *Trăng sáng* của Nam Cao tác giả nói nhiều đến ánh trăng. Hình ảnh đó được mô tả như thế nào? Theo anh chị hình ảnh đó có ý nghĩa gì trong tác phẩm?

## TÌM HIỂU ĐỀ

1- *Thể loại*: Phân tích tác phẩm.

2- *Nội dung*: Ánh trăng lúc nào cũng đẹp nhưng cuộc đời lúc bấy giờ chỉ đầy đau khổ. Người làm nghệ thuật không thể thả hồn mơ mộng theo ánh trăng mà phải viết về nỗi khổ đau cùng cực của con người trong cuộc sống đời thường. Có thể xem truyện ngắn *Trăng sáng* là lời tuyên ngôn về sáng tác của Nam Cao.

3- *Tư liệu*: Truyện ngắn “*Trăng sáng*” của Nam Cao.

## DÀN BÀI

### 1- Mở bài

“*Trăng sáng*” là một trong những tác phẩm tiêu biểu nhất viết về đề tài người trí thức nghèo trong xã hội cũ của Nam Cao. Thông qua truyện ngắn đặc sắc này, nhà văn đã gửi gắm một bản tuyên ngôn nghệ thuật của mình được phát biểu qua ý nghĩ của Điền, nhân vật chính trong truyện là một nhà văn trẻ.

Đúng như nhan đề của tác phẩm đã dự báo trong *Trăng sáng* của Nam Cao, tác giả nói nhiều đến ánh trăng. Hình ảnh ánh trăng đó được mô tả ra sao và có ý nghĩa như thế nào đối với tác phẩm?

### 2- Thân bài

a- *Truyện ngắn Trăng sáng, Nam Cao nói nhiều đến ánh trăng. Hình ảnh ánh trăng đó được tác giả miêu tả như thế nào?*

Trong *Trăng sáng* có ba lần Nam Cao nói đến ánh trăng:

- Lần đầu: Điền ngồi trên ghế mây ngắm nhìn trăng. Anh thấy trăng đẹp vô cùng:

*"Trăng là cái liềm vàng giữa đống sao. Trăng là cái đĩa bạc trên tấm thảm nhung da trời. Trăng tỏa mộng xuống trần gian. Trăng tuôn suối mát để những hồn khát khao ngуп lặn. Trăng, ôi trăng!..."*

- Lần kế giữa lúc cảnh nhà đang rối: vợ bận biu trăm việc bộn bề, con đau yếu, Điền nhìn thấy ánh trăng:

*"Trên kia, trăng nhởn nhơ... Gió nhẹ nhàng đặt trên lá những bước chân vữn nữ. Những tàu lá chuối láng trăng đưa đẩy..."*

Vẫn là ánh trăng đầy thơ mộng như đoạn trên nhưng ánh trăng trong đoạn này có khác. Đây là vẻ đẹp của ánh trăng gợi tình lợi lá. Vì sao lại có điều khác nhau như vậy? Bởi vì lúc này, nhà văn trẻ Điền đang muôn phiền bất mãn về thái độ cục cằn của vợ mình. Là trí thức tiểu tư sản hay mộng mơ, anh đã thoát ly khỏi hiện thực làm khổ tâm mình, để bay bổng thả hồn theo ánh trăng mơ mộng hão huyền.

- Lần sau cùng: Con bệnh. Điền nhìn cảnh con mình uống thuốc một cách khổ nhọc mà đau đớn nhận thấy trăng tuy đẹp nhưng rất xa lạ:

*"Chao ôi! Trăng đẹp lắm. Trăng dịu dàng và trong trẻo và bình tĩnh. Nhưng trong những căn lều nát nẻ, trăng làm cho cái bè ngoài trông cũng đẹp, biết bao người quắn quại, nước nở, nhăn nhó với những đau thương của kiếp mình. Biết bao tiếng nghiến răng và chửi rủa! Biết bao cực khổ và lám than?..."*

Đối chiếu ba lần nói đến trăng vừa kể bên trên trong tác phẩm *Trăng sáng* của Nam Cao ta thấy: tuy cùng là ánh trăng tỏa sáng trên mái nhà, mảnh sân nhà của nhà văn trẻ Điền, nhưng hình ảnh đó trong ba thời điểm, ba hoàn cảnh khác nhau nên đã thể hiện lên mỗi lần mỗi một khác.

Từ lần đầu, ánh trăng vẻ đẹp thơ mộng của muôn thuở được nhà văn với *cái liêm vàng*, *cái đĩa bạc* đến lần kế ánh trăng gởi tình và lần sau cùng ánh trăng vẫn đẹp nhưng là cái đẹp nhân tâm, cái đẹp vô tình, xa lạ và lừa dối đối với con người.

b- Ý nghĩa của ánh trăng trong truyện ngắn "Trăng sáng" của Nam Cao:

- Ánh trăng là biểu tượng cho cái đẹp, cái mơ màng huyền ảo và bay bổng trong cuộc sống.

- Ở đây, Nam Cao mượn ánh trăng để so sánh với nghệ thuật lăng mạn. Ánh trăng lăng mạn làm đẹp cả những cảnh vật thực ra chỉ tầm thường, xấu xa nữa là khác. Theo nhà văn, nghệ thuật lăng mạn cũng như ánh trăng nó không sát cuộc đời thực, nó lừa dối, xoa dịu, ru ngủ người ta ngay khi đang sống trong đau khổ lầm than. Con người không thể bỏ mặc người thân yêu rên xiết đau đớn để sống mông mơ cho riêng mình. Người cầm bút làm nghệ thuật cũng không thể chạy theo cái đẹp hình thức, cái đẹp lừa dối đó mà phải đi sâu vào cuộc sống đời thường của những con người nghèo khổ lầm than trong xã hội. Trong hoàn cảnh cuộc sống còn nhiều kiếp lầm than đau khổ mà nghệ thuật thì cứ như ánh trăng kia thì không hợp tình, không hợp cảnh..."Nghệ thuật không cần phải là ánh trăng lừa dối, nghệ thuật không nên là ánh trăng lừa dối, nghệ thuật có thể là tiếng đau khổ kia thoát ra từ những kiếp lầm than". Đây không những là chủ đề của truyện mà còn là tuyên ngôn nghệ thuật danh thép của Nam Cao. Nam Cao mượn ánh trăng để thể hiện sự chuyển biến trong tâm của Điền, nhân vật chính trong truyện nhằm bộc lộ chủ đề của tác phẩm.

### 3- Kết bài

- "Trăng sáng" là câu chuyện kể trong đó Nam Cao mượn ánh trăng để thể hiện sự chuyển biến trong tâm trạng của Điền, nhân vật chính trong truyện. Ngòi bút của nhà văn đi sâu vào

nội tâm của một trí thức nghèo đang thất nghiệp này trong ba lần ngắm trăng để phát biểu một quan niệm về sáng tác “Nghệ thuật phải phục vụ nhân sinh”. Người cầm bút không được “trốn tránh” sự thực mà hãy “cứ đứng trong lao khổ, mở hồn ra đón lấy tất cả những rung động của đời”.

- Có thể xem đây là một tuyên ngôn xác định nhiệm vụ nghệ thuật cho những người cầm bút nói chung và cho tác giả nói riêng. Hơn ai hết, Nam Cao là nhà văn hoàn toàn đạt được sự đồng bộ giữa quan niệm sáng tác và thực tiễn sáng tác. Bởi vậy, có người nhận xét đối với ông, sáng tác làm sáng tỏ thêm cho những tuyên ngôn nghệ thuật của mình và ngược lại những tuyên ngôn nghệ thuật ấy đã giúp nâng những sáng tác của ông lên một trình độ tự giác rất cao.

#### Đề 7:

Sau cơn say, khi nhớ lại hành động thô bạo của mình đối với vợ, Hộ (Đời thừa) của Nam Cao đã ân hận, nhận mình là *một thằng khốn nạn*. Nhưng Từ không công nhận điều đó, Từ nói:

- *Không! Anh chỉ là một người khổ sở! Chính vì em mà anh khổ...*

Tại sao vì Từ mà Hộ đau khổ? Nỗi khổ của Hộ gợi cho anh chị những suy nghĩ gì về thân phận người nghệ sĩ nghèo trong xã hội cũ?

### TÌM HIỂU ĐỀ

- 1- *Thể loại:* Phân tích nhân vật.
- 2- *Nội dung:* Thân phận cùng khổ cay đắng của người nghệ sĩ nghèo trong xã hội cũ.
- 3- *Tư liệu:* *Đời thừa, Trăng sáng, Sóng mòn* của Nam Cao.

## DÀN BÀI

### 1- Mở bài

Một trong những tác phẩm tiêu biểu nhất của Nam Cao viết về đề tài người trí thức nghèo trong xã hội cũ là *Đời thừa*. Nhân vật chính của truyện ngắn này là Hộ. Sau cơn say, khi nhớ lại hành động thô bạo của mình đối với vợ, Hộ đã ân hận, nhận mình là một thằng khốn nạn. Nhưng Từ - vợ của Hộ - không công nhận điều đó, Từ nói:

- Không! Anh chỉ là một người khổ sở! Chính vì em mà anh khổ...

Tại sao vì Từ mà Hộ đau khổ. Nỗi đau khổ của Hộ gợi cho người đọc những nghĩ suy gì về thân phận người nghệ sĩ nghèo trong xã hội cũ.

### 2- Thân bài

a- *Nỗi đau khổ của Hộ trong tác phẩm ĐỜI THỪA*

\* Cuộc sống của Hộ trước khi lấy Từ:

- Về mặt vật chất: Tuy có thiếu thốn eo hẹp, nhưng Hộ chẳng chút lo âu vì anh không hề bận tâm đến bạc tiền cơm áo.

- Về mặt tinh thần: Do nuôi hoài bão lớn tên tuổi mình phải được khẳng định nên Hộ săn sàng quyết tâm hi sinh phần đầu để nghĩ đến một tác phẩm sẽ được viết ra “nó sẽ làm mờ hết những tác phẩm khác cùng thời”. “Đối với anh lúc này đói rét không có nghĩa lý gì”. Anh khinh những lo lắng tằn mẩn về vật chất, mải mê đọc sách, nghiên cứu và viết lách.

\* Nỗi khổ của Hộ sau khi lấy Từ:

- Về mặt vật chất: gánh nặng cơm áo của gia đình luôn luôn đổ cả lên đôi vai của Hộ. Anh buộc phải đổi thay cách sống, phải lo toan đến những điều “tẹp nhẹp” vô nghĩa lý. *Hộ điên người lên vì phải xoay tiền... vì con khóc, nhà không lúc nào yên tĩnh...*

- Về mặt tinh thần: Hộ đau đớn vất vả vì phải viết vội vàng cầu thả, vì phải xem việc viết văn như một phương cách kiếm tiền. "Mỗi lần đọc lại một cuốn sách hay một đoạn văn ký tên mình, hắn lại đỏ mặt lên, cau mày, nghiến răng và nát sách và mắng mình như một thằng khốn nạn". Hộ buồn đau tột cùng, anh thảng thốt nhận thấy đời mình không một chút ý nghĩa: "Thôi thế là hết! Ta đã hỏng! Ta đã hỏng dứt rồi".

- Tại sao vì Từ mà Hộ khổ:

Sau khi có Từ làm vợ Hộ "có cả một gia đình phải chăm lo". "Đứa con này chưa kịp lớn lên, đứa con khác vội ra, mà đứa nào cũng nhiều dẹn, nhiều sài, quấy rầy, khóc mếu suốt ngày đêm và quanh năm uống thuốc". Từ thì "săn sóc chúng đã đủ ốm người rồi chẳng thể làm thêm một việc gì khác nữa"... Do đó mà cảnh nhà luôn túng thiêu. Hộ tự thấy xấu hổ cho trách nhiệm làm chồng làm cha mà không kiềm dù tiễn nuôi vợ con.

Vì bận tâm đến cuộc sống cơm áo của vợ con, Hộ đã phải viết toàn những cái vô vị nhạt nhẽo, dẽ dái, tầm thường, phải viết ẩu, bô bác trái với lương tâm và trách nhiệm của người cầm bút chân chính. Chao ôi! "Đau đớn thay cho những kiếp sống muôn cát cánh bay cao nhưng lại bị cơm áo ghì sát đất" (Sống mòn). Đây chính là tẩn bi kịch của cuộc đời viết văn của Hộ.

Tẩn bi kịch đó được thể hiện qua diễn biến tâm lý đầy mâu thuẫn luôn giằng xéo, cấu xé day dứt trong tâm hồn một nhà văn có lương tâm và trách nhiệm này: Một mặt Hộ muốn có tiền để nuôi sống vợ con, một mặt khác anh mơ ước được "mở hồn ra đón lấy những vang vọng của đời" để viết ra một tác phẩm lớn nói được những cái "lớn lao mạnh mẽ vừa đau đớn vừa phẫn khởi. Nó ca tụng lòng thương, tình bác ái, sự công bình. Nó làm cho người gần người hơn".

b- Những suy nghĩ về thân phận người nghệ sĩ nghèo trong xã hội cũ: Hộ một nhà văn trẻ tiêu biểu cho nghệ sĩ nghèo trong

xã hội cũ, một tri thức cầm bút có tâm huyết và tài năng. Anh là một nhà văn giàu lòng tự trọng, rất mực say mê văn chương khao khát danh tiếng không muốn sống một cuộc đời mờ nhạt bị lãng quên. Hộ là một con người vừa chán kiêu ngạo vừa dễ bị quan chán nản thiếu tự tin. Nhưng nhìn chung, trước sau anh vẫn là người nhạy cảm với *tiếng đau khổ kia thoát ra từ những kiếp lầm than* nhất là những kiếp người yếu đuối bất hạnh.

- *Hộ là một người tốt, đáng thương:*

Là một người tốt, Hộ giàu lòng nhân đạo vị tha. Gặp hoàn cảnh éo le của Từ - một người phụ nữ bị tình nhân phụ bạc, bỏ rơi cùng với một đứa con mới đẻ, và một bà mẹ già mù “*quanh năm nay ốm mai đau, mà Từ vẫn phải nuôi*”; “*Hộ đã cúi xuống nỗi đau khổ của Từ*”, nhận nàng làm vợ “*nuôi Từ, nuôi mẹ già con dại cho Từ...*”

Hộ là một nhà văn chân chính. Ôm áp một hoài bão lớn về sự nghiệp văn chương, tự nguyện dâng hiến cả đời mình cho nghề văn. Hộ chẳng những say mê văn chương mà còn xem đó là một lạc thú tinh thần không gì sánh được. Vì lý tưởng văn chương, anh sẵn sàng hi sinh mọi thứ: *Hắn là một nhà văn... Đau hắn mang một hoài bão lớn. Hắn khinh những lo lắng tốn mòn về vật chất. Hắn chỉ lo vun trồng cho cái tài của hắn ngày một thêm nảy nở. Hắn đọc, ngẫm nghĩ, tìm tòi, nhận xét và suy tưởng không biết chán. Đối với hắn lúc ấy, nghệ thuật là tất cả, ngoài nghệ thuật không còn gì đáng quan tâm nữa...* Là một nhà văn giàu lòng tự trọng có ý thức sâu sắc về nghề văn Hộ viết thận trọng. Anh quan niệm “*Sự cẩu thả trong bất cứ nghề gì cũng là một sự bất lương rồi nhưng sự cẩu thả trong văn chương thì thật là đê tiện*”.

Chính vì giàu lòng nhân đạo vị tha mà Hộ đã nhận Từ làm vợ để rồi từ đó tâm hồn anh tràn nặng những lo lắng, muộn phiền. Chính vì là một nhà văn chân chính, giàu lòng tự trọng nên Hộ luôn bận tâm đến những trang viết “vô vị” “nhạt nhẽo” “những

*bài báo để người ta đọc rồi quên ngay sau lúc đọc*" của mình. Anh tự thấy xấu hổ và khó chịu trước việc phải cho in nhiều cuốn *văn viết vội vàng* của mình. Nếu không, Hộ sẽ cứ thanh thản dùng ngòi bút làm phương tiện kiếm tiền nuôi vợ con mà không chút trở trăn day dứt nào.

Hộ là một con người thật đáng thương bởi đời anh là một bi kịch tinh thần đau đớn triền miên của người trí thức tiểu tư sản một nhà văn tuổi trẻ khát khao được lao động sáng tạo và sống nhân ái với tất cả mọi người nhưng chỉ vì miếng cơm manh áo của bản thân và gia đình mà phải viết cẩu thả để kiếm tiền, khiến mình trở thành "*một người thừa*" một kẻ "*dê tiện, bất lương*". Luôn luôn bị giằng xé giữa ước mơ nghệ thuật cao cả với hiện thực cuộc đời toàn những điều *tẹp nhẹp vô nghĩa lý*. Hộ đã thầm thía hơn ai hết nỗi khổ của kẻ làm chồng làm cha phải nhìn thấy vợ con mình đói rách.

- Để giải uất giải sầu, Hộ - người nghệ sĩ bất đắc chí ấy đã vào quán rượu. Trong cơn say, anh càng thấm thía nỗi đắng cay khổ sở của mình và anh đã trút trọn nó vào vợ con những người mà anh xem là nguồn gốc trực tiếp của tình cảnh bế tắc của đời mình. Khi tỉnh rượu, nhớ lại hành vi thô bạo của mình, Hộ hết sức hối hận. Anh tự nhận mình là *một thằng khốn nạn*.

Tìm đến quán rượu đối với nhà văn Hộ cũng chỉ mới là nhằm để giải buồn chứ đó chưa phải là những cuộc hành lạc trác táng. Nhưng anh cũng đã phải trả giá. Anh hối hận vì đã xúc phạm đã gây nỗi đau khổ nặng nề cho vợ anh, người mà anh hết lòng thương mến. Chính cái con người coi tình thương là lẽ sống ấy đã vi phạm vào lẽ sống tình thương của mình. Lúc tỉnh dậy, Hộ đã phải đau khổ: "*Hắn ôm chặt bàn tay bé nhỏ của Từ vào ngực mình mà khóc (...) Hắn càng khóc to hơn và cố nói qua tiếng khóc*:

*Anh... anh... chỉ là...một thằng...khốn nạn..."*

Xa hơn nữa là thấy như thế là sai, nhưng Hộ không sao khắc phục được.

- Nhà văn Hộ bé tắc vì không sao giải quyết được mâu thuẫn trên:

Cái vòng luẩn quẩn vì gánh nặng áo cơm, dói thiếu nên phải viết vội vàng, cầu thả để kiếm tiền, sau đó, tự giày vò, buồn khổ lại đi uống rượu, say rượu về nhà hành hạ vợ con, tinh ra lai ân hận... cứ thế, tiếp tục mãi... đã thể hiện sinh động tần bì kịch tinh thần của nhà văn Hộ. Bản chất giàu lòng nhân đạo, lấy tình thương làm lẽ sống của con người đáng thương này đã giúp anh dù bị rơi vào vực sâu bế tắc đau đớn nhưng vẫn vật vã quằn quại để vươn lên lẽ sống nhân đạo. Nhà văn Hộ dù vô cùng đau khổ vì thấy đời mình là *dời thừa* vẫn không chịu rời bỏ vợ con để có thể rảnh tay theo đuổi sự nghiệp cao cả cho bản thân mình.

- Hộ (*Dời thừa*), Thú (*Sóng mòn*), Điền (*Trăng sáng*) là những nhân vật tiêu biểu cho tầng lớp những người nghệ sĩ nghèo trong xã hội cũ.

### 3- Kết bài

Thông qua nhân vật Hộ, người đọc càng hiểu thêm tần bì kịch của người trí thức nghèo có lý tưởng trong xã hội cũ. Nam Cao đã thể hiện khá sinh động mối mâu thuẫn giữa những khát vọng chân chính, ý thức sâu sắc về giá trị cuộc sống và nhân phẩm với hoàn cảnh xã hội. Sự kiềm tím miếng cơm manh áo với những tính toán “tẹp nhẹp” hàng ngày. Truyện ngắn *Dời thừa* là lời kết án danh thép cái xã hội thực dân nửa phong kiến ngột ngạt thối nát đã nhẫn tâm tước đoạt giá trị con người, không cho người ta sống đàng hoàng cao đẹp mà khiến họ có sống chăng cũng chỉ là kiếp “*sóng mòn*”, một kiếp “*dời thừa*” mà thôi. Ý nghĩa nhân sinh sâu sắc của tác phẩm này chính là ở chỗ đó.

*Đề 8:*

Phân tích tinh bi kịch của người trí thức nghèo trong xã hội cũ qua nhân vật *Hộ* trong truyện ngắn *Đời thừa* của Nam Cao.

## TÌM HIỂU ĐỀ

- 1- *Thể loại:* Phân tích nhân vật.
- 2- *Nội dung:* Nỗi khổ của người nghệ sĩ nghèo trong xã hội cũ.
- 3- *Tư liệu:* *Đời thừa, Trăng sáng, Sóng mòn* của Nam Cao.

## DÀN BÀI

### 1- Mở bài

Vốn xuất thân là một nhà giáo, một nhà văn nghèo nên hơn ai hết, Nam Cao cảm thông sâu sắc với nỗi khổ của người trí thức nghèo.

- Nhân vật *Hộ* trong truyện ngắn *Đời thừa* của ông là nhân vật tiêu biểu cho tinh bi kịch của người trí thức nghèo có lý tưởng trong xã hội cũ.

### 2. Thân bài

Tinh bi kịch của người trí thức nghèo có lý tưởng trong xã hội cũ này là một nỗi đau đớn phát sinh do hai mâu thuẫn chính không sao giải quyết được đã dằn vặt tâm hồn: *Mâu thuẫn giữa lý tưởng và thực tế, giữa ước mơ và hiện thực nói một cách khác là giữa hoài bão lớn và thân phận đời nghèo bi “áo cơm ghì sát đất”*:

- Là một nhà văn chân chính có tinh thần tự trọng, có ý thức sâu sắc về nghề nghiệp của mình, *Hộ* xem việc viết văn là một lao động nghệ thuật đòi hỏi sự nghiêm túc công phu và thận

trọng: “*Sự cẩu thả trong bất cứ nghề gì cũng là một sự bất lương rồi. Nhưng sự cẩu thả trong văn chương thì thật là đê tiện: Đó là quan niệm đúng đắn và cao đẹp của Hộ. Bởi vậy anh đọc, ngẫm nghĩ, tìm tòi nhận xét và suy tưởng không biết chán.*

Đối với Hộ, “*Văn chương không cần đến những người thơ khéo tay, làm theo một vài kiểu mẫu đưa cho. Văn chương chỉ dung nạp được những người biết đào sâu, biết tìm tòi, khơi những nguồn chưa ai khơi, và sáng tạo những cái gì chưa có*”... Người trí thức nghèo này xem viết văn là một nhiệm vụ cao cả, thiêng liêng nhằm xây dựng tình thương, lòng bác ái giữa loài người. Anh nghĩ: “*Một tác phẩm thật giá trị, phải vượt lên bên trên tất cả bờ cõi của giới hạn, phải là một tác phẩm chung cho loài người. Nó phải chứa đựng được một cái gì lớn lao, mạnh mẽ, vừa đau đớn lại vừa phán khởi. Nó ca tụng lòng thương, tình bác ái, sự công bình...Nó làm cho người gần người hơn*”.

Đúng là “*Tài cao, phận thấp, chi khì uất*”. Hộ với ước mơ lớn lao, cao đẹp như thế, nhưng đã vấp phải một thực tế phũ phàng và khắc nghiệt nên ước mơ đã vỡ òa như bọt nước. Khi còn độc thân cuộc sống tuy eo hẹp nhưng anh chẳng có gì bǎn khoǎn vì vốn chẳng bận tâm về tiền nong. Nhưng từ khi lấy Từ, Hộ luôn luôn khổ vì túng thiếu phải thường xuyên bán tâm lo kiếm sống; *Hộ điên người lên vì phải xoay tiền...vì con khóc, nhà không lúc nào yên tĩnh*. Trong hoàn cảnh ấy mà làm việc nghiêm túc tập trung nhằm thực hiện mục đích cao cả như đã nói bên trên là chết dói. Do vậy mà Hộ đã phải viết một cách cẩu thả, viết những điều nhạt nhẽo, vô nghĩa làm nên những cuốn sách “*thú phẩm*” để mỗi lần đọc lại anh lại phải xấu hổ với lương tâm tự thấy mình là một kẻ bất lương, đê tiện và đời mình chỉ là một kiếp “*đời thừa*”. Đó là nỗi đau của nhà văn của người trí thức có lương tâm có trách nhiệm trong xã hội cũ.

*Mẫu thuẫn giữa lẽ sống nhân đạo và hành vi phản nhân đạo của mình trong thực tế:*

Chính sự túng quẫn ấy đã giày vò Hộ đến cực điểm “Hắn trở nên cau có vì gắt gỏng...Và nhiều khi không còn chịu nổi cái không khí bức tức ở trong nhà hắn đang ngồi bồng đứng phắt lên, mắt chan chứa nước, mắt hầm hầm. vùng vằng đi ra phố vừa đi vừa nuốt nghẹn.

Để giải buồn, Hộ đã tìm đến quán rượu. Về nhà, trong cơn say anh đã có những hành động thô bạo đối với vợ con. Anh trở nên hung dữ tàn nhẫn: “Phải biết ác, biết tàn nhẫn để sống cho mạnh mẽ” - Câu nói của một nhà triết học nào kia vang lên hùng hồn trong tâm trí anh ta. Chênh choáng hơi men, anh ta trở về nhà, dọa giết vợ con”. “Mấy đứa kia đều đáng vật một nhát cho chết cả (...) Cả con mẹ nữa, con mẹ là mình áy...cũng đáng vật một nhát cho chết cả”.

Chi dọa thôi, chờ thật ra, Hộ chẳng giết hai được ai. Nhưng giữa cơn say điên khùng lên, anh thực sự đã đuổi vợ con mình ra khỏi nhà. Như vậy, một kẻ viết văn từng ấp ú ớ mơ xây dựng tình yêu thương lòng bác ái cho loài người - kẻ từng suy nghĩ: Kẻ mạnh không phải là kẻ giẫm lên vai kẻ khác để thỏa mãn lòng ích kỷ. Kẻ mạnh chính là kẻ giúp đỡ kẻ khác trên đôi vai của mình. Hộ, người đã từng lấy tình thương yêu làm lẽ sống của đời mình đã vi phạm vào lẽ sống tình thương ấy để sáng sớm hôm sau tình giác ra lại tư nhân mình là “một thằng khốn nạn”. “Hắn ôm chặt bàn tay bé nhỏ của Từ vào ngực mình mà khóc (...). Hắn lại càng khóc to hơn và cố nói qua tiếng khóc:

- Anh...anh...chi la...một thằng...khốn nạn!...”

Chính hai mâu thuẫn lớn vừa phân tích trên đã giày vò, hành hạ Hộ với nỗi đau đầy trăn trở không sao giải tỏa được.

### 3. Kết bài

- Tân bi kịch của người trí thức có lý tưởng trong xã hội cũ chính là nỗi đau lớn của một con người luôn khát khao làm được một cái gì hữu ích và hữu dụng để cuộc đời mình cho ý nghĩa

nhung rốt cuộc vì “cơm áo ghì xuống sát đất” khiến sống một kiếp “Đời thừa”. Đớn đau và chua xót hơn nữa là kẻ coi nhân ái là lẽ sống của mình lại chẳng giúp ích được gì cho vợ con mà còn có nhiều lúc đối xử tàn nhẫn vô lý với họ nữa.

– Diễn tả sâu sắc tần bi kịch của người trí thức nghèo có lý tưởng trong xã hội cũ, Nam Cao nhầm lên án cái xã hội thực dân phong kiến tàn bạo đã tước đoạt giá trị tinh thần của cuộc sống, phá hoại nhân cách của con người đặc biệt là người trí thức có hoài bão lớn muốn sống hữu dụng và hữu ích.

## BÀI THAM KHẢO 1

Với Truyện Kiều của Nguyễn Du, người đọc gặp bi kịch của kiếp “tài hoa bạc mệnh”, ở Chí Phèo của Nam Cao, là bi kịch của những khát khao lương thiện và cũng với Nam Cao ta gặp ở *Đời thừa*, tần bi kịch tinh thần của người tri thức. *Đời thừa* bóc lộ rõ nét “*tư tưởng nhân đạo mới mẻ độc đáo của nhà văn lớn Nam Cao*”.

Bi kịch tinh thần của Hộ trong *Đời thừa* là bi kịch của một nhà văn - một trí thức giữa “cơn dâu bể” của cuộc đời, giữa một xã hội “chó đẻ” (Vũ Trọng Phụng) - Nhà văn ấy giữ được phẩm giá của mình, ý thức được “thiên chức”, cao cả của mình vây mà đành bó tay bất lực.

Có thể nói bi kịch đầu tiên trong tần bi kịch tinh thần của cuộc đời Hộ là bi kịch về những giấc mộng văn chương. Hộ đã đặt văn chương lên trên hết, văn chương dường như là khát vọng lớn nhất của anh. Anh muốn trở thành nhà văn chân chính - nhà văn biết “mở hồn đón lấy những vang vọng của đời”. Anh mơ ước đến một ngày anh sẽ viết được một tác phẩm lớn chung cho cả loài người. Nó để cập đến những vấn đề bức xúc của cả xã hội và cả nhân loại. Nó nói được những cái “lớn lao, manh mẽ vừa

đau đớn vừa phán khởi. Nó ca tụng lòng thương, tình bác ái, sự công bình. Nó làm cho người gần người hơn". Và nhất định anh sẽ giật giải Nôben! Đó là cuốn tiểu thuyết vĩ đại trong đời viết văn của anh. Nó sẽ làm rạng danh cho anh, cho nền văn học nước nhà. Đó quả là một ước mơ chính đáng! Không phải người nghệ sĩ nào cũng khao khát như vậy khi bước vào con đường văn chương đầy khổ ái. Nhà văn phải biết xây ước mơ đẹp, và khát vọng của Họ là khát vọng mạnh mẽ nhất và đẹp nhất. Họ xác định đúng con đường cho mình - xác định đúng tư tưởng cho mình.

Anh không sa vào những mơ mộng về nghệ thuật - nghệ thuật là "ánh trăng xanh huyền ảo" (như Điền trong *Trăng sáng*). Anh thấy ánh trăng của nghệ thuật biết "làm đẹp cả những cảnh thật ra chỉ tầm thường xấu xa" Quan điểm của anh đúng đắn lắm! Tư tưởng của anh tiến bộ lắm! Thế nhưng, trong sáng tác của mình anh đã viết những gì? Anh đã cho ra đời những sáng tác như thế nào? Anh không hướng nghệ thuật vào "thứ văn chương của bọn nhàn rỗi", nhưng anh đã viết những gì từ khi anh bắt tay vào sáng tác? Chao ôi! thực tế có phải bao giờ cũng chiều theo khát vọng và đẹp như khát vọng đâu! Anh đã viết những bài mà thậm chí khi đọc thấy tên của mình dưới bài viết, anh phải "đỗ mắt" xấu hổ. Anh giận dữ với chính anh. Anh khinh ghét những tác phẩm chí biết "gợi những tình cảm rất nhẹ rất nồng bằng một thứ văn quá ư bằng phẳng dễ dãi" của chính mình. Đường như anh hoảng hốt, anh ngạc nhiên trước những bài viết của mình mới ra đời. Anh dần vặt ghe góm. Anh muốn nhưng có phải bao giờ ý muốn cũng thành hiện thực đâu! Và đó chính là cả bi kịch của anh - bi kịch của một đời viết văn - bi kịch của người biết mình hiểu mình phải làm gì và dành lựa bút theo những điều chẳng hề muốn. Tôi như cảm thấy cái đau đớn khủng khiếp tự chốn sâu thẳm của tâm hồn anh. Một cái gì đó bỗng chốc đổ sụp trong anh. Đây chính là sự sụp đổ của một khát vọng đẹp và chân chính.

Anh phải viết ấu như thế, bôi bác như thế chính là vì những ràng buộc của “áo cơm”. Chao ôi! Giá như anh cứ được bay nhảy với những giấc mơ ấy!

Nhưng “cơm áo không đùa với khách thơ” (Xuân Diệu). Anh còn vợ và một đàn con nhỏ. Kiêp người với bao toan tính bón bể níu kéo anh, không cho anh bay lên cùng giấc mộng của đời trai trẻ. Chính những nỗi lo về tiền bạc đã buộc anh phải viết những bài trái với lương tâm và trách nhiệm. Trong dầu anh luôn quay cuồng với những toan tính về giá cá sinh hoạt, về bữa ăn hàng ngày... thì đâu còn chỗ cho văn chương nữa. Anh phải viết thật nhanh, thật nhiều để người vợ, đàn con và chính anh khỏi chết đói. Giá như anh cứ rút bỏ cái mòng vần chương thì chắc đời anh chẳng khốn đốn đến thế! Nhưng anh cần nghĩ tới tác phẩm của anh - cái tác phẩm cho toàn nhân loại nên anh lai càng đau đớn. Nước mắt anh không chảy nhưng đau thi chông chát tấp trun hơn. Chao ôi! “Đau đớn thay cho những kiếp sống muôn cát cánh bay cao nhưng lại bị áo cơm gì sát đất” (*Sống mòn*). Đó chính là bi kịch của cuộc đời viết văn của anh - bi kịch của những giấc mộng văn chương chính là ở chỗ đó! Và tưởng như giấc mộng văn chương ấy chính là diều day dứt trong anh mãi không thôi.

Phải có những hiểu biết sâu sắc về tâm tư tình cảm người thì Nam Cao mới viết những dòng dây cảm xúc như thế! Dương như những day dứt trong cuộc đời ông - cuộc đời vẩn sì khô ải - đã nhập vào những suy tư của Hộ, đã nhập vào tận bi kịch tinh thần của Hộ. Có người nói, Hộ chính là hình ảnh của nhà văn Nam Cao thời kỳ trước cách mạng. Tôi không hoàn toàn nghĩ thế. Nam Cao đã có thể bi cơm áo gì chặt nhưng Nam Cao vẫn hơn hẳn Hộ: ông đã biết vượt lén trên những lo toan ấy để biến giấc mơ thành hiện thực. Ông đã viết những lời văn hay nhất, đẹp nhất về cuộc đời, về những kiếp lầm than và chắc chắn Nam Cao không phải đổ mặt khi thấy tên mình sau những tác phẩm như *Chí Phèo*, *Đời thừa*... Bởi chính đó là nơi giấc mơ văn chương

này nở. Có thể tự tin mà nói rằng với *Dời thừa*, Nam Cao đã bộc lộ được tư tưởng nhân đạo mới mẻ, độc đáo của mình khi viết những dòng bi kịch về Hộ. Kinh nghiệm và vốn sống đã cho ông viết những điều có sức rung động, lay chuyển lòng người đến thế! Đó chính là nhờ tư tưởng nhân đạo mới mẻ, độc đáo của nhà văn Nam Cao. Nhân đạo ở sự ca ngợi khát vọng đẹp đẽ của Hộ, nhân đạo ở sự cảm thông sâu sắc với người trí thức...Và có được những dòng như thế cũng là nhờ cái nhân đạo “mới mẻ” độc đáo của Nam Cao. Qua bi kịch tình thần đầu tiên này của Hộ, Nam Cao đã bộc lộ được cảm thông, trân trọng bao kiếp người lao khổ trong cuộc đời này. Và phải chăng tư tưởng ấy đã kế thừa được của cha ông lòng nhân đạo truyền thống. Nhà văn không “phản ánh để phản ánh” mà sau những câu chữ tưởng như lanh đạm, thờ ơ chính là một trái tim nhiệt thành, sôi nổi - một trái tim của tình nghĩa.

Bi kịch đầu tiên của cuộc đời Hộ và đó cũng là nguyên nhân cho bi kịch thứ hai - bi kịch của một con người. Giấc mộng văn chương sup đó qua những bài viết ấu. Thế nhưng Hộ vẫn còn chút an ủi. Đó chính là cuộc sống, sự tồn tại của vợ con anh. Anh chưa thực hiện được khát vọng của mình, anh chưa viết được cuốn tiểu thuyết của đời anh, nhưng anh nuôi dưỡng vợ con. Anh đã kéo dài được sự tồn tại của gia đình mình. Và đó có thể coi là việc làm hữu ích. Đó là cái an ủi cho cái “dời thừa” của một nhà văn. Thế cũng đáng an ủi lắm chứ!

Vì anh là người đặt “tình thương” lên trên hàng đầu, lẽ sống của anh là tình thương. Tình thương là trên hết. Chính trong lời khẳng định về tác phẩm trong tương lai của mình, anh đã nói: Tác phẩm có giá trị là tác phẩm “ca tụng lòng thương, tình bác ái, sự công bình”. Trong văn chương, anh muốn ca ngợi tình thương và trong cuộc đời thực, tình thương là tất cả. Chính vì lẽ sống tình thương của mình, anh đã đón Từ, giúp Từ thoát khỏi những tủi nhục khi một mình trơ trọi với đứa con không cha. Những

giọt nước mắt của Từ và của bà mẹ già của Từ đã khiến anh xúc động. Họ muốn khóc cho đến khi “bao xương thịt cứ tan ra thành nước mắt” nhưng gặp anh, tình thương của anh đã tỏa rang đến họ giúp họ thoát khỏi những đau đớn. Một người dám bỏ cái đời bay nhảy của tuổi xanh để nuôi nấng vợ con chẳng là người dùng cảm lầm sao! Chính tình thương - lẽ sống tình thương đã khiến anh làm việc ấy. Anh cao đẹp quá! Đời anh không phải là “đời thừa” với gia đình nhỏ của anh. Anh đau khổ vì tên anh “cứ lu mờ dần sau những tên khác mới xuất hiện rực rỡ” nhưng với Từ và đàn con - anh là biểu tượng sáng chói của tình thương. Tình thương ấy là rất đáng trân trọng. Trong một xã hội rác rưởi “chó đẻ” như thế, hành động của anh chẳng là một hành động tốt đẹp hiếm hoi hay sao? Thế nhưng, anh cũng chẳng giữ được trọn vẹn cái lẽ sống cao quý ấy của mình nữa. Quả là một sai lầm khi anh kết luận: nguyên nhân trực tiếp cho sự sụp đổ của giặc mộng văn chương chính là vợ anh và đàn con nheo nhóc kia. Anh cạn nghĩ quá! Đó không phải hoàn toàn là lỗi của vợ con anh. Thất vọng trong văn chương, buồn chán trong không khí gia đình đã khiến anh tìm niềm vui trong men rượu. Anh muốn quên, quên đi hết cả.

Anh không say trong men tình ái, trong khúc nhạc dong đưa... mà say khủng khiếp trong men rượu. Chính anh cũng không hiểu tại sao anh về được đến nhà. Anh chỉ biết anh đã tỉnh dậy trên giường nhà mình khi tay chân rã rời. Men rượu “chết tiệt” ấy chính là cái trực tiếp làm bi kịch trong anh xuất hiện. Rượu đã khiến anh trở thành kẻ vô học, rượu đánh đồng những người xấu, người tốt, kẻ giàu, người nghèo trong những cơn say. Khi say, ai cũng như ai hết! Men rượu không giúp anh có được cái tình của Chí Phèo giúp hắn hướng về cái “thiên lương”. Men rượu đã khiến anh thành một kẻ tiểu nhân vô học. Anh đã vi phạm lẽ sống tình thương của mình. Anh đã đánh vợ con anh như một kẻ vũ phu. Vâng, chính lúc đó, anh là kẻ vũ phu. Anh

đã đánh đập vợ, người vợ hiền lành tân tuy của mình không biết bao nhiêu lần nữa mà kể. Anh đã chỉ mặt Từ mà quát mắng:

- "Cá con mẹ này nữa cũng đáng vật chết". Anh đã làm tất cả, tất cả trong say. Sao mà tai hại quá! Anh đã vi phạm lẽ sống của mình, vi phạm cái tốt đẹp - cái phần "người" vô cùng cao đẹp trong tâm hồn anh. Đời anh coi như bỏ đi trong văn chương tưởng còn được an ủi bởi anh đã giữ được trọn vẹn lẽ sống tình thương của mình. Ai ngờ, cuộc sống vẫn không cho phép anh thực hiện được điều đó.

Thế mà nay, chính cái lẽ sống ấy anh cũng chà đạp nốt. Anh - cuộc đời anh quả là "đời thừa". Bi kịch đầu tiên là bi kịch của những giấc mộng văn chương nên cái "thừa" còn không quá nhiều đau đớn như bi kịch này, bi kịch mà kết cục là cái "thừa" ấy của anh đã được thể hiện đầy đủ. Anh đã động đến phần cao quý nhất. Đó là bi kịch tinh thần của một con người mà đau đớn hơn, đó lại là của con người ý thức được phẩm giá nhân cách của mình nhiều nhất! Ở bi kịch trước cái mặc cảm tội lỗi trong anh rất lớn vì anh là một nhà văn. Nếu Chí Phèo chỉ gieo rắc tội lỗi của hắn cho dân làng Vũ Đại, anh giáo Thú chỉ truyền thụ sự chán nản lên đầu học sinh thì anh - anh gieo những "tình cảm rất nhẹ, rất nóng" những tình cảm quá ư tầm thường ấy vào bao nhiêu độc giả. Sự niềm hại ấy lớn hơn. Dù thế bi kịch thứ hai này - bi kịch của một người mặc cảm tội lỗi còn lớn hơn nhiều. Với tư cách một nhà văn anh đã gây ảnh hưởng đến người đọc từ những bài văn viết lấy lợi nhuận. Với tư cách một con người, anh đã gây ra những điều ghê gớm hơn. Xã hội này đã quá nhiều, quá thừa những cái xấu. Anh cố giữ tốt đẹp trong mình thế mà anh cũng phá hỏng nốt. Mặc cảm này quá lớn và không hề có gì để an ủi được. Lẽ sống tình thương là cái được anh đề cao nhất mà anh còn vi phạm thì chẳng gì nữa cả. Bi kịch này của anh, lớn hơn gấp bội bi kịch kia bởi lẽ sống tình thương, chỗ dựa của bao giá trị bao phẩm giá khác đã sụp đổ. Bi kịch này khủng

khiếp và hoàn toàn không có lối thoát và dường như nó bao trùm thành bi kịch của cả đời anh - một “đời thừa”. Anh đổ lỗi tất cả cho gia đình, nhưng tất cả là tại anh. Tuy vậy cũng cần nói thêm rằng, bi kịch ấy có nguyên nhân sâu xa chính từ xã hội đương thời. Chính xã hội ấy đã đẩy anh phải lo “cơm áo gạo tiền”. Nỗi lo sinh kế đã khiến anh phải từ bỏ giấc mộng văn chương. Và chính những thất vọng ấy đã khiến anh chà đạp lên lẽ sống tình thương của mình. Nguyên nhân ấy, có lẽ khi đó anh không hiểu được - nguyên nhân của xã hội thực dân nửa phong kiến - nguyên nhân mà ngày ấy người ta đã nhận ra. Anh chưa tìm được lối thoát cho sự bế tắc. Đó là cái bế tắc của thời đại mà anh sống.

Nhưng đó phải chăng là nét hạn chế trong tư tưởng nhân đạo của Nam Cao? Ông đã biết đề cao những thất vọng đẹp của người trí thức, đã biết thông cảm với những nỗi khổ của họ nhưng chưa đề ra được lối thoát cho họ. Nhưng những “tư tưởng nhân đạo mới mẻ, độc đáo” ấy đã là đáng quý, đáng trân trọng biết bao! Độc đáo, mới mẻ chính là ở lòng thương người - tình người nồng đượm bao la dằng sau lối viết văn tưởng như dừng đung lanh đạm.

Ngày nay cuộc đời đã được đổi thay. Lớp văn sĩ đã thoát khỏi dù là một phần những nỗi lo “cơm áo”, không còn những bi kịch tinh thần đau khổ như Hộ nữa. Nhà văn ngày nay được ưu đãi hơn. Nhưng ta không thể quên thời kỳ mà người trí thức văn nghệ sĩ mang những bi kịch tinh thần.

Tư tưởng nhân đạo mới mẻ độc đáo của Nam Cao đã khiến cho nhân vật dù qua bao thăng trầm vẫn đứng vững với tư cách một con người chân chính.

NGUYỄN HỒNG HẢI  
(Học sinh trường PTTH Hà Tây  
15 điểm, giải nhì)

## BÀI THAM KHẢO 2

Nếu trong *Chí Phèo*, Nam Cao phản ánh số phận của người nông dân nghèo khổ bị bóc lột đến nỗi bị hủy hoại cả nhân tính lẫn nhân hình thì trong *Đời thừa*, nhà văn này đã đề cập tới tấn bi kịch của người trí thức nghèo trong xã hội cũ qua nhân vật Hộ, một nhân vật phản ánh quan niệm sáng tác và bộc lộ bản chất của người nghệ sĩ theo lý tưởng của chính ông.

Do đó, phân tích tấn bi kịch của nhân vật Hộ, ta sẽ hiểu được tư tưởng độc đáo và mới mẻ, những vấn đề có ý nghĩa xã hội và nhân sinh to lớn mà nhà văn đã đặt ra.

Truyện ngắn "*Đời thừa*" đăng trên Tiểu thuyết thứ bảy ở Hà Nội số 490 ra ngày 4-12-1943 là một trong số những truyện ngắn đặc sắc tiêu biểu nhất của nhà văn Nam Cao trước Cách mạng.

Nhân vật chính của truyện ngắn này là Hộ, một nhà văn. Có người cho đây chính là hình ảnh của bản thân tác giả. Cũng như những người trí thức nghèo khác, Hộ "*khao khát cuộc sống có ý nghĩa bằng một sự nghiệp lao động sáng tác có ích cho xã hội*" nhưng rồi rốt cuộc chỉ vì "cơm áo không đùa với khách thơ", chỉ vì gánh nặng của sinh kế gia đình mà anh phải sống một cuộc sống vô nghĩa, vô ích, một "*Đời thừa*" rơi vào tình trạng bi kịch tinh thần đau đớn dai dẳng không lối thoát.

Khi vào đời, Hộ đã áp ủ một hoài bão lớn như đã nói. Tuy phải sống cực nhọc nhưng anh vẫn sẵn sàng tự nguyện hiến dâng đời mình cho nghề cầm bút: "*Hắn đọc, ngẫm nghĩ, tìm tòi, nhận xét và suy tưởng không biết chán: Đối với hắn lúc ấy, nghệ thuật là tất cả, ngoài nghệ thuật không còn điều gì đáng quan tâm nữa. Hắn băn khoăn nghĩ đến một tác phẩm nó sẽ làm mờ hết các tác phẩm khác cùng ra một thời*". Đây không hề là sự thèm khát hư danh của một phàm phu tục tử mà chính là niềm khao khát tự khẳng định mình trước cuộc đời của một cá nhân

có ý thức về bản thân mình về giá trị sự sống, không muốn sống một cách mờ nhạt vô danh, vô nghĩa và vô ích.

Đối với Hộ “nghệ thuật là tất cả” Tuy nhiên, đó không phải là quan điểm “nghệ thuật vì nghệ thuật” là thái độ thoát ly vô trách nhiệm đối với cuộc đời mà đây chính là một niềm say mê mãnh liệt đến độ quên mình của một con người khát khao sống có lý tưởng. Hãy nghe mơ ước của anh về một tác phẩm văn chương “thật giá trị” mà có lần trong lúc cao hứng anh đã nói lên giữa bạn bè. “Nó phải chứa đựng một cái gì lớn lao, mạnh mẽ, vừa đau đớn lại vừa phán khởi. Nó ca ngợi lòng thương, tình bác ái, sự công bình...Nó làm cho người gần người hơn” Đây đúng là một quan niệm tiến bộ về văn chương thể hiện lập trường “nghệ thuật vì nhân sinh” của Hộ mà cũng là của Nam Cao. “Mê văn”, Hộ xem văn chương là một niềm vui to lớn không thể có một thứ lạc thú vật chất nào có thể so sánh nổi. Anh khẳng định với Từ, vợ mình: *Tôi mê văn quá nên mới khổ. Ấy thế mà tuy khổ thì khổ thật, nhưng thử có người giàu bạc vạn nào thuận đổi lấy cái địa vị của tôi chưa chắc tôi đã đổi*”. Đúng là với anh, văn chương là lẽ sống là lý tưởng của đời mình.

Nhưng, cái thời “đói rét không có nghĩa lý gì đối với một gã trẻ tuổi say mê lý tưởng” đã chìm khuất đi nhanh chóng. Hoài bão lớn, lý tưởng đẹp đẽ mà Hộ say mê ấp úng cương quyết đạt tới ấy đã không sao thực hiện nổi. Vì sao? Chỉ vì từ lúc ghép cuộc đời Từ vào cuộc đời mình, anh đã có “những lo lắng liên miên về vật chất” “những bận rộn tẹp nhẹp vô nghĩa lý” của cả một gia đình mà anh phải chăm lo. Nếu trước đây anh hết sức khinh thường đồng tiền thì ngược lại giờ đây anh phải ra sức tìm mọi cách để kiếm tiền. Nếu trước đây, Hộ “viết thận trọng” “chỉ kiểm được vừa đủ” thì giờ đây, anh buộc phải cho in những cuốn sách viết cầu thả những bài báo viết vội vàng để “người ta đọc rồi quên ngay sau lúc đọc”. Đây chính là điều đau khổ, xấu hổ, nhục nhã đối với Hộ. Là một nhà văn có hoài bão lớn, có lý tưởng

dẹp, hơn ai hết, anh hiểu rõ: *Văn chương chỉ dung nạp những người biết đào sâu, biết tìm tòi, khơi những nguồn chưa ai khai, và sáng tạo những cái gì chưa ai có....* Thế mà giờ đây chỉ vì áo cơm ghì sát xuống, anh đã phải viết “*tòan những cái vô vị, nhạt nhẽo, gợi những tình cảm rất nhẹ, rất nóng, diễn một vài ý rất thông thường quấy loãng trong một thứ văn bằng phẳng và quá u dê dãi!*”. Ngay chính anh, Hộ, mỗi lần đọc lại văn mình cũng đã phải đỏ mặt lên, cau mày, nghiến răng vò nát sách mà mắng mình như một thằng khốn nạn”. Vì sao? Vì đối với anh viết dễ dãi, cẩu thả là điều “*bất lương” “đê tiện”* không thể nào tha thứ được của người cầm bút chân chính. Đây chính là tần bi kịch tinh thần đau đớn của Hộ, một con người “*vẫn khao khát làm một cái gì để nâng cao giá trị đời sống của mình mà kết cục chẳng làm được cái gì, chỉ những lo cơm áo mà đủ mệt*”. Dưới ngòi bút sắc sảo, nhà văn đã để nhân vật tự phơi bày bao dằn vặt, đau đớn, tủi nhục day dứt của mình, của một kẻ phải sống như “*một người thừa, một kẻ vô ích*” tuy vẫn muốn sống một cuộc sống có ý nghĩa, có ý thức *nâng cao giá trị đời sống của mình* bằng một sự nghiệp lao động sáng tạo nghiêm túc, hữu ích cho cuộc đời và được cuộc đời công nhận.

Nhưng tần bi kịch tinh thần đau đớn của Hộ đâu chỉ có thể! Miếng cơm manh áo của cuộc sống đời thường khắc nghiệt không chỉ đẩy anh xa rời con đường nghệ thuật chân chính như đã phân tích mà còn khiến anh tha hóa. Hộ đã trở nên cau có, gắt gỏng với vợ với con với cả chính mình để rồi có những hành động vũ phu vi phạm vào nguyên tắc sống tình thương cao cả của chính anh. Thật vậy, gánh nặng cơm áo gạo tiền đã làm xói mòn dần nhân cách khiến anh trở thành một con người khác, lúc nào cũng chát chứa một tâm sự u uất “*mắt chan chứa nước, mặt hầm hầm*” muốn rời bỏ căn phòng ngọt ngào để vùi đầu vào những cơn say. Từ những dòng chữ sắc sảo của nhà văn đã hiện lên một bóng dáng Hộ hết sức bê tha dữ tợn: *Đôi lông mày rậm của hắn chau*

đau lại với nhau và hơi héch lên một chút... Cái mặt hốc hác ấy, nghiêng nghiêng bên trên quyền sách, trông khắc khổ đến thành dữ tợn. Hô, con người đã từng dè ra một lè sóng cao cả cho chính mình: kẻ mạnh không phải là kẻ giảm lên vai kẻ khác để thỏa lòng ích kỷ. Kẻ mạnh chính là kẻ giúp đỡ kẻ khác trên đôi vai của mình, đau đớn thay đã phải nghĩ đến câu nói của một nhà triết học phương Tây: *Phải biết ác, biết tàn nhẫn để sống cho mạnh mẽ*. Hô, con người có tam hồn nhân hậu, có lương bao dung và lòng vị tha dường ấy, đau đớn thay, đã nhiều lần trút lên đầu vợ con nỗi uất ức khôn nguôi của mình. Anh dõi xứ thô bao, tàn nhẫn với vợ con xem ho như những kẻ thù phải tống cổ đi cho hết bằng hết. *"Tôi đuổi tất, không chừa một đứa nào, kể cả con bé Thảo là con ngoan nhất. May đứa kia đều đáng vật một nhát cho chết cả..."*

Thế mà sau những cơn say, lúc tỉnh lại, Hô lại hối hận, nhìn ra sự quá đáng của mình. Anh "*bên tèn kèu mình đã qua chén...xin lỗi vợ và hôn hit các con*". Nội tâm anh lúc này hết sức phức tạp. Khi vừa mới có tiền, Hô muốn dâi vơ con một bữa. Thế mà khi gặp bè bạn, hung phấn, anh đã quên ngay dự định của mình, dốc cạn tiền vào cuộc rượu lại say và lại đánh vợ. Cứ như vậy, luôn luôn có sự giằng xé chất chông bao mâu thuẫn giữa lý tưởng cao cả với thực trạng phải viết vội vàng, cầu thả để kiếm tiền; giữa lè sóng tình thương với những hành động chà đạp lén tình thương, đẩy anh vào một bi kịch tinh thần đau đớn cung đường không lối thoát. Hô đã khóc: *Nước mắt hàn hạt ra như nước một quả chanh mà người ta bóp mạnh. Và hán khóc...Ói chào! Hán khóc! Hán khóc nước nở, khóc như khong thể khong ra tiếng khóc...*"

Đó là tiếng khóc của một con người rơi vào chỗ bẽ tắc. Khám phá và phân tích tần bi kịch tinh thần đau đớn của người trí thức nghèo này, Nam Cao đã tố cáo và lên án cái xã hội đương thời, cái xã hội đã tước đi ý nghĩa cuộc sống của những tâm hồn cao đẹp chan chứa bao khát vọng sáng trong và lè sóng cao quý

của con người. Không những thế, qua đây nhà văn còn nêu lên những quan điểm nghệ thuật mới mẻ tiến bộ đầy tính nhân văn của mình.

Tóm lại, thông qua số phận đầy tính bi kịch của Hộ, nhà văn Nam Cao đã đặt người trí thức cầm bút trước những thử thách dữ dội, tàn nhẫn của sự đói nghèo, trước nỗi lo cơm áo cực nhục hàng ngày đã phải buộc lòng bán cả ngòi bút chân chính của mình để sống một cuộc sống vô nghĩa, vô lý, vô ích của một cuộc “Đời thừa” bế tắc không lối thoát. Có thể xem đây là một tiếng kêu trầm thống đì hỏi phải thay đổi cái cuộc đời ngột ngạt ấy đi để cứu lấy sự sống. Sự dằn vặt trong cuộc sống nội tâm của nhà văn Hộ ở đây phải chăng chính là những trăn bão lòng của Nam Cao trước hiện thực xã hội ngột ngạt đương thời (1930-1945)!

#### Đề 9:

Sách Văn học lớp 11, tập 1, trang 199, 200 nhận định:  
“*Văn sĩ Hộ mang nhiều nét tiêu biểu hay cũng như dở của tính cách một trí thức có tâm huyết, tài năng nhưng sống túng quẫn trong xã hội cũ*”.

Anh (chị) hãy phân tích nhân vật Hộ trong truyện ngắn “*Đời thừa*” của Nam Cao để chứng minh.

### TÌM HIỂU ĐỀ

1. *The loại:* Phân tích nhân vật.
2. *Nội dung:* Làm rõ ý văn sĩ Hộ mang nhiều nét tiêu biểu hay cũng như dở của tính cách một trí thức nghệ sĩ có tâm huyết tài năng nhưng sống túng quẫn trong xã hội cũ.
3. *Tư liệu:* *Đời thừa, Trăng sáng, Sóng mòn...* của Nam Cao.

## DÀN BÀI

### 1- Mở bài

Trong các sáng tác của Nam Cao trước Cách mạng tháng Tám ở đề tài người trí thức tiểu tư sản nghèo khổ nổi bật lên là truyện ngắn *Đời thừa* đăng trên Tiểu thuyết thứ bảy số 490 ra ngày 4-12-1943. Với ngòi bút phân tích tâm lý sắc sảo, trong tác phẩm này, Nam Cao đã phản ánh chân thực tình cảm đau khổ, bế tắc của Hộ, nhân vật trung tâm là một người nghệ sĩ nghèo.

Nhận xét về nhân vật này, sách Văn học lớp 11 trang 199, 200 nhận định:

*"Văn sĩ Hộ mang nhiều nét tiêu biểu hay cũng như dở của tính cách một trí thức nghệ sĩ có tâm huyết tài năng nhưng sống túng quẫn trong xã hội cũ".*

Tìm hiểu phân tích các đặc điểm tính cách của Hộ nhân vật tiêu biểu này chúng ta sẽ nhận định trên của sách giáo khoa là hoàn toàn xác đáng.

### 2- Thân bài

*Phân tích nhân vật Hộ để làm sáng tỏ hai ý chính:*

a- *Văn sĩ Hộ mang nhiều nét tiêu biểu hay cũng như dở của tính cách một trí thức nghệ sĩ có tâm huyết có tài năng.*

- *Nét hay:* Là một nhà văn, Hộ từng nuôi dưỡng, ấp ủ một hoài bão lớn về sự nghiệp cầm bút của mình. Anh không chỉ say mê văn chương xem đó là một thú vui tinh thần không có chi sánh nỗi mà đối với anh văn chương là tất cả lẽ sống và lý tưởng của đời mình. Để thực hiện hoài bão lớn Hộ sẵn sàng hi sinh mọi thứ: *Đói rét không có nghĩa lý gì đối với một gã trẻ tuổi say mê lý tưởng. Lòng hán đẹp. Đầu hán mang một hoài bão lớn (...). Đói với hán lúc ấy, nghệ thuật là tất cả, ngoài nghệ thuật không còn gì đáng quan tâm nữa".* Nhà văn Hộ khao khát một vinh quang

chói loị trong nghề nghiệp: "Cả một đời tôi, tôi sẽ chỉ viết một quyển thôi, nhưng quyển ấy sẽ ăn giải Nobel". Đó là một tác phẩm nó sẽ làm mờ hết các tác phẩm khác cùng ra một thời. Anh khẳng định rõ nét hơn: đó là một tác phẩm văn chương "chứa đựng một cái gì lớn lao, mạnh mẽ vừa đau đớn, lại vừa phán khởi. Nó ca tụng lòng thương, tình bác ái, sự công bình. Nó làm cho người gần người hơn".

Lại nữa, Hộ là một cây bút giàu lòng tự trọng vốn có ý thức sâu sắc về nghề văn của mình. Anh từng quan niệm rất đúng đắn: *Sự cầu thả trong bất cứ nghề gì cũng là một sự bất lương rồi (...) nhưng một sự cầu thả trong văn chương thì thật là đê tiện và anh đã đọc, ngẫm nghĩ, tìm tòi, nhận xét và suy tưởng, không biết chán*" Nhà văn Hộ lại cũng là người cầm bút có ý thức sáng tao hơn ai hết. Theo anh "*Văn chương không cần đến những người thợ khéo tay, làm theo một vài kiểu mẫu đưa cho. Văn chương chỉ dung nạp được những người biết đào sâu, biết tìm tòi, khơi những nguồn chưa ai khơi và sáng tạo những cái gì chưa có*".

Như thế, nét hay tiêu biểu của văn sĩ Hộ là niềm khao khát tự khẳng định mình trước cuộc đời của một con người có ý thức rõ nét về mình về giá trị của cuộc sống, muốn sống một cuộc sống chói sáng bằng việc phát huy hết mức khả năng của chính mình.

- Nét dở: Nhưng là nghệ sĩ, Hộ cũng như nhiều nghệ sĩ khác là rất say mê văn chương nhưng cũng vì văn chương mà dễ cao hứng bốc đồng. Hắn người đọc còn nhớ sau một lần lanh tiên nhuận bút ở tòa soạn báo, tuy đã định mua thức ăn ngon về đãi vợ con, nhưng khi nghe bàn chuyện văn chương, nhà văn Hộ đã bốc lên cùng bằng hữu vào quán rượu tiêu sạch cả khoản tiền mới có, rồi say sưa và sau đó lại hối hận. Là nghệ sĩ, Hộ cũng vừa chủ quan, kiêu ngạo vừa bi quan, thiếu tự tin: *Còn gì buồn hơn chính mình lại chán mình?* Khi sa sút tinh thần hắn thử mặt ra như một kẻ phải đi dày, một buổi chiều âm thầm kia, ngồi trong

một làn khói nồng u buồn mà nhớ quê hương. Hắn cũng nhớ nhung một cái gì rất xa xôi...những梦 đẹp ngày xưa...một con người rất đáng yêu đã chẳng là mình nữa. Hộ buồn bã chán chường vô hạn vì thấy đời mình đã bỏ đi. *Hắn lắc đầu tự bảo: Thôi thê là hết. Ta đã hỏng đứt đi rồi.*

b- *Nhưng Hộ sống tùng quẫn trong xã hội cũ:*

- Xã hội cũ ở đây là xã hội thực dân phong kiến trong giai đoạn cuối cùng một xã hội bế tắc tù đọng ngột ngạt vì đang đứng trước khủng hoảng. Chính cái xã hội ấy đã dày doa con người trong số đó có nhà văn Hộ trong cảnh nghèo nàn tùng quẫn, đã thắt tay vùi dập những ước mơ cao đẹp của con người. Nhà văn Hộ, một nhân vật trí thức luôn luôn bị giằng xé trong một tâm trạng đau đớn. Mơ ước tốt đẹp của anh phải luôn đối đầu với thực tế của một cuộc sống đói nghèo cực nhục với thân phận “ao cám ghì sát đất” (*Sống mòn*) làm nên một tấn bi kịch tinh thần không sao giải quyết được.

- Cái hoài bão lớn về sự nghiệp văn chương mà Hộ đã từng ôm ấp, dưỡng nuôi sẵn sàng hy sinh tất cả để ước mong thực hiện đã không sao thành đạt được chỉ vì *những lo lắng tằn mẩn về vật chất, những bận rộn tẹp nhẹp vô nghĩa lý cơm áo gạo tiền của gia đình nhỏ mà nhà văn Hộ có trách nhiệm gánh vác*. Anh không còn cách nào khác là phải kiêm ra tiền bằng nghề viết văn. *“Hắn phải cho in nhiều cuốn văn viết vội vàng”*. Nỗi đau đớn nhục nhả đối với Hộ là cứ phải viết toàn những cái vô vị, nhạt nhèo, gợi những tình cảm rất nhẹ, rất nồng, diễn một vài ý rất thông thường quấy lỏng trong một thứ văn chương bằng phẳng và quá ư dễ dãi. *Hắn chẳng làm một chút mới lạ gì đến cho văn chương*. Thế nghĩa là hắn là một kẻ vô ích, một người thừa.

- Sự tùng quẫn của cuộc sống đã hành hạ Hộ đến tận cùng. *Hắn trở nên cau có và gắt gỏng (...)* Và nhiều khi, không còn chịu nổi cái không khí bức tức ở trong nhà, hắn đang ngồi bỗng đứng phát lên, mắt chan chứa nước, mặt hầm hầm, vùng vằng đi ra

*phố, vừa đi vừa nuốt nghẹn.* Rồi như một thông lệ, người nghệ sĩ bất đắc chí ấy đã đi tìm sự lảng quên phút chốc trong men rượu. Cơn say không những không làm với đi u uất muộn phiền trong lòng Hộ mà trái lại càng làm anh thàm thia thèm nỗi khổ sở dăng cay của mình và anh đã trút nó vào vợ con mà có lúc anh tưởng đó là nguyên nhân trực tiếp gây ra tình cảnh bế tắc của mình. Sau khi tinh rượu, nhớ lại hành vi thô bạo và tội tệ của mình. Hộ hết sức hối hận, Hộ khóc nức nở. Lời nói nghẹn ngào vì đầm nước mắt của Hộ là lời tư xỉ và đầy đau đớn: “Anh...anh...chỉ là...một thằng...khốn nạn!”.

Cái vòng luẩn quẩn không lối thoát: vì nghèo túng nên phải viết nhanh, viết ẩu để kiếm tiền rồi tự day dứt giày vò bẩn thận, hành hạ làm khổ vợ con rồi lại hối hận...Cứ thế mà tiếp tục không sao giải quyết được. Đó chính là cái bi kịch tinh thần của nhà văn Hộ - nhân vật chính của truyện *Đời thừa* nêu lên vấn đề ý nghĩa sống còn của nghệ thuật, số phận của nghệ thuật chân chính với lý tưởng nhân đạo cao đẹp được đặt trước thử thách nghiệt ngã của sự túng quẫn trong cuộc sống đời thường với gánh nặng áo cơm ghì sát đất.

### 3- Kết bài

Bằng một ngòi bút phân tích tâm lý thật tinh tế, trong truyện ngắn *Đời thừa*, nhà văn Nam Cao đã đi sâu vào những ngõ ngách sâu kín nhất của tâm hồn con người, xoáy sâu vào tần bi kịch của Hộ, một nhà văn nghèo mang nhiều nét tiêu biểu hay cũng như dở của tính cách một trí thức nghệ sĩ có tâm huyết tài năng nhưng sống túng quẫn trong xã hội cũ.

- “*Đời thừa*” là lời kết án cái xã hội thực dân nửa phong kiến ngọt ngạt ngày nào đã tước đoạt mọi giá trị con người đặt những người cầm bút chân chính vào những bi kịch tinh thần đau đớn nhất. Đọc truyện này, ta thêm cảm thông sâu sắc với Nam Cao

dã sống vật vã đau đớn như thế nào. Từ đó ta càng cảm phục thêm một cây bút đầy tâm huyết tài năng dã lớn lên trong hoàn cảnh sống dể tồn tại và cống hiến cho đời.

## ĐỌC THÊM

### VỀ TRUYỆN NGẮN “ĐỜI THÙA”

HÀ BÌNH TRI

(Trích)

(...)

Truyện ngắn *Đời thừa* lần đầu tiên xuất hiện trên tờ tuần báo *Tiểu thuyết thứ bảy*, số 490, ra ngày 4-12-1943, ở Hà Nội.

Qua tác phẩm này, một mặt Nam Cao thể hiện bi kịch tinh thần đau đớn triền miên của người trí thức tiểu tư sản khao khát lao động sáng tạo, sống nhân ái; nhưng chỉ vì miếng cơm manh áo của gia đình và bản thân mà phải chấp nhận cuộc sống vô nghĩa lý, đôi khi tàn tệ với vợ con. Mặt khác, qua nhân vật Hộ, tác giả cũng trực tiếp thể hiện một số quan điểm nghệ thuật sâu sắc và tiến bộ.

Trước hết nói về tiêu đề tác phẩm *Đời thừa*. “Thừa” có nghĩa là vô ích, không cần thiết. “Đời thừa” là cuộc sống, là con người vô tích sự, có cũng như không.

Dây có lẽ là một tác phẩm ít nhiều mang tính chất luận đề, không giống với một số tác phẩm hiện thực khác. Nhân vật Hộ là nhân vật tư tưởng. Do đó, điều quan trọng nhất khi phân tích nhân vật này là làm bật cho được vấn đề tư tưởng mà tác phẩm đã đặt ra, chứ không thể đi sâu phân tích bản chất xã hội hay cá tính nhân vật như phân tích những nhân vật Bá Kiến, Chí

Phèo, hay Xuân Tóc Đỏ... (Mặc dù, trong tác phẩm này Hộ vẫn có một số cá tính khá tiêu biểu cho tầng lớp tiểu tư sản trí thức).

Hộ cũng như phần đông nhân vật trí thức trong sáng tác của Nam Cao, chẳng hạn như Thứ trong *Sóng mòn* (1944), hay Điền trong *Trăng sáng* (1943)...dù ít, dù nhiều đều có những nét tự thuật của chính tác giả. Hộ trước hết là một nhà văn có ý thức sâu sắc về sự sống, khao khát một cuộc sống giàu ý nghĩa, bằng sự lao động sáng tạo của mình. Hộ “mang một hoài bão lớn”, không bằng lòng với cuộc sống vô danh vô nghĩa, anh khao khát tên tuổi phải được khẳng định. Bởi vậy, anh luôn “băn khoăn nghĩ đến một tác phẩm nó sẽ làm mờ hết những tác phẩm khác cùng thời”.

Đâu chỉ có ước mơ, đáng quý hơn, Hộ còn có quyết tâm săn sàng hi sinh, phấn đấu vì nghệ thuật. “Hộ vốn nghèo”, “sống một cách eo hẹp, có thể nói là cực khổ”. Nhưng đối với chàng “tuổi trẻ say mê lý tưởng” này, “đói rét không có nghĩa lý gì”. Hộ “khinh những lo lắng tằn mủn về vật chất”, săn sàng chấp nhận và vượt lên trên những thiếu thốn đồi thường.

Đây đồng thời là một nhà văn có ý thức sâu sắc về nghề nghiệp, “Hộ viết lách một cách thận trọng”. Và anh kiên nhẫn lao động, tích lũy vốn liếng, bằng một nghị lực phi thường. Hộ “đọc, ngẫm nghĩ, tìm tòi, nhận xét và suy tưởng không biết chán”, anh “chỉ lo vun trồng cho cái tài (...) ngày một thêm nảy nở”... Như vậy, ở Hộ tụ được nhiều phẩm chất đáng quý để có thể trở thành một nhà văn chân chính. Nói cách khác, anh có đủ những điều kiện quan trọng cần thiết để có thể thực hiện được hoài bão mình ấp ủ.

Nhưng cũng như bao nhiêu người khác, Hộ không thể sống mãi một mình. Sau khi nhận Từ làm vợ, Hộ “có cả một gia đình phải chăm lo”. “Đứa con này chưa kịp lớn lên, đứa con khác đã vội ra, mà đứa nào cũng nhiều đèn, nhiều sài, quấy rứt, khóc mếu suốt ngày đêm và quanh năm uống thuốc”. Vợ Hộ “săn sóc chúng

dù dù ôm người rồi, chẳng còn có thể làm thêm một việc khác nữa". Gánh nặng cơm áo của gia đình dồn cả lén dồn vai của Hộ. Từ một người "khinh những lo lắng tún mùn", anh buộc phải thay đổi cách sống, buộc phải lo toan tới những điều "tẹp nhẹp" vô nghĩa lý. Dẫu sao, với tư cách là một nhà văn có lương tâm, điều đó vẫn không làm Hộ đau đớn vát và bằng việc phải thay đổi cách viết thân trọng trước đây bằng cách viết "vội vàng" cầu thả. Hộ "phải viết những bài báo để người ta đọc rồi quên ngay lúc đọc"; phải viết "toàn những cái vô vị, nhạt nhẽo gợi những tình cảm rất nhẹ rất nông, diễn tả một vài ý rất thông thường, quấy rối trong một thứ văn chương bằng phẳng và quá ư dễ dãi". Sở dĩ dẫn đến sự thay đổi đau đớn ấy chính bởi cuộc sống cơm áo của vợ con. Hộ chẳng có cách kiếm tiền nào khác, ngoài việc viết văn. Hơn ai hết, Hộ ý thức sâu sắc việc làm tồi tệ của mình. "Mỗi lần đọc lại một cuốn sách hay một đoạn văn ký tên mình, hấn đỏ mặt lên, cau mày, nghiến răng vò nát sách và mắng mình như một thằng khốn nạn"...Buộc phải viết lách dễ dãi, Hộ buồn đau vô hạn, anh tháng thốt nhận thấy đời mình không một chút ý nghĩa: "Thôi thế là hết! Ta đã hỏng! Ta đã hỏng dứt rồi..."

Như vậy, Hộ rơi vào tâm trạng bi kịch. Đây là bi kịch của một nhà văn hết sức coi trọng nghề nghiệp, khao khát có được những tác phẩm chói loí, để "nâng cao giá trị đời sống", nhưng rốt cuộc, lại cứ phải viết một cách cầu thả...khiến mình trở thành "một người thừa", một kẻ "dè tiện", "bất lương". "Còn gì đau đớn cho một kẻ vẫn khao khát làm một cái gì để nâng cao giá trị đời sống của mình, mà kết cục chẳng làm được cái gì, chỉ những lo cơm áo mà đủ mệt?". Hộ thầm thía bi kịch này, và hiểu được sâu sắc nguồn gốc sâu xa của nó, nhưng anh hoàn toàn bất lực, không có cách gì cưỡng lại được quy luật khắc nghiệt của cuộc sống. Anh không thể để vợ con chết đói, nên nỗi đau càng vọt xé triền miên.

Thể hiện bi kịch tinh thần của người tri thức, Nam Cao góp một tiếng nói phê phán cái hiện thực phũ phàng, dập tắt những

ước mơ tốt đẹp, những hoài bão của cá đời người. Chính hiên thực đó còn dấy nhân vật Hô vào bi kịch thứ hai không kém phần chua xót. Nếu nhu bi kịch thứ nhất thiên về khía cạnh nghệ nghiệp (nói cụ thể hơn, đây chính là bi kịch của một nhà văn); thì bi kịch thứ hai dường như được biểu hiện dưới góc độ của một con người nói chung.

Hô là một nhân vật giàu lòng nhân ái, xem tình yêu thương đồng loại như một lẽ sống, một nguyên tắc sống. Theo anh, con người chân chính phái là con người có tình yêu thương đồng loại; mà “đồng loại” gần gũi nhất chính là vợ con. Đối với Hô, “không thể bỏ lòng thương”, bởi vì anh “là con người chớ không phải là quái vật”. Như vậy, trong quan niệm của Hô, tiêu chuẩn để phân biệt giữa con người và con vật chính là tình thương. Chỉ khi nào có tình thương mới đủ tư cách được gọi là *con người*. Từ đó, anh tâm niệm một triết lý sống nhân đạo: “Kẻ mạnh không phải là kẻ giẫm lên vai kẻ khác để thỏa mãn lòng ích kỷ. Kẻ mạnh chính là kẻ giúp đỡ kẻ khác trên đôi vai mình”.

Vào đời, lúc đầu, chàng trai này thực hiên được một cách khá triệt để và hết sức cao thượng triết lý sống mà anh ta đã từng tâm niệm. Gặp cảnh ngộ éo le của Từ - một người phụ nữ bị người tình phụ bạc, bỏ rơi cùng với đứa con mới đẻ, và một bà mẹ già mù “quanh năm nay ốm mai đau, mà Từ vẫn phải nuôi”; “Hô đã cúi xuống nỗi đau khổ của Từ, nhận nàng làm vợ”, “nuôi Từ, nuôi mẹ già con dại cho Từ”... Sau khi có vợ, Hô phải lo cái ăn cái mặc cho một gia đình đông con. Điều này buộc Hô phải đứng trước một sự lựa chọn thật khắc nghiệt: hoặc bỏ mặc vợ con để chuyên chú vào nghiệp văn chương; hoặc phái hi sinh sự nghiệp văn chương để nuôi sống vợ con. Sau cùng, con người chân chính cao thượng đã chiến thắng. Hô đã dứt khoát hi sinh nghệ thuật, nói rộng ra là hi sinh cuộc đời mình vì tình thương, vì con người. Còn gì đau đớn nặng nề hơn đối với một người trí thức có hoài bão, ý thức sâu sắc về sự vinh quang của cá nhân, nay phải chấp

nhận một cuộc đời vô ích, vô nghĩa. Có thấy được sự đau đớn này mới thấy được vẻ đẹp của nhân vật Hộ, và quan trọng hơn là: mới thấy được cội nguồn nhân đạo sâu sắc của nhà văn Nam Cao.

Tuy đã dứt khoát hi sinh vì tình thương, nhưng Hộ vẫn hi vọng chỉ phải tiêu phí "một vài năm để kiếm tiền", sau đó, anh sẽ tiếp tục sự nghiệp của mình. Nhưng cuộc sống túng bấn triền miên của gia đình đã dập tắt nốt nguồn hi vọng tốt đẹp này. Hộ không những không thể sáng tạo được, mà còn không có cả những điều kiện tối thiểu để được thưởng thức văn chương như là một con người có văn hóa. "Hộ điên người lên vì phải xoay tiền" và "còn điên lên vì con khóc, nhà không lúc nào được yên tĩnh"...

Sự hi sinh này đối với Hộ là quá lớn, cho dù đã tự giác quyết định đặt con người lên trên nghệ thuật, anh vẫn không tránh khỏi tâm trạng đau buồn bi phẫn của kẻ "tài cao, phận thấp, chí khí uất" <sup>(1)</sup>. Tâm trạng ấy đôi khi khiến con người thiếu tinh táo có nhu cầu được giải sầu. Hộ đã từng "đi lang thang không chủ đích", và cũng như bao người đàn ông cùng cảnh ngộ; rồi anh tìm đến hơi men. Hơi men có lúc giúp Hộ ngủ say, nhưng rồi nhiều khi nó không đủ sức làm cho anh quên được nỗi đắng cay cuộc đời. Giận cá chém thớt, người nghệ sĩ đầy lòng nhân ái này không còn cách nào khác, dành trút nỗi uất ức vào người vợ "rất ngoan, rất phục tùng, rất tận tâm", và đàn con vô tội. Bằng ngòi bút phân tích tâm lý sắc sảo, Nam Cao vạch ra quá trình từ một nhà văn lấy tình thương làm lẽ sống; Hộ có lúc bỗng thành một kẻ vũ phu, thô bạo, cư xử tàn tệ với những người mà anh ta đã tự nguyện che chở. Thì ra, hiện thực đen tối có thể nhuộm đen tâm hồn của con người vốn trong sáng nhân hậu làm cho họ tha hóa, trở thành kẻ thù của đồng loại.

---

(1) *Thơ Tản Đà* trong bài *Thăm mả cũ bên đường*.

Mỗi khi cơn say qua đi, bình tâm trở lại, Hộ vò cùng hối hận. Có lần nhìn Từ bế con đang thiếp đi trên võng, Hộ thấy bùi ngùi, “đáng thương”, thấy “tất cả lộ ra một cái gì mềm yếu, một cái gì ẻo lả, cần được hấn che chở và bênh vực”. Thế rồi, Hộ “khóc nức nở không ra tiếng khóc”, nước mắt “bật ra như một quả chanh mà người ta bóp mạnh”. Khi vợ thức dậy, hiểu ra; Hộ lại càng khóc to hơn và tự nguyên rủa mình “chỉ là...một thằng...khốn nạn...”. Nước mắt và lời nguyên rủa này chứng tỏ nhân cách đáng quý của nhân vật Hộ. Người đọc thấy anh đáng thương hơn là đáng trách. Thái độ sám hối của Hộ đồng nghĩa với việc chiến thắng của lý tưởng nhân đạo. Đây là một trong những yếu tố quan trọng tạo nên giá trị trong nhiều sáng tác của Nam Cao.

Như vậy rõ ràng, nhà văn Hộ sống giằng xé đau đớn trong hai bi kịch. Thông qua nỗi đau của một nghệ sĩ, Nam Cao muốn nói với người đọc về những vấn đề thật lớn lao: Xã hội cũ không cho phép con người được phát triển lành mạnh; nó dập tắt mọi ước mơ, hoài bão cao đẹp, làm mất đi ý nghĩa chân chính trong cuộc sống của mỗi một con người. Đồng thời, xã hội nói trên còn phá hủy mối quan hệ vốn lành mạnh tốt đẹp giữa con người với con người, khiến tâm hồn họ trở thành khô cằn, thậm chí diến chở dày dặn lẫn nhau, ngay trong cuộc sống hàng ngày.

Bên cạnh nội dung trên, truyện ngắn *Dời thừa* còn được coi là một tuyên ngôn nghệ thuật của nhà văn Nam Cao.

Điều đáng lưu ý là trên thực tế, Nam Cao không có tác phẩm chính luận thể hiện quan điểm nghệ thuật. Nhưng rái rác trong các tác phẩm như *Tu cách mò*, *Trang sang*, *Mua nhà...*, đặc biệt là *Dời thừa*, ta thấy quan điểm nghệ thuật của Nam Cao được thể hiện một cách hệ thống, nhất quán, có nhiều điểm tiến bộ, so với các nhà văn đương thời. Một số khía cạnh trong quan điểm đó chứng tỏ sự phát triển ở trình độ cao của tư duy nghệ thuật hiện thực.

Nam Cao là một trong số không nhiều cây bút sáng tác từ trước Cách mạng, nhận thức được trách nhiệm cao cả của người nghệ sĩ, trong lao động sáng tạo. Qua nhân vật nhà văn Hộ, Nam Cao khẳng định nghề viết văn, trước hết phải là *một nghề sáng tạo*. “*Văn chương không cần đến những người thơ khéo tay, làm theo một vài kiểu mẫu đưa cho. Văn chương chỉ dung nạp những người biết đào sâu, biết tìm tòi, khơi những nguồn chưa ai khơi, và sáng tạo những gì chưa có*”.

Đồng thời, tác giả cũng coi viết văn là một quá trình lao động vất vả nghiêm túc, đòi hỏi người cầm bút phải có trách nhiệm và lương tâm trước bạn đọc, phải biết kiên trì trau dồi sự hiểu biết. Điều này được tác giả nhấn mạnh, thông qua việc miêu tả hình ảnh khắc khổ của nhà văn Hộ đang chăm chú đọc sách, qua thái độ của Hộ với một cuốn sách, hay một đoạn văn viết dễ dài, qua việc đưa ra triết lý: “*Sự cầu thả trong bất kỳ nghề gì cũng là một sự bất lương rồi. Nhưng sự cầu thả trong nghề văn thì thật là đê tiện...*”

Ngoài ra, trong truyện ngắn này, Nam Cao còn nêu lên một cách hàm súc, những tiêu chuẩn cơ bản xác định giá trị của tác phẩm văn chương: “*Một tác phẩm thật sự có giá trị phải vượt lên bên trên tất cả các bờ cõi và giới hạn, phải là một tác phẩm chung cho cả loài người. Nó phải chứa đựng được một cái gì lớn lao, mạnh mẽ vừa đau đớn lại vừa phấn khởi. Nó ca tụng lòng thương, tình bác ái, sự công bình... Nó làm cho người gần người hơn*”. Như vậy, theo Nam Cao, văn chương phải có giá trị phô quát, phải đề cập đến cuộc sống của con người nói chung, với tinh thần nhân đạo cao cả. Nhà văn phải phấn đấu suốt đời cho lý tưởng nhân đạo.

Như đã nói ở trên, Hộ là một nhân vật yêu nghề thuật tha thiết; nhưng khi cần, Hộ vẫn có thể hi sinh nghệ thuật cho cuộc sống. Hộ xót xa ân hận không phải chỉ vì mình kiêm dược quá ít tiền, mà chính vì đã có những lúc chà đạp phũ phàng lên những

người anh vốn yêu thương trân trọng. Từ đó, Hộ khẳng định được triết lí sống nhân đạo. Bài học sâu sắc có thể rút ra từ toàn bộ cuộc đời nhân vật Hộ, cũng nhu nhân vật Điền trong *Trang Sáng* là “nhà văn muốn viết cho nhân đạo trước hết hãy sống cho nhân đạo”<sup>(1)</sup>.

Như vậy, trong truyền ngắn *Đời Thưa*, Nam Cao đã thể hiện khá tập trung quan điểm nghệ thuật của nhà văn tiến bộ. Trong những sáng tác của mình, hơn ai hết, Nam Cao luôn có ý thức tư giác thực hiện đúng điều mà ông đã nêu ra. Nó góp phần tạo nên những tác phẩm mới mẻ có sức hấp dẫn lâu bền đối với bạn đọc.

Những nội dung sâu sắc trên đây đã được biểu hiện bằng một nghệ thuật truyền ngắn bắc thay.

Nêu như ở các nhà văn hiện thực lớp trước, cốt truyện thường là yếu tố quan trọng hàng đầu, đồng thời, họ chú ý nhiều đến hình dáng bề ngoài và hành động của nhân vật...; thì trong *Đời Thưa* có hiện tượng mới mẻ, trái ngược với những điều nói trên. Nam Cao có ý thức và có năng lực phát hiện, miêu tả sâu sắc tâm lí con người. Có khi, chỉ cần qua một vài chi tiết có vẻ như vụn vặt, nhà văn lột tả được nét nội bát nhất trong tâm lý nhân vật. Chẳng hạn, trước lúc tam biệt vợ con đi lấy tiền, Hộ đã có sự ăn năn hối hận bởi đã tiêu phí phạm một món tiền hối dầu tháng, có dự định mua thức ăn vê cho vợ con, anh luôn tâm niệm lay tiền xong là về luôn. Ngay lúc gặp Trung và Mão, mặc cho hai người bạn mời chào vồn vã, Hộ vẫn lạnh nhạt kiên quyết xin về.

Nhưng, khi vừa được tin cuốn sách của một người bạn văn, sắp được dịch ra tiếng Anh, lập tức Hộ “trợn mắt lên”. Anh cảm

(1) Nguyễn Đăng Mạnh - Nhà văn tư tưởng và phong cách. NXB Văn học Hà Nội 1983, tr.160

thấy “người bối hối”, rồi bám riết lấy Mão và Trung. Sau đó, chính Hộ bốc đồng hăng hái rủ hai người đi uống rượu...Thì ra, sự thay đổi nhanh chóng nói trên xuất phát từ tâm lý của một con người vốn suốt đời mê say nghề nghiệp, có hoài bão được khẳng định, nhưng đã bị “áo cơm ghi sát đất”, hoài bão không thành hiện thực. Bởi vậy, khi gặp duyên cơ nào đó, niềm say mê ấy lại bùng lên, khiến anh ta quên tất cả...Cũng nhờ biết tài mô tả tâm lý, Nam Cao đã xây dựng Hộ thành một nhân vật khá sống động: say mê sáng tạo, khát khao quang vinh, khi cao hứng dễ bốc đồng..., (mặc dù do mục đích của tác phẩm, ở đây, tác giả không có dụng xây dựng Hộ thành một nhân vật điển hình như Bá Kiến hay Chí Phèo).

*Đời thừa* còn tiêu biểu cho loại truyện không có truyện. Nhân vật hành động và đối thoại không nhiều. Câu chuyện phần lớn diễn ra qua độc thoại, nói chính xác hơn là qua diễn biến tâm lý của nhân vật Hộ. Hơn nữa, truyện cũng không có bất kỳ một chi tiết nào đặc biệt, và cũng không có sự xung đột giữa các nhân vật. Nhưng thông qua những chi tiết xoàng xĩnh, thường nhật, cũng như việc miêu tả tâm lý...Nam Cao, đã khai quát được những vấn đề lớn lao, có ý vị triết lý sâu xa.

Đây còn là một truyện ngắn có kết cấu mới mẻ. Tác giả đã phá vỡ lối kết cấu theo trình tự thời gian trong các sáng tác trước đây. Phần giữa câu chuyện được đưa lên phần đầu tác phẩm. Từ đó, nhà văn ngược lên phía trước, chủ yếu qua hồi ức, qua suy nghĩ của Hộ...sau đó, lại tiếp đến phần kết thúc. Đây là tác phẩm tiêu biểu của Nam Cao có kết cấu phóng túng, nhưng chặt chẽ theo đúng lôgic tâm lý của nhân vật chính.

Trong *Đời thừa*, Nam Cao còn tạo được một giọng văn lanh lùng khách quan, pha lẫn một chút hài hước, hết sức thích hợp cho việc miêu tả tâm trạng bi kịch của nhân vật, và những tình huống dở khóc dở cười. Tác giả đã gọi Hộ một cách dung dung lanh lùng là “hắn”, đồng thời chú trọng nhấn mạnh một vài nhược điểm thường thấy ở những người nghệ sĩ, chẳng hạn như dễ bốc

dòng, hay kiêu ngạo... Song đằng sau giọng văn có vẻ như kiêu bạo, lạnh lùng, đằng sau “bộ mặt không chơi được” theo cách nói của Nam Cao, là cả một tâm lòng trân trọng, thương xót, sâu sắc. Cũng như Thứ trong *Sóng mòn*, Điền trong *Trăng sáng*, Hộ trong *Dời thửa*, ít nhiều đều có nguyên mẫu từ chính nhà văn Nam Cao dôn hậu, luôn cố gắng không ngừng vươn tới một cuộc sống cao đẹp, xứng đáng với con người.

(Rút trong tập *Giảng văn  
văn học Việt Nam lớp 11*, NXB Giáo dục, 1994).

*Đề 10:*

Phân tích nhân vật Chí Phèo trong truyện ngắn cùng tên  
của Nam Cao.

## TÌM HIỂU ĐỀ

1- *Thể loại:* Phân tích nhân vật.

2- *Nội dung:* Chí Phèo, một trưởng hợp nông dân nghèo khổ lưu manh hóa, rơi vào một bi kịch tâm hồn đau đớn, bi kịch của người bị cự tuyệt không được làm người. Khắc họa nên con người nông dân lưu manh đầy thú tính ấy, Nam Cao không hề bôi nhọ nông dân mà trái lại nhà văn đã đi sâu vào đời sống tâm hồn của nhân vật để phát hiện và khẳng định nhân phẩm đẹp đẽ của họ ngay khi họ bị bọn địa chủ cường hào hủy hoại cả nhân tính lẫn nhân hình.

3- *Tư liệu:* Truyện *Chí Phèo*.

## BÀI THAM KHẢO

Chí Phèo là kết tinh những thành công của Nam Cao trong đề tài nông dân và là một kiệt tác trong nền văn xuôi trước cách mạng. Khác với đa số truyện ngắn khác, Chí Phèo vừa phản ánh

xã hội nông thôn trên bình diện đấu tranh giai cấp vừa thể hiện vấn đề con người bị tha hóa. Qua hình tượng Chí Phèo, một trường hợp nông dân lưu manh hóa, Nam Cao không những đã miêu tả sâu sắc, cảm động cuộc sống dày đoa của người nông dân bị đè nén bóc lột đến cùng cực, mà còn dũng dạc khẳng định nhân phẩm của họ trong khi họ bị xã hội vùi dập đến mất cả hình người, tính người.

Trong làng Vũ Đại, Chí Phèo là một “thằng cùng hơn cả dân cùng”, không cha không mẹ, không thân thích họ hàng, không nhà không cửa, không tấc đất cắm dùi...; cả đời Chí Phèo “chưa bao giờ được chăm sóc bởi một bàn tay đàn bà” đến nỗi mơ ước được chung sống với một người phụ nữ xấu đến “ma chê quỷ hờn” cũng không đạt được. Chí Phèo sống cuộc sống tối tăm của một con vật và chết cái chết thê thảm của một con người. Số phận khốn khổ ấy của Chí Phèo cũng chính là số phận của cả một lớp người cố gắng dưới đáy xã hội nông thôn Việt Nam cũ.

Từ tuổi thơ “bơ vơ hết đi ở cho nhà này lại đi ở cho nhà khác” đến tuổi thanh niên “làm canh điền cho ông Lý Kiến”, Chí Phèo sống cuộc sống lao động cực khổ của người cố nông ở nông thôn. Quãng đời lương thiện ấy chấm dứt khi bị lão Bá Kiến cho giải lên huyện rồi đi ở tù.

Sau 7,8 năm biệt tích trở về, Chí đã hoàn toàn thay đổi. Hắn trở nên xa lạ với dân làng Vũ Đại và cũng xa lạ với bản thân. Hắn không còn là người nông dân lao động nữa mà là phần tử bị loại ra ngoài xã hội loài người. Dù vậy, hình tượng Chí Phèo không phải là ngẫu nhiên, cá biệt. Xã hội thực dân, phong kiến trước đây không hiếm những trường hợp người lao động bị đè nén bóc lột đến cùng cực đã quay lại chống trả bằng con đường lưu manh. Bá Kiến đẩy Chí Phèo vào nhà tù (giai cấp địa chủ phong kiến còn chỗ dựa nào tốt hơn là bộ máy cai trị của “nhà nước bảo hộ” trong việc đàn áp nông dân!); nhà tù thực dân, cái nhà tù đã bắt giam người ta lúc lương thiện và thả ra khi trở thành

hung ác, đã giết chết cái phần người của Chí, biến Chí thành Chí Phèo, một người nông dân hiền lành thành con thú dữ. Hiện tượng bi thảm ấy là có tính quy luật, tính phổ biến trong cái xã hội ăn thịt người đó. Trong nhiều truyện ngắn khác của Nam Cao, ta đã gặp họ hàng xa gần của Chí Phèo: Trạch Văn Đào (Đôi móng giò) cu Lộ (*Tư cách mõ*)...và ngay trong Chí Phèo là Năm Thọ, Bình Chức, những tiền bối gần gũi của hắn. Chí Phèo chết nhưng hiện tượng Chí Phèo phải chăng sẽ hết? Nghe tin Chí Phèo chết, Thị Nở “nhìn nhanh xuống bụng” và bỗng “thấy thoảng hiện ra một cái lò gạch cũ bỏ không, xa nhà cửa và vắng người lại qua...”. Câu chuyện kết thúc ở đó. Sau này Thị Nở có tìm đến cái lò gạch cũ và cho ra đời một Chí Phèo con để “nối nghiệp” bố hay không, điều đó chưa có gì chắc, nhưng có một điều chắc là: hiện tượng Chí Phèo chưa hết chứng nào bọn địa chủ cường hào còn tác oai tác quái trên đầu dân lành không cho ai được sống. “Tre già măng mọc, có bao giờ hết những thằng du côn!”. Sức mạnh phê phán của Chí Phèo trước hết là ở chỗ vạch ra thật hùng hồn cái quy luật tàn bạo, khủng khiếp trong xã hội thực dân, phong kiến đó.

Đi vào cuộc đời người nông dân lưu manh hóa - vừa tiêu biểu cho số phận cực khổ của người nông dân bị đè nén bóc lột vừa tiêu biểu cho sự tha hóa phổ biến trong cái xã hội tàn phá tâm hồn con người , ngòi bút Nam Cao đã đạt tới một sức mạnh phê phán mãnh liệt, sâu sắc ít có.

Nhưng giá trị độc đáo của *Chí Phèo* không phải chỉ ở đó. Vẽ nên hình ảnh người thanh niên lưu manh đầy thú tính, Nam Cao không hề bôi nhọ nông dân mà trái lại, đã đi sâu vào đời sống tâm hồn của nhân vật để phát hiện và khẳng định nhân phẩm đẹp đẽ của người nông dân ngay trong khi họ bị rạch nát cả bộ mặt người, giết chết tâm hồn người.

Cuộc gặp gỡ với Thị Nở đã lóe sáng như một tia chớp trong chuỗi ngày tăm tối dǎng dặc của Chí Phèo. Thị Nở không phải đã khơi dậy bản năng sinh vật ở gã đàn ông Chí Phèo mà sự săn sóc giản dị, đầy ân tình cùng tình thương yêu mộc mạc chân thành của người đàn bà khốn khổ ấy đã khiến bản chất người lao động lương thiện trong Chí Phèo thức dậy. Lần đầu tiên sau bao nhiêu năm, Chí Phèo mới lại nghe thấy tiếng chim hót vui vẻ, tiếng cười nói của mấy người đi chợ về, tiếng anh thuyền chài gõ mái cheo đuối cá...Những âm thanh quen thuộc trong cuộc sống lao động xung quanh ấy hôm nào chả có, nhưng hôm nay bỗng vang động sâu xa trong lòng Chí Phèo như là tiếng gọi tha thiết của sự sống vắng đến đôi tai lần đầu tiên tinh táo của anh. Chí Phèo ăn bát cháo hành từ tay Thị Nở và bỗng nhận ra rằng cháo hành ăn rất ngon. Hương vị của cháo hành hay hương vị của tình yêu thương chân thành cảm động, của hạnh phúc giản dị mà thẩm thía, lần đầu tiên Chí Phèo được hưởng? Lần đầu tiên Chí Phèo “mắt ướn ướt nước” và cười cái cười “nghe thật hiền”. Giờ đây, Chí Phèo mới trở lại là mình, anh rưng rưng và bến lén khi trở về với cuộc sống con người. Anh tha thiết được trở lại với xã hội loài người, anh “thèm lương thiện, muốn làm hòa với mọi người biết bao!”.

Lòng yêu thương, cái tình người cảm động đã thức dậy trong Chí Phèo, phần sâu kín nhất trong tâm hồn, cái bản chất đẹp đẽ của người nông dân lao động bị che lấp, vùi dập bao nhiêu lâu vẫn không tắt. Xưa kia, Chí Phèo đã từng mơ ước một cuộc sống hạnh phúc giản dị trong lao động. Tuy còn trẻ trung, anh cũng phân biệt được tình yêu chân chính và thói dâm dục xấu xa: bị gọi lên bóp chân cho “bà ba”, “anh chỉ thấy nhục chứ yêu đương gì”. Bản chất trong trắng, lương thiện của người nông dân trong Chí Phèo đã bị bọn cường hào và nhà tù thực dân ra sức bóp chết. Chí Phèo không chịu trách nhiệm về tội lỗi của mình. “Trần trụi giữa bầy sói”, anh không thể hiền lành mà muốn sống, anh phải cướp giật, ăn vạ, đâm chém. Muốn thế phải liều lĩnh,

gan gốc: những thứ ấy Chí Phèo tìm ở rượu. Và ở Chí Phèo luôn luôn say, “hắn say thì hắn làm bất cứ cái gì người ta sai hắn làm” Chí Phèo gây tội ác một cách vô ý thức, linh hồn của anh đã bị cướp đi rồi.

Nhưng hôm nay Chí Phèo không say. Tình yêu đã thức tỉnh anh và hé mở cho anh con đường trở lại làm người. Anh hồi hộp, hi vọng. Nhưng con đường ấy bị chấn động: bà cô Thị Nở không cho phép cháu bà “đâm đầu đi lấy mót thằng (...) chỉ có một nghề là rạch mặt ăn vạ!”. Mọi người đã quen coi Chí Phèo như một con vật và không công nhận anh là con người từ lâu rồi. Thế là Chí Phèo rơi vào một bi kịch tâm hồn đau đớn, bi kịch của con người bị cự tuyệt không được làm người. Chí Phèo uống và “ôm mặt khóc rưng rức”. Anh lại xách dao đi, và như mọi lần, vừa đi vừa chửi.

Nhưng bước chân Chí Phèo hôm nay không hẳn là bước chân lượng choạng của kẻ say. Anh đến thăng nhà Bá Kiến chứ không rẽ vào nhà Thị Nở. Có thể vì anh say nên quên dự định lúc ra đi và đi theo thói quen nhưng đúng hơn là anh đã đi theo sự thôi thúc của lòng căm thù giai cấp vẫn âm ỉ chưa tắt trong đáy khói ốc u tối đầy đặc nay đã bùng lên. Quần quai đau khổ vì tuyệt vọng, Chí Phèo càng thấm thía tội ác của kẻ đã cướp quyền làm người, cướp cả hình người, hồn người của mình. Trước Bá Kiến, Chí Phèo “chỉ tay vào mặt” lão, dõng dạc đòi quyền làm người. Lưỡi dao căm thù của Chí Phèo đã vung lên.

Không phải là một vụ giết người mới của một Chí Phèo lưu manh mà đây là một hành động lấy máu rửa thù của người nông dân cùng khổ đã uất ức vùng lên, vùng lên một cách cô độc, tuyệt vọng, manh động. Giết chết kẻ thù, Chí Phèo cũng “chỉ còn một cách” kết liễu cuộc đời mình. Ý thức nhân phẩm trở về, Chí Phèo không bằng lòng trở lại cuộc sống thú vật nữa. Trước đây, để

bám lấy sự sống, Chí Phèo đã bán linh hồn cho quỷ; giờ đây linh hồn ấy trở về, Chí Phèo lại phải thủ tiêu cuộc sống của mình!

Chí Phèo đã chết. Chết vì không tìm ra đường sống. Kẻ thù đã bị đền tội, nhưng “tre già măng mọc, thằng ấy chết còn thằng khác”. Cuộc sống vẫn tối sầm.

Qua Chí Phèo, Nam Cao như đã mơ hồ cảm thấy cái khốc liệt của mối mâu thuẫn giai cấp ngàn đời giữa nông dân và địa chủ không gì có thể xoa dịu, cái sức mạnh ghê gớm của mối căm thù giai cấp đang âm ỉ trong lòng trật tự phong kiến nông thôn, càng nén xuống thì càng dễ nổ bùng không gì có thể dập tắt.

NGUYỄN HOÀNH KHUNG  
(*Lịch sử văn học Việt Nam 1930-1945*)

*Đề 11:*

Phân tích đặc điểm ngôn ngữ kể chuyện của Nam Cao qua đoạn văn dưới đây:

*Hắn vừa đi vừa chửi. Bao giờ cũng thế, cứ rượu xong là hắn chửi. Bắt đầu hắn chửi trời. Có hề gì? Trời có của riêng nhà nào? Rồi hắn chửi đời. Thế cũng chẳng sao. Đời là tất cả nhưng cũng chẳng là ai. Tức mình, hắn chửi ngay tất cả làng Vũ Đại. Nhưng làng Vũ Đại ai cũng tự nhủ: “Chắc nó trừ mình ra”. Không ai lên tiếng cả. Tức thật! Tức thật! Ở thế này thì tức thật! Tức chết đi được mất! Đã thế hắn phải chửi cha đứa nào không chửi nhau với hắn nhưng cũng chẳng ai ra điều. Mẹ kiếp! Thế thì có phí rượu không? Thế thì có khổ hắn không?*

(Chí Phèo)

## TÌM HIỂU ĐỀ

1- *Thể loại:* Phân tích văn học.

2- *Nội dung*: Làm rõ các ý:

- Đặc điểm ngôn ngữ của Nam Cao: *ngôn ngữ kể chuyện sinh động, phong phú, biến hóa* phục vụ có hiệu quả cho nội dung.

3- *Tư liệu*: Đoạn văn trên.

## DÀN BÀI

### 1- Mở bài

*Chi Phèo* (1941) đúng là một truyện ngắn có thể “làm mờ hết các tác phẩm cùng ra một thời” viết về đề tài nông dân trước Cách mạng. Do đâu? Phải chăng là do Nam Cao đã xây dựng thành công hình tượng một nhân vật điển hình cho nông dân cùng khổ bế tắc trong bi kịch bị cự tuyệt quyền làm người? Hay do nhà văn đã đưa ra trong tác phẩm vấn đề xã hội sâu sắc và bức xúc? Hai lý do vừa nêu đều đúng. Ngoài ra còn một lý do không kém phần quan trọng nữa là do tài năng kể chuyện, nghệ thuật kể chuyện và sử dụng ngôn từ của Nam Cao mà đoạn văn sau đây là một minh chứng:

*Hắn vừa đi vừa chửi. Bao giờ cũng thế, cứ rượu xong là hắn chửi. Bắt đầu hắn chửi trời. Có hề gì? Trời có của riêng nhà nào? Rồi hắn chửi đời. Thế cũng chẳng sao. Đời là tất cả nhưng cũng chẳng là ai. Tức mình, hắn chửi ngay tất cả làng Vũ Đại. Nhưng làng Vũ Đại, ai cũng tự nhủ: “Chắc no trùm mình ra”. Không ai lên tiếng cả. Tức thật! Tức thật! Ở thì thế này tức thật! Tức chết đi được mất! Đã thế hắn phải chửi cha đứa nào không chửi nhau với hắn, nhưng cũng chẳng ai ra điều. Mẹ kiếp! Thế thì có phi rượu không? Thế thì khố hắn không?*

Phân tích đoạn văn trên, ta sẽ thấy rõ điều vừa nói

### 2- Thân bài

- Xác định vị trí và nội dung đoạn văn:

Đây là đoạn mở đầu truyện ngắn *Chí Phèo* của Nam Cao, kể về nhân vật chính Chí Phèo đã trở nên côn đồ hung hăn dưới bàn tay đầy nham hiểm và thâm độc của Bá Kiến, một tên cường hào “cáo già” trong nghề thống trị.

- *Phân tích đặc điểm ngôn ngữ kể chuyện của Nam Cao qua đoạn văn:*

Trong văn xuôi tự sự, ngoài nhân vật, cốt truyện, các tính cách điển hình, các chi tiết đời sống... còn phải chú ý đến các hình thức ngôn ngữ như lời đối đáp, lời độc thoại, ngôn ngữ nhân vật và đặc biệt là ngôn ngữ của người kể chuyện đều là những yếu tố có ý nghĩa nghệ thuật. Ở đây phải nói yếu tố ngôn ngữ của người kể chuyện đóng vai trò rất quan trọng trong việc dắt dẫn sự kiện, miêu tả nhân vật phân tích tâm lý, cung cấp một cách nhìn, một giọng điệu tạo không khí để người đọc cảm nhận chúng.

Ở đoạn văn trên, Nam Cao đã sáng tạo được một hình thức ngôn ngữ kể chuyện thật phong phú sinh động và biến hóa. Ở đây, chủ yếu là ngôn ngữ người kể chuyện, nghĩa là truyện được kể chủ yếu ở ngôi thứ ba. Nhân vật kể chuyện có thể là chính Nam Cao (có thể thôi chứ không nên đồng nhất nhân vật người kể chuyện với tác giả). Nhà văn như một chứng nhân kể lại cho người đọc nghe một cách khách quan về “hắn”, về sự xuất hiện, trạng thái và hành động của hắn. Hắn dây chính là Chí Phèo: Chí Phèo say, đi và chửi.

Trước tiên là một thông báo: *Hắn vừa đi vừa chửi... Không ai lên tiếng cả*. Tuy nói thái độ của người kể chuyện là khách quan nhưng đúng là ở đây đã bao hàm một sự nhận định và đánh giá: *Bao giờ cũng thế, cứ rượu xong là hắn chửi*. Điều này góp phần diễn hình một tính cách, một kiểu người, nói rõ hơn là góp phần thể hiện con người, tính cách của Chí Phèo.

Tiếng chửi và cách chửi của anh chàng này cũng thật là đặc đáo. Hắn chửi trời, đời, cả làng rồi cha mẹ... Tất cả đều là những cái thiêng liêng, lớn lao về hình thức nhưng lại là vu vơ trừu tượng. Như vậy đúng là Chí Phèo chưa rõ hay chưa dám kêu thẳng mặt, chửi thẳng tên những kẻ thù địch thực và cu thể của anh chàng. Trong đoạn văn ngôn ngữ tác giả trộn lẫn, kết dính với ngôn ngữ của nhân vật. Lối khẳng định của nhà văn - người kể chuyện nhận định về hiệu quả hành động say và chửi của Chí Phèo: "Có hề gì?" "Thế cũng chẳng sao?" "Không ai lên tiếng cả" "Chẳng ai ra điều" mặc nhiên cho thấy Chí Phèo chỉ là một thằng dở hơi, một thằng điên, một thằng nát rượu không ai thèm chấp nhất làm gì cả.

Tiếp đó là mấy câu: *Ở thế này thì tức thật! Tức chết đi được mất... Mẹ kiếp! Thế thì có phí rượu không? Thế thì có khổ cho hắn không?*... Đây là lối trần thuật gián tiếp xen lẫn với lối trần thuật nửa trực tiếp nửa gián tiếp, vừa là lời nhận định đánh giá của tác giả, vừa bộc lộ được nội tâm của nhân vật ở đây là Chí Phèo. Tâm trạng của anh chàng lúc này là một nỗi uất ức, tức bức vì không ai chịu đương đầu đối chơi để mình phải dám vào không khí một mình như vậy. Điều này cũng cho thấy là Chí Phèo đã mất cả nhân tính khiến người làng Vũ Đại lúc này ai cũng ngại sợ "*con quỷ dữ kia*" nên ai cũng tự nhủ là hắn không dung chạm đến mình. Làm như vậy, vô tình người làng Vũ Đại đã loại Chí Phèo ra khỏi cái cộng đồng bình thường của mình.

Trong đoạn văn trên, tác giả đã sử dụng cùng một lúc nhiều giọng điệu làm nên một màu sắc đa thanh rõ rệt. Người đọc bắt gặp ở đây từ ngôn ngữ tường thuật: "*Hắn vừa đi vừa chửi... Bắt đầu hắn chửi trời... Rồi hắn chửi đời... đến ngôn ngữ bình luận Có hề gì. Trời có của riêng nhà nào. Đời là tất cả nhưng chẳng là ai...*", từ ngôn ngữ nhân vật đến ngôn ngữ của tác giả khi thì lãnh đạm: "*Hắn vừa đi vừa chửi. Bao giờ cũng thế, cứ rượu xong là*

*hắn chửi. Bắt đầu hắn chửi trời. Có hê gì?"... lúc lại trữ tình và gắn bó: "Thế thì có khố cho hắn không?"*

Tác giả lại sử dụng câu ngắn gọn (nhiều câu trong đoạn văn này chỉ có hai chữ, ba chữ, bốn chữ, năm chữ). Các kiểu câu ở đây lại đa dạng và phong phú: Câu kẽ, câu cảm, câu hỏi xen lẫn nhau.

Người đọc giữ nguyên như thấy được Chí Phèo đang ngất ngưởng vừa đi vừa chửi. Thậm chí ngỡ như nghe được tiếng chửi của anh chàng và hình dung được điệu bộ, diện mạo và đặc biệt hơn, hiểu cả thân phận thái độ và tính cách của anh chàng nữa.

Đây là một kẻ hận đời, bị đời đẩy ra khỏi cộng đồng bình thường nên phải đi một mình, trên một đường và chỉ một mình phát ra tiếng nói độc địa, chửi bới phủ định mọi thứ. Đằng sau tiếng chửi vô lối và gây sự đó của Chí Phèo là một nỗi khát khao được hòa nhập vào với mọi người. Nhưng hắn đang gào lên trong vô vọng vì đang bị dân làng Vũ Đại tẩy chay.

Sự biến hóa trong việc sử dụng ngôn ngữ kể chuyện của nhà văn trong đoạn văn trên đã khiến cho câu chuyện càng trở nên chân thực sống động và góp phần biếu đạt một nội dung đầy tính thẩm mỹ sâu xa...

### 3- Kết bài

Qua đoạn văn trích trên, Nam Cao đã kết hợp giữa lời văn tường thuật và lời văn bình luận và đặc biệt là kết hợp nhiều giọng điệu trong một lời văn. Đó là sự kết hợp giữa giọng điệu của nhân vật và của người kể chuyện với hai giọng kể: một giọng sắc lạnh, khách quan và một giọng thì cảm thông tha thiết. Cách viết này không phải theo cách kể chuyện thường thấy của một người chứng kiến ngoại cuộc mà theo cách nháp thân vào nhân vật. Chính vì vậy nhà văn có điều kiện đi sâu vào nội tâm nhân vật nắm bắt và thể hiện thật tinh tế và sâu sắc, tạo ra được một thứ ngôn ngữ kể chuyện biến hóa, sinh hoạt có sức hấp dẫn lôi cuốn người đọc một cách lạ thường.

*Đề 12:*

Nhận định về tác phẩm *Chi Phèo* của nhà văn Nam Cao, *Từ điển văn học* (tập 1, NXB Văn hóa, Hà Nội, 1983) có viết:

*"Điều đặc sắc là, khi miêu tả người nông dân lưu manh hóa, Nam Cao không hề bôi nhọ nông dân mà trái lại, đã đi sâu vào nội tâm nhân vật để phát hiện và khẳng định nhân phẩm của họ..."*

(*Đề thi tốt nghiệp PTTH, năm học 1988-1989*).

### TÌM HIỂU ĐỀ

1- *Thể loại:* Phân tích nhân vật

2- *Nội dung:* Làm rõ hai ý:

- Khi miêu tả người nông dân lưu manh hóa, Nam Cao không hề bôi nhọ nông dân.

- Nhà văn đi sâu vào nội tâm nhân vật để phát hiện và khẳng định nhân phẩm của họ (*ngay trong khi họ bị xã hội cướp mất cả nhân hình, nhân tính*).

3- *Tư liệu:* Truyền ngắn *Chi Phèo* của Nam Cao.

### BÀI THAM KHẢO

Thành công xuất sắc của văn học hiện thực phê phán Việt Nam giai đoạn 1930-1945 là đã khắc họa thành công hình ảnh người nông dân - tầng lớp “thấp cổ bé họng” nhất của xã hội lúc bấy giờ. Người nông dân dưới xã hội thực dân nửa phong kiến bị áp bức bóc lột vô cùng nặng nề: sưu cao thuế nặng, phu phen tạp dịch. Xã hội cũ van ác không những chỉ cướp đi của họ cơm áo, ruộng nương mà còn cướp đi của họ cuộc sống tinh thần của con người. Từ trong vũng bùn đen tối của chế độ thối nát ấy, những

tính cách, những phẩm chất tốt đẹp của người nông dân vẫn được thể hiện rõ nét. Điều này đã được các nhà văn hiện thực phê phán Việt Nam giai đoạn 1930-1945 khám phá, phát hiện và khẳng định. Ở lĩnh vực này có thể coi tác phẩm *Chí Phèo* của Nam Cao như một tác phẩm xuất sắc nhất, tiêu biểu cho dòng văn học hiện thực phê phán Việt Nam giai đoạn 1930-1945.

Cũng như phần đông các nhà văn hiện thực phê phán khác, Nam Cao cũng viết về đề tài nông dân. Ông đã lấy nguyên mẫu ngay ở phủ Đại Hoàng quê hương ông để xây dựng những nhân vật chính của truyện ngắn *Chi Phèo*. Song, nếu như Ngô Tất Tố tập trung miêu tả hình ảnh người nông dân bị hà hiếp, bị bóc lột buộc phải sống một cuộc sống vô cùng nghèo khổ, gia đình tan nát, thì Nam Cao lại hướng ngòi bút của mình vào một khía cạnh khác. Anh nông dân Chí Phèo được khắc họa không phải ở nỗi khổ về vật chất, mà chủ yếu nhà văn muốn đưa đến cho người đọc một điển hình về nỗi khổ tinh thần. Chí Dậu, anh Pha dẫu nghèo nàn, thậm chí bị tan cửa nát nhà, nhưng đâu sao ho vẫn còn được làm người, còn Chí Phèo đã bị chế độ van ác xô đẩy chèn ép, rốt cuộc nó đã cướp đi của Chí cá "nhân hình" lẫn "nhân tính". Cái đau đớn nhất của Chí là không được làm người. Viết về người nông dân lưu manh hóa, Nam Cao đã thể hiện sinh động sâu sắc tình thương trước sự tha hóa của người nông dân. Điều đó đã tạo nên giá trị cơ bản của tác phẩm.

Chí Phèo vốn là một đứa con hoang, không cha, không mẹ. Một anh đi thả ống lươn, một buổi sáng tinh sương thấy Chí trèn truồng xám ngắt trong một chiếc váy đụp trong một cái lò gạch bỏ không. Cũng như không ít đứa trẻ bất hạnh khác, Chí lớn lên nhờ sự cưu mang của những người nông dân như anh đi thả ống lươn hay bác phó cõi... Không miêu tả nhiều, Nam Cao vẫn cho người đọc thấy được Chí Phèo vốn là một nông dân chính cống. Và khi lớn lên, giống như nhiều trai làng khác, Chí cũng đi làm canh điền, một nghề vừa cày ruộng kiêm làm đầy tớ cho địa chủ

để kiếm cơm nuôi thân... Chí là một canh điền khỏe mạnh cần cù, chất phác và biết trọng nhân phẩm. Anh canh điền này chẳng may lại được bà Ba Bá Kiến đặc biệt chú ý Chả là, ông Bá Kiến vừa già lại có bệnh đau lưng, mà bà Ba thì còn trẻ. Chí Phèo được bà Ba gọi đến bóp chân gì đó... “Hắn thấy nhục hơn là thích”, “hắn vừa làm vừa run”... Nỗi nhục phải bóp chân cho vợ ba Bá Kiến cứ theo Chí suốt cả cuộc đời. Như vậy có nghĩa là Chí không chỉ chất phác mà còn là một con người giàu lòng tự trọng, biết khinh bỉ những việc làm xấu xa. Cũng như bao người lương thiện khác, Chí có những mơ ước hết sức giản dị. Chí mơ mình cũng sẽ có một cuộc sống bình thường như trăm ngàn người bình thường khác. Dưới mái nhà tranh nho nhỏ, “chồng cuốc mướn, cày thuê, vợ dệt vải”, “nuôi lấy một con lợn để làm vốn”, nhờ trời khá giả thì “mua dăm ba sào ruộng”. Như vậy rõ ràng, Chí là một nông dân lương thiện với những phẩm chất tốt đẹp và luôn khao khát một cuộc sống lương thiện giản dị bằng mồ hôi sức lực của mình. Điều này nếu ở trong một xã hội bình thường, thì có gì là khó khăn? Ấy vậy mà ở cái làng Vũ Đại của Chí, nói rộng hơn là trong xã hội Việt Nam giai đoạn 1930-1945 nhan nhản những Xuân Tóc Đỏ, Nghị Quế, Nghị Lại, Bá Kiến, Đội Tảo... những người như Chí không bao giờ thực hiện được mơ ước nhỏ bé của mình. Cuộc đời của Chí, nói đúng hơn là quá trình lưu manh hóa của Chí đã có giá trị lên án sâu sắc xã hội tàn bạo, nhơ bẩn đương thời.

Chỉ vì ghen tuông vu vơ, với tài đè đầu cưỡi cổ dân lành, Bá Kiến bắt Chí đi tù. Thế là từ một anh canh điền khỏe mạnh hiền lành bỗng chốc Chí trở thành tội phạm. Vào tù, dĩ nhiên Chí được tiếp xúc với đủ hang lưu manh, anh chị trong xã hội hỗn loạn nhiều nhương này. Tám năm tù, Chí đã thay đổi hẳn cả “nhân hình lẫn nhân tính”. Như vậy, nhà tù đế quốc cùng với bộ máy phong kiến ở chốn thôn quê đã cấu kết chặt chẽ với nhau để biến Chí thành con “quỷ dữ của làng Vũ Đại”. Kể từ khi ở tù về, Chí

triền miên trong cơn say. Hình ảnh anh thanh niên cầm cù chất phác giàu lòng tự trọng xưa kia đã biến mất, thay vào đấy là một con quỷ dữ: “hắn ăn trong lúc say, ngủ trong lúc say, thức dậy vẫn còn say”. Chí săn sàng đập đầu rạch mặt, chửi bới dọa nạt. Và chưa bao giờ hắn tỉnh để nhớ rằng hắn có ở đời. Hắn đã từng tác oai tác quái đối với bao nhiêu dân làng. “Hắn đã phá bao nhiêu cơ nghiệp, đập nát bao nhiêu cảnh yên vui, đập đổ bao nhiêu hạnh phúc, làm chảy máu và nước mắt của bao nhiêu người lương thiện”. Đáng sợ hơn nữa là từ khi trở thành “con quỷ dữ của làng Vũ Đại”, Chí Phèo lại bị chính kẻ thù của mình - địa chủ Bá Kiến mua chuộc. Bá Kiến sử dụng Chí như một thứ công cụ lợi hại để trị những phe cánh đối lập của mình. Như vậy, giai cấp thống trị không những chỉ làm người nông dân bị tha hóa, mất hết cả nhân hình lẫn nhân tính, mà đồng thời chúng còn tận dụng sự tha hóa đó để phục vụ lợi ích bẩn thỉu của mình.

Đoạn miêu tả Chí Phèo ở tù về biến đổi cả nhân hình lẫn nhân tính là đoạn khá đặc sắc trong truyện ngắn này. Ở đây, Nam Cao đã dũng cảm nêu lên một hiện thực đau xót đấy là sự tha hóa của người nông dân trước xã hội thối nát. Chí Phèo đâu phải là một trường hợp cá biệt, thấp thoáng trong *Chí Phèo*, ta còn thấy những số phận tương tự. Đấy là Bình Chức, là Năm Thọ. Tính phổ quát của hình tượng Chí Phèo chính là một trong những yếu tố tạo nên giá trị của tác phẩm.

Khi miêu tả người nông dân bị lưu manh hóa, Nam Cao như một nghệ sĩ leo dây. Nếu không vững tay, nếu không có một tấm lòng nhân đạo đầy đặn, nhà văn dễ dàng đưa nhân vật của mình xuống vực thẳm. Điều đó đồng nghĩa với việc vật hóa con người. Nhưng ở đây Nam Cao đã ghi nhận một thành công rực rỡ. Viết về người nông dân bị lưu manh hóa, nhưng nhà văn đã khẳng định một lần nữa những phẩm chất trong sáng, cao đẹp của họ. Thành công này biểu hiện chiềul sâu nhân đạo của tác phẩm.

Có thể nói số trang Nam Cao viết về đoạn đời thú vật của Chí Phèo nhiều hơn số trang viết về những hồi ức làm người. Song, số trang có phần ít ỏi này lại có giá trị to lớn trong tác phẩm, chứng tỏ bản lĩnh nghệ thuật của người nghệ sĩ. Như trên đã phân tích, Chí Phèo vốn là một nông dân thuần túy. Chỉ có những phẩm chất đáng trân trọng. Nhưng đáng thương là Chí đã bị xã hội biến thành “con quỷ dữ”. Tuy vậy, bản chất tốt đẹp của người nông dân xưa kia vẫn chưa bao giờ nguôi tắt trong con người Chí. Có thể nói nó dâng ẩn một cách bền bỉ, chiến thắng cả hoàn cảnh phũ phàng. Khi có thời cơ thuận lợi, bản chất con người lại bừng lên. Đây chính là sự chiến thắng của cái lương thiện, cái tốt đẹp đối với cái bất lương xấu xa.

Mỗi tình cờ phần thô thiển đối với Thị Nở đã làm cho cuộc đời của “con quỷ dữ làng Vũ Đại” thay đổi lớn lao. Ta còn nhớ một buổi sáng, sau cái đêm gặp Thị Nở, Chí Phèo tỉnh dậy. Và dường như đây là lần đầu tiên trong cuộc đời Chí nghe được âm thanh rộn ràng của cuộc sống. Đây là “tiếng chim hót”, “tiếng cười nói của người đi chợ”, “tiếng anh thuyền chài gỗ mái chèo đuổi cá”, “tiếng những người đi chợ về hỏi nhau giá vải”. Và Chí cảm thấy buồn vì Chí đã trở thành người tinh. Chí đã chấm dứt cơn say triền miên rồi, Chí khao khát trở về với cái xã hội bằng phẳng thân thiện của những người lương thiện”, nói cách khác Chí muốn làm hòa với cuộc đời, sống như trăm ngàn kiếp người khác. Chí hy vọng ở Thị Nở một người đàn bà lỡ thì, lại dở hơi giúp cho thực hiện khát vọng này. Nhưng do bà cô già ngăn cản, Thị Nở đã đoạn tuyệt với Chí. Như vậy Chí Phèo không còn cách gì có thể trở về với cuộc sống bình thường. Chí trở nên thất vọng sâu sắc. Bế tắc, không còn cách nào khác, Chí đã xách dao đến nhà Bá Kiến, giết y và tự đâm dao vào cổ mình, chấp nhận một cái chết thảm khốc. Đoạn đối thoại giữa Chí Phèo và Bá Kiến ở cuối truyện là một đoạn hết sức đáng lưu ý. Lần này, Chí đến gặp Bá Kiến không phải để xin tiền uống rượu và cũng không phải để rạch mặt ăn vụ mà Chí đến để đòi “làm người lương

thiện". Dường như ở đây, Chí đã đủ tinh táo để xác định chính xác kẻ thù của cuộc đời mình là Bá Kiến. Khát vọng làm người lương thiện đã bùng lên sau đêm Chí Phèo gặp Thị Nở. Với việc để cho Chí Phèo đâm chết Bá Kiến, Nam Cao một lần nữa khẳng định khát vọng sống lương thiện mãnh liệt trong con người Chí, đồng thời nhà văn cũng dự cảm thấy sự khốc liệt tất yếu của cuộc đấu tranh giai cấp ở nông thôn Việt Nam.

Trong nhiều tác phẩm của mình, Nam Cao luôn luôn thể hiện niềm day dứt về nhân phẩm của con người bị chà đạp, bị biến dạng trước xã hội thối nát. Đằng sau lời văn có vẻ lạnh lùng, và "bộ mặt không chơi được" là cả một tấm lòng thương mến trân trọng của nhà văn trước số phận của mỗi một nhân vật. Sinh ra và lớn lên ở một vùng quê, được tận mắt chứng kiến biết bao nhiêu cảnh bất công oan trái, Nam Cao luôn đứng về phía người nông dân khẳng định những phẩm chất trong sáng, tốt đẹp của họ. Điều này đã tạo nên giá trị nhân đạo sâu sắc trong phần nhiều các sáng tác của nhà văn. Trong số đó tiêu biểu hơn cả là tác phẩm *Chí Phèo*.

Quyền sống, quyền được bình đẳng, được phát triển bình thường của mỗi con người trong xã hội, bao giờ cũng là vấn đề nóng bỏng. Vấn đề Nam Cao nêu ra sẽ mãi mãi còn ý nghĩa khi ở một nơi nào đó vẫn còn bất công, con người vẫn chưa được phát triển một cách bình thường.

Đấu tranh vì những điều tốt lành của con người là vinh dự và trách nhiệm to lớn của mỗi cây bút chân chính.

Ở phương diện này, *Chí Phèo* của Nam Cao đã góp một tiếng nói độc đáo. Hơn ở đâu, tác phẩm viết về người nông dân lưu manh hóa này đã thể hiện sâu sắc phẩm chất cao đẹp của con người, ngay cả khi họ đã bị xã hội cướp mất cả nhân hình lẫn nhân tính. Niềm tin vào con người của nhà văn mới đáng quý biết bao.

(Bài của Lê Thị Thảo,  
học sinh trường PTTH Hoằng Hóa, Thanh Hóa)

### Đề 13:

Sau lúc ở tù về nhân vật Chí Phèo trong tác phẩm *Chí Phèo* của Nam Cao đã đến nhà Bá Kiến mấy lần? Anh (chị) hãy thuật lại một cách ngắn gọn và đầy đủ các lần Chí Phèo đến nhà Bá Kiến. Trong mỗi lần cần làm rõ: Hoàn cảnh cụ thể

Động cơ thúc đẩy Chí Phèo đến nhà Bá Kiến.

Từ đó anh (chị) hãy nêu một vài suy nghĩ về giá trị của tác phẩm *Chí Phèo*.

## TÌM HIỂU ĐỀ

1- *Thể loại*: Trần thuật và phát biểu suy nghĩ.

2- *Nội dung*: Các lần Chí Phèo đến nhà Bá Kiến với hoàn cảnh cụ thể và động cơ thúc đẩy. Một vài suy nghĩ về giá trị của tác phẩm *Chí Phèo*.

3- *Tư liệu*: Truyện "*Chí Phèo*".

## DÀN BÀI

### 1- Mở bài

Bon Ba Kiến "*khôn ròc dời*", nhiều mánh khóe trong nghề thông tri, nấm vững cái yếu của kẻ cố cùng liều lĩnh nên đã lợi dụng thu phục và biến Chí Phèo trở thành tay sai dắc lực để tranh giành quyền lợi cho chúng và dàn áp người nghèo. Kể từ đó trở đi Chí Phèo đã đến nhà Bá Kiến rất nhiều lần. Nhưng trong tác phẩm Nam Cao chỉ đề cập có ba lần với đầy đủ cả hoàn cảnh cụ thể lần động cơ thúc đẩy. Điểm qua từng lần một và từ đó người đọc chúng ta suy nghĩ gì về giá trị của tác phẩm *Chí Phèo*.

### 2- Thân bài

- Thuật lại ngắn gọn và đầy đủ các lần Chí Phèo đến nhà Bá Kiến:

### Lần thứ nhất:

Ngay sau hôm về làng, Chí Phèo đã ra chợ uống rượu với thịt chó đến say khướt rồi tay cầm một cái vò chai đến thẳng nhà Bá Kiến, miệng luôn gọi tên tục của hắn ra mà chửi. Gã say rượu này đến nhà tên cường hào để làm gì? Gã đến để đòi Bá Kiến cái món nợ đã đẩy gã vào tù. Chí Phèo đập chai vào cột cổng rồi lấy mảnh chai rạch vào mặt mình, lăn ra, kêu làng ăn vạ. Dân làng kéo đến xem. Bà cả, bà Hai, bà Ba, bà Tư nhà cụ Bá cũng kéo ra xem. Chí Phèo tuyên bố rõ động cơ đã thúc đẩy mình đến đó: "Chuyến này ông chỉ liều chết với bố con nhà mày đấy thôi. Nhưng ông mà chết thì có đứa sat nghiệp, có đứa rũ tù". Nhưng Bá Kiến đã khôn khéo tìm cách mua chuộc. Hắn dùng lời lẽ mềm dẻo xoa dịu nỗi hận thù trong lòng Chí Phèo. Khôn ngoan và nham hiểm, Bá Kiến đã dịu ngọt mời gã cố cùng này vào nhà, làm gà mua rượu dãi gã, lại còn cho thêm đồng bạc. Chí Phèo hết sức ngạc nhiên và đắc thắng ra về.

### Lần thứ hai:

Đồng bạc của Bá Kiến đưa cho chỉ đủ cho Chí Phèo uống rượu được ba hôm. Đến hôm thứ tư, gã uống rượu say, xách con dao bén ngót đến nhà Bá Kiến để xin được đi ở tù. Hắn nói với tên cường hào: "Bẩm quan, đi ở tù sướng quá đi, ở tù còn cơm để mà ăn, bây giờ về làng về nước một thước cám dùi không có, chả làm gì nên ăn. Bẩm cụ, con lại đến kêu cụ, cụ lại cho con đi ở tù..."

Khi thấy Chí Phèo đòi "đâm chết đắm ba thăng rồi cụ bắt con giải huyện" (đâm chết đắm ba thăng tất có thể trong đó có cả cụ), Bá Kiến cười khanh khách sai gã đến nhà Đói Tao đòi năm mươi đồng. Được việc, cụ Bá cấp cho hắn năm sào vươn và một ngôi nhà nát mà cụ cướp được của dân làng. Thế là Chí Phèo mặc mưu và trở thành tay sai đắc lực cho Bá Kiến.

Như thế, động cơ thúc đẩy Chí Phèo đến nhà Bá Kiến lần này là để vòi tiền.

### Lần thứ ba:

Mỗi tình Thị Nở, sự chăm nom của thị đã thức tỉnh lương tri của Chí Phèo. Anh ta khao khát được trở lại làm người lương thiện: *Hắn có thể tìm bạn được, sao lại chỉ gây kẻ thù?... Trời ơi! Hắn thèm lương thiện, hắn muốn làm hòa với mọi người biết bao! Thị Nở sẽ mở đường cho hắn. Thị có thể sống yên ổn với hắn thì sao người khác lại không thể được? Họ sẽ thấy rằng hắn cũng có thể không làm hại được ai. Họ sẽ nhận hắn vào cái xã hội bằng phẳng, thân thiện của những người lương thiện*". Nhưng dư luận của làng Vũ Đại mà bà cô Thị Nở là người đại diện đã không chấp nhận Chí Phèo, một con quỷ dữ làm tay sai cho Bá Kiến phá hại cuộc sống bình yên của dân làng. Đau khổ đến tột cùng, trong cơn nửa say nửa tỉnh, Chí Phèo đã vác dao đến nhà Bá Kiến kết tội hắn. Đây chính là khoảnh khắc tinh táo nhất của cuộc đời Chí Phèo. Chí Phèo đã nhận rõ địch thủ, kẻ đã gây ra tội lỗi và chà đạp lên nhân phẩm của anh. Lần này, Chí Phèo đến nhà Bá Kiến không phải để vòi tiền mà để đòi quyền được làm người. Chí Phèo dõng dạc nói với hắn: *Tao muốn làm người lương thiện*".

Và anh đã tự nhận thức trong cay đắng xót xa tột độ:

– Ai cho tao lương thiện? Làm thế nào cho mất được những vết mảnh chai trên mặt này? Tao không thể là người lương thiện nữa!

Chí Phèo đã dâm chết Bá Kiến rồi tự dâm chết mình.

Đây là một kết thúc bi thảm!

– Một vài suy nghĩ về giá trị của tác phẩm “Chi Phèo”:

Giá trị hiện thực:

Truyện “Chi Phèo” tố cáo tội ác và phản ánh những mâu thuẫn thối nát của bọn địa chủ cường hào trước Cách mạng tháng Tám.

Nam Cao đã dựng lên một cách lôgích hình tượng nhân vật Chí Phèo với quá trình từ một thanh niên lương thiện hiền lành giàu lòng tự trọng trở thành một kẻ côn đồ mất hết nhân hình, nhân tính. Nhà văn lên án mạnh mẽ tội ác to lớn của bọn thống trị đương thời mà tiêu biểu là Bá Kiến và nhà tù của thực dân Pháp đã lưu manh hóa người nông dân, đẩy họ vào con đường tội lỗi, bế tắc không sao thoát ra được.

Nam Cao cũng xây dựng thành công nhân vật Bá Kiến điển hình cho bọn cường hào địa chủ ở nông thôn lúc bấy giờ, rất thâm độc và nham hiểm. Con đường làm giàu thăng quan tiến chức của Bá Kiến cũng chính là con đường đẩy những người nông dân đáng thương như Năm Thọ, Bình Chức và Chí Phèo vào cõi lưu manh tội lỗi.

#### *Giá trị nhân đạo:*

Nhưng giá trị nổi bật nhất của truyện này là tấm lòng yêu thương trân trọng của Nam Cao đối với những con người cùng khổ. Nhà văn đã đi sâu vào nội tâm nhân vật, phát hiện và khẳng định nhân phẩm của Chí Phèo ngay khi nhân vật này bị chế độ thực dân phong kiến cố tình cướp đi cả nhân tính lẫn nhân hình, khi có điều kiện là ngọn lửa lương tri âm ỉ cháy trong đáy sâu tâm hồn của những con người cùng khổ ấy vẫn bùng lên thiết tha và mạnh mẽ.

### **3. Kết bài**

Truyện ngắn "Chí Phèo" của Nam Cao mang một giá trị nhân đạo sâu sắc thể hiện tấm lòng yêu thương trân trọng của nhà văn đối với những người khốn khổ. Nhà văn đã khẳng định ở những con người bị tha hóa những gì còn lại của nhân tình, nhân thế tinh thần phản kháng, lòng khát khao hạnh phúc và quyền được làm người.

Chí Phèo đúng là tiếng kêu cứu thiết tha và căp bách của những con người bất hạnh. Hãy bảo vệ và đấu tranh cho quyền

được làm người của những con người lương thiện không còn bị những bàn tay độc ác và dâm máu xô đẩy vào con đường cùng khổ bế tắc đầy bi kịch xót xa...

**Dề 14:**

Phân tích nhân vật Chí Phèo trong truyện ngắn cùng tên của Nam Cao để làm nổi bật bi kịch bị cự tuyệt quyền làm người của Chí Phèo.

### TÌM HIỂU ĐỀ

1- *Thể loại:* Phân tích nhân vật.

2- *Nội dung:* Làm rõ các ý:

- Chí Phèo là một nông dân hiền lành, lương thiện, khỏe mạnh, giàu lòng tự trọng muốn sống một cuộc sống với hạnh phúc gia đình bình dị.

- Chí Phèo bị xã hội thực dân phong kiến tha hóa khiến anh trở nên dữ dằn và luôn say khuất.

- Chí Phèo thức tỉnh muộn trở lại làm người.

- Nhưng không được, Chí Phèo lại bị cự tuyệt quyền làm người.

3- *Tư liệu:* Truyện *Chí Phèo* của Nam Cao.

### DÀN BÀI

#### 1- Mở bài

*Giới thiệu tác phẩm Chí Phèo của Nam Cao và nhân vật cùng tên diễn hình cho một nông dân cùng khổ bế tắc trong bi kịch bị cự tuyệt quyền làm người:*

Cũng giống như các cây bút nổi danh khác trong văn học hiện thực phê phán, Nam Cao đặc biệt chú ý phản ánh số phận khốn

khổ đủ điều của những người nông dân nghèo bị áp bức bóc lột một cách tàn tệ đương thời và đã lên án thủ đoạn trực tiếp là bọn cường hào địa chủ đã gây ra những nỗi khổ đau cùng cực đó cho họ. Trong Chí Phèo, một tác phẩm có giá trị hiện thực và nhân đạo sâu sắc, Nam Cao đã xây dựng thành công hình tượng nhân vật Chí Phèo, một điển hình nghệ thuật bất hủ trong văn xuôi Việt Nam hiện đại - đã thể hiện một cách mới mẻ sâu sắc trong việc thể hiện bi kịch của một con người bị cự tuyệt quyền làm người.

## 2- **Thân bài**

Chí Phèo là một cố nông hiền lành lương thiện, khỏe mạnh, giàu lòng tự trọng, muốn sống một cuộc sống với hạnh phúc gia đình bình dị. Nhưng bị xã hội thực dân phong kiến tha hóa khiến anh trở nên dữ dằn và luôn say khuất. Khi bùng tinh, Chí Phèo đòi lại quyền làm người mà không được.

**Phân tích nhân vật Chí Phèo:** Chọn lọc các chi tiết tiêu biểu để minh họa làm rõ các ý:

a. Chí Phèo là một nông dân hiền lành lương thiện, khỏe mạnh, giàu lòng tự trọng muốn sống một cuộc sống với hạnh phúc gia đình bình dị:

**Dẫn chứng 1:** *Lại một thằng hiền lành nhu đất, tội nghiệp cho hắn, có lần Lý Kiến thấy hắn vừa bóp dùi cho bà vừa run run. Giàu lòng tự trọng nên làm công việc ấy Chí Phèo "thấy nhục hơn là thích".*

**Dẫn chứng 2:** *Hắn lại nao nao buồn, là vì mẩu chuyện ấy nhắc cho hắn một cái gì rất xa xôi. Hình như có một thời hắn đã ao ước có một gia đình nhỏ, cày thuê, vợ dệt vải, chung bồ lại một con lợn để làm vốn liếng. Khá giả thì mua năm bả sào ruộng. Ước mơ của Chí thật hiền lành. Đây cũng là ước mơ bình thường hồn nhiên và trong sáng của một nông dân bình*

thường hiền hậu chân chất. Đủ thấy bản chất của Chí là lương thiện, hiền lành.

b. Chí Phèo bị xã hội thực dân phong kiến tha hóa khiến anh trở nên dữ dằn và luôn say khướt:

**Dẫn chứng 1:** *Hắn về lần này trông khác hắn, mới đâu chẳng biết hắn là ai. Trông đặc như thằng Sảng đá! Cái đầu thì trọc lốc, cái răng cao trắng hơn, cái mặt thì đen và rất cong cong, hai mắt gườm gườm trông gớm chết. Từ một nông dân hiền lành lương thiện Chí Phèo như thế đã trở thành một tay anh chị, một kẻ lưu manh thứ thiệt.*

**Dẫn chứng 2:** *Cái mặt hắn không trẻ cũng không già, nó không phải còn là một người; nó là một con vật lạ, nhìn mặt như những con vật có bao giờ biết tuổi? Cái mặt hắn vàng vàng mà lại muốn sạm màu tro, nó vẫn dọc vẫn ngang, không thứ tự biết bao nhiêu là seo. Đây đúng là chân dung của “con vật lạ” của một tên chuyên đập đầu rạch mặt và đâm chém người.*

**Dẫn chứng 3:** Khi mua rượu chịu, bà hàng ngần ngủ không muốn bán, thì hắn rút bao diêm, đánh cái xòe châm lên mái lều của mụ. Mụ hoảng hốt kêu la om sòm, vội dập tắt được ngọn lửa vừa mới cháy. Rồi khóc khóc mếu mít, mụ đưa ra chai rượu.

**Dẫn chứng 4:** Hoàn toàn bị tha hóa, Chí Phèo hoàn toàn bị tước đoạt nhân tính "*Bao nhiêu việc ức hiếp phá phách, đâm chém, mưu hại người ta giao cho hắn làm*" - "*Những cơn say của hắn tràn cơn say này sang cơn say khác, thành một cơn dài, mênh mông, hắn ăn trong lúc say, uống rượu trong lúc say, để rồi say nữa, say vô tận (...).* Hắn biết đâu hắn đã phá bao nhiêu cơ nghiệp, đập nát bao nhiêu cảnh yên vui, đập đổ bao nhiêu hạnh phúc, làm chảy máu và nước mắt của bao nhiêu người lương thiện.

c. Chí Phèo thức tỉnh muốn trở lại làm người:

Tinh cảm chân thật của Thị Nở đã thức tỉnh ý thức và lương tâm của Chí Phèo. Sau khi được cô gái này chăm sóc, lần đầu

tiên Chí Phèo băng khuông nghe tiếng chim hót, tiếng cười nói của những người đi chợ thì niềm ao ước có một gia đình nho nhỏ bừng lên. Hắn có thể tìm bạn được, sao lại chỉ gây thù.

Bản chất tốt đẹp của con người lao động lương thiện bừng dậy trong anh: "Trời ơi! Hắn thèm lương thiện, hắn muốn làm hòa với mọi người biết bao... Họ sẽ lại nhận hắn vào cái xã hội bằng phẳng thân thiện của những người lương thiện..."

#### d. Nhưng không được, Chí Phèo lại cự tuyệt quyền làm người:

Chí Phèo khao khát được trở lại làm người, trở lại với mọi người, nhưng cả làng Vũ Đại đều sợ hãi và xa lánh. Cả Thị Nở cũng đoạn tuyệt với anh. Do đó anh rơi vào bế tắc: "Tao muốn làm người lương thiện... Không được! Ai cho tao lương thiện, làm thế nào cho mất được những mảnh chai trên mặt này? Tao không thể là người lương thiện được nữa. Biết không!"

Chí Phèo đã đâm chết Bá Kiến, kẻ thù đã gây ra bi kịch đời anh rồi tự sát.

### 3- Kết bài

Chí Phèo đúng là hiện thân đầy đủ nhất của những nỗi khổ khổ túi nhục của người nông dân Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám. Đây là một tính cách điển hình xuất sắc, một sáng tạo kiệt xuất của ngòi bút Nam Cao. Hình ảnh của người nông dân trong xã hội thực dân phong kiến bị chà đạp, bị hủy hoại từ nhân tính đến nhân hình, được tái hiện bằng nghệ thuật kể chuyện hấp dẫn và sắc sảo. Từ cuộc đời của nhân vật này Nam Cao đã phản ánh những hiện thực của xã hội nhằm tố cáo mạnh mẽ sự tàn nhẫn bất nhân của xã hội ấy. Điều này cho thấy tác giả của *Chí Phèo* chẳng những là một nhà văn hiện thực xuất sắc mà còn là một nhà văn có tinh thần nhân đạo cao cả.

## BÀI THAM KHẢO

So với các tác phẩm hiện thực cùng thời viết về người nông dân bị áp bức bóc lột như *Bước đường cùng* của Nguyễn Công Hoan, *Tắt đèn* của Ngô Tất Tố thì *Chí Phèo* của Nam Cao đúng là một truyện ngắn đặc sắc hơn cả. Viết tác phẩm này, nhà văn đã “*khơi được những nguồn chưa ai khơi và sáng tạo những gì chưa có*” ở một đề tài quen thuộc. Ông đã phát hiện ra những nỗi đau khổ không gì so sánh được của người nông dân trong xã hội cũ là: vì bị áp bức, bóc lột vì nghèo đói và bế tắc, cùng đường, người nông dân có thể bị hủy hoại từ phần hồn đến phần xác, từ nhân tính đến nhân hình.

Phân tích tính cách của Chí Phèo nhân vật chính của tác phẩm cùng tên, không những chúng ta thấy rõ những điều vừa nói mà còn bắt gặp một cái nhìn mới mẻ, độc đáo có chiều sâu đầy tính nhân đạo của nhà văn về người nông dân trước Cách mạng.

Nói đến Chí Phèo là nói đến một thằng “*cùng hơn cả dân cùng*” điển hình cho những nỗi khốn khổ, tủi nhục nhất của người nông dân trong xã hội thực dân phong kiến. Chí vốn là đứa con hoang may nhờ chút tình thương của xã hội mới có thể tồn tại mà trưởng thành. Mới dẻ ra, Chí đã bị vứt đi bên một cái lò gạch cũ bỏ không và sau đó đã trở thành một món hàng mua bán. Từ thuở nhỏ “*bơ vơ hết đi ở cho nhà này lại đi ở cho nhà nọ*” đến năm hai mươi tuổi, Chí là một anh thanh niên khỏe mạnh làm canh điền cho Bá Kiến. Chí khi ấy cũng “*ao ước có một gia đình nhỏ. Chồng cuộc mướn eay thuê, vợ dệt vải, chung lại bỏ một con lợn để làm vốn liếng. Khá giả thì mua dăm ba sào ruộng làm*” nghĩa là chỉ mơ ước một cuộc sống hạnh phúc nhỏ nhoi, bình dị bằng chính sức lao động của mình. Lúc này tuy còn trẻ trung nhưng hắn cũng có lòng tự trọng. Khi bị bà Ba “*quỷ quái*” nhà cụ Bá gọi lên bóp chân hắn “*chỉ thấy nhục chứ yêu đương gì*”. Đúng là hắn biết phân biệt được tình yêu chân chính

và thói dâm dục xấu xa. Nhưng rồi bản chất lương thiện trong sáng này của hắn đã bị xã hội đương thời ra sức hủy diệt.

Bỗng nhiên, chỉ vì ghen tuông vu vơ, Bá Kiến cho giải Chí lên huyện đi ở tù. Sau bảy tám năm biệt tích, một hôm Chí trở về làng Vũ Đại. Lúc này Chí hoàn toàn thay đổi. Từ tính cách, cử chỉ, hành động đến ngoại hình của hắn “trông đặc như một thằng sảng đá. Cái đầu thì trọc lốc, cái răng cao trắng hơn, cái mặt thì đen mà rất cong cong, hai mắt gườm gườm trông gớm chết”. Nhà tù đã cướp đi bộ mặt lương thiện của Chí và biến hắn trở thành một thằng lưu manh đầy tội lỗi. Hãy trông lại ngoại hình của hắn “hắn mặc quần nái đen, áo tây vàng, ngực áo phanh ra để lộ những hình chạm trổ rồng phượng. Đúng là chân dung một kẻ côn đồ “anh chị” bất chấp mọi thứ, sẵn sàng gây gổ đâm chém. Từ đó, Chí đi từ những hành động lưu manh vô ý thức chỉ nhằm đáp ứng những cơn thèm rượu và thói ngổ ngáo ngang ngược đến chỗ trở thành “đầy tớ tay chân” của Bá Kiến, Chí rất dễ bị bọn thống trị xảo quyết mua chuộc và lợi dụng. Thật vậy, chỉ cần mấy câu nói ngọt xớt, một chuỗi cười Tào Tháo và dăm hào, chỉ một bữa ăn...Bá Kiến đã thu phục được kẻ thù thành công cù mù quáng trong tay mình. Công việc của Chí là đập đầu, rạch mặt, đe dọa, ăn va. Bọn cường hào lợi dụng hắn để thanh trùng lẫn nhau. Có lần được Bá Kiến sai đi đòi nợ Đội Tao, xong việc, hắn vênh váo: *Anh hùng làng này có thằng nào bằng ta. Cá cuộc đời hắn từ đó chìm đắm trong một cơn say và hắn đâu biết rằng trong cơn say (hắn) đã phá tan bao nhiêu gia đình, đập vỡ bao nhiêu hạnh phúc, làm chảy máu và nước mắt của bao nhiêu người lương thiện*”.

Bởi vậy, trong con mắt của mọi người làng Vũ Đại, Chí Phèo đúng là “một con quỷ dữ”. “Tất cả dân làng đều sợ hắn và tránh mặt hắn mỗi lần hắn đi qua”. Khi Chí Phèo ngất ngưởng trên đường say, hắn chui bụi, la làng, mọi người đều “mặc thấy cha nó” “không ai cần động đạng”. Và Chí Phèo vẫn chỉ có một mình

"chứt rồi lại nghe", không ai thèm lên tiếng: "Đáp lại hắn, chỉ có lũ chó cắn xao lên trong xóm". Như vậy, đúng là Chí đã mất hết cả nhân hình lẫn nhân tính, bị khai trừ ra khỏi xã hội loài người.

Vạch ra một cách lô gích quá trình lưu manh hóa của Chí Phèo, Nam Cao đã mạnh mẽ tố cáo tội ác của bọn thực dân phong kiến đã xô đẩy người nông dân vào bế tắc, không lối thoát.

Nhưng giá trị nổi bật nhất của tác phẩm này là ở chỗ: "*khi miêu tả người nông dân bị lưu manh hóa, Nam Cao không hề bôi nhọ nông dân mà trái lại đã đi sâu vào nội tâm nhân vật để phát hiện và khẳng định nhân phẩm của họ, ngay trong khi họ bị xã hội cướp mất tất cả nhân hình, nhân tính*" (**Từ điển Văn học tập I**). Nhà văn đã rọi sáng của tình thương yêu vào tận đáy tâm hồn đen tối của "con quỷ dữ làng Vũ Đại". Trong một đêm kia, hắn gặp Thị Nở. Những phẩm chất của người nông dân lao động tiềm tàng sâu thẳm trong con người hắn bất chợt được khơi dậy. Không ngờ, sau cái đêm "*trăng rắc bụi trên sông và sông gọn biết bao nhiêu vàng*" ấy, nếu Chí Phèo cứ "*vợ vẫn nghĩ mai*" thì Thị Nở, cô gái mảnh khảnh quý hờn kia, cũng chẳng yên lòng. Trở về nhà, thị định ngủ nhưng không thấy buồn ngủ, nên thị cứ "*lăn ra lăn vào*". Tình thương yêu mộc mạc cộng với sự chăm sóc giản dị của thị đã đánh thức lương tri trong Chí. Suốt năm ngày đêm cả hai đều chìm đắm trong men say của tình yêu. Tỉnh ra, Chí chợt bàng khuâng. Sau bao năm, lần đầu tiên Chí phát hiện ra những âm thanh rộn ràng của cuộc sống xung quanh: từ tiếng chim hót vui vẻ, tiếng cười nói lào xao của mấy người đàn bà đi chợ bán vải về đến tiếng anh thuyền chài gõ mái chèo đuổi cá. Những âm thanh ấy chính là tiếng gọi nao nức thiết tha của cuộc sống vang lên rộn ràng trong tâm hồn vừa được khơi dậy của Chí. Cái ước mơ bình dị ngày nào "*chồng cuối mướn, cày thuê, vợ dệt vải...*" bỗng dung trở lại với Chí. Dưới ánh sáng của tình yêu, Thị Nở bỗng trở thành người đàn bà có duyên, cũng

biết "lườm yêu" biết • lè, thẹn thùng, biết "ngường ngượng mà thích thích" khi nghe hai tiếng "vợ chồng". Cũng là lần đầu tiên Chí thảng thốt nhận ra "mình đã ở bên kia dốc cuộc đời" hướng về tuổi già sắp tới, hắn run sợ trước cảnh huống "ôm đau, rét mướt, cô độc" đặc biệt là sự cô độc thật là đáng sợ.

Cũng may mà Thị Nở đã mang bát cháo hành tới, nếu không chắc là hắn đã khóc. Giây phút ấy "hắn thấy lòng thành trẻ con. Hắn muốn làm nũng với thi như với mẹ. Ôi! sao mà hắn hiền..." Tình yêu của Thị Nở, phút này đã mở đường cho Chí Phèo trở lại làm người: *Trời ơi! Hắn thèm lương thiện, hắn muốn làm hòa với mọi người biết bao... Thị có thể sống yên ổn với hắn thì sao người khác lại không thể được*". Và hắn nói: "Giá cứ thế này mãi thì thích nhỉ". Rõ ràng là phút này nội tâm của Chí đã bừng tỉnh, lương tri của hắn đã trỗi dậy đã thôi thúc tình cảm hắn. Hắn thật sự muốn "thế này" nghĩa là muốn sống như một con người đúng nghĩa.

Chí Phèo hi vọng Thị Nở sẽ là cái cầu nối được hắn trở về với cuộc đời. Nhưng hỡi ôi! *con đường trở lại làm người của Chí Phèo vừa được hé mở ra thì đã bị đóng sầm lại!*" Bà cô của Thị Nở đã đứng ra để ngăn chặn. Cũng như mọi người dân làng Vũ Đại khác bà đã quen coi Chí là một thằng lưu manh, hơn thế nữa là một con quỷ dữ. Rồi cả Thị Nở, người đàn bà hắn đặt trọn lòng hi vọng đó nghe lời bà cô cũng "*duron cái mồi vĩ đại mà ném vào hắn bao lời chửi mắng. Như thế, Chí Phèo thật sự rơi vào một bi kịch tinh thần đau đớn. Hắn đã bị xã hội cự tuyệt quyền làm người. Chí Phèo lại uống rượu trong nỗi tuyệt vọng tột cùng. Khốn khổ chưa! Hơi rượu không sặc sụa. Hắn chỉ thoang thoảng thấy "hơi cháo hành". Càng thấm thía thêm nỗi đau vô hạn của thân phận mình "hắn ôm mặt khóc rưng rức...*

Đau đớn, xót xa, bẽ tắc, Chí Phèo xách dao miệng dọa: *Đi giết cả nhà con đãi Nở nhưng bước chân lại tới nhà Bá Kiến đâm chết lão rồi tự sát. Chí đã chết ngay trên nguồng cửa cuộc đời*

khi cánh cửa cuộc đời đóng chặt trước anh không cho anh trở lại. Không chấp nhận được cuộc sống thú vật trước đó và thám thía tội ác của kẻ cướp đi quyền làm người của mình, Chí xách dao đến nhà nói dỗng dạc đòi quyền làm người, đòi giết chết kẻ thù và kết liễu cuộc đời mình. Câu hỏi cuối cùng của Chí: *Ai cho tao làm người lương thiện? Làm thế nào cho mất được những vết mảnh chai trên mặt này?* là một câu hỏi đầy phẫn uất, đau đớn day dứt mãi lòng người đọc bao thế hệ!

Chí Phèo đúng là một hiện thân đầy đủ nhất của những nỗi khốn khổ, tủi nhục của những người nông dân trong xã hội thực dân phong kiến đương thời: bị chà đạp, bị cào xé, bị hủy hoại từ nhân tính đến nhân hình. Bằng nghệ thuật kể chuyện hấp dẫn xây dựng tính cách nhân vật sinh động và sắc sảo, Nam Cao đã đặt ra và giải quyết vấn đề bi kịch của người nông dân thời ấy: *bị cụ tuyệt quyền làm người*. Từ cuộc đời của nhân vật này, nhà văn đã tái hiện sinh động cụ thể và sắc sảo những hiện thực của xã hội đương thời đưa ra lời tố cáo mạnh mẽ sự tàn nhẫn vô nhân của xã hội ấy. Qua nhân vật điển hình xuất sắc Chí Phèo, nhà văn đã lén tiếng bảo vệ cho quyền làm người. Như thế, Nam Cao chẳng những là một nhà văn hiện thực xuất sắc mà là nhà văn có tinh thần nhân đạo cao cả...

Đề 15:

Đọc truyện *Chi Phèo* của Nam Cao, em thích nhất chi tiết, hoặc hình ảnh nào? Hãy viết một bài phân tích, hoặc bình giảng chi tiết, hoặc hình ảnh đó.

(Có thể đặt tên cho bài viết, xem như một “tiểu luận” đăng trên các báo, tạp chí nghiên cứu Văn học).

## TÌM HIỂU ĐỀ

1. *Thể loại*: Phân tích, bình giảng văn học.
2. *Nội dung*: Tùy theo chi tiết, hình ảnh đã lựa chọn.
3. *Tư liệu*: Truyện *Chi Phèo* của Nam Cao.

## BÀI THAM KHẢO

### BÁT CHÁO HÀNH, LIỀU THUỐC GIẢI ĐỘC

Tác phẩm *Chi Phèo* của nhà văn hiên thực và nhân đạo Nam Cao là một bức tranh thê thảm đầy bi thương của kiếp sống đói nghèo nhưng lương thiện, bị xô đẩy, tha hóa rất đáng căm thương của những người nông dân.

Xuyên suốt toàn tác phẩm là những hành động ngang ngược, độc ác, xấu xa của nhân vật Chí Phèo - một con người lương thiện bị tước đoạt, xô đẩy và lưu manh hóa. Nhưng ở đoạn cuối của tác phẩm (Chí Phèo say rượu rồi gặp thị Nở...) Chí Phèo đã có ý thức vươn lên khao khát được làm người lương thiện. Động lực thúc đẩy ở đây là tình thương của Thị Nở và bát cháo hành của thi. Nếu như trước đây, Chí chỉ biết uống rượu, chửi bới, doa nạt, cướp giật, nambi vạy... thì giờ đây khi được ăn bát cháo hành của Thị Nở, hắn thấy lòng thành trẻ con Hắn muốn làm nũng với thi như với mẹ. Ôi sao mà hắn hiền...? Bát cháo có gì đâu, một chút gạo, vài cọng hành quả là liều thuốc giải độc. Nó vừa giúp Chí

Phèo thoát ra khỏi cơn ốm sau khi say rượu vừa khơi dậy bản chất ý thức con người ở Chí. Phái chăng bát cháo hành đơn sơ chân quê đó đã được nấu bằng tất cả tấm lòng yêu thương chân thật của Thị Nở? Đúng vậy, “bát cháo hành” tượng hình cho tình cảm của Thị Nở với Chí Phèo, một tình cảm dịu dàng, giản dị nhưng đong đầy ân tình, nhân nghĩa...

Khi nhận được bát cháo hành, Chí rất ngạc nhiên. “Hết ngạc nhiên thì hắn thấy mắt mình ướn ướt”. Và Chí Phèo đã khóc, dòng nước mắt xúc động, nghẹn ngào. Hắn đã khóc vì lần thứ nhất hắn được một người dàn bà cho. Xưa nay nào hắn có thấy tự nhiên ai cho cái gì. Hắn đã nhìn bát cháo bốc khói mà “bâng khuâng, vừa vui vừa buồn và một cái gì nữa giống như là ăn năn.. ăn năn...”. Tự bao giờ những tình cảm con người đã thức dậy trong tâm can “con vật lạ, con quỷ dữ” của làng Vũ Đại ấy. Bên cạnh Chí, Thị Nở múc cháo “nhìn trộm hắn rồi lại cười toe toét. Trông thị thế mà có duyên...”. Lần đầu tiên, Chí đã biết đến cái duyên của một con người. Rồi hắn nhớ lại khi xưa, nghĩ về quá khứ của mình khi phải săn sóc “bà Ba”, phải làm những việc xấu xa, hắn đã thấy nhục hơn là thích, rồi hắn thấy sợ. Xưa kia, cũng như bây giờ hắn thật trong sáng, lương thiện. “Vì vậy bát cháo hành của Thị Nở làm hắn suy nghĩ nhiều. Hắn có thể tìm bạn được, sao lại chỉ gây thù?”. Thật kỳ diệu, những sự chăm sóc giản dị đầy ân tình và tình yêu thương mộc mạc chân thành của Thị Nở đã đánh thức dậy bản chất lương thiện của người nông dân lao động trong hắn. Đây là một đoạn văn tuyệt bút, đầy chất thơ.

Đồng thời khi ăn bát cháo ấy, “hắn càng ăn mồ hôi lại càng nhiều”. Và tất nhiên với một người cảm gió, mồ hôi ra được nhiều là sẽ khói. Hắn cũng thế, đã khói bệnh. Hắn đã cảm nhận được vị ngon của cháo. “Trời ơi! Cháo mới thơm làm sao... những người suốt đời không ăn cháo hành không biết rằng cháo ăn rất ngon... Nhưng tại sao mãi đến bây giờ hắn mới nếm vị mùi cháo”. “Hắn

tự hỏi rồi lại tự trả lời... Đời hắn chưa bao giờ được săn sóc bởi một tay đàn bà...".

Câu trả lời của Chí một lần nữa khẳng định sự kỳ diệu mà Thị Nở đã đem đến cho Chí Phèo. Một tình cảm ngàn vàng giữa hai con người cùng cảnh ngộ khôn cùng.

Cuộc gặp gỡ Thị Nở đã lóe sáng như một tia chớp trong cuộc đời tăm tối của Chí Phèo. Tình yêu thương đã thức tỉnh Chí và linh hồn của Chí lâu nay phải bán cho quỷ dữ để đổi lấy miếng cơm, manh áo thì nay đã trở về với bát cháo hành và tình thương của Thị Nở là một liều thuốc quý không gì so sánh được mà nhà văn đã ban cho Chí Phèo bằng tấm lòng nhân đạo của mình.

### TỔNG THU HIỀN

(Học sinh lớp 11D2, trường PTTH  
dân lập Lương Thế Vinh, Hà Nội)

Đề 16:

Phân tích hình tượng nhân vật Bá Kiến trong truyện ngắn *Chí Phèo* của Nam Cao.

### TÌM HIỂU ĐỀ

1- *Thể loại:* Phân tích nhân vật.

2- *Nội dung:* Cần làm rõ bản chất gian hùng của Bá Kiến, một tên cương hào cáo già trong "nghề" thông trị. Phân tích các chi tiết ngoại hình sắc sảo, sinh động như: giọng quát "rất sang", lối nói ngọt nhạt, cái cười Tào Tháo, những suy nghĩ tính toán, những thủ đoạn âm mưu thâm độc, cách đối xử với Chí Phèo.

3- *Tư liệu:* Truyện *Chí Phèo*.

## DÀN BÀI

### 1- Mở bài

Trong tác phẩm bất hủ "Chí Phèo", Nam Cao đã xây dựng thành công hai nhân vật bất hủ: một là Chí Phèo và hai là Bá Kiến. Nếu Chí Phèo là đại diện cho những người cố nông lương thiện bị xô đẩy vào con đường lưu manh, tội lỗi không lối thoát thì Bá Kiến là nhân vật tiêu biểu điển hình cho bọn địa chủ cường hào gian ác ở làng xã đồng bằng Bắc Bộ Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám.

Bằng ngòi bút hiện thực tinh táo, nghiêm ngặt và có chiều sâu, Nam Cao đã phanh phui được tâm hồn đen tối đầy thủ đoạn tàn ác, nham hiểm và xảo quyết của Bá Kiến, một tên cường hào "cáo già" trong "nghề" thống trị.

### 2- Thân bài

\* *Đôi nét ngoại hình: "tiếng quát rất sang", "cái cười Tào Tháo" của Bá Kiến:*

Thông thường để xây dựng một hình tượng nhân vật, nhất là nhân vật địa chủ keo kiệt, gian ác, các nhà văn phải mô tả kỹ càng gia cảnh, nêu bật những hành động và ngôn ngữ của hắn. Có thể thấy điều này ở nhân vật Nghị Quê trong Tắt đèn của Ngô Tất Tố chẳng hạn. Thế nhưng ở đây, Nam Cao không hề làm như thế. Ông chỉ đề cập đến đôi nét ngoại hình hết sức đơn sơ mà vô cùng sâu sắc của Bá Kiến. Nhà văn chỉ nói đến hai chi tiết: "tiếng quát rất sang" và "cái cười Tào Tháo" của hắn.

\* *Thủ đoạn "mềm nắn, rắn buông", cách xử "nhũn", "khôn róc đời" của Bá Kiến:*

Khi thấy Chí Phèo say rượu đến cổng nhà rạch mặt kêu làng ăn vạ, Bá Kiến đã vội tìm cách giải tán đám đông dân chúng đang vây quanh chứng kiến hành động thô tục của Chí Phèo. Trước tiên hắn đã "quát mắng bà vợ" và đuổi hết họ vào nhà. Đám

dông dã "tuôn đến xem" này nghe tiếng "rất sang" của cụ Bá dù hiểu ngay là cụ muốn đuổi khéo mình. Tiếp đó, cụ Bá quay sang bợn người làng nói dịu giọng hơn một chút: "Cả các ông bà nữa, về đi thôi chó. Có gì mà xùm lại thế này?". Chỉ cần như thế là "không ai nói gì, người ta lảng dần đi". Lúc đó "chỉ còn trơ lại Chí Phèo", cụ Bá giở ngay giọng đường mật gọi tên đầy tớ cũ từng bị mình bỏ tù bằng "anh" rồi vồn vã mời y "vào nhà uống nước". Đã đủ đâu. Cụ Bá còn nhận có họ hàng với gã khổ rách cung đình này rồi giết gà mua rượu cho hắn uống, xong lại đãi thêm đồng bạc để về uống thuốc...".

Chỉ cần có thể là tên địa chủ khôn róc đời này đã chuẩn bị xong việc biến Chí Phèo thành một tay sai lợi hại của mình.

Già đời đè dầu cưỡi cổ, đục khoét người dân cày, cụ Bá hơn ai hết trong "cái nghề làm việc quan" đã hiểu thấu "thế nào là mềm nắn rắn buông". Hãy ngầm ngầm đầy người ta xuống sông, nhưng rồi lại dắt nó lên để nó đèn ơn. Hãy đập bàn đập ghế đòi cho được năm đồng, nhưng được rồi thì vứt trả lại năm hào "vì thương anh túng quá". Tên địa chủ gian manh này đã khéo dùng cái thuật dùng những thằng dầu bò để trị những thằng dầu bò khác. Thế là dưới tay Bá Kiến, Chí Phèo từ một thanh niên chất phác hiền lành như đất, có lòng tự trọng đã trở thành "con quỷ dữ của làng Vũ Đại". Cũng chính cái nham hiểm đầy ghê tởm của nhân vật này đã đẩy Chí Phèo vào nhà tù và đưa anh ta đến chỗ phải kết thúc cuộc đời mình một cách thảm khốc. Cái bi kịch bị cự tuyệt quyền làm người của Chí Phèo đóng vai trò rất quan trọng trong việc thể hiện tính cách gian hùng của Bá Kiến.

\* *Nhân cách bi ối của Bá Kiến thể hiện trong những mối quan hệ kín đáo của hắn:*

Tuy chỉ tả lướt qua nhưng Nam Cao đã cho thấy sự lợi dụng dê tiện và thói dâm ô của tên cường hào gian ác này. Từ chi tiết cái việc gõ gạc của cụ Lý đối với người đàn bà vắng chồng và có tiền đến chi tiết cho thấy máu ghen tuông của hắn. Hay mấy

dòng tả ý nghĩ của hắn về người vợ trẻ và đẹp... Chừng ấy cũng đủ khắc sâu nhân cách bỉ ổi của tên cường hào Bá Kiến.

### 3. Kết bài

Qua ngòi bút của Nam Cao, bộ mặt gian ác xảo quyết của bọn cường hào địa chủ thời ấy hiện lên thật là cụ thể và sinh động trong hình ảnh Bá Kiến với các đặc điểm vừa phân tích.

Nhà văn chỉ miêu tả một vài chi tiết đặc sắc về ngoại hình của hắn, còn lại là tập trung ngòi bút để phanh phui tâm hồn đen tối đầy thủ đoạn tàn ác thâm độc, nham hiểm của tên cường hào địa chủ thuộc loại cáo già khác với Lý trưởng Cường con hắn. Hành động nhân vật Bá Kiến ở đây vừa có tính điển hình vừa có cá tính rõ rệt, nghĩa là đã đạt mức điển hình hóa cao, một thành tựu nghệ thuật không nhỏ của Nam Cao.

#### Đề 17:

Hình tượng người nông dân trước Cách mạng tháng Tám trong hai tác phẩm *Tắt đèn* của Ngô Tất Tố và *Chi Phèo* của Nam Cao.

### TÌM HIỂU ĐỀ

- 1- *Thể loại:* Phân tích nhân vật.
- 2- *Nội dung:* Hình tượng người nông dân Việt Nam trước Cách mạng với các đặc điểm:
  - Họ là những người nghèo khổ bị xã hội chà đạp ức hiếp tàn tệ.
  - Họ cũng là những người có phẩm chất tốt đẹp, trong sáng, đáng được cảm thông, trân trọng.
- 3- *Tư liệu:* *Chi Phèo* của Nam Cao và *Tắt đèn* của Ngô Tất Tố.

## BÀI THAM KHẢO

Trong nền văn học Việt Nam, người nông dân từ xưa đến nay bao giờ cũng là một hình tượng quen thuộc, gần gũi; gần gũi như cây lúa, con trâu đối với làng quê Việt Nam ta vậy. Với chính sách bóc lột tàn bạo của thực dân Pháp, với những biến cố lớn lao như việc ra đời của Đảng Cộng sản Đông Dương, phong trào Mặt trận dân chủ 1936-1939... xã hội Việt Nam giai đoạn 1930-1945 đã sinh ra đồng thời ba dòng văn học: văn học lãng mạn, văn học hiện thực phê phán và văn học cách mạng. Các nhà văn của dòng văn học hiện thực phê phán đã thành công trong việc thể hiện hình tượng người nông dân trước Cách mạng tháng Tám. So với văn học cách mạng, văn học hiện thực phê phán đương nhiên là đã bộc lộ một số chỗ yếu, nhưng nếu đặt cạnh văn học lãng mạn thì văn học hiện thực phê phán lại có mặt mạnh hơn. Chúng ta hãy tìm hiểu sâu sắc hơn dòng văn học này qua việc phân tích hình ảnh người nông dân trong hai tác phẩm tiêu biểu: *Tắt đèn* của Ngô Tất Tố và *Chi Phèo* của Nam Cao.

*Tắt đèn* đưa ta về một làng quê đang mùa sưu thuế. Ở đây ngày cũng như đêm không lúc nào ngớt tiếng trống mõ, tiếng tù và thúc sưu, không lúc nào ngớt tiếng kêu khóc của những người nông dân thiếu sưu bị trói, bị đánh. Cũng như biết bao gia đình nghèo khổ khác, sưu - thuế vô nhân đạo của "ông Tây" - đã làm cho gia đình chị Dậu, gia đình "bậc nhất, bậc nhì trong hàng cùng dinh", những nỗi khốn khổ đến cùng cực. Chị Dậu đã được Ngô Tất Tố vẽ nên như một điển hình cho sự khổ sở và đau xót. Người đọc không ai cầm nổi nước mắt trước cái cảnh mấy đứa con chị Dậu tranh nhau ăn rái khoai trong căn nhà dột nát, hay đúng hơn là một túp lều mà "trông xa người ta tưởng nhầm là nơi nhốt lợn hay chứa tro". Ai có thể cầm lòng trước nỗi sợ hãi của cái Tí, đứa con gái ngoan ngoãn dễ thương của anh chị Dậu,

trong dinh cơ đồ sộ của gia đình Nghị Quế, nơi mà số phận nó không bằng con chó. Bởi nó chỉ đáng giá hai đồng bạc mà mẹ nó đã đem về trả tiền sưu cho bố. Gánh khoai, ổ chó và đứa con, đây là những thứ hiếm hoi bán được tiền, chị Dậu đã đem bán hết. Nhưng suất sưu của người em chồng đã chết lại ném chị vào những nỗi cực nhục từ phủ đến tỉnh, qua hàng loạt cửa quan những nhiêu đê tiện, mà các quan lớn từ to đến nhỏ, tên nào cũng chỉ là những con thú hám tiền, hám sắc. Người nông dân trong *Tắt đèn* là hình ảnh chân thực của con người nô lệ. Họ không có quyền ăn, quyền nói mà chỉ suốt đời chịu ức hiếp, chịu bị bóc lột và đánh đập. Hành động phản kháng mạnh mẽ của chị Dậu trước tên cai và người nhà lý trưởng để bảo vệ chồng đang ốm, làm người đọc há hê. Nhưng ngay sau đó, niềm vui trong lòng ta vừa bừng lên đã phải chìm xuống mất đi, bởi những nỗi khổ mới đè nặng lên đôi vai chị Dậu. Người nông dân được nhà văn Ngô Tất Tố xây dựng với tất cả nỗi thương cảm đau xót. Có lẽ những giọt nước mắt không ngừng tuôn trên má chị Dậu cũng là nước mắt Ngô Tất Tố đang thốn thức nghẹn ngào khóc thương cho số phận những người nghèo khổ.

Đọc *Tắt đèn* ta thấy thương vô cùng cảnh ngộ của chị Dậu, đồng thời trong ta cũng dấy lên tình cảm yêu quý thiết tha đối với chị - con người tập trung những đức tính quý báu của người nông dân lương thiện. Nhà văn đã miêu tả chị hết sức sinh động và chân thực. Đó là một chị Dậu chạy ngược chạy xuôi, chịu đủ mọi nhục nhã để kiếm tiền sưu cho chồng, một chị Dậu hết mức quý con. Thật là cảm động trước cử chỉ chị rón rén bưng một bát cháo dỗ dành anh Dậu ăn cho lại sức. Cái cử chỉ bình thường mà tràn đầy tình thương yêu ấy làm người đọc nghĩ về bản chất nồng hậu, chân tình vốn có của người phụ nữ Việt Nam... cùng với vẻ đẹp duyên dáng mặn mà của mái tóc, làn da, của đôi môi, cặp mắt, vẻ đẹp bên trong của chị Dậu tạo thành bức chân dung đẹp đẽ của người nông dân, người phụ nữ Việt Nam.

Cũng viết về người nông dân, nhưng Chí Phèo lại là bức tranh trong đó nhà văn Nam Cao đề cập đến một mặt của xã hội Việt Nam bấy giờ: đó là bộ phận nông dân bị lưu manh hóa, Chí Phèo miêu tả chân thực quá trình biến chất của một thanh niên nông dân lương thiện. Anh canh điền hiền lành khỏe mạnh tên là Chí ấy đã có một thời chỉ biết sống với cái cày, thửa ruộng, làm thuê. Thế nhưng máu ghen độc địa và lòng ích kỷ của Bá Kiến, tên địa chủ cáo già của làng Vũ Đại, đã đẩy Chí vào nhà tù. Và từ đó, trong sự nhào nặn của nhà tù thực dân, Chí đã không còn là Chí nữa. Cái tên Chí Phèo sinh ra đồng thời với những tính cách xấu xa mà Chí tiếp nhận được trong nhà tù. Bước ra khỏi hai cánh cổng nặng nề của nhà giam, Chí Phèo lao vào đời với tất cả nỗi đắng cay, giận dữ, điên khùng của một tên vô lại muốn trả thù cuộc đời, trả thù xã hội. Những chuỗi ngày say sưa vô tận, những tiếng chửi vô lý, những hành động liều lĩnh hung hăn chính là sự giãy giụa tuyệt vọng của một con người muốn tìm về cuộc đời lương thiện mà không được. Trước những hành động điên khùng, trước hình dáng quái dị của Chí Phèo, ta chỉ thấy đáng thương mà không thấy đáng giận. Nếu có giận thì giận xã hội tàn bạo, giận bọn địa chủ thâm hiểm độc địa, căm ghét chế độ nhà tù dã man của thực dân. Những hành động ngang ngược của Chí Phèo, thực ra - như Nam Cao đã chỉ ra - là kết quả của sự bất công tàn ác trong xã hội thực dân nửa phong kiến. Nhà văn gợi lên trong người đọc bao nỗi thương cảm chân thành sâu sắc đối với thân phận khổn khổ của người nông dân bị chế độ thực dân phong kiến cướp mất linh hồn và hình hài của một con người. Có gì đáng thương hơn cảnh Chí Phèo tinh dậy trong túp lều giữa một buổi sớm mai và ý thức được sự cô đơn, yếu đuối của mình trước xã hội tàn ác, cảm nhận được tình yêu cuộc sống, thứ tình cảm tưởng chừng mãi mãi mất rồi? Có gì đáng thương hơn tiếng thét phẫn uất "ai cho tao lương thiện?" và hành động cuối cùng

tiêu diệt kẻ thù và tự hủy diệt mạng sống của mình? Cái đau đớn của Chí Phèo mang một sắc thái riêng. Nếu như chị Dậu đau đớn vì nỗi thiếu thốn vật chất, dẫn đến bị hành hạ, thì Chí Phèo lại đau đớn vì bị xã hội, bị chế độ bất công cướp đi cả nhân hình và nhân tính. Có nỗi đau khổ nào bằng nỗi đau khổ của một con người muốn sống làm người - một kiếp người lương thiện bình thường - mà không được? Chí Phèo muốn vươn lên, nhưng càng ngày càng bị nhấn sâu thêm xuống vũng bùn tội lỗi. Trong Chí Phèo dường như thấp thoáng bóng dáng của những đức tính rất thuần phác của một người nông dân hiền lành *ngay* khi Chí đã trở thành “con quý dữ của làng Vũ Đại” và dường như hình ảnh anh canh điền cuốc mướn cày thuê đã từng ước mơ một cuộc sống lương thiện: vợ dệt vải, khá giả thì có dăm ba sào ruộng... vẫn tàng ẩn bên trong một con người triền miên trong say sưa và đập phá. Nói như một nhà phê bình nào đó là hoàn toàn xác đáng: Chí Phèo mon men đi trên bờ vực thẳm chênh vênh, mon men đi theo sợi dây mong manh tới cuộc đời và bên dưới là vực thẳm tội lỗi. Với Chí Phèo, Nam Cao đã sống dậy một khía cạnh của xã hội Việt Nam qua hiện thực ở một làng quê đầy những màu thuẫn gắt gao ngay trong hàng ngũ cường hào, địa chủ độc ác. Chúng biến những người lương thiện trở thành vũ khí để diệt trừ lẫn nhau. Trong trường hợp này, Chí Phèo đã trở thành một nạn nhân đáng thương.

Tóm lại, văn học hiện thực đã thành công rực rỡ trong việc phản ánh hiện thực bằng phương pháp điển hình hóa. Đây là thành tựu nổi bật của dòng văn học này. Chị Dậu, Chí Phèo là những nhân vật điển hình trong hoàn cảnh khá điển hình. Vì vậy, những hình tượng trong hai tác phẩm trên có sự gợi cảm mãnh liệt về nhiều mặt.

(Trích bài của Phan Đức Thái  
học sinh trường PTTH năng khiếu Hải Hưng)

## BÀI ĐỌC THÊM

### “CHÍ PHÈO” - BI KỊCH BỊ TỪ CHỐI LÀM NGƯỜI

NGUYỄN VĂN TRUNG

Có những tác giả hay tác phẩm chỉ vì nhờ thời cuộc may mắn mà được biết tới và đôi khi được ca tụng một cách quá đáng. Ngược lại có những tác giả hay tác phẩm cũng chỉ vì những biến cố lịch sử không thuận tiện mà bị bỏ quên.

Nhưng nếu cứ lấy tấm lòng vô tư và chỉ căn cứ vào tiêu chuẩn nghệ thuật mà kiểm điểm, rất nhiều nhà văn lớn chưa hẳn thực sự lớn, và rất nhiều nhà văn ít được biết thực sự lại là những nhà văn lớn. Theo ý tôi, Nam Cao là một trong những nhà văn thuộc vào trường hợp thứ hai đó. Ông đã mất sớm và để lại ít tác phẩm. Nhưng sự đóng góp bé nhỏ này thật đặc sắc về phẩm chất. Chí Phèo là một tập gồm nhiều truyện ngắn viết vào khoảng năm 1941. Cái tên “Chí Phèo” đặt cho tập truyện là tên một truyện giá trị nhất trong tập. Đọc truyện “Chí Phèo” tôi liên tưởng đến phim “Con đường” (Strada) tuyệt tác của Fellini đã chiếu cách đây mấy năm. Nội dung phim và truyện không giống nhau, nhưng hai nhân vật chính của phim làm cho tôi tưởng nhớ tới hai nhân vật chính trong truyện Chí Phèo và sự liên tưởng đó giúp tôi khám phá thấy ý nghĩa giá trị của truyện không dài quá ba mươi trang.

Câu chuyện của “thằng” Chí Phèo xảy ra trong một làng quê ở thời phong kiến xã hội cũ; cái xã hội có những quan lại, chánh tổng, lý trưởng, ông nọ, ông kia bóc lột áp bức người dân nghèo, hạng cùng đinh, nhưng đồng thời họ vẫn chống chọi nhau. Rất nhiều người đã mô tả cái xã hội đó. Nhiều người cũng đã dễ dàng sa vào những ý hướng muốn làm luận đề khi mô tả. Nhưng như thế là giảm bớt hay đôi khi làm mất hẳn ý nghĩa nghệ thuật của một tác phẩm với tư cách là một tác phẩm văn nghệ. Không phải nhà văn gạt bỏ luân lý, ý tưởng nhân bản, tranh đấu xã hội

nhưng chỉ không trình bày luân lý, ý tưởng nhân bản như một bản thuyết trình hay một bài tuyên truyền cổ võ.

Nhà văn tìm cách thể hiện cuộc đời nào đó như một lối sống mang những ý nghĩa luân lý, xã hội nhân bản bao hàm bên trong, không cần nói lên, vì đây là nhiệm vụ của người phê bình. Nam Cao đã tránh được cái lầm luân lý hóa hay xã hội hóa văn nghệ. Tiểu thuyết của ông đích thực là tác phẩm văn nghệ, nhưng lại chan chứa những ý tưởng nhân bản...

Đọc truyện "Chí Phèo", người ta có thể tìm hiểu những tệ tục của thôn quê xưa ở Việt Nam, hay nghĩ tới những vấn đề xã hội đặt ra từ hoàn cảnh phong kiến ngàn đời kia, nhưng đây không phải là chủ đích của tác giả. Cái ám ảnh người đọc là ý tưởng về con người bị từ chối làm người. Nam Cao đã nói lên được ý tưởng đó bằng cách kể một câu chuyện. Ông đã làm trọn công việc của một nhà văn và đã làm một cách thành công.

Con người sinh ra để làm người, nghĩa là để được sống bằng những dự định, ước muôn, tình cảm xác định bản chất của người khác với của con vật. Nhưng đôi khi nó bị từ chối cái quyền sống chính đáng đó. Nó là người, nhưng không được làm người, nó có một thân xác giống người, biết ăn uống như người, có một bộ mặt người; nhưng tất cả cử chỉ, lời nói thái độ của nó đều không phải là của con người, nghĩa là không chứa đựng những tính chất nhân loại. Nó sống bên lề cuộc sống, ngoài rìa xã hội. Có khi tự nó cũng không biết nó là người. Rồi có ngày nào đó, nó tỉnh ngộ nghĩ tới việc làm người, và mong muốn trở thành người, đôi khi chỉ là mong muốn cái tối thiểu, cái nhỏ mọn nhất, tầm thường nhất, miễn là của người, có tính chất nhân loại là đủ rồi. Nhưng mong muốn tối thiểu đó cũng bị từ chối và nó đành chết ở ngưỡng cửa nhân loại, địa hạt mà chính ra đương nhiên nó có quyền vào và hưởng thụ vì là địa hạt của nó.

*Chí Phèo là bi kịch của con người bị từ chối làm người.*

Hắn là một đứa con hoang, không phải hắn không có bố mẹ sinh ra, nhưng hắn chỉ bị bỏ rơi, không được săn sóc, âu yếm che chở, bảo vệ như những đứa trẻ khác. Hắn ra đời không nhằm mục đích gì hết vì những người sinh ra hắn không có ý sinh ra hắn. Họ nhằm một mục đích khác và chẳng may có hắn khi họ thực hiện mục đích đó. Cho nên hắn sinh ra chẳng nghĩa lý gì. Hắn chỉ là một *thừa thãi* và lẽ dĩ nhiên phải dứt bỏ bên lò gach cũ ngoài đồng vắng. Con người đến với đời như bị quăng ra đấy, trơ trọi. Hắn đã không được sinh ra để làm người như mọi người khác, thì hắn cũng không được săn sóc nuôi nấng, dạy bảo, cho đi học, để lập nghiệp, gia đình như mọi người. Hắn phải đi ở làm mướn để sống, rồi dĩ nhiên phải làm bậy và cũng dĩ nhiên phải đi tù, biệt xứ. Mẫn tú, về làng, bây giờ hắn trở thành một người trơ trọi vô dụng hoàn toàn. Không gia đình, không nghề nghiệp, không địa vị xã hội, hắn chỉ là một thằng du đãng, lang thang côn đồ. Đã là côn đồ, hắn khỏi có trách nhiệm, nghĩa vụ gì hết vì hắn không có quyền lợi gì mà có bốn phân. Hắn ở ngoài mọi lề luật, tập quán của xã hội, đồng thời cũng ở ngoài mọi tình tự nhân loại. Hắn không biết yêu thương, xúc động là vì hắn có sống như con người đâu.

"*Ngay đến cái thẻ có biên tuổi hắn cũng không có trong số làng người ta vẫn khai hắn vào hàng dân lưu giàn, lâu năm không về làng. Hắn nhớ mang máng rằng có lần hai mươi, rồi hắn đi ở tù, rồi hình như hắn hăm nhăm không biết có đúng không? Rồi từ đấy thì đối với hắn không còn ngày tháng nữa*".

Không tên tuổi, nghề nghiệp, liên hệ xã hội, Chí Phèo sống cũng như chết. Nếu định nghĩa con người sống là dự phỏng, thì khi không còn thể dự phỏng, làm gì còn muốn sống và đang sống. Chỉ còn sự "hiện hữu" trơ trọi.

Cho nên những bạn của Chí Phèo như Năm Thọ, Bình Chức sống thật ngang ngược. Nếu là tù vượt ngục về làng, chúng yêu cầu lý trường làm lơ đi và liêu mà che đây mỗi khi có trát về

dòi. Không nghe, chúng đâm chết thì mất sống với vợ con. Nếu có vườn ruộng, chúng chẳng nộp thuế cho ai. Thúc chúng thì chúng chửi, cấm vườn thì chúng chém, sinh chuyện với chúng thì chính lý trưởng có lỗi vì đã cố tình ẩn lậu chúng là những can phạm. Như thế cũng chưa đủ nếu chúng uống rượu, không có tiền trả thì đừng có dòi, hay chúng đến gây sự xin tiền, thì chớ từ chối. Lúc nào chúng cũng giơ con dao dọa đâm chém. Đằng nào thì cũng chỉ đến chết là cùng. Mà chết là sự thua thiệt về hết mọi phương diện và cho mọi người. Chúng đâu có sợ thua thiệt gì vì chúng sống như thực sự đã chết. Người liều, bạt mạng là người tuyệt vọng và tuyệt vọng là thái độ của sự chết. Sống và chết không liên lạc gì với nhau. Cho nên người còn muốn sống không dại gì gây sự với người muốn chết. "Tất cả dân làng đều sợ hắn, và tránh mặt hắn mỗi lần hắn qua". Không ai muốn liên lụy hoặc tưởng rằng bị liên lụy khi hắn chửi. "Hắn chửi trời và hắn chửi đời. Hắn chửi cả làng Vũ Đại. Hắn chửi tất cả những đứa nào không chửi nhau với hắn. Nhưng cũng mặc, ai mà hoài hơi, tức mình hắn chửi đứa nào đẻ ra chính hắn, lại càng không ai cần". "Nhưng mà biết đứa nào đẻ ra Chí Phèo? Có trời mà biết! Hắn không biết, cả làng Vũ Đại cũng không ai biết", "Và hắn lấy thế làm ức lắm: bởi vì người ta không thể chửi nhau một mình; chửi nhau một mình thì còn vẩn vẹo gì".

Hắn tức là phải, vì không ai thèm chấp lời nói của một người không phải là người, cũng như không chấp tiếng chó sủa. Chủ đích của người chửi là muốn làm nhục người mình chửi. Nhưng người bị chửi chỉ biết nhục khi thấy mình không phải là cái mà người ta chửi. Vì nếu người bị chửi thực sự là cái người ta chửi, thì lại không biết nhục. Nếu chửi "mày là đồ chó" và nếu là con chó thực, thì không biết nhục. Cho nên chỉ người mới biết nhục; nhục vì mình không phải cái người ta gán cho.

Nhưng nếu người chửi không phải là người, thì lời chửi không thể làm nhục được vì không bao hàm chủ đích hạ giá, tiêu diệt

người bị chửi. Xã hội không chấp lời chửi của Chí Phèo không coi Chí Phèo thuộc đoàn thể loài người. Nhưng Chí Phèo thì tức giận vì lời chửi của mình không làm nhục được ai. Hắn tức giận vì không được công nhận như một người và lời chửi của hắn là lời chửi của một người. Cho nên khi chửi người khác mà không ai chấp thì chính người chửi lại cảm thấy nhục, uất gián vì đã bị người mình chửi coi như con vật, thằng điên, và lời chửi của mình như tiếng chó sủa.

Chí Phèo tức giận vì hắn là người. Nhưng người ta không công nhận như thế và nhất là chính hắn cũng không biết hắn là người. Hắn đã chửi bời, đã tức giận hằng trăm lần, nhưng hắn chưa biết vì hắn là người nên mới biết tức giận, thì đây là dịp cho hắn tinh ngộ, biết mình là người và muốn được làm người như mọi người...

(Trích bài *Con người bị từ chối làm người*  
trong truyện *Chí Phèo* của Nam Cao,  
trong sách *Xây dựng tác phẩm tiểu thuyết*, Sài gòn 1965)

## ĐÔI ĐIỀU SO SÁNH GIỮA CHÍ PHÈO VÀ A.Q

Chí Phèo và A.Q về không gian chỉ cách nhau một đường biên giới giữa hai nước liền kề, nhưng về thời gian, giữa họ có khoảng cách chào đời đáng kể: hai mươi năm. Họ thuộc hai thời kỳ lịch sử khác nhau, ấy là thời cận đại với A.Q (1921) và thời hiện đại với Chí Phèo (1941), song cả hai vẫn thuộc xã hội phong kiến trì trệ phương Đông. Cha đẻ của hai nhân vật điển hình thời đại ấy trở về cõi vĩnh hằng cách nhau hai chục năm (Lô Tấn mất năm 55 tuổi, Nam Cao mất năm 34 tuổi) song họ đã kịp là người cùng thời của nhau cùng một khoảng thời gian dài như thế. Không kể những hứng thú sáng tác chung về đề tài trí thức, phụ nữ, khi nhà văn cùng có niềm say mê khám phá về một típ người - người nông dân khốn cùng đến mức tha hóa thành lúm manh.

Cho nên bên cạnh những điều khập khiêng, lại có những điểm tương đồng về cơ bản, đủ làm cơ sở so sánh giữa hai nhân vật A.Q và Chí Phèo.

Lỗ Tấn sinh ra và lớn lên trong lúc tổ quốc ông liên tiếp thất bại đau đớn ê chề về mặt đối ngoại. Trung Hoa đất rộng người đông với nền văn minh chói lọi và địa vị thiên tử một thời trong lịch sử thế giới đã tạo nên niềm tự hào, trọng thể diện, đồng thời cùng tạo nên thói quen tự cao, tự mãn. Khi bị thất bại liên tiếp trong thực tế, thói này ắt nhanh chóng chuyển hóa sang cực đối lập là thói khiếp nhược, cam chịu nô lệ, thần phục, để rồi tự lừa dối mình và giữ thể diện với người bằng phép “thắng lợi tinh thần” thảm hại. Căn bệnh này chẳng những có ở những kẻ quyền cao chức trọng mà tiêm nhiễm đến cả thứ dân, khiến cho Trung Quốc không sao phấn phát tinh thần lên được. Nhìn nhận ra căn bệnh có tính quốc dân đó, năm 34 tuổi, Lỗ Tấn hiến dâng cả cuộc đời cho cách mạng văn hóa, đề xướng dân chủ, khoa học, chống những cản bã của văn hóa phong kiến. Bằng hình tượng nhân vật A.Q đầy sức sống tương phản với cuộc đời luôn ảo tưởng ngu ngốc, vô vị, Lỗ Tấn muốn phê phán, muốn khơi gợi, thức tỉnh những ai “không dám nhìn thẳng vào sự thật, dùng cách che giấu để tạo ra một con đường thoát rất kỳ diệu mà họ tưởng là một con đường đúng đắn. Con đường đó chứng tỏ tính quốc dân là yếu đuối, lười nhác mà lại xảo trá. Càng ngày càng thỏa mãn tức là càng ngày càng suy đốn, thế nhưng ai cảm thấy ngày càng vê vang” (Tạp văn: *Nấm mồ*).

Nhân vật A.Q không chỉ là sản phẩm của văn hóa phong kiến Trung Hoa mà còn là kết quả tất yếu khi ý muốn hơn người vượt quá thực lực vốn có. Cùng chung một nguồn văn hóa, ở nước ta tất nhiên cũng có phép thắng lợi tinh thần. Có điều do địa vị lịch sử đặc định, phép đó không biểu hiện đậm đặc, cô đọng bằng. Tại thời điểm lịch sử tương ứng với thời cận đại của A.Q, thái độ coi đạo thánh hiền là nhất, coi khinh người phương Tây, gọi

họ là “bạch quỷ”, “hồng mao”, bám lấy khí tiết thanh cao một mình để “độc thiện kỳ thân”, ca bài “Quy khứ lai” khi đời loạn v.v... đều ít nhiều là những biểu hiện của phép thắng lợi tinh thần nhằm che giấu sự bất lực. Đó cũng là một cách tự cân bằng sự hụt hẫng về tinh thần trước thực tế khắc nghiệt của nhà nho, của văn hóa Nho gia - một “đạo” có lý lẽ tuyệt vời cho sự nhập cuộc khi thắng thế, lại cũng có lý lẽ tuyệt vời cho sự rút lui ở ẩn khi thất thế. Trong thực tế, phép ứng xử hết sức uyển chuyển này không phải không có hiệu quả tốt.

Cho tới lúc Nam Cao trưởng thành, chế độ thực dân tuy lọc lõi dạn dày kinh nghiệm cai trị, đàn áp, nhiều cuộc khởi nghĩa và phong trào cách mạng bị dập tắt rồi lại nhen nhóm lên. Còn ở nông thôn, bọn địa chủ cường hào thừa cơ đục nước béo cò, chia bè kéo cánh b López nặn nông dân. Thực tế xã hội đó không có chỗ đứng cho phép thắng lợi tinh thần, mà thay thế vào đó là tâm lý và hành động phản kháng, chống đối tự giác hoặc tự phát theo quy luật tất yếu “con giun xéo mãi cũng quắn”.

Cho nên khi ở tù ra, vừa về làng hôm trước, hôm sau Chí Phèo đã nốc rượu say khướt rồi đến tấn công nhà Bá Kiến gọi tên tục ra mà chửi, chửi cả nhà, ngoa ngoắt, sướng miệng. Bị một cái tát, cái đấm, Chí đã đập chai, rách mặt ăn vạ, thế mà Lý Cường, Bá Kiến chẳng dám làm gì hơn, đành xử nhũn, rồi vận dụng phép thắng lợi tinh thần, tự nhủ “thứ nhất sợ kẻ anh hùng, thứ nhì sợ kẻ cô cùng liều thân” mượn câu “tránh voi chẳng xấu mặt nào” để gỡ sĩ diện với dân làng.

So sánh với A.Q ta thấy A.Q mượn hơi men của hai bát rượu tăm, khoác lác nhện bà con với cụ cố Triệu liền bị chửi mắng, ăn tát tai; khi mới tỏ tình với vú Ngò lại bị một trận đòn tre cật tối tăm mắt mũi. Đến đây, kẻ ăn vạ không phải anh chàng khốn khổ mà chính là nhà địa chủ họ Triệu. Bác Khán coi đèn Thổ Cốc được thể cùng “ăn theo”, xúm lại vặt trui A.Q, đến nỗi

có manh áo cộc đã rách A.Q bỏ quên, nhà địa chủ cũng cất đi, nửa to “để đến tháng tám này mợ Tú ở cũ dùng làm tã lau nước tiểu cho em bé, và nửa nhỏ, nát quá thì dùng đóng vào gót dép cho vú Ngò”.

Thế lực địa chủ cường hào ở nông thôn Việt Nam và Trung Quốc khác nhau như thế cho nên vị trí của nhân vật ăn vạ và vận dụng “phép thăng lợi tinh thần” cũng được đổi chỗ cho nhau. Đó cũng là thêm một lý do cắt nghĩa tại sao Lô Tấn chọn A.Q, Nam Cao chọn Chí Phèo làm nhân vật tiêu biểu cho xã hội nông thôn nước mình. Cuối cùng, A.Q và Chí Phèo cũng gặp nhau. Họ đều vùng lên phản kháng kẻ bóc lột, đàn áp, hâm hại không cho họ làm người. A.Q theo bọn cướp đêm, mơ làm giặc để cách cái “mạng” của những cố Triệu, cố Tiền, nhưng chưa kịp hiểu cách mạng là thế nào đã bị bọn đầu cơ cách mạng đưa ra pháp trường. Chí Phèo thực tế hơn, tuy liều lĩnh tính sổ với kẻ thù nhưng rồi lại trở thành tay sai của chính bọn cướp ngày ấy.

Lô Tấn và Nam Cao cũng cho thấy hành động phản kháng của cả hai nhân vật đều chưa được ánh sáng của trí tuệ, của lý tính soi rọi, chỉ là những cơn cảm tính bốc hỏa lên đầu, những xung động thần kinh, cho nên không nhằm một mục đích nào lớn hơn là miếng ăn, rượu uống hàng ngày cho riêng mình, chưa nói đến những nhu cầu vật chất khác. Những toan tính nông dân tư lợi hẹp hòi, (thiển cận), thỏa mãn với cái lợi vật chất cụ thể trước mắt ấy, thành ngữ Trung Quốc gọi là “tầm nhìn mắt chuột”, còn ở Việt Nam thể hiện bằng hình tượng Bờm cười thỏa mãn với hòn xôi trên tay, huống hồ A.Q và Chí Phèo đều thất học, cầu bơ cầu bất, thuộc tầng lớp tật cùng dưới đáy của xã hội nông thôn. Đó chính là kết quả bản năng tất yếu của những thành viên trong cộng đồng tộc co cụm trong làng xã trên cơ sở nền kinh tế cá thể, tách biệt, manh mún, không có mối quan hệ rộng rãi với xã hội bên ngoài.

Việc A.Q và Chí Phèo phá phách chống đối bọn địa chủ cường hào bóc lột, dàn áp họ là chính nghĩa, song lại không nhầm mục đích phản phong. Một gia đình nho nhỏ, chồng cuốc mướn cày thuê, vợ dệt vải, bỏ lại một con lợn nuôi làm vốn liếng, khá giả thì mua dăm ba sào ruộng làm, đó là tất cả ao ước xa xôi của Chí Phèo. Còn A.Q nhầm tính “vào thẳng nhà cụ cố Triệu phá ngay cái rương ra xem... Tiền đồng... vàng bạc... áo sa... Mà trước hết phải khuân ngay cái giường Hồng Kông của mợ Tú về đèn Thổ Cốc cái đã... Con mụ vú Ngò lâu nay đi đâu nhỉ? Bực một nỗi là cái bàn chân chị ta to quá <sup>(1)</sup> thế.” Nếu mơ ước của hai con người phản nghịch này trở thành địa chủ cường hào - đối tượng mà họ nhầm đánh đổ. Họ không thể nghĩ được điều gì mới mẻ vượt khỏi khuôn khổ văn hóa phong kiến bao đời nay bủa vây họ. Những cuộc khởi nghĩa nông dân thành công rồi sụp đổ cũng chỉ vì như thế.

Mặt khác, khi hành động “xé rào” nhầm thay đổi trật tự vốn có trong làng, A.Q và nhất là Chí Phèo đều phải mượn hơi men trợ lực. A.Q phách lối khi ngồi hàng rượu; còn khi hơi rượu đã nhạt, Chí Phèo chẳng dám chửi, nói gì đến rạch mặt ăn vạ? Trên cơ sở nền kinh tế cá thể, chủ yếu nhờ mưa thuận gió hòa, nông dân tha hồ làm ăn riêng rẽ, nhưng hễ động đến trật tự tông tộc là cả làng tốn thái độ. Cốt lõi chính nghĩa trong hành động nổi loạn của A.Q và Chí Phèo không dễ nhận được ra và đồng tình. Ngược lại cả làng Mùi đều nhất trí công nhận A.Q không phải là người lương thiện, “chứng cứ là y đã bị bắn, vì rằng nếu là người lương thiện thì sao lại bị bắn kia chứ?”. Còn tất cả dân làng Vũ Đại đều sợ và tránh mặt Chí Phèo như tránh hủi, “một đứa không cha, chỉ có nghề rạch mặt ăn vạ”. Trong thâm tâm, A.Q và Chí Phèo không phải không biết đến cái sức mạnh vô

---

(1) Dân bà nhà danh giá không để chân tự nhiên mà bó cho nhỏ lại từ bé.

hình đó của khuôn phép làng xã, cho nên chúng ta dễ hiểu vì sao họ cần đến rượu, nhiều rượu, vì sao họ phải uống cho say, càng say càng tốt. Tách biệt về kinh tế nhưng lại phải nương tựa nhau, ràng buộc nhau trong tông pháp cộng đồng để duy trì trật tự, bình ổn, đó là đặc biệt của làng xã thời họ.

Viết về những nhân vật nông dân cùng khổ lưu manh hóa, Lô Tấn và Nam Cao đã thẳng tay phanh phui, phơi bày hết những mặt xấu xa, nông cạn, thấp hèn, song lại dành một phần đồng tình sâu sắc với họ, tin tưởng vào điểm sáng lương tri còn le lói trong họ. Trong bài *Vì sao tôi viết A.Q chính truyện*, Lô Tấn có nói: "... Nếu Trung Quốc làm cách mạng thì thế nào A.Q cũng sẽ làm. Số mệnh chú A.Q của tôi nhất định phải như thế". Nam Cao chưa cho bạn đọc biết trực tiếp vì sao ông viết *Chi Phèo*, song trước khi liều thân, Chí Phèo của ông đã đau đớn thốt lên: "Tao muốn làm người lương thiện... Nhưng ai cho tao lương thiện? Làm thế nào cho mất được những vết mảnh chai trên mặt này? Tao không thể là người lương thiện nữa, biết không?". Xưa nay con người ta lúc sắp chết, lời nói vốn lành. Những câu hỏi dồn dập đó cũng là những tiếng kêu cứu từ đáy lòng anh Chí.

Năm 34 tuổi, Lô Tấn dấn thân vào cuộc cách mạng văn hóa, còn Nam Cao năm 34 tuổi, ra đi mãi mãi trên con đường công cán vùng địch hậu. Kỷ niệm 55 năm ngày mất Lô Tấn năm nay cũng đồng thời là năm kỷ niệm Nam Cao ra đi tròn 40 tuổi. A.Q và Chí Phèo không ra đi cùng hai nhà văn sinh ra họ mà ở lại với chúng ta gắn liền với xã hội chúng ta cho đến tận ngày nay và có thể cả mai sau.

Năm 1988, A.Q mồ - đèn ra đời dưới ngòi bút trẻ trung khỏe khoắn của nhà văn Trung Quốc Trần Quốc Khải. Truyện vừa này cung cấp một bức tranh toàn cảnh về những biểu hiện "đời mới" của phép thắng lợi tinh thần, phơi bày một loạt những kiểu A.Q làm công tác văn học, anh thi quỳ mọp gối tảng bốc nhau, quen thói luận chiến không bám sát thực tế, anh ở ngoài nghề dạy

bảo người thạo nghệ hoặc những văn nhân lên cơn thần kinh lâng mạn bộc phát. Còn ở ta, Chí Phèo trở thành câu chuyện cửa miệng và “phương pháp tráo trở” của Chí Phèo ngày nay nhiều khi được việc ra trò. Gặp trường hợp đó có khi ta lại phải mượn phép thắng lợi tinh thần của A.Q mõ - đèn cũng nên!

Người ta bảo như thế là hình tượng A.Q và Chí Phèo mang ý nghĩa xã hội và triết lý nhân sinh vượt thời gian và không gian. Quả vậy, một khi nhà văn đã tha thiết, trăn trở với đất nước đến mức gửi gắm một phần đời, một phần máu thịt, tâm huyết của mình ở trang viết thì nhân vật của họ ắt có sức sống bền lâu.

Trong một xã hội nào cũng vậy, hễ có A.Q ắt có Chí Phèo và ngược lại. Hai tính cách tưởng như đối lập này lại thống nhất với nhau, bổ sung cho nhau khiến cho bức tranh về xã hội nông thôn sản xuất nhỏ và “thành thị nông thôn” cũng dạng như thế thêm sinh động, phong phú.

PHẠM TÚ CHÂU  
*(Tạp chí Văn học số - 1992)*

Phong Lê: Nam Cao - Văn và Đời (Lời giới thiệu tuyển tập Nam Cao, NXB Văn học 1987).

Phong Lê: Nam Cao - Văn và Đời (Lời giới thiệu tuyển tập Nam Cao - NXB Văn học 1987).

**Đề 18:**

Bình luận tính chất tuyên ngôn của tác phẩm *Đôi mắt* của Nam Cao.

## DÀN BÀI

### 1- Mở bài

Giới thiệu “*Đôi mắt*” của Nam Cao và tính chất tuyên ngôn của tác phẩm này:

+ *Đôi mắt* là tác phẩm đặc sắc, tiêu biểu nhất của nhà văn Nam Cao sau Cách mạng tháng Tám.

+ Được viết vào đầu xuân năm 1948, truyện ngắn này đã giải đáp cho câu hỏi: “*Sóng thế nào cho đúng cho phù hợp với thời đại?*”. Do đó, có thể xem *Đôi mắt* như là một tuyên ngôn nghệ thuật của giới văn nghệ sĩ, đáp ứng cho nhu cầu “nhận đường” trước bước ngoặt lịch sử khi đó.

### 2- Thân bài

a. *Tuyên ngôn về lập trường kháng chiến, lập trường cách mạng của các văn nghệ sĩ:*

+ “*Đôi mắt*” là vấn đề quan điểm, vấn đề “cách nhìn” đối với cuộc kháng chiến và người dân kháng chiến, đặc biệt là nông dân, nói rõ hơn là thái độ dấn thân nhập cuộc hay thái độ thờ ơ ngoài cuộc đối với cuộc kháng chiến chống Pháp đương thời.

- Nam Cao đã thể hiện điều đó qua sự đối lập từ cung cách sống đến quan điểm của hai nhà văn: Hoàng và Độ. Hai nhân vật này có lập trường khác hẳn nhau. Độ xem cuộc kháng chiến là của chính mình nên anh tích cực dấn thân. Hoàng, trái lại, đã tách biệt cuộc sống kháng chiến, nhìn “chỉ một phía” đầy ác cảm với những người nông dân đang hăng hái kháng chiến. Bởi vậy, Hoàng đã đứng ngoại cuộc không chấp nhận công tác với kháng chiến dù là làm bất cứ một việc nhỏ nhất gì.

Tuy tác giả không bày tỏ thái độ chủ quan của mình một cách lô liếu nhưng ai cũng thấy rõ là ông tán thành cách sống thích hợp với hoàn cảnh kháng chiến và cách nhìn tiến bộ của nhà văn Độ. Đúng là “Đôi mắt” đã xác định chỗ đứng của lớp văn nghệ sĩ tiểu tư sản trong cuộc kháng chiến đó là sẵn sàng quyết tâm từ bỏ quyền lợi và những thói quen sinh hoạt ích kỷ của mình trước đó. Với lập trường kháng chiến, lập trường cách mạng này, văn nghệ sĩ sẵn sàng từ bỏ văn nghệ cũ, thứ văn nghệ thoát li, rời hiện thực cuộc sống mà từ lâu nay họ cho là “cao siêu” để đóng góp phục vụ cho cuộc kháng chiến, dù có phải làm công việc của “một anh tuyên truyền nhãi nhép” miễn là có ích cho nhân dân, cho kháng chiến.

b. *Tuyên ngôn về tư tưởng nghệ thuật mới:*

“Đôi mắt” đặt ra một cách nhìn mới, cái nhìn của những người trong cuộc, bằng đôi nét của tình thương, không thành kiến, định kiến với cái ngô, cái dở bên ngoài đã khám phá, phát hiện ra cái bản chất, cái vẻ đẹp bên trong của con người nhằm khẳng định con người mới. Với Nam Cao, cách nhìn bao giờ cũng gắn liền với tấm lòng, tình cảm của người nghệ sĩ.

“Đôi mắt” đưa ra vấn đề quan niệm về cái đẹp, về đối tượng của nghệ thuật mới. Nhà văn phê phán thứ văn nghệ “cao siêu” tách rời và ~~nhau~~ la với quần chúng nhân dân.

“Đôi mắt” khẳng định sự xuất hiện của những con người áo vải, răng đen, đi chân đất, gọi lụu đạn là “nụ đạn”, những con người nông dân đó đã đứng dậy làm cuộc Cách mạng tháng Tám và sau đó gánh cả cuộc kháng chiến lên đôi vai vững chãi của mình. Đó là những con người tuy bình thường mà vĩ đại sau này là nhân vật trung tâm trong văn học nước ta.

c. *Nhật xét đánh giá:*

- Nhà văn Nam Cao rất có ý thức nêu lên, đưa ra những quan điểm về nghệ thuật và sáng tác của mình. Trong *Trăng sáng*

và *Đời thừa* trước Cách mạng tháng Tám, nhà văn đã từng khẳng định người cầm bút chân chính không thể quay lưng với hiện thực mà phải phản ánh nỗi khốn khổ của nhân dân lao động đương thời phải “đứng trong lao khổ, mở hồn ra đón tất cả những vang động của đời”. Cũng theo ông, nhà văn là người phải biết đào sâu, tìm tòi, khơi nguồn chưa ai khai và sáng tạo những gì chưa có”. Về cách nhìn nhận con người, trong *Lão Hạc* (1943), *Nước mắt* (1943) Nam Cao cũng từng thấy ra rằng nhà văn phải có đôi mắt của tình thương phải “cố tìm để mà hiểu” những người nông dân thoát trông có vẻ gàn dở, lầm cẩm nhưng bên trong lại là những con người nhân hậu có một nhân cách thật đáng kính trọng: “Chao ôi! Đời với những người ở quanh ta, nếu ta không cố tìm mà hiểu họ thì ta chỉ thấy họ gàn dở ngu ngốc, bẩn tiện, xấu xa, bỉ ổi... toàn là những cớ để ta tàn nhẫn. Không bao giờ ta thấy họ là những người đáng thương, không bao giờ ta thương...”

- Như thế *Đời mắt* là sự tiếp tục và phát triển tư tưởng và quan niệm vừa nói của Nam Cao. Đến đây, lần này ông đã đưa ra một quan điểm quan trọng và cần kíp nhất. Lúc này (1948) hầu hết các nhà văn tiền chiến đã kháng chiến. Tuy nhiên, hiện tượng xa rời, chưa quen hòa nhập với quần chúng (nhất là người dân quê, hiện tượng nhận thức về kháng chiến, về nhân dân chưa đầy đủ, khách quan, đúng đắn, hiện tượng đi với kháng chiến nhưng chưa gắn cảm hứng nghệ thuật với kháng chiến với nhân dân vẫn còn. Vấn đề “nhận đường”, vấn đề “đời mắt” mà Nam Cao nêu lên trong tác phẩm của mình thật là cần thiết.

- Có thể nói với tuyên ngôn nghệ thuật này, Nam Cao rất xứng đáng là một trong những nhà văn có tư tưởng tiến bộ nhất của thời đại lúc bấy giờ. *Đời mắt* không chỉ nêu lên chuyện nhìn mà còn đặt vấn đề chỗ đứng và sự chuyển mình cần thiết của nhà văn. Phải hòa nhập hết mình vào quần chúng đang sốt sắng làm mọi việc để phục vụ kháng chiến thì người cầm bút chân chính mới có thể tìm được những cảm hứng mới cho nghệ thuật và mới trở thành những con người có ích.

### 3. Kết bài

*Đôi mắt* xứng đáng là tác phẩm tiêu biểu nhất của Nam Cao sau Cách mạng tháng Tám và cũng là tác phẩm xuất sắc của văn học Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp. Vẫn với một lời văn điềm đạm, mực thước một cách mô tả khách quan chân thật nhưng vẫn kín đáo thể hiện một khuynh hướng châm biếm sắc sảo, *Đôi mắt* có ý nghĩa như một bản tuyên ngôn nghệ thuật không chỉ của Nam Cao mà của cả một thế hệ văn nghệ sĩ yêu nước tham gia kháng chiến chống Pháp. Điều này được Tô Hoài xác nhận. Ông còn gọi “*Đôi mắt* là một thứ tuyên ngôn nghệ thuật chung của lớp nghệ sĩ hồi ấy.

*Đề 19:*

Bình luận quan điểm của Hoàng (trong tác phẩm *Đôi mắt* của Nam Cao) đối với người nông dân và cuộc kháng chiến.

### TÌM HIỂU ĐỀ

1- *Thể loại:* Nghị luận kiểu bài bình luận xã hội khoa học.

2- *Nội dung:* Nhận xét đánh giá cách nhìn, cách nghĩ đầy thành kiến, định kiến của Hoàng đối với người nông dân và kháng chiến khi đó.

3- *Tư liệu:* Truyện ngắn *Đôi mắt* của Nam Cao.

### DÀN BÀI

#### 1- Mở bài

Giới thiệu Hoàng trong tác phẩm “*Đôi mắt*” của Nam Cao và quan điểm của nhân vật này đối với nông dân và cuộc kháng chiến:

Vấn đề *Đôi mắt* hay quan điểm, cách nhìn là một vấn đề rất quan trọng đối với mọi người, đặc biệt là đối với lớp người

trí thức. Mỗi người trong chúng ta do hoàn cảnh xuất thân, do môi trường giáo dục điều kiện sinh sống, lập trường tư tưởng nên thường có đôi mắt, quan điểm, hay cách nhìn khác biệt nhau. Nhân vật nhà văn Hoàng trong tác phẩm *Đôi mắt* của Nam Cao chẳng hạn, qua đối thoại chuyện trò với nhà văn Độ đã bộc lộ rõ nét quan điểm của mình đối với người nông dân và cuộc kháng chiến chống Pháp lúc bấy giờ.

Quan điểm này xác đáng hay sai lệch tiến bộ hay lạc hậu.

## 2- **Thân bài**

### a) *Quan điểm của Hoàng đối với nông dân.*

Nhân vật nhà văn Hoàng, một người cầm bút từng nổi danh trong nghề văn và cả trong buôn lậu và tính hay chơi xấu với bạn bè. Nhà văn bậc đàn anh này giàu có vốn sống ở Hà Nội nay đang cùng gia đình tản cư về nông thôn, ở nhờ tạm một căn nhà xinh xắn, sạch sẽ và riêng biệt.

#### - *Đối với người nông dân và cuộc kháng chiến.*

Dưới cái nhìn của nhà văn Hoàng, nông dân là những người ngu dộn, lỗ mäng, ích kỉ tham lam, bần tiện. Nhà văn này đã đưa ra những điều trông thấy "*chương tai gai mắt*" của mình như:

- Em ruột gặp anh giữa lúc biển động mà không thương xót, lại còn kiêng kị, xỉ vả và xia xói nọ kia. Cả cha con cũng chẳng tốt với nhau.

- Họ ham tuyên truyền nói chữ một cách rườm rà ngô nghê, viết chữ quốc ngữ sai vẫn mà lại cứ hay nói chuyện chính trị rối cả lên.

- Động thấy ai qua là hỏi giấy, đọc thuộc lòng cả một bài dài đến năm trang.

- Họ lấy máy nghịch súng, lựu đạn, làm chết người như bốn.

- Họ tò mò, tọc mạch mọi điều của những người chung quanh.

- Hoàng khinh bỉ họ. Nhà văn này giành cho những người nông dân kháng chiến này các từ không đẹp một chút nào: "ngô", "nhặng xị", "nhổ nhặng" và gọi họ cũng bằng các từ đầy mỉa mai châm biếm: "các ông ủy ban", "các bố tự vệ", "các ông thanh niên", "các bà phụ nữ mới"...

Nhìn chung, đối với quần chúng theo nhà văn Hoàng, có thể để cho họ đánh Tây, nhưng không thể đặt họ ở cương vị này khác (chẳng hạn làm Chủ tịch ủy ban khu phố, hoặc làng xã).

- Đây là một cách nhìn cũ kỹ, nhìn đời và nhìn người chỉ một phía đúng như cách đánh giá của nhà văn Đô trong truyện: *Anh đã quen nhìn đời và nhìn người một phía thôi... Vẫn giữ đời mắt ấy để nhìn đời thì càng đi nhiều, càng quan sát lầm, người là chỉ càng thêm chua chát và chán nản.* Thật vậy anh Hoàng chỉ nhìn người nông dân "một phía" đó là phía nhược điểm rồi phóng đại lên để nhạo báng mà không hề thấy bản chất cách mạng của họ không nhìn thấy cái nguyên cớ bên trong thật đẹp của họ .

### b) Quan điểm của Hoàng đối với cuộc kháng chiến:

- Nhà văn Hoàng nhìn cách mạng, nhìn kháng chiến còn thiếu niềm tin, Hoàng không tin vào sức mạnh của nhân dân mà lực lượng nòng cốt là những người nông dân áo vải chân trần lam lũ có thể đưa cuộc kháng chiến chống Pháp lúc bấy giờ đến thành công. Hoàng coi cuộc kháng chiến không phải là của mình nên anh có thái độ đúng ngoài cuộc mà soi mói và chế giễu. Anh cho rằng nếu có sáng tác nghệ thuật cũng chỉ là để cười cợt phê phán như kiểu Vũ Trọng Phụng viết "Số đỏ" (Rất may việc đó nhà văn Hoàng không làm được vì không có được "một cái bàn viết ra hồn") cũng may mà Hoàng còn rất tin phục người lãnh đạo cách mạng và kháng chiến. Anh nói: *Tôi bi lâm, cứ quan sát kỹ thì rất nản. Nhưng tôi chưa nản vì lẽ chỉ vì tôi tin vào ông Cụ. Tôi cho rằng cuộc Cách mạng tháng Tám cũng như cuộc kháng chiến hiện nay*

chỉ ăn vì người lãnh đạo cũ. Hồ Chí Minh đáng lẽ phải cứu vãn một nước như thế nào kia mới xứng tài, phải cứu vớt một nước như nước mình thì kể cũng khổ cho ông Cụ lắm.

Điều nhắc đến cụ Hồ, nhà văn Hoàng cũng cho thấy quan niệm cách nhìn rất cũ kỹ của mình, quan niệm về anh hùng cá nhân dẫn tới một sự đối lập giữa lãnh tụ và quần chúng.

c) *Tại sao Hoàng có “đôi mắt”, quan điểm, cách nhìn lệch lạc.*

Do cuộc sống, lối sống và nhân cách: Hoàng là nhà văn nhưng cũng là “tay chợ đen rất tài tình”, sống ở Hà Nội một cách khá giả. Thậm chí đã đi tản cư về nông thôn xa xôi mà vẫn nuôi chó ngoại, dùng thuốc lá thơm, có chăn đắp rắc nước hoa. Vả lại, nhà văn Hoàng theo như Nam Cao cho biết trong truyện lại là người có óc đố kỵ, chơi xấu với bạn bè, khinh người, xa lạ với quần chúng với cách mạng.

d) *Hậu quả của cái nhìn bằng đôi mắt lệch lạc của Hoàng:*

Do cái nhìn bằng “đôi mắt”, quan điểm lệch lạc ấy Hoàng đã “đóng cửa suốt ngày không dám đi đâu nữa”, tuyệt đối không tiếp xúc với những cán bộ địa phương, không tham gia bất kỳ một công việc gì có liên quan tới cuộc kháng chiến đang được quần chúng nhân dân lúc bấy giờ tiến hành một cách sôi nổi và khẩn trương dù là nhỏ nhặt nhất. Thái độ ấy, suy cho cùng cũng là do lập trường đứng ngoài cuộc kháng chiến của anh quy định.

### 3- Kết bài

Qua nhân vật nhà văn Hoàng, một điển hình sắc nét, nhà văn Nam Cao đã nêu lên vấn đề “đôi mắt” là cách nhìn, chỗ đứng, cách sống của người nghệ sĩ người cầm bút trong kháng chiến lúc bấy giờ: Theo nhà văn, trong hoàn cảnh phải đối đầu với kẻ thù chung của dân tộc của đất nước như lúc ấy, nhà văn cần phải hòa nhập với quần chúng nông dân phải đặt trách nhiệm công dân “quốc gia hưng vong, thất phu hữu trách” lên trên hết.

*Đề 20:*

Anh (chị) hãy phân tích các nhân vật Hoàng và Độ trong tác phẩm *Đôi mắt* để nêu bật chủ đề của tác phẩm.

## TÌM HIỂU ĐỀ

1- *Thể loại:* Phân tích văn học nói cụ thể hơn là phân tích nhân vật.

2- *Nội dung:*

- Nhân vật Hoàng tiêu biểu cho con người cũ, bàng quan trước thời cuộc, quay lưng thờ ơ với kháng chiến, khinh bỉ nông nhân, lệch lạc trong cách nhìn đời nhìn người.

- Nhân vật Độ tiêu biểu cho con người mới giàu nhân cách tin tưởng vào quần chúng, tự nguyện làm anh “tuyên truyền nhai nhép” cho kháng chiến.

- Phân tích các nhân vật trên để nêu bật chủ đề của tác phẩm là: Phải thay đổi cách nhìn (không nên nhìn bề ngoài, nhìn một chiều) thì mới có thể đi với quần chúng và tin tưởng vào cách mạng phục vụ cho cách mạng được.

3- *Tư liệu:* *Đôi mắt* của Nam Cao.

## DÀN BÀI

### 1- Mở bài

Trong truyện ngắn “*Đôi mắt*” của Nam Cao, một truyện ngắn xuất sắc của văn học Việt Nam thời kỳ chống Pháp, tên truyện nêu bật được chủ đề của truyện.

*Đôi mắt* được sáng tác vào những ngày đầu xuân 1948, thời điểm mà vấn đề “nhận đường” đang được đặt ra một cách gay gắt đối với lớp trí thức văn nghệ sĩ đang tham gia kháng chiến. Lúc

dẫu Nam Cao định đặt nhan đề truyện ngắn này là "Tiên sư thăng Tào Tháo", nhưng sau đó nghĩ đến ý nghĩa triết luận của tác phẩm, nhà văn đã đổi lại tên là "Đôi mắt". Đôi mắt là một nhan đề tuy giản dị nhưng nhiều ý nghĩa thể hiện được một vấn đề giới quan và lập trường tư tưởng thông qua hai nhân vật chính của truyện là Hoàng và Độ với hai cách nhìn trái ngược nhau.

## 2- **Thân bài**

- *Chủ đề cơ bản trong "Đôi mắt":*

+ Phê phán cách nhìn đời, nhìn người, lệch lạc một chiều chỉ châm bẩm bề ngoài, không chú ý đến bề trong bản chất.

+ Phải có lòng tin vào cách mạng, vào sức mạnh của quần chúng nhân dân đặc biệt là nông dân, lực lượng cơ bản của cách mạng lúc bấy giờ. Nam Cao ở đây nêu lên cách nhìn cuộc kháng chiến, nhìn quần chúng lao động của người trí thức văn nghệ sĩ trong những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp.

- *Nhân vật Hoàng:*

Nhà văn Hoàng là điển hình của loại trí thức trưởng giả:

+ Ngày trước ở Hà Nội, anh ta là một kẻ "*không chơi được*", "*hay đá bạn*", "*đố kỵ*", sẵn sàng làm "*những việc đê tiện*".

+ Lúc bấy giờ đi vào kháng chiến tản cư về nông thôn Hoàng vẫn giữ nguyên lối sống cũ. Anh ta ở biệt thự, nuôi chó béc-giê, đánh tổ tôm với đám quan lai công chức cũ. Tối đến, anh ta vẫn nằm trong màn tuyn tráng toát hút thuốc lá thơm nghe đọc Tam quốc để dỗ giấc ngủ.

+ Tuy sống giữa quần chúng nông dân nhưng Hoàng vẫn nhìn họ bằng "*đôi mắt*" khinh bạc đầy miệt thị. Dưới "*đôi mắt*" của anh ta những người "*nha quê*" này toàn là "*ngu độn, lồ mảng, ích kỷ, tham lam bần tiện*". Anh ta dè bỉu và khinh miệt họ nên không sao chịu nổi việc những người nhà quê vừa nói đó lại đứng ra đảm trách các công tác cách mạng kháng chiến. Hoàng có cái

nhìn sai lệch về người nông dân. Anh ta chê trách bốn cột “các ông thanh niên, các bà phụ nữ mới bảy giờ (...) viết quốc ngữ sai vần mà lại hay nói chuyện chính trị rồi rít cả lên”.

Anh ta hoàn toàn không thấy được bên trong việc cảnh giác quá đáng “động thấy ai đi qua là hỏi giấy” “hay nói chuyện chính trị”, “đọc thuộc lòng cả một bài dài đến năm trang về đường lối kháng chiến” của người nông dân là bắt nguồn từ bản chất yêu nước và cách mạng của họ.

+ Từ cái nhìn sai lệch đó, Hoàng có thái độ “đóng cửa suốt ngày không dám đi đâu nữa”. Anh ta là kẻ thờ ơ quay lưng lại với sự nghiệp chung, đứng đằng sau hoàn toàn với cuộc kháng chiến, cuộc cách mạng. Anh ta “chẳng yêu một cái gì, chẳng làm gì...chỉ tài chửi đồng”. Thực chất nhà văn Hoàng đã tách mình ra khỏi sự nghiệp cứu nước vĩ đại của dân tộc, của đất nước.

+ May mà nhân vật trí thức trưởng giả coi khinh nhân dân này lại rất “phục tài” Cụ Hồ, phục đến mức sùng bái: “Ông Cụ làm được những việc nó cù quá, đến nỗi tôi cứ cho rằng dù dân mình có tối đi nữa, ông Cụ xoay quanh rồi cũng cứ độc lập như thường”. “Hồ Chí Minh đáng lẽ phải cứu vãn một nước như thế nào kia, mới xứng tài. Phải cứu một nước như nước mình kể cũng khổ cho ông Cụ lắm”. Chính vì vậy mà Hoàng chưa tuyệt vọng chưa trở thành thù địch với kháng chiến. Đôi mắt của anh ta ở đây sai lệch là ở chỗ đã đối lập giữa lãnh tụ và quần chúng.

Tóm lại, Hoàng là một nhà văn “đã quen nhìn đời và nhìn người một phía thôi (...) vẫn giữ “đôi mắt” ấy để nhìn đời thì càng đi nhiều, càng quan sát lầm người ta chỉ càng thêm chua chát và chán nản”.

- *Nhân vật Độ:*

Nhà văn Độ tiêu biểu cho lớp con người mới giàu nhân cách và tiến bộ:

+ Đã từng gắn bó ngòi bút của mình với nhân dân lao động nghèo khổ, trong đó có nông dân, nên gặp cách mạng là anh đi theo và hòa nhập rất tự nhiên. Ngay hồi *Tổng khởi nghĩa*, *Độ đã đi theo nông dân “đi đánh phủ”*. Sau cách mạng, anh “đã gặp họ trong mặt trận Nam Trung Bộ”. Vô số anh rặng đen, mắt toét, gọi lựu đạn là “nụ lựu”, hát Tiến quân ca như người buồn ngủ cầu kinh mà lúc ra trận thì xung phong can đảm lắm”.

+ Có đôi mắt trái ngược với Hoàng, nên Độ không phải không nhìn thấy nhược điểm, hạn chế của người nông dân, nhưng điều đáng trân trọng ở anh là thấy được bản chất tốt đẹp của họ. Độ cho là nông dân “có nhiều điều kỳ lạ lắm” dù sao thì cũng còn một cái bí mật đối với chúng ta. Đối với anh cái dốt nát, cái ấu trĩ máy móc...của họ có thể cảm thông được chứ không thể mỉa mai giễu cợt hay miệt thị...Bởi vậy nhà văn Độ sẵn sàng “Nhận làm một anh tuyên truyền nhãi nhép” của những người nông dân đó. Tin tưởng đối với người dân cày Việt Nam cũng có nghĩa là nhà văn Độ tin tưởng vào tương lai của cuộc kháng chiến của cuộc cách mạng lúc bấy giờ.

Tóm lại, sự đối lập trong quan điểm, trong cách nhìn đời, nhìn người của Hoàng cho ta thấy anh ta là một con người lạc hậu “không chịu đổi”, “không chịu lột xác”. Đi vào kháng chiến, anh ta càng bộc lộ rõ cái “cũ” của mình. Hình tượng tương phản với Hoàng là nhân vật nhà văn Độ đã khẳng định một quan điểm mới, một cách nhìn đời, nhìn người mới, nói cụ thể hơn là nhìn nông dân, nhìn cách mạng bằng một “đổi mới” mới. Truyện ngắn *Đổi mới* cho thấy được thay đổi cách nhìn, phải dũng cảm “đổi mới”, “lột xác” để đi theo cách mạng. Muốn làm nhà văn cách mạng nhất thiết phải thay đổi lập trường, đổi mới tư tưởng. Phải đứng trên lập trường của một người công dân có trách nhiệm với dân tộc, với đất nước và cuộc kháng chiến. Phải đặt lợi ích chung, lợi ích của kháng chiến lên trên tất cả (kể cả lợi ích của văn chương nghệ thuật). Phải có cách nhìn mới về người nông dân

nghèo khổ. Họ tuy bình thường nhưng vĩ đại và là lực lượng nòng cốt của kháng chiến. Họ là nhân vật trung tâm của nền văn học mới. Do vậy, trong phần cuối truyện nhà văn Độ tuy có ý định đề nghị Hoàng cùng mình đi làm nhà văn cách mạng nhưng vì thấy rõ anh ta “không chịu đổi”, “không chịu lột xác”, giữ nguyên con người lạc hậu không thể đáp ứng được yêu cầu của cách mạng nên anh đã thôi không đưa ra lời đề nghị ấy nữa.

### 3. Kết bài

- Với giọng điệu diêm đạm, mực thước, cách miêu tả chân thực và khách quan, thể hiện một khuynh hướng châm biếm tài nghệ và kín đáo, Nam Cao đã xây dựng thành công sắc sảo và sinh động hai nhân vật Độ và Hoàng tiêu biểu cho hai nhà văn cũ và mới.

- Nhà văn đã phê phán “đổi mắt” của Hoàng và khẳng định “đổi mắt” của Độ. Nói cụ thể hơn là đã khẳng định cái nhìn mới. Theo Nam Cao, nhà văn muốn viết đúng viết hay trước hết phải có lập trường đúng và cách nhìn nhận cho đúng. Truyện ngắn *Đổi mắt* chính là vấn đề quan điểm lập trường đối với cuộc kháng chiến chống Pháp và lực lượng nòng cốt của cuộc kháng chiến này.

Chính vì vậy mà theo nhà văn Tô Hoài, truyện này là một bản tuyên ngôn nghệ thuật của các nhà văn trong buổi đầu đi theo cách mạng và kháng chiến hồi đó.

*Đề 21:*

Anh (chị) hãy phân tích cách nhìn quần chúng và cuộc kháng chiến của hai nhân vật Độ và Hoàng trong truyện ngắn *Đôi mắt* của Nam Cao. Qua đó giải thích nhan đề tác phẩm.

## TÌM HIỂU ĐỀ

- 1- *Thể loại:* Phân tích nhân vật.
- 2- *Nội dung:* Cần nêu được cách nhìn của hai nhân vật trong truyện ngắn *Đôi mắt*.
  - Hoàng chỉ thấy phía tiêu cực của quần chúng nói rõ là nông dân, chán nản bi quan về cuộc kháng Pháp.
  - Độ nhìn quần chúng một cách đúng đắn. Anh phát hiện được bản chất cách mạng của họ nên hoàn toàn tin vào cuộc kháng Pháp mà nông dân là lực lượng nòng cốt.
- Qua đây, Nam Cao nêu lên vấn đề: Muốn có "*đôi mắt*" đúng trước hết phải có quan điểm, lập trường đúng. Nhà văn chỉ có thể nhìn thấy bản chất cách mạng, vẻ đẹp mới của quần chúng nhân dân cũng như tương lai của cuộc kháng chiến lúc bấy giờ nếu như có "*đôi mắt*" đúng.

- 3- *Tư liệu:* Truyện *Đôi mắt* của Nam Cao.

## BÀI THAM KHẢO

*Đôi mắt* là tác phẩm quan trọng nhất của nhà văn Nam Cao sau Cách mạng tháng Tám và cũng là tác phẩm xuất sắc nhất của văn học Việt Nam trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp. Tác phẩm này được sáng tác vào năm 1948. Lúc đầu có tên là *Tiên sư thắng Tào Tháo*; nhưng sau, Nam Cao đã đặt cho nó một cái tên khác "giản dị và đúng đắn: *Đôi mắt*". Điều này được chính nhà văn ghi lại trong Nhật ký ở rừng.

Như vậy, tác giả đã có sự lựa chọn cân nhắc để đặt nhan đề cho tác phẩm, để qua nhan đề làm nổi bật ý nghĩa tư tưởng của truyện ngắn này. Đọc *Đôi mắt* chúng ta có thể nhận thấy cách nhìn quần chúng và cuộc kháng chiến khác nhau của những nhà nghệ sĩ có quan điểm và lập trường khác nhau. Cốt truyện *Đôi mắt* khá đơn giản, xoay quanh cuộc đến thăm của Độ - một nhà văn đang làm công tác tuyên truyền kháng chiến - đến nhà Hoàng, một nhà văn dàn anh, giàu có, vốn sống ở Hà Nội, nay đang cùng gia đình tản cư về nông thôn, sống gần những người nhà quê đang tích cực tham gia kháng chiến. Độ đến thăm Hoàng với mục đích vận động nhà văn này tham gia kháng chiến. Anh được gia đình Hoàng tiếp đón cởi mở, chu đáo. Nhưng sau khi thấy được bản chất “đôi mắt” của Hoàng thông qua cách nhìn, cách nghĩ và cả cách sống của nhà văn này, Độ không dám nói ra dụng ý đến thăm của mình, mà “dành giữ kín trong lòng”.

Trước hết, cần phải thấy, Hoàng nhìn thấy quần chúng và cuộc kháng chiến không phải bằng “đôi mắt” thù địch. Nhà văn này về cơ bản không phải là một kẻ “phản động”. Hoàng cũng có một nét khả thủ như thái độ thẳng thắn bộc lộ quan điểm, tình cảm đối với Độ, sự ngưỡng mộ lãnh tụ một cách ngây thơ, chân thành. Và cũng không thể coi những câu chuyện của Hoàng về nông dân trong cuộc đối thoại với Độ là cố ý vu cáo hay xuyên tạc. (Những hiện tượng đại khái như lúc em dâu đẻ anh bắt ra ở cái lều ngoài vườn, “viết chữ quốc ngữ sai vẫn mà cứ hay nói chuyện chính trị” hoàn toàn có thể xảy ra ở nông thôn, một khi 90% nông dân không biết chữ, nhưng họ ghét Tây ủng hộ kháng chiến). Điều này khiến cho nhà văn Độ - hiện thân của Nam Cao, hiện thân của “đôi mắt” đúng đắn không những không phản bác Hoàng, mà còn cung cấp thêm một số chi tiết về nhược điểm của nông dân như nhút nhát, nói ngọng, hát *Tiến quân ca* như buồn ngủ cầu kinh...

Nhắc tới điều này để thấy rõ bản lĩnh nghệ thuật của Nam Cao. Ông phát hiện miêu tả “đôi mắt” của Hoàng từ nhiều góc độ, không đơn giản, một chiều tạo nên sự hấp dẫn của tác phẩm.

“Đôi mắt” của Hoàng dần dần được thể hiện qua việc anh ta kể lại những điều tai nghe mắt thấy một cách hóm hỉnh, sắc sảo. Tài quan sát, tài diễn đạt hấp dẫn, cộng với năng lực hài hước hóa, lố bịch hóa những gì mình không ưa khiến cho những mẩu chuyện của Hoàng thật sinh động. Trong cuộc đối thoại giữa Độ và Hoàng, Nam Cao lạnh lùng để cho Hoàng lấn lướt Độ. Nhiều điểm mạnh của một “nhà văn dàn anh” được thể hiện một cách tự nhiên, và qua đó người đọc thấy dần bản chất “đôi mắt” của Hoàng.

Chỗ yếu nhất ở nhà văn này chính là vấn đề “đôi mắt”, nói như nhà văn Độ, đó là cách nhìn đời và nhìn người một phía thôi (...). “Vẫn giữ đôi mắt ấy để nhìn đời thì càng đi nhiều càng quan sát lầm, ta càng thêm chua chát và chán nản”.

Dưới “đôi mắt” lệch lạc của Hoàng, quần chúng lao động - nói cụ thể hơn là nông dân toàn những người “vừa ngổ vừa nhặng xì”, hầu hết đều “ngu độn lỗ măng, ích kỷ tham lam bần tiện cả. Cha con, anh em cũng chẳng tốt với nhau. Các ông thanh niên, các bà phụ nữ mới bảy giờ lại càng nhố nhăng. Viết chữ quốc ngữ sai vần mà cứ hay nói chuyện chính trị rối cả lên”. Sắc sảo, có tài quan sát, nhưng Hoàng hoàn toàn không nhìn thấy bên trong việc cảnh giác quá đáng, ham tuyên truyền cách mạng “động thấy ai đi qua là hỏi giấy”, “hay nói chuyện chính trị”, đọc thuộc lòng cả bài dài 5 trang về đường lối kháng chiến “như một con vẹt biết nói” kia... là bản chất yêu nước, cách mạng của họ.

Cùng xuất phát từ “đôi mắt” khinh bạc, thiếu thiện cảm đối với nông dân, nên văn sĩ Hoàng chẳng những chỉ nhìn thấy mặt nhược điểm đáng cười mà còn ít nhiều phóng đại, cường điệu, hài hước hóa mặt nhược điểm đó để chế nhạo, giễu cợt một cách bất nhẫn. Điều này, có thể nhận thấy qua cuộc đối thoại giữa vợ

chồng Hoàng và Độ. Suốt mấy trang, dường như Nam Cao để cho Hoàng độc thoại (vợ Hoàng nhất nhất a dua, phụ họa theo chồng) đưa ra không ít các hiện tượng “sinh động” về cái xấu của người nông dân. “Nỗi khinh bỉ của anh ta phì cả ra ngoài, theo cái bùi mõi dài thườn thượt. Mũi anh ta nhăn lại như người ngủi thấy mùi xác thối”. Tác giả hoàn toàn có dụng ý trần thuật cuộc đối thoại bằng giọng văn thản nhiên như không. Ở đây nhà văn đã có “đóng cùi tình cảm”<sup>(1)</sup> của mình để người đọc tự nhận thấy kẻ đáng cười, đáng trách không phải những người nông dân mà chính lại là vợ chồng Hoàng - những kẻ đang ra sức bêu xấu họ.

Chỉ nhìn thấy nông dân ngu dốt, ngây ngô, tất yếu Hoàng không bao giờ tin vào quần chúng mà lực lượng chủ yếu là nông dân sẽ đưa cuộc kháng chiến đến thành công, Hoàng “rất nản”. Tuy vậy, anh ta lại tin vào tài năng của Cụ Hồ, “cứ cho rằng dân mình có tồi đi nữa. Ông Cụ xoay quanh rồi cũng cứ độc lập”. Điều này chứng tỏ bằng cách nhìn phiến diện, Hoàng đã tạo nên một sự đối lập giữa lãnh tụ và dân tộc.

“Đôi mắt” nói trên còn tất yếu dẫn Hoàng đến thái độ chỉ giao thiệp với đám “cặn bã của giới thượng lưu trí thức”, mà anh thừa biết toàn những kẻ “thối nát, ngu ngốc, gàn dở, rởm đời”. Hoàng chơi với họ, nhưng có ưa gì họ! Nghĩ cho cùng giữa anh và họ chính là quan hệ của những người cùng hội cùng thuyền. Bởi vậy, anh chỉ có thể chơi với họ chứ không cộng tác với những người kháng chiến.. Và việc anh “đóng cửa suốt ngày không dám đi đâu nữa” cũng hoàn toàn có thể giải thích bằng “đôi mắt” nói trên.

Vốn là một nhà văn hiện thực, Nam Cao rất có ý thức giải thích một cách hệ thống toàn diện dĩ nhiên bằng các chi tiết nghệ thuật “đôi mắt” của Hoàng.

(1) Theo cách diễn đạt của Nam Cao.

Hoàng vốn là một văn sĩ trưởng giả, nhân cách thấp kém “có cái tật hay đá bạn”, trong khi đồng nghiệp “chỉ còn một dum xương” trong nạn đói khủng khiếp 1945, “Hoàng vẫn phong lưu” nhờ tài... chạy “chợ đèn rất tài tình. (Cho dù ở thời nào, thì những việc này vẫn không thể chấp nhận được đối với người trí thức chân chính).

Đặc biệt, khi kháng chiến bùng nổ, bao tầng lớp nhân dân đặc biệt là nông dân sẵn sàng chịu đựng gian khổ thiêng thốn, hy sinh đóng góp sức lực cho cuộc kháng chiến, thì Hoàng vẫn giữ nguyên cách sống cũ ích kỷ, co mình lại trong vỏ ốc gia đình với những bữa ăn ngon, những món quà vặt lạ miệng, với nhà cửa khang trang... Hoàng hoàn toàn đứng đúng trước thời cuộc, tách mình ra khỏi sự nghiệp chung của nhân dân của đất nước. (Đi nhiên, nếu trong hoàn cảnh bình thường, chúng ta có thể nghĩ khác về Hoàng).

Như vậy, ở nhân vật này thiếu hẳn sự gắn bó với những người lao khổ, nói rộng là thiếu sự gắn bó với nhân dân với đất nước, thiếu cội nguồn nhân đạo cần thiết của một nhà văn. Do đó, “đôi mắt” nhìn người nông dân của Hoàng chính là đôi mắt của kẻ bè trên nhìn xuống. Hoàng trước sau không hiểu nổi “người nhà quê”, không hiểu cuộc kháng chiến là điều có thể giải thích được.

Đối lập với văn sĩ Hoàng là văn sĩ Độ. Thực ra, phân tích “đôi mắt” của Hoàng đã hàm chứa việc phân tích “đôi mắt” của Độ, vì hai nhân vật này được xây dựng để bổ sung cho nhau làm rõ luận đề của tác phẩm. Vả lại, nhân vật Hoàng đã được miêu tả dưới “đôi mắt” của Độ.

Trước hết, Độ cũng thấy không ít những điểm yếu của những người nông dân “răng đen, mắt toét”, “phần đông dốt nát, nheo nhếch, nhát sợ, nhện nhục một cách đáng thương”... Nhưng điều quan trọng hơn, Độ nhìn thấy được nét chủ yếu trong con người họ. Đó là bản chất tốt đẹp của “người nhà quê”. Theo anh “họ

có thể làm cách mạng", mà bằng chứng hùng hồn nhất là lúc ra trận giáp mặt với cái chết chính anh đã thấy họ "xung phong can đảm lắm". Tin vào sức mạnh của nông dân, cũng có nghĩa là Đô tin vào tương lai của cuộc kháng chiến.

Sở dĩ Đô có được "đôi mắt" nói trên không phải chỉ vì anh đã sống "ở nhà quê nhiều", mà điều quan trọng hơn là anh yêu mến và đã tự nguyện gắn bó cuộc đời mình với nông dân, với sự nghiệp chung của cả dân tộc. Ngay từ ngày tổng khởi nghĩa, Đô đã theo nông dân "di đánh phủ". Sau cách mạng, anh "đã gặp họ trong mặt trận Nam Trung bộ". Từ một nhà văn, Đô sẵn sàng làm người "tuyên truyền nhại hép" cho cách mạng, anh có thể "ngủ ngay trong nhà in đèn sáng và máy chạy ầm ầm"...

Tóm lại, bằng truyện ngắn *Đôi mắt*, Nam Cao đã khắc họa được hai cách nhìn (mà thực chất là hai tính cách, hai kiểu người) khác hẳn nhau. Nhà văn biểu dương "đôi mắt" đúng đắn của Đô - người nghệ sĩ gắn sự nghiệp của mình với quần chúng, tích cực tham gia kháng chiến; phê phán "đôi mắt" chua chát chán nản của Hoàng - một kiểu trí thức ích kỷ, tách mình ra khỏi sự nghiệp chung của dân tộc. Qua đó, Nam Cao khẳng định: Nhà văn trước hết phải đứng trên lập trường của người công dân có trách nhiệm đối với cuộc kháng chiến, phải đặt lợi ích của dân tộc lên trên hết, kể cả văn chương nghệ thuật, và phải có cách nhìn mới về người lao động - những con người bình thường nhưng vĩ đại. Đồng thời, nhà văn muốn viết đúng phải có "đôi mắt" nhìn nhận đúng; muốn nhìn nhận đúng phải có tấm lòng nhân ái.

Nhà văn Tô Hoài coi tác phẩm *Đôi mắt* là bản tuyên ngôn nghệ thuật của cả một lớp nhà văn cũ đi theo cách mạng là vì lẽ đó.

Như vậy *Đôi mắt* chính là cách nhìn người, cách nhìn đời; nói khái quát hơn là vấn đề quan điểm, lập trường của người trí

thức văn nghệ sĩ đối với cuộc kháng chiến chống Pháp của dân tộc và lực lượng nòng cốt của cuộc kháng chiến này.

*Đôi mắt* là một truyện ngắn nhưng đã nêu được vấn đề lớn: vấn đề thế giới quan của người nghệ sĩ trong sáng tạo nghệ thuật. Sau ngót nửa thế kỷ, đến nay, điều ấy vẫn có ý nghĩa mới mẻ.

Qua phân tích “đôi mắt” của Hoàng và “đôi mắt” của Độ, chúng ta không những khâm phục chất trí tuệ sắc sảo, thâm trầm của Nam Cao, mà còn trân trọng tấm lòng gắn bó sâu nặng với nhân dân với đất nước của một nhà văn luôn phẩn đấu cho những gì tốt đẹp trên đời.

NGÔ THỊ THIỀN HƯƠNG  
(Trường PTTH Thăng Long, Lâm Đồng)

**Dề 22:**

Bình luận cách nhìn của Nam Cao đối với người nông dân qua tác phẩm *Đôi mắt*.

### **TÌM HIỂU DỀ**

- 1- *Thể loại:* Bình luận văn học.
- 2- *Nội dung:* Cách nhìn của Nam Cao đối với người nông dân qua tác phẩm “*Đôi mắt*”.
- 3- *Tư liệu:* Truyện ngắn *Đôi mắt* của Nam Cao.

### **DÀN BÀI**

#### **1- Mở bài**

– Cách mạng tháng Tám thành công chẳng được bao lâu, nhân dân ta lại bước vào cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc thống nhất đất nước. Lực lượng chủ yếu trong cuộc trường chinh mới này phần lớn là những người nông dân tay lấm chân bùn mặc áo lính

như Chính Hữu đã diễn tả: “*Ao anh rách vai. Quần tôi có vải mảnh vá...Chân không giày*” (Đồng chí - Chính Hữu). Hay trong bài thơ *Đất nước*, Nguyễn Đình Thi đã khẳng định “*Ôm đất nước những người áo vải. Đã đứng lên thành những anh hùng*”.

- Viết “*Đôi mắt*” năm 1948, Nam Cao rất có ý thức nêu lên vấn đề cách nhìn đời, nhìn người đặc biệt là cách nhìn đối với người nông dân sao cho phù hợp với vai trò và bản chất của họ lúc bấy giờ.

## 2- **Thân bài**

### a. *Nam Cao và cách nhìn người nông dân trong truyện Đôi mắt:*

- “*Đôi mắt*” tên truyện ngắn của Nam Cao vừa có nghĩa đen vừa có nghĩa bóng. Nghĩa đen dễ hiểu là cơ quan thị giác để nhìn biết mọi vật. Nghĩa bóng là biểu trưng khả năng cảm nhận, nhận biết của trí tuệ tâm hồn. *Đôi mắt* là vấn đề cách nhìn, vấn đề quan điểm, nói cụ thể hơn là cách nhìn người nông dân, lực lượng chủ yếu trong cuộc kháng chiến lúc bấy giờ của một lớp trí thức văn nghệ sĩ vào những đầu năm của cuộc kháng chiến chống Pháp.

- Nam Cao thể hiện chủ đề vừa nói một cách hết sức tự nhiên và sinh động qua sự đối chọi từ cung cách sống đến quan điểm của hai nhân vật trung tâm của tác phẩm: văn sĩ Hoàng và Độ - người xưng tôi trong truyện. Hai nhân vật này đại diện cho hai cách nhìn về người nông dân. Văn sĩ Hoàng chỉ nhìn thấy cái dốt nát, cái ngố bè ngoài đanh khinh và buồn cười của người nông dân. Anh nhìn họ một cách đầy xa lạ và ác ý. Ngược lại, Độ đã vượt qua được những hình thức bè ngoài ấy. Anh nhìn thấy được *những nguyên cớ thật đẹp bên trong*, nói cách khác là bản chất cách mạng của những người dân cày.

- Trong tác phẩm này, tuy Nam Cao đã “giấu mình” rất kín song người đọc ai cũng thấy rõ hình bóng tư tưởng của ông. Ai

cũng dễ dàng hiểu rằng Nam Cao đã tán thành, bênh vực cách nhìn của Độ và phê phán cách nhìn phiến diện, hời hợt đầy thành kiến của văn sĩ Hoàng.

- Mới vào truyện văn sĩ Hoàng đã xuất hiện “*văn là con người cũ, anh không chịu đổi*”. Rời thành phố tản cư về nông thôn, Hoàng vẫn giữ nguyên một lối sống trưởng giả, an nhàn và ích kỷ giữa lúc cả dân tộc đang sôi nổi chuyển mình để kháng chiến. Tuy sống giữa quần chúng nông dân nhưng Hoàng vẫn giữ nguyên “*Đôi mắt*” khinh bạc đầy miệt thị. Dưới “*đôi mắt*” của Hoàng, những người “nhà quê” toàn là “*ngu độn, lỗ mäng, ích kỷ, tham lam, bần tiện*”. Vì vậy nói đến những người này *nỗi khinh bỉ* của anh phì ra ngoài theo cái bùi mòi dài thường thượt. *Mũi anh nhăn lại* như người mùi xác thối. Văn sĩ Hoàng đã thuật lại bao nhiêu là chuyện *ngổ* và *nhiều khẽ* của những người nông dân. Anh kể chuyện, hỏi giấy chứng minh của các bố tự vệ, chuyên anh thanh niên vác tre đọc thuộc lòng bài *ba giai đoạn*. Anh không chịu nổi các ông thanh niên các bà phụ nữ báy giờ (...) viết quốc ngữ sai *vần* mà lại cứ hay nói chuyện chính trị rồi rít cả lên. Ngược lại, với cách nhìn người nông dân như thế của văn sĩ Hoàng, qua suy nghĩ của nhân vật Độ, Nam Cao đã đưa ra nhận xét về *đôi mắt* của anh ta: “*Anh đã quen nhìn đời và nhìn người một phía thôi. Anh trông thấy anh thanh niên đọc thuộc lòng bài “ba giai đoạn” nhưng anh không trông thấy bó tre anh thanh niên vui vẻ vác đi để ngăn quân thù. Mà ngay trong cái việc anh thanh niên đọc thuộc lòng bài báo như một con vẹt biết nói kia, anh cũng chỉ nhìn thấy cái ngổ bẽ ngoài của nó mà không nhìn thấy cái nguyên cớ thật đẹp đẽ bên trong. Văn giữ đôi mắt ấy để nhìn đời thì càng đi nhiều, càng quan sát lầm người ta chỉ càng thêm chua chát và chán nản...*”. Chừng đó thôi cũng đủ thấy cách nhìn về người nông dân của Nam Cao như thế nào rồi!

Cũng qua nhân vật Độ, tác giả *Đôi mắt* đã thể hiện quá trình sự giác ngộ mới của mình về người nông dân. Nam Cao ngạc

nhiên đến sung sướng khi chúng kiến chính những người mà trước đây trong *đôi mắt* của ông họ *nhát sợ*, *nhẫn nhục* một cách đáng thương giờ đây đã hết sức hăng hái dũng cảm trong kỳ Tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945 trên chiến trường Nam Trung Bộ. Từ đó nhà văn có ý thức cố tìm mà hiểu bản chất cách mạng khỏe khoắn hăng hái đó của họ.

Qua suy nghĩ của nhân vật Độ, Nam Cao nêu lên nhận xét của mình: "*Tôi đã gần như thất vọng vì thấy họ phản động dốt nát, nheo nhéch, nhát sợ chịu nhục một cách đáng thương (...)* nhưng đến hồi Tổng khởi nghĩa thì tôi đã ngã ngửa người. Té ra người nông dân nước mình vẫn có thể làm cách mạng mà làm cách mạng hăng hái lắm. Tôi đã theo họ đi đánh phủ. Tôi đã gặp họ trong một trận Nam Trung Bộ. Vô số anh rắng đen, mắt toét gọi lựu đạn là "nụ lựu đạn", hát Tiến quân ca như người buồn ngủ cầu kinh mà lúc ra trận thì xung phong can đảm lắm". Có thể nói sự chuyển biến quan điểm vừa nêu của Nam Cao tiêu biểu được cho sự giác ngộ về quần chúng cách mạng của giới văn nghệ sĩ tiểu tư sản yêu nước đi theo kháng chiến lúc bấy giờ.

#### b. Ý nghĩa và bài học rút ra được:

- Cách nhìn người nông dân của Nam Cao qua tác phẩm *Đôi mắt* là một cái nhìn khách quan vô tư mà đầy thiện cảm. Nhà văn không hề phủ nhận hoàn toàn nhận xét của văn nghệ sĩ Hoàng về những người dân cày. Ông thấy rõ că mạnh lấn mạt yếu của họ không nhất trí với lối ca ngợi một chiều. Bởi vậy, theo ông cách đánh giá của Hoàng chỉ dựa trên một nửa sự thật nghĩa là anh chỉ quen nhìn dời một phía, đánh giá mọi người, mọi sự vật chỉ dựa vào bề ngoài.

- Nam Cao qua đây đã đề xuất một cách nhìn khoa học, biết phân biệt hiện tượng và bản chất, biết vượt qua được những hình thức bề ngoài để nhìn sâu vào cái "*nguyên cớ đẹp đẽ bên trong*". Nhà văn của chúng ta chẳng hề xem thường hay đơn giản hóa

những người nông dân. Ông thấy ở họ luôn có nhiều cái kỳ lạ lắm. Người nhà quê dẫu sao cũng còn là một cái bí mật đối với chúng ta". Bởi vậy, tuy thấy hết được mặt yếu nhưng Nam Cao cũng thấy được hết mặt mạnh của họ. Nhà văn qua nhân vật Độ đã bộc lộ một cái nhìn thân thiện và đầy trân trọng đối với họ trái ngược hoàn toàn với thái độ dè bỉu, gièu cợt đầy khinh miệt và định kiến của văn sĩ Hoàng.

- Cách nhìn của Nam Cao về người nông dân qua nhân vật Độ còn là một bài học sâu sắc có ý nghĩa quan trọng đối với giới văn nghệ sĩ tiêu tư sản yêu nước đang đi theo cách mạng và kháng chiến. Nhà văn nhẫn nhú như với đồng nghiệp của mình những lời đầy tâm huyết là hãy sống gần gũi hơn tìm hiểu kỹ lưỡng hơn về những người nông dân tự khắc các anh sẽ xóa bỏ dần đi được cái nhìn lệch lạc đầy định kiến về họ.

- Cuối cùng cách nhìn về người nông dân của Nam Cao không chỉ là lời tự bạch chân thành về sự chuyên biến của *Đôi mắt* mình, quyết tâm đi theo cách mạng, phục vụ kháng chiến sẵn sàng làm một anh "*tuyên truyền viên nhai nhép*" mà đó còn là một tuyên ngôn nghệ thuật của cả một lớp văn nghệ tiêu tư sản yêu nước hối đó. Đó chính là tuyên ngôn quyết tâm thay đổi con người cũ, lối sống cũ, *đôi mắt cũ*, chân thành hòa nhập với quần chúng "*đi sâu vào chúng để học và dạy họ đồng thời tìm những cảm hứng mới cho văn nghệ*". Như vậy *cảm hứng mới cho văn nghệ* lúc bấy giờ là phải tin ở quần chúng hăng hái kháng chiến, những con người mới của thời đại. Đó là những người nông dân bình thường. Tuy bề ngoài của họ còn ít nhiều những cái ngớ ngẩn vung dại nhưng chính họ, chứ không phải ai khác là người anh hùng là nhân vật trung tâm của nền văn học mới, mà các văn nghệ khi đó cần cố gắng tìm hiểu và thể hiện cho bằng được.

- Cách nhìn của Nam Cao hơn thế nữa cũng là bài học sâu sắc về quan điểm quần chúng, quan điểm nhân dân không thể thiếu được cho tất cả mọi người.

- *Đôi mắt* của Nam Cao là lời nhắn nhủ mọi người là cuộc sống luôn luôn vận động đổi mới, do đó, cách nhìn nhận và cách đánh giá của chúng ta đương nhiên cũng không thể bất biến.

### 3- Kết bài

Như vậy, cách nhìn của Nam Cao đối với người nông dân cũng là vấn đề *đôi mắt*. Vấn đề này dẫu chỉ là vấn đề của những năm đầu kháng chiến chống Pháp mà chính là vấn đề vĩnh cửu văn nghệ và của mỗi một con người.

Nhà thơ Xuân Diệu, về vấn đề này, đã có những câu thơ đặc sắc đầy xúc động:

*Giàu đôi con mắt của ta  
Nhìn trắng, trắng nở nhìn hoa, hoa cười  
Hai con người của cuộc đời  
Là tim ngay thẳng như trời thanh cao  
Là hôn chân lý sáng sao  
Mặc bao đồng tố, dù bao tháng ngày.*

(Xuân Diệu - Tôi giàu đôi mắt)

## Ý NGHĨA LỊCH SỬ CỦA TÁC PHẨM “ĐÔI MẮT”

Nhà văn Tô Hoài còn gọi *Đôi mắt* là một thứ tuyên ngôn nghệ thuật chung của một lớp nghệ sĩ các anh hõi ấy.

Cứ như cái tên của nó thì tác phẩm muốn nói cách nhìn, vấn đề quan điểm. Điều ấy đã rõ. Nhưng nói cho chặt chẽ hơn, căn cứ vào nội dung hình tượng, thì nó trước hết đặt vấn đề lập trường. Đúng thế, mâu thuẫn giữa Đệ và Hoàng trước hết là mâu thuẫn về lập trường. Một đằng coi cuộc kháng chiến là của mình và tích cực tham gia kháng chiến. Một đằng tự xem như người ngoài cuộc, từ chối không làm gì hết, dù chỉ là công tác bình dân học vụ trong làng. Một đằng vui sướng trước cuộc đổi đời của

nhân dân, và nhìn cuộc sống mới, tư thế mà cách mạng đem đến cho nhân dân lao động là tốt đẹp. Một dằng chỉ thấy thế là lố bịch, là hài hước. Nói tóm lại một câu: Hoàng không thật sự tán thành cách mạng và kháng chiến. Lập trường ấy quyết định cách nhìn của anh mà Nam Cao gọi là chỉ thấy có một phía: "Anh trông thấy anh thanh niên đọc thuộc lòng bài "ba giai đoạn", nhưng không thấy bó tre anh thanh niên vui vẻ vác đi để ngăn quân thù. Mà ngay trong cái việc anh thanh niên đọc thuộc lòng bài báo như một con vẹt biết nói kia, anh cũng chỉ nhìn thấy cái ngô bê ngoài của nó, mà không nhìn thấy cái nguyên cớ thật đẹp đẽ bên trong. Vẫn giữ đôi mắt ấy để nhìn đời thì càng đi nhiều, càng quan sát lầm, người ta chỉ càng thêm chua chát và chán nản".

Vậy nếu *Đôi mắt* là bản tuyên ngôn nghệ thuật, thì trước hết đó là bản tuyên ngôn về cách mạng, lập trường kháng chiến của lớp văn nghệ sĩ tiểu tư sản quyết tâm từ bỏ những quyền lợi ích kỷ của mình, từ bỏ những thói quen sinh hoạt cũ, từ bỏ cả cái nghệ thuật cho là "cao siêu" của mình ngày trước, sẵn sàng nói như nhà văn Độ, làm một "anh tuyên truyền nhãi nhép" nhưng có ích cho nhân dân, cho kháng chiến.

*Đôi mắt* xét ở phương diện khác, còn đặt vấn đề quan niệm về cái đẹp, về đối tượng của nghệ thuật mới nữa. Phải tìm cái đẹp ở đâu? Theo quan điểm nào? Phải thể hiện nó ra sao? Nam Cao có thể chưa ý thức được đầy đủ lắm, nhưng tác phẩm tự nó đã gợi ra và bước đầu giải đáp những câu hỏi đó.

Tôi vẫn nghĩ rằng, không phải đến *Đôi mắt* Nam Cao mới đặt vấn đề "*Đôi mắt*". Qua một số truyện anh viết về Cách mạng tháng Tám đã thấy anh luôn luôn bắn khoan day dứt về vấn đề ấy phải biết nhìn người dân lao động bằng đôi mắt như thế nào mới thấy được bản chất tốt đẹp của họ, thường ẩn giấu sau một vẻ bê ngoài hết sức tầm thường, thậm chí vung về thô lỗ nữa. Theo Nam Cao hồi ấy, đôi mắt đó phải là đôi mắt của tình thương.

Chính nhờ có đôi mắt tình thương ấy mà nhà văn chẳng những đã nhìn thấy tâm lòng vị tha, hỷ xả của lão Hạc... mà còn phát hiện được cả chất thơ trong tréo trong tâm hồn tưởng chừng đã hoàn toàn đen độc của Chí Phèo nữa.

Nhưng hồi ấy, anh tuy đã thấy được một số đức tính của người dân nghèo, nhưng dưới ngòi bút của anh, họ chỉ là những con người bé nhỏ, bất lực. Trong *Nhật ký ở rừng*, Nam Cao đã tự phê phán như thế. Ở *Đôi mắt*, anh cũng viết như vậy: "Người nhà quê dẫu gì cũng còn là một cái bí mật đối với chúng ta. Tôi gần gũi với rất nhiều. Tôi đã gần như thất vọng vì thấy họ phản động dốt nát, nheo nhếch, nhát sợ, nhịn nhục một cách đáng thương(...). Nhưng đến hồi Tống khởi nghĩa thì tôi đã ngã ngửa người. Té ra người nông dân nước mình vẫn có thể làm cách mạng hăng hái lắm. Tôi đã theo họ đi đánh phủ. Tôi đã gặp họ trong mặt trận Nam Trung Bộ. Vô số anh rồng đen, mắt toét, gọi lựu đạn là "nụ đạn", hát *Tiến quân ca* như người buồn ngủ cầu kinh mà lúc ra trận thì xung phong can đảm lắm..."

Như vậy, nhờ thực sự tham gia cách mạng, sát cánh với nhân dân, Nam Cao đã có được đôi mắt mới để thấy quần chúng không là nan nhân đáng thương của hoàn cảnh, mà còn là những con người cái tạo hoàn cảnh, tức là những anh hùng. Những con người áo vải, rồng đen, đi chân đất, gọi lựu đạn là "nụ đạn", đã đứng dậy làm cuộc Cách mạng tháng Tám vĩ đại và sau đó gánh cả cuộc kháng chiến lên đôi vai vững chãi của mình. Phải, *Đôi mắt* chưa tạo ta được nhân vật ấy, nhưng đã khẳng định sự xuất hiện tất yếu của nhân vật ấy, những con người bình thường mà vĩ đại, sau này đã trở thành phổ biến trong nền văn học chúng ta.

NGUYỄN ĐÀNG MẠNH  
(Nhà văn, tư tưởng và phong cách)

**Dề 23:** Trong truyện ngắn "Đôi mắt" của Nam Cao một nhân vật là nhà văn Độ, nhận xét về một nhân vật khác, nhà văn Hoàng như sau:

"Anh đã quen nhìn đời và nhìn người một phía thôi...Vẫn giữ đôi mắt ấy để nhìn đời thì càng đi nhiều, càng quan sát lầm, người ta chỉ càng thêm chua chát và chán nản..."

Qua nhận xét trên và qua nhan đề của thiên truyện anh (chị) hãy phân tích và bình luận về "đôi mắt" của nhân vật Hoàng.

### TÌM HIỂU DỀ

1- *Thể loại:* Phân tích nhân vật.

2- *Nội dung:* Phân tích và bình luận về đôi mắt của nhân vật Hoàng. Cần dựa vào ý kiến nhận xét của nhân vật Độ và dựa vào nhan đề của thiên truyện là *Đôi mắt*.

3- *Tư liệu:* Truyện ngắn *Đôi mắt* của Nam Cao.

### BÀI THAM KHẢO

"Đôi mắt" là một thiên truyện ngắn xuất sắc của Nam Cao sau Cách mạng tháng Tám. Truyện được viết vào năm 1948. Theo nhật ký "*Ở rừng*" ông cho biết truyện này thoát đầu có tên là: "*Tiên sư thăng Tào Tháo*" sau được chính ông đặt lại cho nó cái tên giản dị mà đúng đắn là "*Đôi mắt*". Trong truyện ngắn này một nhân vật là nhà văn Độ nhận xét về một nhân vật khác nhà văn Hoàng - cũng là nhân vật chính của truyện - như sau:

"Anh đã quen nhìn đời và nhìn người một phía thôi...vẫn giữ đôi mắt ấy để nhìn đời thì càng đi nhiều, càng quan sát lầm, người ta chỉ càng thêm chua chát và thêm chán nản"...

Nhận xét đó và nhan đề “*Đôi mắt*” không những thể hiện chủ đề của truyện mà còn thể hiện cả tính cách của nhân vật chính là nhà văn Hoàng.

Truyện ngắn này có cốt truyện khá đơn giản xoay quanh cuộc đến thăm của Độ - một nhà văn gốc nông thôn đang tham gia kháng chiến làm công tác tuyên truyền tại nhà Hoàng - một nhà văn Hà Nội bậc đàn anh giàu có đang cùng với gia đình tản cư về nông thôn.

Độ có ý định đến thăm Hoàng để vận động nhà văn này tham gia công tác kháng chiến với mình. Lâu ngày không gặp nhau. Độ những tưởng Hoàng đã thay đổi. Anh được hai vợ chồng Hoàng tiếp đãi khá cởi mở và chu đáo. Tuy vậy, từ lúc mới gặp nhau đến lúc chia tay, Độ thấy Hoàng vẫn nhìn đời bằng cách cũ, vẫn sống xa lạ với kháng chiến. Giữa lúc mọi người dồn cả tâm trí sức lực vào công cuộc đánh giặc giữ nước thì vợ chồng Hoàng vẫn sống ung dung tối tối đọc truyện Tam quốc để dỗ giấc ngủ. Thấy được bản chất “*Đôi mắt*” của Hoàng biểu hiện qua cách nhìn, cách nghĩ và cách sống của nhà văn này, Độ đành giữ kín ý định ban đầu không dám nói ra.

Nam Cao đặt tên cho truyện ngắn này là “*Đôi mắt*” là vì ở đây nhà văn muốn đề cập đến cách nhìn cuộc đời. Cách nhìn con người của người cầm bút. Nhà văn phê phán những người sống xa lạ với quần chúng, đứng bên lề cuộc kháng chiến mà chê bai mà chỉ trích. Từ đó, truyện ngắn của ông đã thể hiện một quy luật tâm lý: Cái nhìn bằng “*Đôi mắt*” nhưng thấy bằng tấm lòng. Ông phê phán “*Đôi mắt*” của Hoàng. Theo Nam Cao, Hoàng là một nhà văn đã quen nhìn đời và nhìn người một phía thôi”...Vẫn giữ đôi mắt ấy để nhìn đời thì càng đi nhiều càng quan sát lầm, người ta chỉ càng thêm chua chát và chán nản”

Nhà văn Hoàng đã có một cái nhìn lệch lạc về người lao động đặc biệt là người nông dân, Nam Cao gọi đó là *cái nhìn một phía*

phía dốt nát phiền toái. Người ta chú ý đến những sinh hoạt của gia đình anh, anh khó chịu cho họ là những kẻ tò mò. Dân quân tự vệ hỏi giấy tờ thì anh coi họ là “vừa ngổ vừa nhặng xị”. Khi bị xét giấy tờ anh coi đó là họ quá “nhiều khê” “động thay ai đi qua là hỏi giấy”. Họ tuyên truyền nói cho anh rõ về kháng chiến thì anh coi khinh họ là những người ít chữ mà “hay nói chính trị” “đọc thuộc lòng...cả một bài dài cả đến năm trang” về đường lối kháng chiến...Dưới mắt Hoàng, nông dân toàn là những người ngu độn, lỗ mãng, ích kỉ, tham lam và bần tiện cả. Cha con, anh em ruột cũng chẳng đối xử tốt với nhau. Viết chữ quốc ngữ sai vần mà cứ hay nói chuyện chính trị rồi cả lên.

Hoàng chỉ nhìn sự việc qua cái bể ngoài của nó mà lại thường nhìn sai lệch. Anh không thể nào nhìn thấy được bên trong việc cảnh giác quá đáng và *hay nói chuyện chính trị* của những người nông dân kia là bản chất yêu nước và cách mạng của họ. Đúng là với bản chất khinh bạc, thiếu thiện cảm với nông dân nên Hoàng nhìn đâu cũng thấy toàn là nhược điểm. Đã vậy, anh còn phóng đại chúng, nhầm mục đích giễu cợt và chế nhạo họ.

Nhận thức sai trái đó đã dẫn đến thái độ và hành động sai trái của anh. Từ chỗ “nỗi khinh bỉ của anh phì cả ra ngoài, theo cái bùi mồi dài thườn thượt. Mũi của anh nhăn lại như thấy mùi của xác chết” Hoàng đã giải quyết theo cách: *ngày nào tôi cũng bắt nhà tôi đóng cửa suốt ngày không dám đi đâu nữa*.

Còn đối với lời mời cộng tác của địa phương? Nhà văn Hoàng đã tâm sự: *Tôi chẳng có việc gì làm, lăm lúc cũng buồn. Nhưng “cộng tác” với những người như vậy thì anh bảo cộng tác làm sao được? Đành để cho các ông ấy gọi là “phản động”*.

Trong cơn sóng gió bão táp của lịch sử cách mạng dân tộc, giữa lúc mọi người đều sẵn sàng đổi cả máu xương và tính mệnh của mình để gìn giữ độc lập cho đất nước, tự do cho nhân dân thì nhà văn Hoàng đã nghĩ và sống lệch lạc. Đúng là một khi thiếu niềm tin vào cộng đồng nhân dân và dân tộc mình, nhà

nghệ sĩ rất dễ bị khủng hoảng, mất phương hướng. Chính vì thế, Hoàng đã phải tìm ra lối thoát riêng cho mình bằng cách thu mình lại trong vỏ ốc gia đình bằng lòng với lối sống cách biệt mọi người: nuôi chó bẹc giê, ăn uống cầu kỳ “hút thuốc thơm”, “uống trà đặc”, “ngủ màn tuyn trắng toát”, chăn bông thoang thoảng nước hoa. Tối tối, nhà văn lại say sưa nghe vợ đọc truyện Tam quốc để cao hứng vỗ đùi khen ngợi: “*Tài thật! Tài thật! Tài đến thế là cùng. Tiên sư anh Tào Tháo*”. Anh khóa cửa cuộc sống của mình với cuộc đời. Không cộng tác với những người nông dân nhưng anh lại giao du với đám ông đốc, cụ tuần, ông phán...những nhân cách mà chính anh cũng cho là thấp kém như anh nói anh biết rõ những cái thói nát, ngu ngốc, gàn dở, rởm đời của từng người một”. Anh một mặt khinh bỉ họ nhưng một mặt vẫn giao du với họ nhưng chưa chắc phút nào nhận ra và ngầm cho rằng anh có gì là hơn được họ.

Trong truyện anh Hoàng có cảm giác là mình bị xem là “phản động” nhưng dưới “đôi mắt” Nam Cao, Hoàng không hề là một người phản động. Anh đánh giá rất cao vào lanh tú, đặt niềm tin cuối cùng của mình vào lanh tú. Có điều nhắc đến Cụ Hồ, Hoàng cũng cho thấy quan niệm rất cũ của mình - quan niệm về anh hùng cá nhân. Anh nói: *Tôi bi lâm, cứ quan sát kỹ thì rất nản. Nhưng tôi chưa nản vì lẽ chỉ vì tôi tin vào ông Cụ. Tôi cho rằng cuộc Cách mạng tháng Tám cũng như cuộc kháng chiến hiện nay chỉ ăn vì người lãnh đạo cù . Hồ Chí Minh đáng lẽ phải cứu vãn một nước như thế nào kia mới xứng tài, phải cứu vớt một nước như nước mình thì kể cũng khổ cho ông Cụ lắm . Rõ ràng mệt lèch lạc trong nhận thức của anh chính là ở chỗ quá sùng bái cá nhân, chỉ tin vào cá nhân mà lại nghi ngờ sức mạnh của tập thể nhân dân do đó mà đối lập giữa lanh tú và quần chúng.*

Sống như thế, cách nhìn cuộc đời, nhìn con người như thế thì đúng như lời nhà văn Độ nhận xét: *càng đi nhiều, càng quan sát lầm người ta chỉ càng thêm chua chát và chán nản.*

Trái ngược với “đôi mắt” của nhà văn Hoàng vừa phân tích bên trên là “đôi mắt” của nhà văn Độ. Vốn gốc người nông thôn, anh thấy được bản chất của người nhà quê. Anh hòa nhập vào họ một cách tự nhiên. Ngay hồi Tống khởi nghĩa, Độ đã theo nông dân đi đánh phủ. Sau cách mạng, anh “đã gặp họ trong mặt trận Nam Trung bộ. Là một nhà văn nhưng anh sẵn sàng “nhận làm một anh tuyên truyền nhãi nhép”. Một mặt anh nhìn anh nông dân “vô số anh rắng đèn mắt toét, gọi lựu đạn là “nụ lựu đạn” hát Tiến quân ca như người buồn ngủ cầu kinh” một mặt, anh cũng thấy: lúc ra trận thì xung phong can đảm lắm. Mà không hề bận tâm đến vợ con nhà cửa... Bởi vậy theo anh, nông dân “có nhiều điều kỳ lạ lắm” “dù sao thì cũng là một cái bí mật đối với chúng ta”. Độ trân trọng, gắn bó với những người nông dân nên anh nhìn họ bằng đôi mắt đầy thiện cảm, hiểu biết và tin tưởng. Mà tin tưởng vào nông dân nghĩa là tin tưởng kháng chiến, tin tưởng cách mạng.

Thể hiện đôi cái nhìn đối lập về cùng một hiện thực, về cùng một vấn đề cuộc sống như thế đúng là nhà văn Nam Cao qua truyện ngắn này muốn nói rằng: Để nhận nhìn cho chính xác một hiện thực ngoài một đôi mắt còn phải có một chổ đứng, một tấm lòng nữa. Nói cách khác, đây là vấn đề lập trường của nhà văn nói riêng của con người nói chung. *Đôi mắt* không chỉ đơn thuần là đôi mắt mà thực ra là cả khối óc là cả tấm lòng, hướng về đâu không những chỉ riêng trong sáng tác mà còn cả trong cuộc đời. Cái nhìn của một người luôn luôn bị quyết định bởi lập trường (cơ sở, chổ đứng về tư tưởng chính trị) của người đó. Thật vậy, có đứng trên lập trường kháng chiến nhà văn mới sẵn sàng đem ngòi bút của mình ra phục vụ cho kháng chiến sẵn sàng là một “anh tuyên truyền nhãi nhép”. Bởi vì là một nhà văn chân chính, trước hết anh phải ý thức rằng mình là một công dân nghĩa là phải có trách nhiệm đối với Tổ quốc. *Quốc gia hùng vong thất phu hữu trách*. Vì thế mà anh phải đặt quyền lợi của Tổ quốc

lên trên hết trên cả lợi ích văn học nghệ thuật. Có được lập trường kháng chiến anh mới có “đôi mắt” mới mẻ “Thấu lý đạt tình” nhận nhìn đúng được bản chất của nhân dân. Với “đôi mắt” nhất định anh sẽ hiểu ra đây chính là nhân vật chính của lịch sử và của cả văn học. Đó là những con người anh hùng tuy bình thường nhưng vĩ đại biết bao.

Truyện ngắn “Đôi mắt” như thế đã khắc họa được một cách sinh động và tự nhiên hai nhân vật, hai tính cách với hai cách nhìn con người, cuộc đời hoàn toàn khác hẳn nhau. Nổi bật lên là nhân vật nhà văn Hoàng một kiểu tri thức tư sản lạc lõng đứng bên lề cuộc kháng chiến của dân tộc với *Đôi mắt* nhìn “một phía” “chưa chát và chán nản”. Vấn đề “Đôi mắt” mà nhà văn Nam Cao nêu ra ở đây không những chỉ có nhiều ý nghĩa sâu sắc cho đội ngũ những người cầm bút mà còn là với tất cả mọi người mọi tầng lớp hôm nay và mai sau.

#### Đề 24:

Trong truyện ngắn *Trăng sáng* (1943) nhà văn Nam Cao viết: *Nghệ thuật không cần phải là ánh trăng lừa dối, nghệ thuật không nên là ánh trăng lừa dối, nghệ thuật có thể chỉ là tiếng đau khổ kia thoát ra từ những kiếp lầm than.*

Hãy giải thích và bình luận ý kiến trên.

### TÌM HIỂU ĐỀ

1- *Thể loại:* Nghị luận hỗn hợp (giải thích và bình luận).

2- *Nội dung:* Lời tuyên ngôn về sáng tác của nhà nghệ sĩ: Ánh trăng đẹp, cuộc đời đầy đau khổ. Nhà nghệ sĩ phải viết về nỗi khổ cực của con người trong cuộc sống thường nhật chứ không nên thả hồn mơ mộng theo ánh trăng lừa dối.

3- *Tư liệu:* Truyện ngắn “*Trăng sáng*” của Nam Cao.

## DÀN BÀI

### 1- Mở bài

Nam Cao là một nhà văn hiện thực phê phán (1930-1945) xuất sắc. Ông không chỉ để lại cho đời những sáng tác bất hủ mà còn gắn liền tên tuổi sáng chói của mình với những quan niệm sâu sắc về nghệ thuật.

- Qua nhân vật Diền trong truyện ngắn *Trăng sáng*, ông phát biểu: "Nghệ thuật không cần phải là ánh trăng lừa dối, không nên là ánh trăng lừa dối, nghệ thuật có thể chỉ là tiếng kêu đau khổ kia, thoát ra từ những kiếp lầm than".

### 2- Thân bài

#### A. Giải thích:

1. Ánh trăng lừa dối: "Ánh trăng tuy rất đẹp, rất thú vị, rất lung linh huyền ảo nhưng dưới những căn nhà nát, có biết bao người đang sống quằn quại trong đau khổ, ánh trăng làm đẹp những cái thực ra chỉ tăm thường xấu xa. Vì vậy, cái đẹp, cái huyền ảo của ánh trăng chưa đựng sự giả dối. Ánh trăng lừa dối là ẩn dụ để chỉ thứ văn chương bóng bẩy bê ngoài trông qua thì đẽm đẹp nhưng chỉ khiến ta nhìn nhận sai lệch về cuộc sống."

- Nghệ thuật không cần phải là ánh trăng lừa dối, không nên là ánh trăng lừa dối. Nghệ thuật không phải chỉ là bóng bẩy là lâm ly với cái đẹp hình thức bê ngoài vô bổ chỉ có tác dụng thi vị hóa cái đau khổ quay lưng với hiện thực lừa dối mọi người mà cũng tự lừa dối chính mình. Nhà văn Nam Cao ở đây đã phê phán thứ nghệ thuật thoát ly phi hiện thực, thứ nghệ thuật lừa dối ấy.

2. "Nghệ thuật có thể chỉ là tiếng nói khóc đau kia thoát ra từ những kiếp lầm than":

"Tiếng đau khổ" "kiếp lầm than" là nỗi thống khổ rên siết của quần chúng bị chè đạp trong một xã hội áp bức đầy rẫy bất công bất hạnh.

Nhà văn Nam Cao yêu cầu nghệ thuật phải trở lại với hiện thực cuộc sống, với tình trạng khổ đau của hàng triệu nhân dân lao động lầm than để thông cảm, phản ánh và tái tạo lại bằng hình tượng văn chương. Nghệ thuật chân chính phải vì nỗi khổ của nhân dân lao động mà phản ánh chân thực đời sống đương thời. Có như vậy, nghệ thuật mới có tính nhân văn sâu sắc.

### B. Bình luận:

1. Là một nhà văn hiện thực xuất sắc, Nam Cao luôn luôn có một cái nhìn nhân đạo, thông cảm với những nỗi khổ đau của đồng loại. Ý kiến về nghệ thuật bên trên phân tích có giá trị như một lời tự kiểm chân tình đầy tâm huyết, tự nguyện từ bỏ con đường văn nghệ thoát ly hiện thực để trở lại gắn bó sâu sắc với nhân dân lao động lầm than lúc bấy giờ của nhà văn.

2. Là người có cái nhìn toàn diện, khái quát được tình hình văn học đương thời, Nam Cao đã phát biểu quan niệm về nghệ thuật của mình hết sức thận trọng và tinh tế, bằng một thứ ngôn ngữ nghệ thuật sâu xa đầy tính thuyết phục cao mang một ý nghĩa chiến đấu đặc biệt trong tình hình văn học khi ấy nhiều khuynh hướng tiêu cực đang phát triển gây nhiều tác hại.

- Lời tuyên ngôn về sáng tác này đến truyện ngắn "Đời thừa", Nam Cao đã phát triển thêm để hoàn chỉnh quan niệm của mình về sáng tác văn chương. Nếu ở Trăng sáng, nhà văn thiên về trách nhiệm người cầm bút trước hiện thực đời sống thì ở "Đời thừa" lời phát biểu của ông nhắm tới bản chất của sáng tạo nghệ thuật cũng như vấn đề cốt tử quyết định vị trí của người cầm bút trong lịch sử văn học: "Văn chương không cần đến người thợ khéo tay, làm theo một vài kiểu mẫu đưa cho. Văn chương chỉ dung nạp những người biết đào sâu, biết tìm tòi, khai những nguồn chưa ai khơi, và sáng tạo những cái gì chưa có".

- Một sáng tác của Nam Cao đều được viết ra theo đúng với tinh thần của lời phát biểu đã đề cập.

### 3- Kết bài

- Trong hoàn cảnh xã hội thực dân phong kiến đầy dãy bất công áp bức, và tình hình văn học hỗn tạp nhiều tiêu cực lúc bấy giờ, quan điểm nghệ thuật nói trên của Nam Cao thật đúng đắn và tiến bộ rất cần thiết và phát huy tính chiến đấu tích cực đẩy lùi các khuynh hướng văn học tiêu cực đang phát triển tràn lan như đã nói.

- Nếu ở *Trăng sáng* (1942), Nam Cao quan niệm nghệ thuật có thể chỉ là tiếng đau khổ kia thoát ra từ những kiếp lầm than thì đến *Đời thừa* (1943) nhà văn đã phát triển quan niệm nghệ thuật của mình một cách khá hoàn chỉnh khi đòi hỏi một tác phẩm nghệ thuật chân chính phải chứa đựng một cái gì lớn lao, mạnh mẽ, vừa đau đớn lại vừa phán khởi...

## BÀI THAM KHẢO

Nhắc đến dòng văn học hiện thực phê phán 1930-1945 ở nước ta, ai cũng nghĩ ngay đến Nam Cao, một tác giả đặc sắc và tiêu biểu nhất của dòng văn học này. Ông không chỉ để lại cho đời sau nhiều tác phẩm có giá trị nổi bật với nhiều phát hiện nghệ thuật mới mẻ và độc đáo mà còn để lại những nghĩ suy đúng đắn và sâu sắc về văn học và nghề cầm bút của mình là nhà văn luôn có ý thức về trách nhiệm đối với cuộc sống với xã hội và với mọi người, tác phẩm nào của ông cũng biết gắn bó mật thiết và sâu sắc với hiện thực. Trong truyện ngắn *Trăng sáng* (đăng trên tiểu thuyết thứ bảy số 439 ra ngày 14-11-1942), qua nhân vật Điền, Nam Cao đã viết:

*Nghệ thuật không cần phải là ánh trăng lừa dối, nghệ thuật không nên là ánh trăng lừa dối, nghệ thuật có thể chỉ là tiếng đau khổ kia thoát ra từ những kiếp lầm than”.*

Do vậy, việc hiểu rõ lời tuyên ngôn nghệ thuật này chắc chắn sẽ giúp chúng ta nắm bắt tường tận hơn về các sáng tác của ông

cũng như của những nhà văn hiện thực phê phán đồng thời có cùng một quan điểm nghệ thuật với ông.

Như chúng ta đã biết, *Trăng sáng* là câu chuyện xoay quanh tâm trạng của Điền - một trí thức nghèo đang thất nghiệp - ngồi ngắm trăng. Nhà văn mượn ánh trăng để nói lên sự chuyển biến trong tâm trạng của nhân vật này. Trước ánh trăng huyền ảo, Điền tự nhủ mình sẽ viết, viết những tác phẩm “*lời phải đẹp, ý phải thanh cao*” “*khơi nguồn cho những tình cảm đầy thơ mộng*”. Để làm được việc này, hắn là anh phải đi, đi để thoát khỏi cái gia đình nghèo khổ áo cơm luôn gòi nặng mình xuống. Thế nhưng, con người có lương tâm không thể bỏ mặc người thân để sống mơ mộng riêng mình. Tiếng con đau bụng khóc rồi tiếng vợ quát nạt con...những âm thanh dung tục đó đã kéo anh về thực tế khiến Điền bừng tỉnh. Người nghệ sĩ không thể chạy theo cái đẹp bề ngoài mà phải đi sâu vào cuộc sống đời thường của bao con người nghèo khổ trong đó có cả những người thân của mình: Lời tuyên ngôn nghệ thuật trên đã phát sinh từ tâm cảnh đó của Điền.

Trước mắt Điền khi ấy, ánh trăng là “*ánh trăng lừa dối*” bởi vì: “*ánh trăng tuy rất đẹp, rất thú vị, rất lung linh, huyền ảo nhưng dưới những căn nhà nát, có biết bao người đang sống quần quại trong đau khổ, ánh trăng làm đẹp những cái thực ra chỉ là tâm thường, xấu xa*. Vì vậy, cái đẹp, cái huyền ảo của ánh trăng chưa đựng sự giả dối. Ở đây, nhà văn đã sử dụng hình ảnh của ánh trăng lừa dối theo lối ẩn dụ để chỉ thứ văn chương “đèm đẹp”, bóng bẩy bề ngoài nhưng thực chất chỉ là trò lừa mị khiến ta nhận thức sai lệch về cuộc sống.

Nói rằng: “*Nghệ thuật không phải là ánh trăng lừa dối, không nên là ánh trăng lừa dối*”, chính Nam Cao đã bày tỏ thái độ dứt khoát từ chối khuynh hướng nghệ thuật lãng mạn thoát ly nghệ thuật vị nghệ thuật. Thứ văn chương nghệ thuật này chối bỏ thực tại, chỉ biết chạy theo cái đẹp bề ngoài, thi vị hóa cái khổ. Hai

cụm từ gần nghĩa “*Không cần phải là*”, “*không nên là*” đặt gần nhau trong mệnh đề này tạo nên sự trùng điệp nhầm nhẫn mạnh thêm thái độ đó. Thông qua nhân vật Điền và hình ảnh ánh trăng lừa dối, nhà văn đã vạch rõ một hiểu lầm của không ít các văn nghệ sĩ lúc bấy giờ. Họ cho rằng phải là ánh trăng lừa dối thì nghệ thuật mới đích thị là nghệ thuật. Trong văn chương của các nhà văn này mọi thứ đều đẹp, đều thơ mộng: những cô gái, những người đàn bà thơ mộng “*mặc áo lụa xanh, ngả tẩm thân mềm trên chiếc ghế xích đu và đưa đẩy đôi chân thuyền theo...*”, với những mối tình thơ mộng diễn ra trong những khung cảnh thơ mộng. Theo Nam Cao thứ văn chương “*lời đẹp, ý thanh cao*” chưa đựng “*những tình cảm đầy thơ mộng*” đó chẳng những không hiện thực mà giả dối ích kỷ vì ít nhiều có tính chất hưởng lạc.

Bởi vậy, thông qua Điền, nhà văn nói tiếp: “*Nghệ thuật có thể chỉ là tiếng đau khổ kia, thoát ra từ những kiếp lầm than*”. Đây mới là điều cơ bản của quan niệm đúng đắn và sâu sắc về nghệ thuật của anh. “*Tiếng đau khổ*”, “*kiếp lầm than*” là âm thanh và hình ảnh thể hiện cõi đọng nỗi thống khổ rên siết của quần chúng đói nghèo bị bóc lột và chà đạp tàn tệ trong một xã hội áp bức, đầy rẫy bất công và bất hạnh lúc ấy.

Nhà văn đòi hỏi nghệ thuật phải trở về với đời sống hiện thực mà hiện thực to lớn nhất đương thời, ai cũng biết, đó là nỗi lầm than, đau khổ của hàng triệu nhân dân lao động đói nghèo. Nghệ thuật đích thị là nghệ thuật - nói cách khác là nghệ thuật chân chính - theo Nam Cao - phải cảm thông được để phản ánh và tái tạo lại một cách chân thực, cụ thể và sinh động bằng hình tượng văn chương nỗi khốn khổ của nhân dân lao động, nghệ thuật phải vì lớp người dưới đáy xã hội lúc bấy giờ mà lên tiếng. Như vậy, tác giả truyện ngắn “*Trăng sáng*” đòi hỏi nghệ thuật phải tái hiện chân thực đời sống, nói cách khác là phải “*vị nhân sinh*”. Nhà văn đó, không cần phải đi đâu cả, hãy “*cứ đứng trong lao khổ, mở hồn ra đón lấy tất cả những vang động của nền*”.

Có như vậy, nghệ thuật mới có tính nhân văn sâu sắc...hình ảnh “sáng sớm sau, Điền ngồi viết”... giữa tiếng con khóc, tiếng vợ quát, tiếng người leo xéo đòi nợ, tiếng chửi của người hàng xóm mất gà đêm qua...Khép lại truyện ngắn này cũng là một lời khẳng định thầm lặng mà mãnh liệt của nhà văn về điều mà ông đã phát biểu.

Lời tuyên ngôn nghệ thuật của Nam Cao mà chúng ta vừa tìm hiểu cho thấy ông gắn bó rất sâu sắc với nhân dân lao động. Quan điểm nghệ thuật của ông ở đây là quan điểm nghệ thuật hiện thực mà cũng là quan điểm nghệ thuật nhân đạo là *nghệ thuật vị nhân sinh*. Là người cầm bút có ý thức trách nhiệm, có lương tâm nhà văn không thể đứng dung trước bao nỗi khổ đau của đồng loại. Nghệ thuật chân chính là phải phản ánh nỗi khổ đau đó. Là một nhà văn hiện thực lớn, Nam Cao luôn luôn thể hiện qua các tác phẩm đặc sắc của mình một cái nhìn nhân đạo cảm thông sâu sắc với “tiếng đau khổ” “thoát ra từ những kiếp lầm than”. Đặc biệt, qua truyện ngắn “Trăng sáng”, người đọc đã bắt gặp một lời tự kiểm chân thành đầy tâm huyết của ông, của một nhà văn kiêu tư sẵn dã tự nguyện từ chối con đường nghệ thuật lãng mạn, thoát ly hiện thực, hướng lạc đẽ trở lại gần bó thùy chung với quần chúng lao động lầm than, vì họ mà cầm bút.

Trong thế giới nghệ thuật của Nam Cao, người ta thấy vắng bóng những “chàng”, “nàng”, “tiểu thư”, “công tử” và những khung cảnh thơ mộng huyền ảo của đêm trăng bờ hồ, bãi biển...người ta chỉ tìm được nơi đây những Chí Phèo, Lang Rận, Lão Hạc...cùng khổ đói rách bị xã hội chà đạp, có kẻ bị cướp cả nhân tính lẫn nhân hình. Hay là những Hộ, những Thương, những San không sao thoát được một cuộc sống “mù xám” “cứ mốc lên, gì đi, mòn ra, mục ra”...hay là những “hắn”, “y”, “thị” có bộ mặt không chơi được hoặc nhăn nhó, xấu xí, dữ dằn...Phải giàu lòng nhân ái với một tấm lòng đầy yêu thương đối với những người lao động cả nông dân và trí thức đó, những con người đang bị chà đạp, xúc

phạm nhà văn mới nghe rõ được tiếng kêu thương, đau khổ thoát ra từ những kiếp lầm than của họ. Bằng một đôi mắt quan sát tinh tường, đặc biệt hơn là bằng một trái tim mẫn cảm, chan chứa yêu thương, Nam Cao đã đưa những con người khốn khổ đó vào những trang viết bất hủ của mình để gửi lại cho đời sau.

Tóm lại, câu nói của Nam Cao thông qua nhân vật Điền trong truyện “Trắng sáng” tuy không lý lẽ hùng biện nhưng rất thuyết phục. Nhà văn đã nói lên được những nghĩ suy thâm thía và sâu sắc của mình, của một người cầm bút trung thực đã cố vượt lên mình để vươn tới một nghệ thuật đích thực chân chính.

Đây là một quan điểm nghệ thuật đúng đắn, tiến bộ có ý nghĩa chiến đấu tích cực đối với những khuynh hướng văn học lãng mạn tiêu cực đương thời. Với tuyên ngôn nghệ thuật của mình, Nam Cao chỉ rõ: cội nguồn của nghệ thuật chân chính phải là đời sống xã hội. Chỗ đứng của người cầm bút trong một xã hội đầy rẫy bất công áp bức phải là ở phía quần chúng lao động đói khổ, lầm than. Nhà văn phải vì họ mà sáng tác, vì họ mà “khai những nguồn chưa ai khai và sáng tạo những cái gì chưa có”. Đây đúng là một tiếng nói chân tình của một nhà văn đầy trách nhiệm và như đã nói có một đôi mắt quan sát tinh tường và đặc biệt hơn có một trái tim mẫn cảm chan chứa yêu thương, luôn nhạy cảm với mọi nỗi đau nhân thế.

Đề 25:

Trong truyện ngắn *Đời thừa*, Nam Cao viết:

*Văn chương không cần đến những người thợ khéo tay làm theo một vài kiểu mẫu đưa cho. Văn chương chỉ dùng nạp được những người biết đào sâu, tìm tòi, khơi những nguồn chưa ai khơi và sáng tạo những cái chưa có”.*

Hãy bình luận ý kiến trên.

## TÌM HIỂU ĐỀ

1- *Thể loại:* Bình luận văn học, bình luận một vấn đề lý luận văn học.

2- *Nội dung:* quan điểm của nhà văn Nam Cao về vấn đề cách tân sáng tạo trong văn chương. Nếu không có những khám phá độc đáo văn học không phải là văn học.

3- *Tư liệu:* Truyện ngắn *Đời thừa* và một số tác phẩm khác của Nam Cao.

## DÀN BÀI

### 1- Mở bài

*Giới thiệu Nam Cao, nhà văn hiện thực phê phán đặc sắc (1930-1945) và quan niệm nghệ thuật của ông:*

- Trước Cách mạng tháng Tám Nam Cao là một cây bút tiêu biểu nhất của trào lưu văn học hiện thực phê phán trong thời kỳ phát triển cuối cùng của trào lưu này (1940-1945). Đồng thời, nhà văn này cũng là một trong những tài năng xuất sắc của nền văn xuôi đương thời.

- Điều đáng chú ý hơn, Nam Cao còn là một nhà văn rất có ý thức trách nhiệm về ngòi bút của mình, về một nền văn học nghệ thuật chân chính mà theo ông là phải phản ánh chân thật

dời sống và phải nhân đạo. Tài năng đặc sắc này thường gửi gắm nhiều ý kiến rất tiến bộ trong những truyện ngắn của mình. Chẳng hạn trong tác phẩm *Đời thừa*, về vấn đề cách tân sáng tạo trong văn chương, ông viết:

*"Văn chương không cần đến những người thợ khéo tay làm theo một vài kiểu mẫu đưa cho. Văn chương chỉ dung nạp được những ngòi bút biết đào sâu, tìm tòi, khai những nguồn chưa ai khai và sáng tạo những cái gì chưa có."*

Ý nghĩa và giá trị của ý kiến trên ra sao? Phải chăng nó mang tính chất của một tuyên ngôn không chỉ có ý nghĩa riêng với Nam Cao mà còn với mọi nhà văn khác.

## 2- **Thân bài**

*Văn chương không cần đến những người thợ khéo tay làm theo một vài kiểu mẫu đưa cho* nghĩa là văn chương chân chính không chấp nhận sự sản xuất đồng loạt của những người thợ khéo tay những cách viết dễ dãi, rập khuôn, máy móc theo lối sản xuất công nghiệp. Văn chương đúng nghĩa cũng không thể thừa nhận những ngòi bút dễ dãi hời hợt với trái tim đứng đิง vô cảm đối với đời sống đồng loại, dù anh ta có tay nghề cao đến đâu đi nữa.

Nói cụ thể hơn, văn chương không thể là sự sao chép mô phỏng cho dù sự sao chép mô phỏng ấy có thành thực đến mức độ nào.

- *"Văn chương chỉ dung nạp được những người biết đào sâu, tìm tòi khai những nguồn chưa ai khai và sáng tạo những cái gì chưa có"* nghĩa là văn chương đòi hỏi phải có sự cách tân và sáng tạo. Sáng tạo văn chương đồng nghĩa với sự khám phá, sự phát hiện và sự sáng tạo. Nhà văn chân chính vì vậy phải là người đưa ra được những cái mới về nội dung tư tưởng, độc đáo về nghệ thuật thể hiện.

Quan điểm vừa nói của Nam Cao nêu ra một yêu cầu rất cao, rất nghiệt ngã đối với người nghệ sĩ là phải "*biết đào sâu, biết tìm tòi, khơi những nguồn chưa ai khai và sáng tạo những gì chưa có*". Đó không chỉ đòi hỏi về lĩnh vực nội dung mà còn là đòi hỏi cả về lĩnh vực nghệ thuật. Theo nhà văn, người cầm bút phải có cách nhìn nhận riêng, phải có tư tưởng mới mẻ đầy tính phát hiện, tìm tòi và đặc biệt là phải có những sáng tạo cả nội dung và hình thức nghệ thuật. Nghĩa là nhà văn không chỉ bám sát hiện thực *mở lòng ra đón lấy tất cả những vang động của trời* mà còn đòi hỏi phải có tài năng để có thể hoạt động sáng tạo được. Những vấn đề mới mẻ, những cách viết, cách thể hiện độc đáo, đầy tính tìm tòi phát hiện, mới mẻ nhất định sẽ là những sáng tạo đích thực mà người cầm bút đã cống hiến hữu hiệu cho nghệ thuật và cho cả cuộc đời.

#### - Nhận định, đánh giá:

Với luận điểm trên, Nam Cao đã phát biểu một quan niệm hết sức xác đáng về nghề văn và nhà văn. Có thể nói, ông là một trong số không nhiều các nhà văn thường trăn trở nghĩ suy về sống và viết, luôn tìm kiếm đấu tranh để vượt lên mình để vươn tới những sáng tạo đích thực. Nếu truyện ngắn *Trăng sáng* (1943) Nam Cao đã phê phán thứ nghệ thuật thoát ly phi hiện thực chạy theo cái đẹp bề ngoài, thi vị hóa cái khổ: "*Nghệ thuật không cần phải là ánh trăng lừa dối, không nên là ánh trăng lừa dối; nghệ thuật có thể là tiếng đau khổ kia, thoát ra từ những kiếp lâm than*". Thì ở đây - truyện ngắn *Đời thừa* nhà văn đã đặt yêu cầu cao sự tìm tòi, khám phá và cách tân sáng tạo trong nghệ thuật văn chương với luận điểm mà chúng ta vừa phân tích. Cũng trong tác phẩm này, Nam Cao đã nhấn mạnh nội dung nhân đạo của nghệ thuật. Nhà văn đòi hỏi một tác phẩm văn học phải chứa đựng một cái gì lớn lao mạnh mẽ, vừa đau đớn lại vừa phấn khởi. Nó ca tụng lòng thương, tình bác ái, sự công bình...Nó làm cho người gần người hơn".

- Các quan điểm nói trên đều được Nam Cao thể hiện bằng hình tượng nghệ thuật. Từ sự trải nghiệm chính bản thân Điền trong *Trăng sáng* và Hộ trong *Dời thừa*, nhà văn đã rút ra cái quan điểm hoàn toàn xác đáng trên. Chính vì thế, ý kiến của Nam Cao càng thấm thía và đầy sức thuyết phục lớn đối với mọi người.

- Có thể nói, trong suốt quãng đời cầm bút hoạt động nghệ thuật của mình, Nam Cao lúc nào cũng hết sức trung thành với các tuyên ngôn nghệ thuật vừa nói của mình. Các quan điểm trên cũng là phương châm viết văn của ông. Các sáng tác từ *Trăng sáng*, *Dời thừa*, *Chi Phèo* đến *Dời mắt* của nhà văn đầy tài năng này đều thể hiện rõ nét một tinh thần *biết đào sâu biết tìm tội* những nguồn chưa ai khai và sáng tạo những cái gì chưa có.

### 3. Kết bài

Quan điểm nói trên của Nam Cao rất xác đáng và hoàn toàn phù hợp với bản chất sáng tạo của nghệ thuật văn chương.

Đặt trong hoàn cảnh đương thời khi ấy, quan điểm này có ý nghĩa tiến bộ và tính chiến đấu mạnh mẽ, phê phán không chút nhân nhượng đối với các khuynh hướng văn học tiêu cực đang phát triển tràn lan gây nhiều tác hại.

Hơn thế nữa, ý kiến của tác giả *Dời thừa* còn có ý nghĩa tích cực đối với những người cầm bút thời nay và mai sau...

Đề 26:

Trong truyện ngắn *Dời thừa* (1943), Nam Cao viết: “*Văn chương không cần đến những người thợ khéo tay, làm theo một vài kiểu mẫu đưa cho. Văn chương chỉ dung nạp được những người biết đào sâu, biết tìm tòi, khơi những nguồn chưa ai khơi và sáng tạo những cái gì chưa có*”.

Phân tích một sáng tác của Nam Cao trước Cách mạng để làm rõ những nỗ lực đào sâu, tìm tòi, sáng tạo mới mẻ của nhà văn.

## TÌM HIỂU BÀI

1- *Thể loại*: Chứng minh.

2- *Nội dung*: Chọn phân tích một tác phẩm trước Cách mạng của Nam Cao (*Trăng sáng*) để chứng minh nỗ lực đào sâu tìm tòi sáng tạo mới mẻ của nhà văn.

3- *Tư liệu*: *Trăng sáng* của Nam Cao.

## BÀI THAM KHẢO

Nam Cao là một trong những nhà văn xuất sắc nhất của dòng văn học hiện thực phê phán Việt Nam, ở thời kì phát triển cuối cùng: 1940-1945.

Là một thầy giáo tiểu học nghèo nỗi thành thị, ông “đến thẳng với nhân vật và người đọc bằng một tấm lòng”. Tấm lòng ấy được nuôi dưỡng và lớn lên trong những cảnh đời nghèo khổ. Sự nghiệp sáng tác của ông thực sự là một quá trình “tìm tòi, sáng tạo và khám phá”. Qua các tác phẩm của ông, người đọc có thể nhận thấy những băn khoăn, day dứt, những vật vã, trăn trở của một nhà văn tâm huyết với nghề, với đời.

Trong truyện ngắn *Đời thừa* (1943), Nam Cao đã chính thức khẳng định quan điểm của mình đối với văn chương - nghệ thuật về trách nhiệm của những người cầm bút:

"... Văn chương không cần đến những người thợ khéo tay, làm theo một vài kiểu mẫu đưa cho. Văn chương chỉ dung nạp được những người biết đào sâu, biết tìm tòi, khai những nguồn chưa ai khơi và sáng tạo những cái gì chưa có...".

Nhà văn quan niệm: muốn đến với văn chương nghệ thuật, cần phải biết "tìm tòi", biết "đào sâu" suy nghĩ, biết "sáng tạo" những điều mới mẻ. Văn chương không chấp nhận, "không dung nạp" những gì công thức, sáo mòn. Nhà văn ví nó như "một người thợ khéo tay, làm theo một vài kiểu mẫu đưa cho...". Sản phẩm sẽ rất đẹp, rất hoàn chỉnh, nhưng thiếu sự sáng tạo. Nó chỉ mang vẻ đẹp của sự gọt giũa cầu kì, mà thiếu hẵn vẻ sinh động muôn màu muôn vẻ của cuộc sống. Cái "đẹp" của sản phẩm đó "chỉ tồn tại được một thời là may lăm!". Cuộc sống xung quanh ta luôn sôi động với đầy đủ mọi sắc màu phong phú và đa dạng. Văn chương sẽ trở nên sinh động, giàu sức sống biết bao nếu nhà văn thực sự khao khát "sáng tao và khám phá". Nhà văn Nam Cao cho rằng, những tác phẩm có sự sâu sắc, mới mẻ đó mới là những tác phẩm văn chương có ích cho đời, cho người, mới được người đọc chấp nhận, được văn chương "dung nạp" và sẽ "sống" được lâu dài cùng thời gian...

Để có được sự dứt khoát trên quan điểm đó, nhà văn Nam Cao đã trải qua biết bao cuộc đấu tranh về tư tưởng khá gay gắt. Ông sáng tác rất sớm, và có thơ, truyện, kịch đăng bài từ những năm 1936. Nhưng càng về sau, người thanh niên tiểu tư sản trẻ tuổi đó mới càng nhận thức được nhiều điều mới lạ từ hiện thực cuộc sống. Xã hội Việt Nam thời kỳ 1930-1945 là xã hội thực dân nửa phong kiến. Quá trình khai thác thuộc địa lần thứ II của thực dân Pháp làm cho sự phân hóa giai cấp ngày càng trở nên sâu sắc. Trong xã hội ấy, đồng tiền ngự trị tất cả. Trong xã hội

kim tiền ấy, “người với người đối xử với nhau như chó sói, một “xã hội chó đẻ” (Vũ Trọng Phụng) với những tên thống trị dể giả, vô nhân... và những con người “bé nhỏ” đáng thương. Nam Cao chỉ là “một nhà văn mảnh khảnh thư sinh, ăn nói ôn tồn, mỗi lúc một đỏ mắt, mà kì thực mang trong lòng một sự phản kháng mãnh liệt...” (Nguyễn Đình Thi). Ông là người “hay băn khoăn về vấn đề nhân phẩm, về thái độ khinh trọng đối với con người. Ông thường dẽ bất bình trước tình trạng con người bị lăng nhục chỉ vì dày dọa vào cảnh nghèo đói cùng đường...” (Hà Minh Đức - Chân dung văn học).

Chính vì vậy, nhà văn đã dứt khoát trở về với cuộc sống thực tại. Nhà văn tự nguyện sẽ “đứng trong lao khổ, mở hồn ra mà đón lấy những vang động của cuộc đời...”. Sự nghiệp sáng tác của ông chỉ thực sự bắt đầu từ những năm 1941, với truyện ngắn *Chí Phèo*. Ngòi bút của ông đã vượt qua được những non nớt ban đầu. Ông sáng tác theo phương pháp hiện thực phê phán mà quan điểm mĩ học của nó là: “Nghệ thuật vị nhân sinh” với thái độ khách quan chủ nghĩa. Ông hướng nghệ thuật vào cuộc sống hiện tại của xã hội, của nhân dân, mà phản ánh, phanh phui, bình giá và phán xét. Những tư tưởng của dòng văn học lâng mạn vẫn xuất hiện trong tác phẩm của ông, nhưng luôn có sự đối chiếu so sánh với ý tưởng của văn học hiện thực phê phán. Và qua đó, ông lại một lần nữa khẳng định sự tiến bộ, đứng đắn của phương pháp sáng tác hiện thực chủ nghĩa, bằng lòng với sứ mệnh đã chọn của mình: “... đào sâu. tìm tòi, khai những nguồn chưa ai khai và sáng tạo những gì mình chưa có...” (Đời thừa).

Qua những truyện ngắn của ông, mà tiêu biểu là *Nước mắt*, *Đời thừa*, *Trăng sáng*, *Sóng mòn...* người đọc không khỏi trân trọng, cảm phục và kính trọng ông, một nhà văn đầy tài năng và tâm huyết. Ông đã không chịu việc “làm theo một vài kiểu mẫu đưa cho...” mà luôn trấn trở trước ngòi bút của mình. Đặc biệt, điều mà chắc ai cũng nhận thấy, đó là những nỗ lực vô cùng

lớn lao của nhà văn trong quá trình “sáng tạo”, “tìm tòi” sự mới mẻ cho nghệ thuật. Trong “Đời thừa”, Nam Cao đã phát biểu chính kiến của mình về mục đích vươn tới của văn chương:

*“Một tác phẩm thật có giá trị nó phải vượt lên mọi giới hạn và bờ cõi. Nó ca tụng tình thương, lòng bác ái, sự công bình... Nó làm cho người gần người hơn”.*

Cũng chính vì vậy nên nhà văn trở nên “thù ghét những sách phù phiếm..., nguyên rủa cái văn chương thi vị hóa cái khố của bọn nhà văn tư sản...” (Nguyễn Đình Thi).

Trong thời kì trước Cách mạng, sáng tác của Nam Cao tập trung vào hai đề tài chính: người trí thức tiểu tư sản nghèo và người nông dân. Ở đề tài về những người tiểu tư sản dân nghèo thành thị mà chúng ta có thể thấy một phần nguyên mẫu của chính Nam Cao - Ông đã đi sâu vào miêu tả những bi kịch “chết mòn” về đời sống tinh thần của họ; với những quằn quại đau đớn về tâm hồn. Nhà văn thấy được những vật vã, quằn quại của những người trí thức tiểu tư sản nghèo:

*“Chao ôi... Cuộc sống như chúng ta đang sống đây đã thật có gì cho ta đáng vui chưa? Người ta ghét nhau hoặc yêu nhau, nhưng bao giờ cũng làm khổ nhau cả! Tại sao vậy?”*

*....Đau đớn thay cho những kiếp sống khao khát muốn lén cao nhưng lại bị áo cơm ghi sát đất. Cái lối sống quá ư loài vật, chẳng còn biết một việc gì ngoài cái việc kiếm thức ăn để vào dạ dày...” (Thứ - Sống mòn).*

Nhưng có lẽ trong truyện ngắn “Trăng sáng” nhà văn Nam Cao đã biểu hiện tập trung và đầy đủ nhất cuộc đấu tranh gay gắt về tư tưởng của mình, thể hiện một “đôi mắt” tiến bộ và đầy nhân ái. Truyện kể về nhân vật Diền - một giáo khổ trưởng tư, vì thất nghiệp nên trở về quê với gia đình. Một gia đình nghèo khổ, lam lũ và nheo nhóc với hai đứa con bé dại, người vợ luôn cau có và eo sèo về tiền nong, gạo nước. Diền trở về với tài sản

là mấy chiếc ghế mây đã cũ - vật thay thế những đồng tiền lương ít ỏi - vì một lẽ đơn giản là chính ông hiệu trưởng cũng chẳng còn tiền nữa. Điền còn trở về với một dự định tốt đẹp, đó là hi vọng, hoài bão mà Điền ôm áp từ lâu: “Văn chương”. Điền muốn sáng tạo vì cái đẹp, và trong đầu Điền vang lên những ý tưởng đẹp đẽ. Nó giống với suy nghĩ của Hộ trong *Dời thừa*.

*“Dời rét không nghĩa lý gì đối với một gã trẻ tuổi say mê li tương. Lòng hán đẹp. Đầu hán mang một hoài bão lớn... Dời với hán lúc ấy, nghệ thuật là tất cả, ngoài nghệ thuật ra không còn gì đáng quan tâm nữa...”.*

Điền hăm hở vì dự định tốt đẹp của mình, mang những chiếc ghế mây ra sân ngồi ngắm trăng, trong đầu nảy ra biết bao những hình ảnh thơ mộng và lãng mạn. Điền lấy làm bức minh trước người vợ quê mùa “thấy trăng sáng thì nghĩ ngay rằng đỡ tốn mây xu dầu lạc!”. Điền nghĩ tới những cô gái đẹp, chí ăn chơi nhàn nhã và chăm sửa thịt da. Điền nghĩ tới những mối tình thơ mộng và lãng mạn, những cô gái ngồi dưới bóng mát cây xanh, “đu đầy đôi chân thuôn theo”... Thế nhưng, đột nhiên, tiếng con khóc, tiếng vợ day nghiến, quát lác... kéo Điền trở về với cuộc sống thực tại đầy phũ phàng. Thoạt tiên, anh bực tức, và chán ngán. Anh muốn rời bỏ tất cả những gì đau khổ của cuộc sống, tìm đến những nơi yên tĩnh và thơ mộng để sáng tác. Thế nhưng cuối cùng, anh chợt mềm lòng và nhận ra tất cả: Anh trăng đang toa sáng, đang rắc vàng, rắc bạc trên khắp thế gian kia... thật đẹp đẽ và thơ mộng. Nó là cái “Đẹp” mà con người luôn vươn tới và khát khao. Nó là sự bắt đầu của cảm hứng bao nhà thi sĩ:

*“... Trăng là cái liềm vàng giữa cái đồng sao. Trăng là cái đĩa bạc trên tấm thảm nhung da trời. Trăng tỏa mộng xuống trần gian. Trăng tuôn suối mát để những hồn khát khao ngụp lặn. Trăng ơi trăng. Cái vũ mộng tròn đầy mà thi sĩ bao đời mơ man...”.*

Thế nhưng cái đẹp ấy có phải là nội dung - là đối tượng miêu tả chủ yếu lúc này không? Nhà văn viết tiếp:

*"Chao ôi! Trăng đẹp lắm. Trăng dịu dàng và trong trẻo và bình tĩnh. Nhưng trong những căn lều nát mà trăng làm cho bể ngoài trời nên cũng đẹp, biết bao người quắn quại, nức nở, nhăn nhó tới những đau thương của kiếp mình! Biết bao tiếng nghiến răng và chửi rủa, biết bao cực khổ và lâm than?... Chao ôi! Nghệ thuật không phải là ánh trăng lừa dối, không nên là ánh trăng lừa dối; nghệ thuật chỉ có thể là tiếng đau khổ kia thoát ra từ những kiếp sống lầm than..."*

Nam Cao đã nhận ra rằng, hiện thực đau khổ kia đối lập ghê gớm với những cái đẹp, cái mơ mộng của con người. Nếu nhà văn vẫn tiếp tục “đem gấm vóc - phủ lên trên xã hội đã điêu tàn” thì thực chất đó chỉ là một sự giả dối, lừa dối mình và lừa dối người. Nhân vật Điền đã ngồi “giữa tiếng con khóc, vợ quát, tiếng chửi bới...” để viết nên những tác phẩm ngược hẳn với dự định ban đầu. Đó là sự thức tỉnh đáng quý của lương tâm một con người có trách nhiệm trước xã hội, thực tâm mong muốn một xã hội tốt đẹp hơn...

Nam Cao là nhà văn cũng xuất thân từ tầng lớp trí thức tiểu tư sản nghèo nên ông rất hiểu họ. Họ là những người luôn khao khát một cuộc sống tốt đẹp, có ích cho xã hội. Nhưng do ở vị trí bấp bênh của tầng lớp trung gian, chưa tìm ra chỗ dựa trong quần chúng và cũng không tin vào quần chúng nên luôn bất mãn với đời và cảm thấy bất lực. Con người đó phải chịu đựng một sự day dứt thường xuyên và dành rơi vào cảnh “sống mòn”, một cuộc “đời thừa”. Họ chưa thể giải quyết những bi kịch cho chính mình nên cũng chưa thể giải quyết những bi kịch của nhân dân. Từ sự thông hiểu và thông cảm với cuộc sống và tâm tư, tình cảm thuộc về bản chất giai cấp của mình, nhà văn Nam Cao đã sáng tạo ra những truyện ngắn có giá trị sâu sắc.

Những nhân vật của ông hết sức sống động, và đọc xong tác phẩm, người đọc có thể nhìn thấy họ bằng xương bằng thịt. Sở dĩ như vậy là vì những nhân vật của ông thường có cá tính đậm

nét, nó "thực hơn cả nhân vật thực" từ suy nghĩ, hành động đến diễn biến tâm lý. Cách kể chuyện và dắt dẫn của ông cũng rất đặc biệt, giọng văn lạnh lùng mà ẩn chứa những tình cảm nhân đạo thiết tha. Ông đã viết rất sâu sắc và sinh động về bi kịch "*sống mòn*" của những trí thức tiểu tư sản giai đoạn 40-45, cho chúng ta ngày nay thấy lại được cuộc đời "*sống chờ chết chờ mang đậm nét bi hài*" (Xuân Diệu) của họ. Những truyện ngắn về đề tài người nông dân của ông cũng có giá trị rất lớn, được đánh giá là xuất sắc tiêu biểu là tác phẩm *Chí Phèo*. Chỉ nêu một ý nhỏ, ta cũng có thể thấy được sự mới mẻ, sáng tạo của nhà văn trong khi di tìm - khai thác cuộc sống xã hội 1940-1945: "Chỉ khi Chí Phèo ngặt ngưỡng bước ra từ trang sách người ta mới nhận rằng đây là hiện thân đầy đủ nhất của người dân thuộc địa: bị giày xéo húy hoại cả nhân hình và nhân tính. Chí Dâu bán con, bán chó, bán sữa... nhưng chỉ còn được là người. Chí Phèo bán cả diện mạo và linh hồn để trở thành con quỷ dữ của làng Vũ Đại..."

Đặt bên cạnh dòng văn học lâng mạn, ta thấy Nam Cao có sự tiến bộ, tuy chưa đến được với cách mạng. Dù sao ta cũng rất trân trọng nhà văn tâm huyết với nghề, với đời, "*biết khơi nguồn chưa ai khơi và sáng tạo những gì mình chưa có*". Sự nghiệp của ông sẽ mãi mãi sống cùng bạn đọc có giá trị lớn trong nền văn học dân tộc.

ĐẶNG THỊ LAN HƯƠNG  
(Học sinh trường PTTH năng khiếu Bắc Thái)

## PHẦN III

### CÁC NHÀ VĂN, NHÀ NGHIÊN CỨU VĂN HỌC NÓI VỀ NAM CAO

#### MẤY KỶ NIỆM VỀ NAM CAO

VŨ BẰNG

... Còn Nam Cao thì nghèo nhất Nam Định, bần cùng bất đắc dĩ lăm mới chịu hớt tóc vì tiền tiêu ở trong nhà anh phải tính toán từng đồng xu. Anh ở với một người bà, có vợ, nhiều con. Ngoài số nhuận bút còm hàng tháng (mà có khi nhà báo lại gửi ngân phiếu chậm!), tất cả gia đình anh trông vào một giàn trầu mà bà anh vừa ăn vừa đem ra chợ bán lấy tiền thêm nuôi các cháu. Có ai đọc truyện “Cười với trăng” của Nam Cao, hẳn còn nhớ cái anh chàng không có tiền đem về nhà, bị vợ day dứt trong khi con cái đứa thì khóc, đứa thì mếu, đứa thì đau, đứa thì phá... không biết đổi phó sao, đâm ra mặt lì, khoanh tay dưới đầu nằm nhìn lên trời cao và bật cười, rồi cười thật to, cười mãi, cười đến đau bụng và chảy cả nước mắt ra.

Trong tất cả các truyện của Nam Cao, tôi nhớ nhất truyện ấy và tôi nhớ là vợ chồng tôi đọc xong cũng không nhìn được cười và chịu là Nam Cao viết tài tình quá.

Tôi không biết Nam Cao bắt đầu viết từ lúc nào, gửi bài về “Tiểu thuyết thứ bảy” từ bao giờ, nhưng cái bút hiệu “Nam Cao” nổi bật lên cho đến bây giờ cũng là do một tình cờ may mắn.

Ngọc Giao đi Sài Gòn, tôi là thư ký tòa soạn cho “Tiểu thuyết thứ bảy” bị tràn ngập vì bài cũ và bài mới, nên sao nhãng có khi không đọc xuể... Một buổi chiều tháng bảy, đường xá bùn lầy dơ dáy vì mưa ngâu, không có bạn bè đến chơi, tôi không biết làm gì trong khi ngồi chờ cơm, rút một tập ở trong những chồng

bài cũ ra để đọc. May mắn làm sao tôi lại được đọc một truyện của Nam Cao, và ngay mấy câu đầu tôi đã thích thú vì lối hành văn với những câu kệch cỡm, nghịch ngợm, có khi vớ vẩn nhưng đậm đà có duyên. Truyện ấy - bây giờ tôi quên mất nhan đề rồi - đăng lên "Tiểu thuyết thứ bảy" được độc giả để ý liền. Tôi lại lục tập bài cũ tìm nữa. Thấy hai truyện khác, đăng luôn và nhắn Nam Cao trong mục thư tín viết tiếp gửi về. Đến truyện thứ năm, thứ sáu thì Nam Cao được các anh em văn nghệ bàn tán rất nhiều và cho là trong loại văn nghệ sĩ mới lên. Nam Cao viết "được" lắm, và người ta bắt đầu hỏi Nam Cao là bút hiệu của anh nào vậy. Đến cuối tháng ấy, Nam Cao lù lù tìm đến nhà tôi. Anh đến nhà báo, Trần Kim Dần chỉ sang nhà tôi ở cách báo quán độ mươi bước đường. Lần thứ nhất, gặp Nam Cao, tôi có cảm tưởng anh là một người hiền lành, tử tế. Tôi có cảm tình liền, và tôi lấy làm lạ sao giữa thế kỷ văn minh này, đi ăn nhà hàng, lại có thể có một thanh niên chừng hai mươi bốn, hai mươi lăm tuổi không biết món vây là cái gì, và hỏi cơm chiên đã có lạp xưởng và trứng rồi hà cớ gì lại phải ăn vây, và "thịt bò Tây Hồ" cho tiền? Về sau này, tôi giữ nguyên cảm tình của tôi đối với Nam Cao Trần Hữu Trí, một nhà văn dí dỏm, chua chát lai sâu xa, nhưng chân thật và hồn nhiên "vượt mức"; không có nhà báo, nhà văn nào so sánh được. Đi sâu vào tình bạn hơn, anh nhỏ nhẹ cho tôi biết rằng cái chàng thanh niên "cười với trăng" chính là anh, nhưng các nhân vật say rượu, chơi bời láo lếu thì nhất định không phải là anh đâu, mà là những người ở lối xóm này hay những người mà anh thấy ở Nam Định mỗi khi anh di bộ từ làng lên tỉnh để lãnh tiền của nhà báo gửi cho. Tác giả ưa nhất là Alphonse Daudet truyện đọc nhiều lần là "Le Petit Chose". Ngoài vợ ra, không hề biết một người đàn bà nào khác. Đến chỗ đông, sợ lắm; mà khổ nhất cho tôi - lời Nam Cao - là trước mặt người lạ, mặt tôi cứ nóng bừng bừng lên, mà lưỡi như muốn líu lại, không nói ra lời.

Đến lúc ra ngoài kháng chiến, một hôm, anh lù lù đi vào nhà tôi và đến bây giờ, tôi cũng không biết tại sao anh lại tìm được nơi tôi ở hay như vậy. Anh ở chơi với tôi hai ngày, hai đêm. Hỏi có gì lạ không, anh bảo cũng thường thường thôi... Vẫn gặp các anh em cũ. Tây thế nào cũng thua, anh ạ. Tôi mấy lần suýt chết vì bom. Nhưng có lẽ mình khổ quá rồi nên trời đền bù, cho được sống để nhìn thấy thực dân cút cả đi. Tôi nghiệp Nam Cao, cả một đời vất vả, chỉ mong được thấy ngày ta toàn thắng để trở về thủ đô thương mến, ăn một bữa cơm với anh em rồi cả cưới với nhau, thì trước khi ký kết hiệp định, tôi được tin anh đã mất trong một vụ ném bom tàn ác của lũ lang sói vô nhân đạo. Hai ngày anh ở lại chuyện trò tâm sự với tôi thì ra là ngày cuối cùng gặp nhau. Nam Cao vẫn bén lèn thận thò như thế, tóc vẫn bờm như thế, mà tâm tính vẫn hồn nhiên như thế. Không biết hút thuốc lá; vẫn không uống rượu. Cả đời chưa đọc truyện Tam quốc bao giờ. Nhân có một bộ Tam Quốc do Phan Kế Bính dịch, nhà in Lê Văn Phúc ấn hành, tôi thắp một ngọn đèn dầu, bỏ màn xuống, hai anh em cùng đọc. Lần thứ nhất và cũng là lần duy nhất, tôi thấy Nam Cao cười lớn tiếng lúc Tào Tháo giết Lã Bá Sa. Cái đêm hôm ấy, sau này, anh thuật lại trong một bài đăng trên tạp chí "Văn nghệ" của Mặt trận và chính nhờ bài ấy, tôi được biết Nam Cao cũng có tình cảm với tôi...

(Trích 40 năm nói láo Sài Gòn, 1969)

## NAM CAO

(Trích)

### I- CUỘC SỐNG VÀ QUAN ĐIỂM SÁNG TÁC CỦA NAM CAO

Nam Cao là con một gia đình trung nông ở Hà Nam giữa đồng bằng Bắc Bộ. Trong các truyện ngắn và tiểu thuyết của anh luôn luôn hiện lên cái làng lam lũ ở ven sông, quanh năm gần

như không có tiếng hát, nhả nọ cách xa nhả kia, rải rác trong những khu vườn "hέo lánh tựa bái tha ma". Bắt đầu biết suy nghĩ, Nam Cao hiểu một cách sâu xa sự hèn hiếp của bọn cường hào. Anh đã thấy những "ông Bá Kiến sai trói một lúc mười bảy người và đánh một người lòi một mắt", những cảnh thuê má bóp hầu bóp cổ mỗi năm lại diễn ra, và những người dân cùng khổ càng ngày càng khổ mãi. Đang đi học, bị bệnh phù và đau tim, Nam Cao bỏ học vào miền Nam. Ở Sài Gòn, Nam Cao tham dự những cuộc biểu tình rầm rộ của phong trào bình dân và như lời anh tự thuật trong cuốn *SỐNG MỘN*:

"Y kiếm ăn bằng rất nhiều nghề, kể cả những nghề mà những người tự xưng là trí thức không làm. Y trà trộn với phu phen, với thợ thuyền. Y mặc đồ bà ba đi chích thuốc thi ở nhà thương. Còn chút thì giờ thừa nào, y học rất chăm. Tang người y không cho y cầm súng, cầm gươm. Y sẽ cầm bút mà chiến đấu...".

Mấy năm sau trở về quê, gia đình anh đã khánh kiệt, sống vất vả túng đói. Làng anh "vẫn như xưa, khổ hơn xưa. Vải Tây rẻ như bèo, nghề dệt cơ sở của làng chết hẳn rồi". Nam Cao ra Hà Nội làm nghề dạy học tư và cứ luôn luôn, cuộc đời túng thiếu, tù hãm, quấn chặt lấy anh, không buông tha lúc nào.

Nam Cao bắt đầu bước thẳng vào nghề văn khoảng 1940, giữa lúc phát xít Nhật đã đặt chân lên Đông Dương, phát xít Pháp Pê-tanh càng bóp nghẹt đất nước Việt Nam. Ty kiểm duyệt Pháp, sở hiến binh Nhật nuôi những tờ báo tống tiền, ca tụng Pê-tanh Đờ-cu, "Cách mạng quốc gia", Thiên hoàng phi công Nhật, rượu xa-kê và gái điếm Phù tang. Trong văn chương công khai, bọn thống trị phát xít chỉ còn cho tồn tại những tiểu thuyết lăng mạn cuối mùa, đưa ra những "chàng, nàng" trưởng giả chen với những "người hùng" trắng trợn côn đồ, hay những kẻ chán đời than vãn ca tụng quan lại ước ao "trật tự, đạo lý, cái đẹp" phong kiến trở lại.

Nam Cao đã không chịu khuất với cái chết ngạt thở ấy. Nhà văn mảnh khảnh thư sinh ăn nói ôn tồn nhiều khi đến rut rè, mỗi lúc lại đỏ mặt, mà kì thực mang trong lòng một sự phan kháng mãnh liệt. Anh thù ghét những sách phù phiếm, nói những chuyện rắc rối của những kẻ ăn no ngồi rồi, không biết làm gì cả. Anh nhìn rõ cái chế độ dày dọa và làm truy lac con người. Anh muốn phá tung ra, vạch cho mọi người thấy cái khổ đang vây kín chung quanh, nó len lỏi cả vào đến những chỗ sâu nhất, tốt đẹp nhất của tâm hồn. Anh nguyên rúa cái văn chương thi vị hóa cái khổ của bọn nhà văn tư sản “cúi mình xuống dân chúng”.

## II- GIÁ TRỊ HIỆN THỰC VÀ NHÂN ĐẠO TRONG NGӨI BÚT CỦA NAM CAO

Trong nền văn học hiện thực đang tìm đường và đà, chiến đấu với các xu hướng phản động bấy giờ, thiên truyện *CHÍ PHÈO* của Nam Cao nổi bật lên, thật xuất sắc. CHÍ PHÈO đã nêu những cái khổ cùng cực của thôn quê dưới ách cường hào ở trước nắt, với quan lại và thực dân ở phía sau. Anh cùng dinh liều mạng Chí Phèo giãy giụa giữa những người nòng dân bị bóc đến căm khổ không còn, càng dễ bảo càng bị dúi cổ xuống, dúi cho đến kinh còn thở được cũng chưa thôi, suốt đời sống không ra con người, chưa biết đến đời thuở nào mới thoát được nhanh vuốt của sự nghiệp, ngu dốt, nó hành hạ bóp rúm người ta lại, hoặc đẩy người ta đến Sở mộ phu, đồn điền cao su và những tội ác cùng đường.

Cuối năm 1944, Nam Cao viết xong *SỐNG MÒN*. Tập tiếp, thuyết ấy quăng đi ném lại, không lọt qua được lưới kiểm duyệt để xuất bản, tuy rằng soi từng chữ không có chỗ nào bắt bẻ được. *SỐNG MÒN* tả cuộc sống thiểu não, quẩn quanh, nhở nhen của mấy người trí thức tiểu tư sản nghèo, một cuộc sống mù xám cứ “mốc lên, gi đi, mòn ra, mục ra”, không có lối thoát. Rộng hơn là vận mệnh mấy con người ấy, ta thấy đặt ra một cách ám ảnh vấn đề vận mệnh chung của cả một xã hội chua xót, đau đớn.

buồn thảm, tủi nhục, trong đó đời sống không còn ý nghĩa, quay về phía nào cũng thấy dựng lên những bức tường bế tắc.

Văn Nam Cao, ngay trong những tác phẩm đầu, đã thực sắc sảo. Anh nhìn sâu vào sự thật một cách sắc cạnh, nhiều khi mỉa mai. Không ve vuốt ngay bản thân mình và giai cấp mình như một vài nhà văn tiểu tư sản tìm an ủi trong một triết lý hàng phục chế độ đương thời, anh tạo được những điển hình giai cấp thật sống và cảm động. Trong lúc văn lâng man tư sản đã xa rời lời ăn tiếng nói của nhân dân, viết lai Tây như văn dịch, càng ngày càng trống rỗng, hình thức, anh đã tạo cho mình một lối viết mới, đậm đà bản sắc bình dân, nhưng không rơi vào chỗ thô tục. Và qua những lời phẫn uất, cũng đồng thời thấy biết bao thương yêu. Nam Cao yêu trìu mến cái làng khố sơ của anh, anh yêu những bến đò hiền lành, những buổi sáng, buổi trưa của thôn quê Việt Nam. Mỗi khi nói đến những cái ngốc dại, quanh quẩn của những người đau khổ quằn quại, biết bao nhiêu xót xa, độ lượng trong câu văn anh.

Trong những tâm hồn chất phác, bị nghèo khổ cho mụ mị cắn cỗi, ngay trong một con người u mê cục súc như Chí Phèo, Nam Cao tìm ra những rung động trong sáng của tình yêu, của niềm khát khao được sống cho ra con người - những rung động ấy dột ngọt hé lên từng lúc rồi lại bị đời sống vùi dập. Đó cũng là cái làm chúng ta càng cảm thấy thầm thía sự tàn bạo của chế độ cũ. Nam Cao chưa hiểu sức mạnh bị kèm trói của những con người cùng khổ, nhưng chính những ý thức đó làm cho truyện của anh không đen tối, tuyệt vọng, và vượt qua cả ý định của người viết mà hứa hẹn một sự thay đổi tương lai, như một ánh bình minh còn xa mờ. Nhờ biết quý trọng đời sống làm lụng vất vả, nên Nam Cao biết nhìn rõ những chuyện nhỏ mon hàng ngày trong cuộc đời đầu tắt mặt tối của bao nhiêu người chung quanh, và làm nổi rõ lên cho ta thấy tất cả những sự vô lý của một chế độ thối nát, trong những chuyện tầm thường lặng lẽ nhất.

### III- NỘI BẾ TẮC VÀ CON ĐƯỜNG GIẢI THOÁT CỦA NAM CAO

Những cái xã hội ngột ấy đi tới đâu, ai sẽ phá tan nó, phá thế nào và phá rồi thì làm gì, những câu hỏi ấy Nam Cao chưa đặt được rõ và chưa trả lời được. Nam Cao nhìn thấy người nhà quê nghèo khổ, ngu muội, bị đè nén muôn đời, anh chưa nhìn thấy người nông dân có thể vùng dậy đạp đổ bọn thống trị. Anh nhìn sự thật phũ phàng bằng con mắt của một người đang bị giày xéo, anh chưa nhìn được vào sự thật ấy bằng con mắt một người lãnh đạo nó, thay đổi được nó. Những khát khao trong các truyện ngắn và tiểu thuyết của Nam Cao hồi đó như những tiếng kêu gào xé ruột, nhưng hi vọng còn leo lắt làm sao! Mấy trăm trang uất ức và đau xót của *SỐNG MÒN*, cuối cùng mới hé ra một tia sáng nhỏ bé. Bom nổ trong phố Hà Nội, thành phố tản cư. Thứ, vai chính trong truyện, cũng rời cái trường tư của anh để về quê. Trên tàu hỏa chật chội, mọi người nhà quê đọc báo, nhiều tin chiến tranh.

"*Bao nhiêu người chết! Bao nhiêu thành phố tan nát! Cái thảm sát máu núi thảy thật là rùng rợn. Nhân loại lên cơn sốt rét, đang quần quại nhăn nhó, rên la, tự mình lại cắn mình, tự mình lại xé mình, để đổi thay. Cái gì sẽ trỗi ra?... Lòng Thủ đột nhiên hé ra một tia sáng mong manh. Thủ lại thấy hi vọng một cách vụ vơ. Sau cuộc chiến tranh này, có lẽ cuộc sống sẽ dễ dàng hơn, công bình hơn, đẹp đẽ hơn... Nhưng y lại đỏ mặt ngay, người ta chỉ hướng được cái gì mình đáng hướng mà thôi. Y đã làm gì chưa?*"

Cách mạng đã chìa tay dón lấy tia hi vọng thắc mắc ấy của Nam Cao, và chỉ rõ cho anh thấy tương lai. Chiến tranh trở nên ác liệt, xã hội Việt Nam lay chuyển. Đời sống càng càng khốn đốn kinh khủng. Những người chết đói nằm la liệt ngoài hè phố. "Người chưa chết hẳn bị đẩy xuống hồ cùng với những xác chết

cho tiễn chuyến chôn". Nạn đói lan tới bè bạn Nam Cao, đe dọa bản thân anh. Vợ anh viết thư cho anh: *Con Hương, thằng Thiên ăn cháo hơn một tháng nay rồi. Ba hôm nữa, cháo cũng không có mà ăn. Trông thấy chúng nó cứ lả dẩn, em đứt ruột*".

Nhưng giữa cảnh tưởng chừng như tuyệt vọng ấy, Nam Cao đã đọc *ĐỀ CƯƠNG VĂN HÓA* của Đảng Cộng sản Đông Dương và vào hoạt động trong Hội Văn hóa cứu quốc, học chương trình huấn luyện Việt Minh. Giữa cảnh chết chóc ghê gớm chưa từng thay, anh trông rõ sự sống đang đào lên vũ bão. Và khong phải một mình anh trông thấy. Cá nhân dân Việt Nam đã trông thấy ánh sáng. Cờ đỏ sao vàng mọc ra khắp nơi. Những con người khốn khổ xưa nay ngậm hột thị, "hèn quá là hèn, ngu quá là ngu", mà bây giờ làm những chuyện Nam Cao khong thể tưởng tượng được. Nam Cao đã bừng thấy sức mạnh của nhân dân, và trong đường sống của dân tộc đã tìm thấy đường sống của mình. Cuộc đấu tranh gay gắt và rộng lớn đẩy anh đi lên, mở đường cho anh. Lần đầu tiên, Nam Cao thấy đời sống có ý nghĩa và hiểu rõ mình phải làm gì (...).

Tháng 2-1952  
NGUYỄN ĐÌNH THI  
(Trích *Máy văn để học*, NXB Văn hóa, 1958)

## NAM CAO

Nghị đến Nam Cao, bao giờ tôi cũng cứ thấy hiện ra trước tiên trong muôn vạn hình ảnh của ông mà tôi cất giữ rất lộn xộn trong cái thế giới tương tượng đã trở thành ân thương của tôi - một con người ngồi xếp bằng trên chiếu trai giữa nền đất, trước một ấm chè xanh và một ngọn đèn văn nhỏ bằng hạt đậu, bên một chiếc bùi nhùi của ông lão hàng xóm vừa bỏ lại, và một chiếc điều cày cùng với ba quyển sách tiếng ta lẫn tiếng Tây, lúc này Nam Cao không hoài để mắt ngó qua, đến sách vở, cũng chả hút

thuốc vặt, mà đang so vai lại, thu cả hai bàn tay vào lòng như một người suốt cả đời lúc nào cũng cảm thấy rét - một cái rét như từ trong ruột rét ra - hai con mắt lim dim nhìn xuống chiếu, đang nghĩ - cũng chẳng phải nghĩ ngợi đến chuyện gì cao xa, cao siêu mà quanh quẩn vẫn là những nỗi khổ trong những cái vật vãnh, tun mủn của kiếp sống của chính mình và những người ở ngay kề chung quanh mình, cùng với cái phần nhân cách, tư cách của con người đang bị những cái tun mủn, vật vãnh trong cuộc sống hàng ngày cứ đem ra mà làm trò cười, cứ đem ra mà giày vò cho tận đến khi nãu nát ra.

Đây là cái phút giữa đêm khuya thanh vắng chỉ có tiếng chó sủa xa rồi tiếng chó sủa lại gần. Nam Cao đang ngồi trơ khát lại một mình ở ngay giữa nhà mình - cái nhà ở làng quê Đại Hoàng của ông - sau khi ông lão hàng xóm sang chơi và thồ lô về việc bán chó đã trở về bên nhà ông lão.

Đọc văn xuôi Nam Cao, ta cứ có cảm giác rằng cái ông nhà văn này vừa mới chợt từ ngoài thành phố về đến nhà, hoặc vừa từ quê nhà trở ra thành phố, ra tỉnh hay về làng thì ở đâu cũng vậy, vẫn là cái dối, cái túng, cái eo sèo vừa đáng thương vừa đáng buồn, vừa buồn cười, giữa những con người máu mủ ruột thịt hoặc đồng nghiệp, bầu bạn, vừa thương yêu nhau vừa hành hạ lẫn nhau.

Qua những trang chữ mà nhà văn Nam Cao đã viết ra và để lại chúng ta đọc ngày nay, chúng ta chợt nhận thấy rằng suốt cả đời Nam Cao sao mà nó giống như một cái quả lắc đồng hồ cứ sang đi sang lại giữa thành phố và cái làng quê Đại Hoàng lâu đời của ông - nơi ông vật lộn với cuộc sống hàng ngày để kiếm miếng sống và nơi ông trở về bên gia đình vợ con, không phải để ngắm cảnh đẹp đồng quê, thậm chí chẳng có được một phút đứng "dưới bóng hoàng lan"<sup>(1)</sup> mà để lai nghe những tiếng thở dài, những câu than vãn, những lời ria rách, để chứng kiến những trán ốm của lũ vợ con; nói tóm lại, để tiếp tục chứng kiến và ném

trái, gặm nhấm và “thưởng thức”, một lần nữa cái vị đờí chua lòm dã từng sống, dã từng một lần nếm trải và chứng kiến trong cuộc vật lộn hằng ngày để kiếm sống ở ngoài thành phố.

Cuộc sống từ hai phía dã cực nhọc đến thế mà con người nhà văn ấy lại cứ ưa vận hết nỗi khổ ở trên đời vào trong mình mới nghe! Thật thế, ta nhận thấy nhà văn giàu tài năng này, con người trí thức cả nghĩ này, chả biết vì cơn cớ sao dã tự biến mình thành một cái kẹp chả trong tay chính mình, cứ đem mình ra mà quạt dưới than hồng, lật hết mặt này đến mặt khác để tự nướng mình cho đến khi vàng hương ra, cả làng nước cứ dậy lên bởi không biết bao nhiêu thứ mùi vị của chính tâm hồn nhà văn của mình, đồng thời cũng không biết bao nhiêu thứ gia vị gia giảm của đời dã thẩm đẫm vào tận xương thịt lẫn tính cách của mình.

Vì thế nên đọc Nam Cao rồi nghĩ đến cái đời văn ấy, bao giờ tôi cũng lấy làm tội lỗi cho ba cái anh làm nghề giấy mực sáng tác theo một kiểu cách, cung cách như Nam Cao.

Nghề với nghiệp gì mà lại tự đem mình ra mà hành vậy? Lại còn lấy làm thú vị ở cái việc cứ nhè nhẹ mà dày ải? Cái thứ nghề gì, cái kiểu cách hành nghề gì mà y như một thứ nghiệp chương, như một món nợ một người phải trả thay cho cả loài người vậy?

Suy ra cho đến cùng, rồi thì cũng chả chữa một ai, cái nghề này vốn nó vậy, suốt cả đời rút lai là một sự săn đuổi chính mình. Nhưng mà với Nam Cao, cái sự săn đuổi ấy nó ráo riết và riết róng quá đi mất, nó gấp gáp và lúc nào cũng như đang đuổi sát gót, không khoan nhượng và chẳng để cho mình một phút yên ổn nào cả.

Suốt cả đời Nam Cao cứ nhìn chăm chắm vào chính mình, con người cầm bút cứ như một tên thám tử cứ nhìn soi mói vào cái con người đời của chính mình.

Suốt cả một đời nhà văn Nam Cao, tưởng như một phần nửa thời gian của ông, ông chỉ chuyên chú làm một cái việc là đem cái anh giáo trường tư ở trong ông - cái ông giáo trường tư đầy tự trọng, có tính hay đỏ mặt, đã thế lại hay tự giễu cợt và lúc nào cũng như sắp chết dói ấy - nhận chìm vào trong cái biển đời thường, nhận chìm vào trong cái bể trầm luân đầy bụi bặm của thập loại chúng sinh, rồi ông xua cái đạo quân chữ nghĩa mà ông đã dày công rèn giữa khí giới cùng bản lĩnh cao cường của chúng, ra lệnh cho chúng cứ theo đội hình hàng dọc mà xông thẳng vào cái thế giới bên trong đầy tế vi, đầy mặc cảm, vừa vô sự vừa đa sự của cái anh giáo nghèo ấy, xông thẳng vào tận mõi ngóc ngách tính cách lẩn tâm sự sâu kín, và hẹn cho chúng hội quân ở cái vùng tung thâm nhất thiết phải đánh chiếm kỳ được là các ngõ ngách của nhân cách - để rồi từ đó ngòi bút của ông lôi ra, làm sáng rõ ra trước mắt người đọc không biết bao nhiêu những điều thuộc về lương tâm và đời sống tinh thần của con người, những cái điều thời sự hằng ngày vẫn giáp mặt với những người đọc đương thời nhưng lại rất sâu xa và lâu bền, vĩnh hằng, mà lại rất chung, rất phổ biến ở mọi người, mọi nơi, mọi thời.

Với việc lấy bản thân đời mình ra làm một thứ máy kiểm nghiệm, trong một thời buổi con người xã hội đang bị tha hóa, vấn đề nhân cách của con người ta hiện ra dưới ngòi bút Nam Cao với tất cả tính chất và vẻ mặt thường tình, lầm khi đến là trớ trêu mà lại sâu. Nam Cao có biệt tài trước những biểu hiện tâm lý mang tính nhân cách, ông diễn tả nó với cái vẻ dung dung, hơi khôi hài làm trào nước mắt.

Thật thế, cuối cùng ta có thể nói rằng cả một đời cầm bút của Nam Cao cứ đau đớn nhìn vào cái nhân cách. Cái sự săn đuổi chính mình đầy ráo riết cũng chính là sự săn đuổi cái nhân cách

con người ta nói chung. Đọc Nam Cao rất thú vị, nhưng chốc chốc lại cứ thấy gai gai trong người, y như người đang bị chạm nọc, chính vì thế, văn chương Nam Cao làm người ta “mệt” vì thế, vì những dòng văn xuôi của ông như một sợi dây thừng cứ bện lấy chúng ta, không cho phép một ai trong chúng ta rời khỏi chính mình, quay lưng lại với phần lương tâm nhân cách của chính mình, hoặc tự nhìn mình bằng con mắt bông phèn hoặc nửa vời, để có thể sống vô trách nhiệm, buông thả.

Giữa một cuộc sống chung quanh đầy khó khăn và nhổ nhăng, một con người luôn luôn tự trọng như Nam Cao chỉ còn biết chống đỡ, đối phó và đóng góp tiếng nói nhà văn với đời bằng cách ấy: ông kêu gọi chính mình và thông qua việc kêu gọi chính mình, ông kêu gọi mọi người chung quanh hãy giữ vững lây cái neo cuối cùng là nhân cách con người. Và do đó ta thấy cái thái độ nghiêm khắc đến mức riết róng đối với chính mình nói lên tất cả tư cách nghệ sĩ của nhà văn Nam Cao trước cuộc đời.

Có điều ngày nay đọc lại, chúng ta dễ dàng nhận thấy là Nam Cao và nhiều nhà văn hiện thực phê phán của ta trước cách mạng, họ tả rất nhiều trang về nỗi gieo neo của con người trước miếng ăn. Nguyễn Công Hoan, Nguyễn Hồng, Tô Hoài, Kim Lân..., nhiều nhân vật của họ suốt đời bị dồn vặt đến cơ khổ về cái đói, về cái dạ dày cứ rồng mãi ra, và suốt đời gieo neo, lầm than vì nó.

Tôi vẫn nhớ một cái truyện của nhà văn Tô Hoài, có hai vợ chồng nhà nọ đến phải bỏ nhau vì cả hai đều... ăn khỏe quá! Tôi chưa được đọc, nhưng nghe nhà văn Nguyễn Kiên nói nhà văn Ngô Tất Tố có một nhân vật là một ông lão, nào đó ăn... đất, và cung kho, cung nấu, cung xào ướp, các món, đủ cái!

Tôi vẫn thường nghĩ rằng trong thời xa xưa tổ tiên ta là hai ông bà Lac Long Quân và Âu Cơ phải chia con cái ra, xảy ra cảnh gia đình ly tán, kẻ lên núi, người xuống biển, tôi rất thích cái ve

dẹp mang nhiều tính tượng trưng của truyền thuyết này, nhưng ở phía sau đó tôi vẫn nghĩ rằng cuộc thiêng di đầu tiên của dân tộc ta cũng chính là để tìm ra môi trường sống, nói nôm na vì hết cái ăn tại chỗ mà những người thương cỏ phải chia ra mỗi nhóm người đi kiếm ăn một ngả.

Đói khát và giặc giã, đó là hai thứ hoạn nạn khung khiếp mang tính truyền kiếp, hai nỗi lo sợ bao giờ cũng có sẵn trong tiềm thức người Việt Nam mình trước cách mạng. Vì thế mà nhiều nhà thơ ngày xưa thường viết về nạn hạn hán, lụt lội, mất mùa, đói kém và các nhà văn hiện thực phê phán trước cách mạng lại rất ham viết về cái miếng ăn của con người, nỗi vinh nhục của cái miếng ăn và công việc làm ra miếng ăn.

Từ thời xa xưa cho đến tận bây giờ, sau cách mạng, mặc dù Đảng và nhân dân ta phải hết sức cố gắng đến trán lực, mà vẫn đề “cái ăn” vẫn còn đặt ra trước mắt chúng ta như một cái gì hết sức quyết liệt.

- Sống ở trên đời được ăn miếng cơm sướng lắm thay!

Khi còn sống, đã một lần Nam Cao thốt lên câu nói trên và nhanh chóng trong các trang truyện ngắn, truyện dài của Nam Cao, trang nào cũng có những nhân vật chính hoặc phụ đang đối diện với cái chỗ kiệt cùng của đời sống con người Việt Nam kia, để rồi từ đó bắt buộc người ta phải tự bộc lộ mình ra, trước hết là tâm lí nhân cách, rồi tiếp đến sau cùng là cái nỗi đau khôn nguôi của con người.

Đọc *Sống mòn* đã lâu, tôi vẫn không thể nào quên nổi cái đoạn ông giáo Thứ vừa ăn cơm vừa tính toán về công ăn việc làm của người bà ruột đã bảy tám mươi tuổi của mình đang sống túng đói ở nhà quê. Trong bụng rất muốn rước bà lên tinh thần chán cái bà già mình thuê thổi cơm tháng, để cho bà cùng được ăn đôi miếng như mình. Nhà trí thức mong muốn bà đỡ khổ, chỉ ao ước

được nuôi bà như đứa ở. Cái mộng chỉ có vậy thôi mà ngày này sang tháng khác, tính toán đến nát óc ra mà vẫn thấy không thể thực hiện được.

Chao ôi, đọc Nam Cao ở những cái đoạn rải rác ông viết như thế, ta thấy ông thực nhân bản quá, thấu hiểu đời quá, lòng ông gần kề lòng mọi người quá, cái việc như chẳng đâu vào đâu mà như một tảng đá cứ đè trùi lên lòng người đọc mãi mãi.

Từ trước tới giờ tôi vẫn thường nghĩ rằng trong các người cầm bút viết văn xuôi hiện thực của ta, Nam Cao có tấm lòng thương đời nhất và con mắt nhìn đời ác nhất - vì Nam Cao đã nhìn thấy cái vấn đề cuối cùng của con người của đất nước này. Nam Cao đã lật ra hết tất cả các lớp áo phủ ngoài đời sống con người Việt Nam để làm hiện lên cái chuyện muôn đời nhức nhối nhất là chuyện thiếu thốn, đói khổ, và cũng xuyên qua cái vấn đề nhức nhối và đơn giản nhất ấy mà Nam Cao định giá tư cách con người, do cái miếng ăn sinh ra, vẽ lên tâm lý và những mối quan hệ đầy đau đớn giữa những con người trước cách mạng.

*"Lúc này hình như tất cả những cái gì không phải là cơm ăn, áo mặc, việc làm đối với Thủ đều bị coi như là phù phiếm, là vô ích... Làm thế nào để được sống đã! Cơm, áo! Sự an toàn! Tương lai của các con! Sống, sống!"*.

Nam Cao đã viết những dòng như thế ở cái chương cuối của tiểu thuyết *Sống mòn*, và ở dòng kết thúc có ghi: "Viết xong tại Đại Hoàng ngày 1-10-1944". Nghĩa là Nam Cao vừa buông tay các nhân vật *Sống mòn* chưa đầy một năm thì bùng nổ cuộc Cách mạng tháng Tám. Và ở mấy dòng trước khi chấm hết, Nam Cao viết: "*Sống tức là thay đổi..., tự cắn mình, tự xé mình để thay đổi. Người ta hưởng được những cái gì mình đáng hưởng thôi. Y đã làm gì?*".

Ở trong các tác phẩm khác của Nam Cao, không có nhân vật nào tỏ thái độ trước cuộc sống một cách quyết liệt như anh giáo Thứ vào lúc này. Ông giáo tính tình rụt rè cũng đã phải nổi xung lên trước cuộc sống vô cùng ngột ngạt của cái đêm hôm trước của cuộc cách mạng tháng Tám 1945. Mở đầu ra cuốn tiểu thuyết, người ta còn thấy ông giáo của Nam Cao đi đi về về, lúc về làng lúc ra tỉnh, về làng hay ra tỉnh đều chỉ thấy khổ, thấy túng đói, da mặt cứ cồm cộm lên, tuy thế vẫn còn đi đi về về được. Nhưng đến hồi gấp cuốn sách lại thì ông giáo hết đường đi rồi, hoàn toàn tuyệt lối rồi! Cái chuyến xe tay Thứ thuê để chờ đồ đặc, sách vở từ ngoài tỉnh về làng ở chương cuối cùng như dừng lại mãi mãi ở giữa đường. Cả làng quê, cả tỉnh đều không còn đất cho Thứ, không còn cách kiếm sống cho Thứ?

Sống mòn không phải là một cuốn tự truyện, nhưng ở mấy dòng cuối ta còn thấy một Nam Cao thực hơn nhiều cuốn tự truyện. Thực vậy, đến lúc này Nam Cao cũng đã nổi xung lên trước hoàn cảnh và tình thế, thời cuộc. Thời cuộc và tình thế lúc ấy đã rõ như ban ngày: cao trào Việt Minh từ chiến khu căn cứ Việt Bắc đã tỏa ra khắp cả nước. Người dân Hà Nội chẳng ai không biết những chữ "Việt Minh", "Cứu quốc", "Độc lập", huống chi Nam Cao? Nhà văn giàu lòng tự trọng và cả nghĩ ấy đã chọt như vừa khám phá ra một điều: chính con người mình cũng đã không thể cứ im lặng nín nhịn để gìn giữ cái trong sạch của nhân cách như trước đây nữa và cái nhân cách của con người ta đến lúc này là phải làm một con người cách mạng, phải dấn mình vào công việc cách mạng, chứ không phải là làm một kẻ rụt rè bị động hoặc lâú cá, khôn vặt, tránh xa mọi bão táp, nguy hiểm, khôn ngoan khoanh tay ngồi chờ kẻ khác làm hộ cho mình hưởng thụ, làm thay đổi cuộc sống hộ cho mình. *Người ta hưởng được những cái gì mình đáng hưởng thôi!* Ngay trong cái điều chọt nghĩ là cần dấn thân của Nam Cao cũng ẩn chứa một thái độ tự trọng đầy nhân cách. Rồi ông tự hỏi mình rằng: "Y đã làm gì?" đấy là một

câu hỏi của con người hành động, một thái độ dán thân đầy dứt khoát, kiên quyết. Và như mọi người chúng ta đều đã biết, Nam Cao đã cùng nhiều nhà văn khác tìm đến phong trào Việt Minh, tham gia Văn hóa cứu quốc bí mật ở Hà Nội. Rồi Nam Cao về xã tham gia cướp chính quyền ở xã mình, rồi làm chủ tịch xã.

Từ trước chí sau, ở Nam Cao, con người nhà văn và con người cuộc đời chỉ là một.

Một lần ở trại sáng tác Đại Lải, tôi được nhà văn Tô Hoài kể cho nghe về chuyện nhà văn Nam Cao của chúng ta bị hi sinh. Trong một chuyến vào vùng sau lưng địch ở đồng bằng Bắc Bộ, ông bị giặc Pháp phục kích ở bờ sông Đáy. Chúng bắt được ông cùng mấy cán bộ, đem nhốt vào một cái lô cốt nằm sát hàng rào của bốt Hoàng Đan. Thế rồi giữa đêm hôm tối tăm, một thằng lính Tây hay lính ngụy nào đó, chẳng biết là nó tuân lệnh quan đồn Tây hay vì thua bạc hoặc say rượu cho nên tinh nép trở nên ngất ngưởng, đã nổ súng bắn chết Nam Cao cùng mấy người cán bộ đang bị nhốt trong cái lô cốt tối om. Bình sinh Nam Cao sống gần gũi với mọi người bình thường và cùng chết như một con người bình thường vô danh. Nhưng bù đắp cho sự hi sinh của cuộc đời ông, sự nghiệp văn chương của ông còn lại mãi mãi.

Bởi những tác phẩm của ông cứ mới mãi.

Ngày nay chúng ta thường hay quan tâm và luận bàn về tính hiện đại của tác phẩm văn học, về cái mới và khả năng thử thách với thời gian của chúng. Thế mà tác phẩm của chúng ta vẫn cứ cũ đi, bị người đọc lãng quên rất nhanh, không chịu được thử thách của thời gian như những cái mà Nam Cao đã viết ra. Vậy là vì sao? Vậy thì ở những tác phẩm của Nam Cao có cái gì khiến nó vẫn cứ mới mãi, được người đọc đọc mãi. Những *Sóng mòn*, những *Chi Phèo*, những *Lão Hạc* và cả *Những chuyện không muốn viết* vẫn được người đọc đọc mãi?

NGUYỄN MINH CHÂU  
(Văn nghệ số 29 - 1987)

## CẢM HỨNG TỰ PHÊ PHÁN Ở NAM CAO

HÀ MINH ĐỨC

Trong dòng văn học thời kỳ 1930 - 1945 những nhà văn tiêu biểu nhất như Nguyễn Công Hoan, Ngô Tất Tố, Vũ Trọng Phụng, Nguyễn Hồng, Nam Cao đều tự khẳng định sự nghiệp sáng tác của mình với phong cách riêng. Yếu tố phê phán ở tất cả các tác giả đều mạnh mẽ khi trực diện miêu tả mặt trái của xã hội thực dân phong kiến, với bút pháp chân thực khi vận dung có hiệu quả giọng điệu châm biếm trào phúng. Nam Cao ngoài những đặc điểm trên đã tự phân biệt mình với các nhà văn hiện thực khác ở yếu tố *tự phê phán*. Tác giả tự phê phán, nhân vật tự phê phán, cảm hứng tự phê phán tạo cho tác phẩm những phẩm chất đặc biệt...

Nam Cao với ngòi bút sắc sảo đã miêu tả *áp lực của hoàn cảnh*, cái áp lực này nhiều khi tưởng như mơ hồ nhưng vẫn như một sức ép đầy nhân vật vào cảnh ngộ bị dát. Nhân vật nào của Nam Cao cũng quấy, quấy manh, để chống lại hoàn cảnh. Đối thủ chính của họ là hoàn cảnh và tất nhiên hoàn cảnh là sản phẩm, là con đẻ của chế độ thực dân phong kiến. Hoàn cảnh tồi tệ sẽ làm biến chất con người. Sự nghèo khổ, miệng cơm manh áo, cái tầm thường trong cuộc sống... tất cả đang bủa vây, làm hao mòn dần ý chí, tình cảm con người. Đó là những sợi dây thắt dần, thắt dần lại, biến con người thành nan nhân. Những nhân vật của Nam Cao đã cưỡng lại hoàn cảnh. Muốn thế con người cần phải tinh táo, tinh táo để tự nhận ra những đổi thay của mình. Hoàn cảnh có khả năng làm tha hóa con người, con người muốn không bị tha hóa phải có ý thức chống lại những mặt tiêu cực của bản thân. Ý thức tự phê phán của nhân vật thực chất là sự phê phán hoàn cảnh. Quá trình này diễn ra không quyết liệt bằng hành động, không nhằm thẳng vào những nhân vật phản diện.

mà hướng vào bên trong và cuộc đấu tranh với bản thân diễn ra da diết, xót xa đến đau đớn.

... Chính ý thức tự phê phán của tác giả, của nhân vật đã tạo nên chiều sâu tâm lý cho tác phẩm. Các tác phẩm hiện thực phê phán trong thời kỳ 1930 - 1945 đạt trình độ miêu tả và phân tích tâm lý mà Nam Cao là người tiêu biểu nhất. Đến Nam Cao *yếu tố tâm lý trở thành đối tượng miêu tả trực tiếp của nghệ thuật*. Tâm lý gắn với hoàn cảnh để phát triển, không tự biện, chơi vơi, xa cách và trở thành yếu tố chính trong một số tác phẩm. Có thể nói một dòng tâm lý vận động trong tác phẩm của Nam Cao.

(Trích bài *Nam Cao phê phán và tự phê phán*  
trong tập *Nghị tiếp về Nam Cao*, Sđd).

## CẢM HỨNG NHÂN VĂN CỦA NAM CAO

HOÀNG NGỌC HIẾN

Trong dòng văn học hiện thực Việt Nam trước cách mạng, Nam Cao là tác giả có những cảm hứng nhân văn gần gũi hơn cả với lý tưởng nhân văn của chủ nghĩa cộng sản. Cảm hứng nhân văn này được bộc lộ trong những suy nghĩ dạy dứt của Thủ về cách sống và lẽ sống làm người: "Thứ - tác giả viết - không thể nào chịu được rằng sống chỉ là làm thế nào cho mình, vợ con mình có cơm ăn áo mặc thôi. Mỗi người sống phải làm thế nào cho phát triển đến tận độ những khả năng của loài người chưa đựng ở trong mình". Câu sau cùng (do chúng tôi gạch dưới, HNH) giống như một câu được trích dẫn trong nguyên tắc của Marx. Sau đây là mấy câu đối thoại giữa Thủ và San - một trong những đoạn đối thoại hay nhất trong truyện *Sóng mòn*:

"Y mỉm cười chua chát hỏi San:

- Nếu gia đình anh có cách sinh hoạt chắc chắn rồi, anh có thể chỉ nghĩ đến anh thôi, thì anh sẽ làm gì?

- Tôi học vẽ, tôi thích vẽ ngay từ hồi mười ba, mười bốn tuổi. Ông giáo nào cũng phải để ý tới cái khiếu vẽ của tôi và bắt tôi vẽ những bức tranh trong lớp. Giá tôi được học, chắc tôi cũng có thể thành họa sĩ”.

Hóa ra ở một con người tầm thường và phàm tục như San, nhà văn Nam Cao cũng không nỡ tước bỏ khát vọng nhân văn phát triển những mầm mống tài năng; một sự phát triển vô tư không vụ lợi, hoàn toàn theo sở trường, sở thích riêng của mình. Trong cuộc sống của San, dạy học chỉ là hoạt động sinh nhai vì “miếng cơm manh áo” cho “mình và vợ con mình”, đó là hoạt động trong “vương quốc của sự tất yếu”. (Marx), chưa “thoát khỏi xiềng xích của cái đói và cái rét” (Nam Cao); “vẽ”, đó mới là sự phát triển tự do của San, là hoạt động trong “vương quốc tự do”. Ở trên có dẫn ý kiến của Marx về bi kịch của đa số người lao động trong xã hội cũ; chừng nào con người còn phải vật lộn để thỏa mãn những nhu cầu bức thiết nhất thì chưa có thể nói đến sự phát triển. Nam Cao đã đề cập đến vấn đề này qua những suy nghĩ hẩn học của nhân vật Thứ về kiếp sống của y “khao khát muôn lên cao nhưng lại bị áo cơm gì sát đất”.

(Trích Văn học, học văn,  
Trường viết văn Nguyễn Du... XB 1990)

## NGÔN NGỮ VĂN XUÔI CỦA NAM CAO

LAI NGUYỄN ÂN

Đóng góp vào việc xây dựng và phát triển văn xuôi mới của Nam Cao bộc lộ đặc biệt rõ trong *ngôn ngữ văn xuôi*... Ở Nam Cao, thành phần ngôn ngữ nhân vật không có những phương ngữ hay biệt ngữ thật nổi bật nếu so với một số phóng sự của các nhà

tả chân khác, nhưng nó cũng không bị “thôn tính” bởi ngôn ngữ tác giả như ở các nhà Tự lực văn đoàn. Mặt khác, do quan tâm truyền đạt những dao động biến thiên của tâm lý, tâm trạng, nên Nam Cao tạo nên được một ngôn ngữ ít nhiều phức điệu, tổ chức được những mạng lưới phức tạp gồm cả ngôn ngữ bên ngoài và ngôn ngữ bên trong, cả ngôn ngữ tác giả, ngôn ngữ nhân vật, thậm chí cả những sự đan xen và nhòa lẫn vào nhau của hai ngôn ngữ ấy. Nam Cao là một trong số không nhiều tác giả cùng thời có những tác phẩm mà ngôn ngữ dường như không cũ đi so với thời gian, tức là có những tác phẩm đạt đến mức cổ điển của văn xuôi tiếng Việt.

(Trích bài *Nam Cao và cuộc canh tân văn học đầu thế kỷ XX*, trong tập *Nghĩ tiếp về Nam Cao*, Sđd)

## SỨC HẤP DẪN CỦA NAM CAO

NGUYỄN ĐĂNG MẠNH

Tôi nghĩ bài học đầu tiên của Nam Cao là bài học của một cây bút luôn luôn tìm tòi, khám phá và sáng tạo. Tuyên ngôn nghệ thuật của anh là: “*Văn chương chỉ dung nạp được những người biết đào sâu, biết tìm tòi, khơi những nguồn chưa ai khai và sáng tạo những gì chưa có...*” (**Đời thừa**).

Có thể nói, vấn đề “đôi mắt” là đặc điểm cơ bản của chủ nghĩa hiện thực của Nam Cao. Trong xã hội cũ, anh đi tìm nhân phẩm và tìm thương yêu chân thật ở những người lao động cùng khổ, bị giày xéo và khinh bỉ. Khi *Tắt đèn* của Ngô Tất Tố và *Bước đường cùng* của Nguyễn Công Hoan ra đời, tôi chắc ít ai nghĩ rằng thân phận người nông dân dưới ách đế quốc, phong kiến lai có thể có một nỗi khổ nào hơn những nỗi khổ của chị Dậu, anh Pha. Nhưng Chí Phèo ngặt ngưỡng bước ra từ những trang sách của Nam Cao, thì người ta liền nhận ra rằng, đây mới là hiện

thân đầy đủ những gì gọi là khốn khổ, tủi nhục nhất của người dân cùng ở một nước thuộc địa: bị giày đạp, bị cào xé, bị hủy hoại từ *nhân tính* đến *nhân hình*. Chị Dậu bán chó, bán con, bán sữa... nhưng chị còn được gọi là người. Chí Phèo phải bán cả diện mạo và linh hồn của mình đi để trở thành con quỷ dữ của làng Vũ Đại... Thạch Sanh xưa kia từ dưới hang sâu đã trở lại cõi đời để lấy công chúa Quỳnh Nga, Chí Phèo chỉ ước ao trở lại làm anh dân cày bình thường với mối tình thị Nở, vậy mà không thể được! Một tính cách thật độc đáo, vừa là một gã mất trí, công cụ nguy hiểm trong tay bọn thống trị, vừa là người nô lệ thức tỉnh, một đầu óc sáng suốt nhất của làng Vũ Đại khi đặt ra những câu hỏi có ý nghĩa khai quát sâu sắc vượt ra ngoài tầm khôn ngoan lọc lõi của Bá Kiến: "Ai cho tao lương thiện? Làm thế nào cho mất được những vết mảnh chai trên mặt này?". Một nhân vật như thế chỉ có thể là của Nam Cao.

Có người cho rằng, một trong những đặc sắc của ngòi bút Nam Cao là đã mạnh dạn đưa cái hăng ngày vào văn học, nghĩa là chẳng cần gì sự kiện quan trọng, chẳng cần kịch tính gì lớn lao, tác phẩm chỉ dệt toàn bằng những chi tiết vặt vãnh, những xung đột vô nghĩa giữa những con người nhỏ bé tội nghiệp. Nhưng tôi nghĩ viết được như thế thực là khó, nếu như vẫn muốn trung thành với chủ nghĩa hiện thực. Phải là một bản lĩnh kiểu Tsêkhốp, nghĩa là phải xuất phát từ những tư tưởng sâu, những tình cảm lớn, từ cõi cao khiết mà quan sát và mô tả cái "văn xuôi" phàm tục của cuộc đời

Sức hấp dẫn của Nam Cao còn ở những trang phân tích tâm lý sắc sảo của anh. Nam Cao chú ý nhiều đến nội tâm hơn là nhân vật (trừ những trường hợp có dụng ý đặc biệt). Dường như mọi đặc sắc nghệ thuật của anh đều gắn với sở trường ấy. Trong Chí Phèo, có những đoạn rất thú vị diễn tả ánh trăng: ánh trăng trên vườn chuối, ánh trăng in cái bóng xêch xạc, méo mó của Chí

Phèo trên đường làng... Đó là nghệ thuật tả tâm lý chứ đâu phải là vẽ cảnh thiên nhiên. Ở truyện này anh ghép nên những nhân vật cặp tâm sự (Chí Phèo - thị Nở, Lang Rận - mụ Lợi), ở truyện kia anh tạo ta những cặp nhân vật gây sự (vợ chồng anh tiểu tư sản chẳng hạn). Xét về một phương diện nào đấy, đó cũng là cách xếp đặt tình huống độc đáo để bộc lộ những tâm tư sâu kín của các vai truyện chứ sao? Chính vì rất thông thuộc tâm lý con người nên Nam Cao có một lối kể chuyện rất biến hóa, cứ nhập thẳng vào đời sống bên trong của nhân vật mà dắt dẫn mạch tự sự theo dòng độc thoại nội tâm. Lối kể chuyện theo quan điểm nhân vật như thế, tạo ra ở nhiều tác phẩm của Nam Cao, một thứ kết cấu bề ngoài có vẻ rất phóng túng tùy tiện mà thực ra thì hết sức chặt chẽ như không thể nào phá vỡ nổi (*Một đám cưới, Từ ngày mẹ chết v.v..*). Tài hoa của Nam Cao càng được phát huy đầy đủ khi anh đi vào những quá trình tâm lý phức tạp, những tính cách lưỡng hóa, những trạng thái dở say dở tỉnh, dở khóc, dở cười... *Tiểu thuyết Sóng mòn* nếu không có cái sâu sắc, phong phú của ngòi bút phân tích tâm lý thì làm sao có thể thu hút được sự chăm chú của người đọc trên hàng trăm trang sách viết toàn về những chuyện “chẳng có gì cả” chung quanh một bữa ăn, một căn nhà tro, một chuyện ghen tuông vớ vẩn... của mấy anh chị tiểu tư sản nghèo.

Nam Cao là người hay băn khoăn về vấn đề nhân phẩm, về thái độ khinh trọng đối với con người. Anh thường dễ bất bình trước tình trạng con người bị lăng nhục chỉ vì bị đày đọa vào cảnh nghèo đói cùng đường. Nhiều tác phẩm xuất sắc của anh đã trực diện đặt ra vấn đề này và anh quyết đứng ra minh oan, chiêu thuyết cho những con người bị miệt thị một cách bất công (*Chí Phèo, Một bữa no, Lang Rận...*).

(Trích bài *Nhớ Nam Cao, nghĩ về mấy bài học sáng tác của anh* trong tập *Nhà văn, tư tưởng và phong cách*,  
NXB Văn học, Hà Nội, 1983)

## NGHỆ THUẬT VIẾT TRUYỆN CỦA NAM CAO

NGUYỄN HOÀNH KHUNG

Nghệ thuật viết truyện của Nam Cao có những đặc sắc, độc đáo mà đa dạng. Tác phẩm của ông vừa rất mực chân thực, vừa có một ý vị triết lý, một ý nghĩa khai quát sâu xa. Ngòi bút hiện thực tinh túng, nghiêm nhặt, vừa sắc lạnh gân guốc, lại vừa thấm thiết trữ tình. Nhà văn tỏ ra có sở trường miêu tả tâm lý con người, nhất là khi đi vào những diễn biến tâm lý tinh tế, phức tạp. Ngôn ngữ văn xuôi của ông cũng mới mẻ, gần với khẩu ngữ, nhất là trong ngôn ngữ đối thoại. Có thể nói, về nhiều mặt, tác phẩm Nam Cao đánh dấu một bước phát triển mới của văn xuôi quốc ngữ Việt Nam mới hình thành trong vòng nửa thế kỷ nhưng đang hiện đại hóa với một tốc độ thật nhanh chóng.

(Trích bài viết trong *Từ điển văn học, tập II*  
NXB KHXH, Hà Nội 1989)

## NHÀ VĂN THỨC TỈNH NHÂN TÍNH

NGUYỄN LƯƠNG NGỌC

Nam Cao đã sống, đã nghĩ thật nhiều về hai chữ con người. Lần theo những dòng chữ, ta thấy những quan sát, suy ngẫm của anh quanh hai chữ này... Nó hiện lên qua hai vệt đề tài: đời sống nông thôn và đời sống tiểu tư sản trí thức.

Mỗi quan tâm tiêu biểu của anh là làm sao cho con người gần con người hơn. Theo tôi có hai mặt:

- Mỗi con người vượt thắng phần *con* trong mình để đạt được tính *người* hài hòa trong *con người*.
- Mỗi con người gần hơn với người khác, bằng sự cảm thông, chia sẻ...

Ở mặt thứ nhất, Nam Cao chọn con đường cực kỳ khó khăn, luôn đứng giữa nhân đạo và sự nhục mạ con người, phơi lén mặt giấy sự chao đảo tinh thần người và tính vật.

Điều đáng nói là sự tinh tường nhìn ra tinh vật trong con người, ở Nam Cao, gắn liền với hoàn cảnh, điều kiện sống, khi người ta phải ăn cám (*nghèo*), phải ăn vụng cơm chó, (*sao lại thế này*), khi người ta quý tiền ngang với máu (*Điếc vẫn*) thì những biểu hiện tinh vật kia là lời tố cáo khủng khiếp cái chế độ đã dần đến nó, và hơn thế, chỉ ra như một tất yếu trong cuộc sinh tồn. Cuộc đấu tranh giữa bộ ba: Trái tim - dạ dày - bô óc, thường giành phần thắng lợi là dạ dày.

Ở mặt thứ hai, điều kiện để bóc ló tinh cảm của nhà văn thuận lợi hơn, ít chênh lệch hơn. Có lẽ khi viết về quan hệ người - người, anh cảm thấy an tâm hơn với mình. Ở những truyện như *Chuyện người hàng xóm*, *Đời thừa*, *Nước mắt*, *Điếc vẫn*, và nhất là tiểu thuyết *Sóng mòn*, quan hệ người - người được phanh phui không khoan nhượng. Nếu điểm danh thì các thói xấu của người ta hiện hình gần đủ: ham danh, đê ky, bẩn tiện, xáo quyết... Điều quan trọng hơn, là sau những dòng phanh phui, mổ xé, bao giờ ta cũng thấy hiện lên đôi mắt “âng áng nước” của một tấm lòng, một nhân cách lớn.

Đọc Nam Cao, dù anh mang nỗi khổ nào, người đọc cũng ít thấy cảm giác bị xúc phạm, mặc lòng thấy những tinh vật của mình cứ phơi bày trên mặt giấy, có lẽ nguyên nhân ở vai trò của đôi mắt tinh thức thường trực... Anh rất quan tâm đến biểu hiện tình cảm qua đôi mắt, nước mắt, cái nhìn. Sự tinh thức ấy luôn đặt người đọc ở vị trí cao, không được sa vào u mê, lầm lạc. Nhà thơ Mêhiê Octaviô Pát có viết: “Người là thức ăn của người”.

Trong các truyện Nam Cao viết về tiểu tư sản, trí thức, ta sẽ thấy câu thơ luận để trên hiện ra ở hai vế:

- Nhân vật nghĩ về mình, thân phận mình, tính người đang mất đi như thế nào, bằng cách ấy khẳng định mình vẫn là người và sa vào vòng luẩn quẩn - Rắn tự cắn đuôi mình.

- Nhân vật nghĩ về cách cư xử với người khác, của người khác, để tự an ủi, hoặc tự nhục mạ mình, thanh minh cho sự bất lực của mình và cũng sa vào một vòng luẩn quẩn.

Hai cái vòng luẩn quẩn này được thể hiện xuất sắc trong *Sóng mòn* của Nam Cao, nhà văn của nhân tính kêu gọi thức tỉnh. Sóng trong văn anh thật cực nhọc, nhưng dù đầy cảnh lầm than, ta vẫn giữ được cảm giác chân thực, cao quý. Anh viết nhiều về cái đói, phải, nhưng cái đói của anh là đói *người*, trong sự giàn giật của *con người*.

(Trích bài *Thủ sóng trong văn Nam Cao*  
trong tập *Nghĩ tiếp về Nam Cao* Sđd.)

## NGƯỜI VÀ VĂN NAM CAO

TÔ HOÀI

Tôi còn nhớ những năm sóng gió nhất của tình hình Đông Dương sau khi Mặt trận bình dân tan vỡ, tiếp đến thời kỳ đen tối, đầy theo bao nhiêu thanh niên sa ngã, truy lạc, bấy giờ thanh niên Nam Cao, người thì gầy yếu, tiền thì không có, nhưng rất nhiều mộng, anh cũng lêu bêu trong cái thành phố ngập ngụa, sắc thuốc súng và hổ rác, anh cũng lớn vớn như những thiêu thân cứ nối nhau lao vào truy lạc đến cháy cánh... Lòng người thanh niên cùng quẫn đau khổ, không một chút muốn trông thấy ngày mai. Trải qua những trống rỗng tuyệt vọng ấy, tâm thường mà nói vô số bạn bè nghệ sĩ của anh đem phán sáp trát lên sự thật ê chề để trước nhất tự đánh lừa mình - như bọn người tránh đời chỉ muốn rúc đầu vào bóng tối - và quăng ra đầu độc người đọc bằng những tiêu thuyết bịa tặc, nhám nhí, trống rỗng. Nam Cao

không làm thế. Nói gương những dàn anh và bạn tốt của mình như Vũ Trọng Phụng, Ngô Tất Tố, Nguyễn Công Hoan, Nguyễn Hồng vucc vào những cay đắng, và cả những xấu xa, của xung quanh và của bản thân. Nam Cao không che giấu, không màu mè gì hết, nói toạc cái cuộc sống cùng đường tận lối và nhơ nhớp của những người như anh. Anh đã viết nhiều truyện ngắn đặc sắc đắng trong *Tiểu thuyết thứ bảy* bấy giờ và tự truyện *Sống mòn* năm 1944. Hoặc như anh đã viết *Chí Phèo*. Bọn cường hào làng anh, mà anh thù hận chúng, ta chẳng lạ cái thế lực bạo ngược của địa chủ cường hào ở những nơi đâu tỉnh cuối huyện như làng ấy. Nhà anh là một nhà trung nông lép vế. Truyện *Chí Phèo* in ở Hà Nội, chính là cái chuyện anh cu Chí Phèo thật đã giết một tên tổng lý cường hào thật đã xảy ra mười mấy năm về trước ở làng anh; vì chuyện ấy mà cường hào dọa đánh và kiện anh, triệt đường anh về làng.

Mỗi sáng tác của anh đều là tiếng nói một thái độ của ngòi bút. Không ngủ gật hoặc ừ hử che màn với cuộc sống bấy giờ, mà anh đã quăng vấn đề ra cho bạn đọc suy nghĩ. Những cái bất công bạo ngược mà anh cảm, anh đã viết nó lên. Những cái bạc nhược, hèn yếu, vẫn vơ, bệnh thời đại, bệnh của chính Nam Cao, mà anh đã viết, nghĩa là vạch trần, chống lại nó, trước nhất ở ngay trong con người mình...

Những bạn gần Nam Cao bấy giờ nhắc lại còn cười với nhau vì đã lầm lần vui chuyện, hoặc quá chén, cái anh chàng gầy gò leo kheo ấy đỏ mặt đỏ tai lên, vừa rung đùi vừa nói, băm băm bàn tay, chửi bời rất hùng hổ, coi giờ bằng vung, coi ai cũng bằng... Nào Gorki viết cũng xoàng. Lỗ Tấn thì khá một tí. Mình sâu tí nữa, có thể kịp Tsékhôp...

Truyện ngắn *Đôi mắt* là một tuyên ngôn về thái độ mới của Nam Cao nhà văn. Truyện ngắn ấy viết dựa vào chuyện thật... Bằng cái truyện ngắn ấy, Nam Cao muốn nói với xung quanh và chính cả với mình rằng cách nhìn cũ của chúng ta nó xanh xám

quá thôii dừng tìm cách che dày có bằng một thói quen mòn mỏi nào nhé, hãy can đảm đổi mới, chưa quen thì tập, có cộm mắt, đau người khó chịu chi đó thì cứ gắng lên, nhất định sẽ thích hợp và có được tấm lòng tha thiết...

Cuộc đời tư tưởng và nghệ thuật Nam Cao luôn luôn chống chọi trước nhất với những yếu đuối, bạc nhược trong mình. Soi qua đây Nam Cao đã sáng tác...

(Trích *Người và tác phẩm Nam Cao*, báo *Văn nghệ* số 145, năm 1956.)

Trong sáng tác Nam Cao thường viết rất thật - sự thật thông qua sức mạnh sáng tạo của anh. Đọc sáng tác nào của anh, tôi cũng có thể tìm ra và đoán được chuyện này anh thấy ở đâu, anh nghe ai kể, nhân vật ấy là ai. Khi viết xong tiểu thuyết *Chết mòn* (tên gọi đầu tiên của tiểu thuyết *Sống mòn*) - Nam Cao hay nói dùa: "Bao giờ những người trong tiểu thuyết này chết đi, mình mới đem in được sách. In bây giờ thì không dám nhìn mặt ai nữa".

Chỉ có một nhân vật hay trở đi trở lại trong tác phẩm của anh, thì hoàn toàn anh tưởng tượng. Mà tưởng tượng cũng đơn giản thôi: chỉ việc làm ngược lại. Đó là nhân vật "vợ" của các nhân vật thường xưng "tôi" trong truyện ngắn của anh. Khi nào nhân vật vợ ấy cũng nanh ác, lầm điều, luôn miệng rin rít chửi con, đe dọa đánh chồng, còn chồng thì sợ một phép. Tôi biết trong cuộc đời vợ chồng, chị ấy đối với anh, hiền như bóng. Nhưng trong sáng tác anh tưởng tượng nghịch ngợm khác đi, nhân vật "vợ" tác giả thành dữ, thành ác. Có phải có vợ quá hiền cũng buồn, cũng muốn lầm điều đôi chút, cuộc sống hằng ngày đỡ tệ hơn? Nhưng nghĩ cho cùng thì lúc nào con người và tình cảm anh cũng đượm buồn thương và một tấm lòng chân thành, thực như đếm được.

(Trích *Những gương mặt*, NXB Tác phẩm mới, 1988).

## TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

**Nguyễn Đăng Mạnh** - Nhà văn tư tưởng và phong cách Nhà xuất bản Tác phẩm mới 1991.

**Nguyễn Đình Chú - Nguyễn Đăng Mạnh - Nguyễn An** - Tác giả văn học Việt Nam tập 2. Nhà xuất bản Giáo dục 1990.

**Nguyễn Văn Trung** - Lược khảo văn học tập 3. Nhà xuất bản Nam Sơn 1969. Xây dựng tác phẩm, tiểu thuyết, Nhà xuất bản Nam Sơn 1966.

**Nhiều tác giả** - Từ điển văn học. Nhà xuất bản Khoa học xã hội 1983 - 1984.

**Nhiều tác giả** - Tác giả văn xuôi Việt Nam hiện đại (từ sau 1945), Nhà xuất bản Khoa học xã hội 1977.

**Nhiều tác giả** - Văn học Việt Nam 1930 - 1945 tập I. Nhà xuất bản Đại học và Trung học chuyên nghiệp 1982.

**Tuyển tập Nam Cao** - Nhà xuất bản Văn học 1966.

**Vũ Ngọc Phan** - Nhà văn hiện đại - Nhà xuất bản Khai Trí 1966.

Cùng các sách giáo khoa văn học 8, 11, 12 hiện hành của Nhà xuất bản Giáo dục, các tạp chí: Kiến thức ngày nay, Thế giới mới, các báo: Văn nghệ...

# MỤC LỤC

## Lời nói đầu

## PHẦN I

Nam Cao: Cuộc đời và sự nghiệp văn chương .....	7
---	---

## PHẦN II

### Các luận đề

Đề 1: Phân tích phong cách Nam Cao và một vài nhà văn khác để chứng minh một ý kiến.....	14
Đề 2: Bình luận quan niệm về văn chương của Nam Cao và Vũ Trọng Phụng.....	24
Đề 3: Phân tích truyện ngắn <i>Lão Hạc</i> để làm nổi bật cách nhìn người nông dân của Nam Cao .....	32
Đề 4: Tại sao việc bán con Vàng lại dấn vặt Lão Hạc? Anh chị suy nghĩ gì về Lão Hạc? .....	36
Đề 5: Phân tích Lão Hạc, một ông lão đôn hậu, giàu lòng tự trọng và rất mực thương yêu con.....	40
<i>Đọc thêm:</i> Phân tích vẻ đẹp con người trong “Lão Hạc” của Nam Cao ( <b>Hoàng Thị Thương</b> ). Nghệ thuật văn xuôi của truyện ngắn “Lão Hạc” ( <b>Chu Văn Sơn</b> ).....	47
Đề 6: Hình ảnh ánh trăng được Nam Cao miêu tả như thế nào trong truyện ngắn <i>Trăng sáng</i> ? Ý nghĩa? .....	60
Đề 7: Tại sao vì Từ mà Hộ đau khổ? Anh chị suy nghĩ gì về thân phận người nghệ sĩ nghèo trong xã hội cũ.....	63
Đề 8: Phân tích tấn bi kịch của người trí thức nghèo trong xã hội cũ qua nhân vật Hộ trong truyện <i>Đời thừa</i> .....	69
Đề 9: Phân tích nhân vật Hộ để chứng minh nhận định của Văn học 11 .....	83

<i>Đọc thêm: Về truyện ngắn “Đời thừa” (Hà Bình Trị) .....</i>	88
Đề 10: Phân tích nhân vật Chí Phèo .....	97
Đề 11: Phân tích đặc điểm ngôn ngữ qua đoạn trích từ truyện ngắn <i>Chí Phèo</i> .....	102
Đề 12: Phân tích nhân vật <i>Chí Phèo</i> để chứng minh nhận định của Từ điển văn học .....	107
Đề 13: Thuật lại các lần <i>Chí Phèo</i> đến nhà Bá Kiến và nói rõ hoàn cảnh, động cơ thúc đẩy .....	113
Đề 14: Phân tích nhân vật <i>Chí Phèo</i> để làm nổi bật bi kịch bị cự tuyệt quyền làm người .....	117
Đề 15: Phân tích hoặc bình giảng một chi tiết đặc sắc nhất trong truyện <i>Chí Phèo</i> .....	126
Đề 16: Phân tích nhân vật Bá Kiến .....	128
Đề 17: Hình tượng người nông dân trước Cách mạng tháng Tám trong <i>Tắt đèn</i> của Ngô Tất Tố và <i>Chí Phèo</i> của Nam Cao .....	131
<i>Đọc thêm: Chí Phèo - bi kịch bị từ chối làm người (Nguyễn Văn Trung)</i> .....	136
Đôi điều ■ sánh giữa nhân vật Chí Phèo và AQ .....	140
Đề 18: Bình luận tính cách tuyên ngôn của tác phẩm <i>Đôi mắt</i> .....	147
Đề 19: Bình luận quan điểm của <i>Hoàng</i> (trong <i>Đôi mắt</i> ) đối với người nông dân và cuộc kháng chiến .....	150
Đề 20: Phân tích các nhân vật <i>Hoàng</i> và <i>Độ</i> để nêu bật chủ đề tác phẩm <i>Đôi mắt</i> .....	154
Đề 21: Phân tích cách nhìn quần chúng và cuộc kháng chiến của nhân vật <i>Độ</i> và <i>Hoàng</i> qua đó giải thích nhan đề “ <i>Đôi mắt</i> ”.....	159
Đề 22: Bình luận cách nhìn của Nam Cao đối với người nông dân qua tác phẩm “ <i>Đôi mắt</i> ” .....	165

## **Đọc thêm:**

Ý nghĩa lịch sử của tác phẩm “Đôi mắt” (Nguyễn Đăng Mạnh) .....	170
Đề 23: Phân tích và bình luận về nhân vật Hoàng .....	173
Đề 24: Giải thích và bình luận quan điểm về văn chương của Nam Cao trong Trăng sáng (1942) .....	178
Đề 25: Bình luận ý kiến về văn chương của Nam Cao trong Đời thừa .....	186
Đề 26: Phân tích một sáng tác của Nam Cao trước cách mạng để chứng minh những nỗ lực, đào sâu, tìm tòi, sáng tạo .....	190

## **Phần III**

Các nhà văn, nhà nghiên cứu văn học nói về Nam Cao:

- Mấy kỷ niệm về Nam Cao - Vũ Bằng .....	197
- Nam Cao - Nguyễn Đình Thi .....	199
- Nam Cao - Nguyễn Minh Châu .....	204
- Cảm hứng tự phê phán ở Nam Cao - Hà Minh Đức .....	213
- Cảm hứng nhân văn ở Nam Cao - Hoàng Ngọc Hiến .....	214
- Ngôn ngữ văn xuôi của Nam Cao - Lại Nguyên Ân .....	215
- Sức hấp dẫn của Nam Cao - Nguyễn Đăng Mạnh .....	216
- Nghệ thuật viết truyện của Nam Cao - Nguyễn Hoành Khung .....	219
- Nhà văn thức tỉnh nhân tính - Nguyễn Lương Ngọc .....	219
- Người và văn Nam Cao - Tô Hoài .....	221
Tài liệu tham khảo chính .....	224

**NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Luận đề về NAM CAO

Của Trần Ngọc Hưởng

Chịu trách nhiệm xuất bản:

**ĐINH QUANG NHÃ**

Biên tập : LÊ QUANG TRƯỜNG

Sửa bản in : LÊ HUỲNH

Bìa của : DUY NGỌC

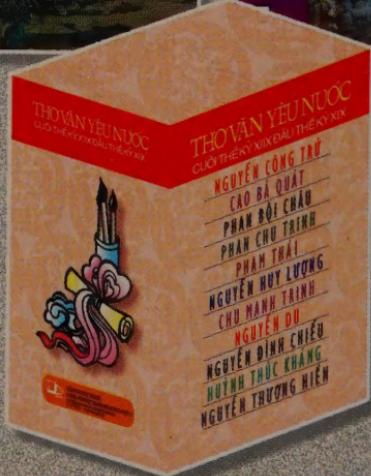
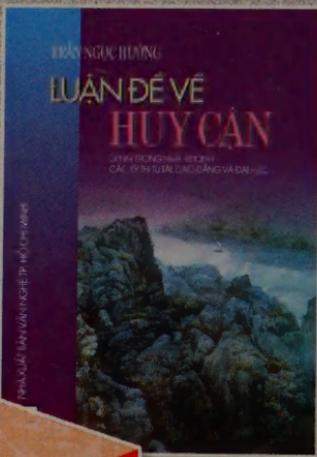
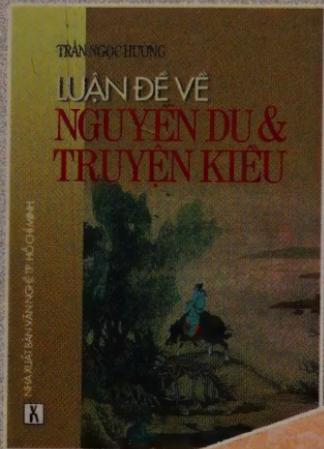
In 1.000 cuốn, khổ 14,5cm x 20,5cm tại Xưởng In Ban Tự Tưởng - Văn Hóa Thành Ủy, TP. HCM. Giấy đăng ký kế hoạch xuất bản số : 28/796/CXB ký ngày 24/07/2000. In xong và nộp lưu chiểu tháng 10 năm 2000.

nồng đậm qua tác phẩm "Đời người"



MỜI CÁC BẠN TÌM ĐỌC:

7



TỔNG PHÁT HÀNH:  
CÔNG TY PHÁT HÀNH SÁCH KHU VỰC II  
140B Nguyễn Văn Trỗi, P.8, Q.Phú Nhuận  
ĐT: 8467061 FAX: 84.8440168

<http://www.tuluc.com>



Item ID: 1002247

Price: \$7.00

Set: 1

Loc: L3